

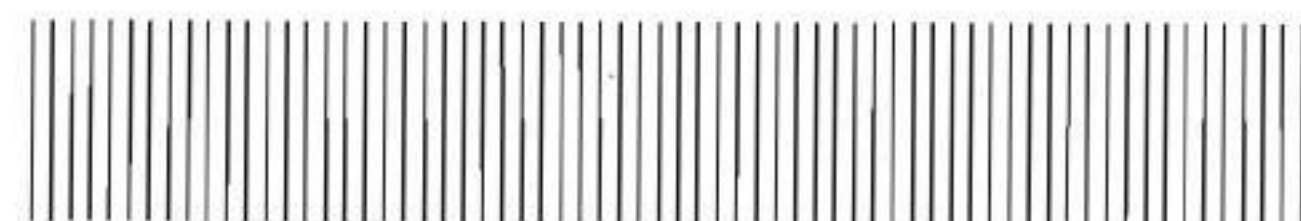
làng văn

104
Tháng 4.93



Thư-Mục Làng Văn

(phần bổ-túc)



SÁCH MỚI VỀ:

365 CÂU TIẾNG
PHỔ-THÔNG TRUNG-QUỐC
Sách và băng học sinh-ngữ,
Giá 17 mỹ-kim - 23 gia-kim

2000 NGÀY ĐÊM TRẦN THỦ
CỦ CHI (tập II và III)
Ký-sự của Xuân Vũ
mỗi tập: 12MK - 16GK

ANH VĂN CHO NGƯỜI VIỆT
Sách học sinh-ngữ, Yên Linh
4.50MK - 6GK

ANH VĂN ĐÀM-THOẠI
CẤP-TỐC
Sách học sinh-ngữ,
Vũ Văn Lê
7MK - 9.50GK

ANH VIỆT KHOA-HỌC
TỰ-ĐIỂN
Lê Văn Thương
35MK - 47GK

BA NHÀ CHÍ-SĨ HỌ PHAN
Biên khảo, Đào Văn Hội
10MK - 13.50GK

BẠCH THOẠI
(TIẾNG HÁN HIỆN ĐẠI)
Trần Trọng San
20MK - 27GK

BÀN TAY HOA-KỲ VÀ
CÁI CHẾT ÔNG DIỆM
Nhận-định và tài-liệu của Ellen
J. Hammer; Vũ Văn Ninh và
Trần Ngọc Dung dịch
15MK - 20,50GK

BẠN TRẦM
Tập truyện ngắn,
Hoàng Du Thụy
10MK - 13.50GK

BÚT-KÝ IRINA
10MK - 13,50GK

CĂN-BẢN XUẤT-NHẬP-CẢNG
Sách kinh-tế, Vi Thuấn
8MK - 11GK

BUỒN TRONG MẮT EM
Truyện dài, Kim Ngân
9MK - 12GK

CÁNH ĐỒNG CHO EM
Tập truyện ngắn,
Hoàng Mai Đạt
12MK - 16GK

CÁP MẮT QUAY LẠI
Tuyển tập truyện ngắn của
Nguyễn Đức Lập
12MK - 16GK

CÂU HỎI VĂN-CHƯƠNG
6,50MK - 9GK

CHIẾC NỎ THẦN
Truyện nhi-đồng, song-ngữ
8MK - 11GK

CHỖ ĐÚNG CỦA
NGUYỄN CHÍ THIÊN
Nhận-định của Trần Nhu
11MK - 15GK

CHUYỆN BA CON GẤU
Truyện nhi-đồng, Christine Vũ
5MK - 7GK

CHUYỆN ĐỜI CHUYỆN NGƯỜI
Tập truyện ngắn, Tuyết Minh
12MK - 16GK

CHUYỆN TÌNH LÁ ME
Truyện dài của Chu Tất Tiến
12MK - 16GK

CON NGƯỜI VIỆT-NAM
HÔM NAY VÀ NGÀY MAI
Nhiều tác-giả
8MK - 11GK

CƠN HỒNG-THỦY BIỂN ĐÔNG
Biên-khảo, Cao Thế Dung
12MK - 16GK

CUỘC TÌNH ĐÃ LỖ
Truyện ngắn, Viên Lương
11MK - 15GK

DANH-TỪ KỸ-THUẬT
ANH VIỆT
Biên-khảo, Nguyễn Đức Lưu
6,50MK - 9GK

ĐỂ THIÊN ĐỂ THÍCH
Biên-khảo
7MK - 9,50GK

ĐỌC VÀ PHIÊN-DỊCH
BÁO-CHÍ
Võ Công Tài
10MK - 13,50GK

ĐÔI LÁ KHÔ
Truyện dài của Nguyễn Tư
10MK - 13,50GK

ĐƯỜNG XUA MÂY TRẮNG
Sách Phật-học của Nhất Hạnh
28MK - 38GK

ENGLISH - VIỆT,
PHRASE BOOK
Sách học và băng,
Nguyễn Hy Quang
14MK - 19GK

FOLLOW ME
Sách và băng học tiếng Anh
40MK - 54GK

GÁI LƯU-VONG
Truyện dài,
Nguyễn Thị Minh Ngữ
12MK - 16GK

GIÁN-ĐIỆP NHỊ TRÙNG
Truyện dài, Trần Trung Quân
13MK - 17,50GK

GIÓ BẮC VÀ MẶT TRỜI
Sách song-ngữ Việt Anh,
Trần Văn Điền
8MK - 11GK

HỒ CHÍ MINH - NGÔ ĐÌNH
DIỆM
Nhận-định của Hồ Sĩ Khuê
16MK - 22GK

HỘI RÃY VƯỜN SÔNG RẠCH
Tập truyện ngắn, Hồ Trường An
12MK - 16GK

HỒN BƯỚM MƠ TIÊN
Truyện dài của Khái Hưng
5MK - 7GK

KẾT-THÚC VỤ ÁN
THIẾU VĂN-HÓA
Biên-khảo của Trần Nhu
10MK - 13,50GK

KÝ-ỨC CỦA NHÀ ĐẠO-ĐIỂN
Sách dịch, Roger Vadim
17MK - 23GK

LÀM BẾP KHÉO
Nguyễn Thị Bảo An
6MK - 8GK

LÝ TỔNG TRONG LÒNG
DÂN-TỘC
Tuyển-tập viết về Lý Tổng,
nhiều tác-giả (Nguyễn Hữu
Nghĩa, Nguyễn Ngọc Ngạn,
Trương Sỹ Lương, Trường-sơn
Lê Xuân Nhị,...)
15MK - 20,50GK

LUẬT THƠ MỚI
Biên-khảo, Nguyễn Đình Tuyên
8MK - 11GK

LUYỆN DỊCH BÁO-CHÍ
VIỆT ANH - ANH VIỆT
Kiến-thức phổ-thông, Võ Công
Tài
10MK - 13,50GK

MẢNH TRỜI NHỎ
Tập truyện ngắn
Nguyễn Ngự Bình
10MK - 13,50GK

MINH TRIẾT TRONG ĐỜI SỐNG
Sách thiền-học
Nguyễn Phong
12MK - 16GK

MỘT VÀI SỬ-LIỆU VỀ
BẮC BÌNH VƯƠNG
Sách nghiên-cứu sử-học
13MK - 17,50GK

NGÁT THƠM HOA BUỔI
BÔNG TRÀ
Truyện dài, Hồ Trường An
14MK - 19GK

làng văn

P.O. Box 218, Station "U"
Toronto, Ont., M8Z 5P1, Canada
Tel: (416) 607-8010 / Fax: (416) 607-8011

Published 12 times a year
Publications Class Mail Reg. No: 8040
ISSN: 0832-1922 - LDN: 310578

Volume 10 - No 104 - April 1993
Năm thứ mười - số 104 - tháng 4.1993

TRONG SỐ NÀY :

Tin văn.....	2
Tin Việt-nam.....	5
Tin trong làng, ngoài ngõ	8
Tin tị-nạn.....	13
Như phượng múa rồng bay, Lê Văn Lân.....	17
Vườn cảnh VN trên xứ người, Khổng Trọng Hình.....	24
Thơ Cao Hoàng Nhân.....	29
Thơ Lâm Thúy, Nguyễn Đức Tùng.....	30
Thơ Nguyễn Khanh.....	36
Lương Văn Chánh, Phan Long Yên.....	37
Cung Bản Vũ Tàng, Tự Tình.....	39
Điểm sách "Giặc VC", Trần Văn Tích.....	42
Thơ Kha Huyền.....	45
Mùa loạn 75, Vi An.....	47
Thơ Trương Nghĩa Kỳ.....	49
Người chết sau cùng, Minh Đạo.....	52
Thơ Hồ Ông.....	54
Gánh nặng, Hoàng Chính.....	56
Thơ Nguyễn Trung Dũng.....	59
Người đi rao giảng, Nguyễn Văn Thông.....	61
Thơ Đỗ Quyền.....	63
Thơ Văn Nương.....	65
Thơ Nguyễn Tư.....	66
Chén Trương Chi, Ngô Nguyễn Dũng.....	67
Thơ Thúy Sơn.....	68
Thơ Minh Đạo.....	72
Chết là hết, Trương Mỹ Vân.....	73
Thơ Lê Thụy Vi.....	74
Xứ mù, Nguyễn Minh Khánh.....	76
Thơ Lai Sinh.....	80
Thơ Phạm Quang Ngọc.....	83
Xóm cũ: Khu Phù-kỳ, Trung Nhân.....	84
Thơ Trần Minh Mông.....	86
Quay trong cơn lốc, Nguyễn Ngọc Ngạn.....	87
Thơ Hồ Đắc Vũ, Vi Vi, Đoàn Nam Phong.....	88
Thơ Nguyễn Bá Đình.....	91
Thơ Trần Thiện Hiệp.....	93
Ngọc sáng trong hoa sen, Nguyễn Phong.....	98
Xếp Al Capone, Lê Xuân Nhị.....	102
Thơ Phan Thịnh.....	105
Độc-giả thác-mác.....	106
Diễn-dàn.....	108
Nhân tin tị-nạn.....	111
Nhận được, giới-thiệu	112
Thẻ lệ mua báo.....	113
Thư đi tin lại, Nguyễn Hương.....	114

Tranh bìa: sơn dầu của Nguyễn Khai

TRUONG THI KIM ANH
NORWAY
KIM ANH

Chủ-nhiệm: Nguyễn Hương
Chủ-bút: Nguyễn Hữu Nghĩa
Tổng-Thư-ký: Hồ Trường An
Thư-ký tòa-soạn: Nguyễn Nghĩa

Ban biên-tập:

Bạch Thái Hà - Bút Chì - Cao Tiêu - Đan Quế
Đào Huy Đan - Hà Huyền Chi - Hoàng Chính
Hoàng Du Thụy - Kiên Trung - Lãng Nhân
Lâm Hảo Dũng - Lê Văn Lân - Ngô Nguyễn Dũng
Nguyễn Phong - Nguyễn Bá Đình
Nguyễn Đức Bạt Ngàn - Nguyễn Huy Phước
Nguyễn Ngọc Ngạn - Nguyễn Văn Ngọc
Phạm Quang Ngọc - Phạm Thắng - Tự Tình
Thái Văn Kiếm - Trường Sơn Lê Xuân Nhị
Tuệ Nga - Trần Thiện Hiệp - Trần Văn Tích
ViVi Võ Hùng Kiệt

Cộng-tác:

Cao Xuân Lý - Cao Xuân Tứ - Diệu Tần - Dương Kim
Đặng Thị Quế Phước - Đào Trường Phúc
Đoàn Tam - Đỗ Khánh Hoan - Huỳnh Liễu Ngạn
Hồ Ông - Hoài Châu - Kha Huyền - Kinh Tân
Lê Thụy Vi - Ngô Du Trung - Nguyễn Đức Lập
Nguyễn Đức Tùng - Nguyễn Quốc Trụ
Nguyễn Văn Ba - Nguyễn Văn Thông
Nguyễn Hải Hà - Nguyễn Mạnh An Dân
Nguyễn Việt - Nguyễn Tư - Nguyễn Thị Vinh
Nguyễn Hữu Nhật - Phạm Hoàng Hộ - Quỳnh Hương
Phan Thịnh - Phùng Nhân - Sơn Tùng - Thủy Trang
Thúy Sơn - Trần Mộng Tú - Trần Quang Hải
Trần Văn Lệ - Trịnh Gia Mỹ - Văn Nương
Việt Phương - Vĩnh Hảo - Võ Phiến - Xuân Tước

Minh-hoa:

Nguyễn Nhật Tân

Góp tranh:

Babui Nguyễn Tấn Phú - Hiếu Đệ - Nguyễn Khai
Nguyễn Đồng - Nguyễn Thị Hợp - Phạm Thế Trung
Thái Tuấn - Hồ Đắc Vũ (Vet) - ViVi Võ Hùng Kiệt
Vũ Thái Hòa

Góp ảnh:

Lê Quang Xuân - Cung Vũ

Đại-diện địa-phương:

Pháp: Bạch Thái Hà Anh: Hoài Châu
Đức: Ngô Việt Dũng Hòa-lan: Hồ Thị Chiến
Na-uy: Dương Kim Nhật: Đỗ Thông Minh
Úc: Phạm Quang Ngọc
Hoa-kỳ: Lê Xuân Phương (Dallas); Nguyễn Ngọc
Thanh (Houston); Võ Thắng Tiết (Nam California);
Nguyễn Hùng (Bắc California); Linh Phương (Florida);
Nguyễn Huy Phước (New Jersey)

Giá báo bán lẻ:

Gia-nữ-dại: 4,5 gia-kim; Hoa-kỳ: 4,5 mỹ-kim;
Pháp: 40 quan; Úc: 10\$; Na-uy: 40 krone;
Nhật: 800 yen; Các nước khác: 5 mỹ-kim
Giá báo dài hạn, thẻ-lệ mua báo và giá biểu quảng-cáo: trang 113

TRUONG THI KIM ANH
NORWAY

làng văn 1

tin văn

Kiên Trung phụ-trách

TỔNG THỐNG YELTSIN CÓ THỂ MẤT CHỨC

Phản ứng trước việc bị Quốc hội, gồm đa số là cựu đảng viên CS, tước đoạt nhiều quyền hành của Tổng thống trong tiến trình thực hiện cải cách kinh tế tại Nga, Tổng thống Nga Boris Yeltsin đã thông báo trên vô tuyến truyền hình Nga ngày 20.3.93 rằng ông sẽ cai trị bằng sắc lệnh, không cần đến ý kiến của Quốc hội, trong vòng một tháng. Sau đó, ông sẽ cho tổ chức trưng cầu dân ý (25.4.93) để xin ý kiến toàn dân Nga về chức vụ Tổng thống của ông, đồng nghĩa với việc ai sẽ cai trị nước Nga, Tổng thống hay Quốc hội.

Quyết định dũng cảm của Tổng thống Nga Yeltsin đã châm đầu vào lò lửa khủng hoảng chính trị tại Nga. Quốc hội (Viện Dân Ủy, 1030 đại biểu) và Xô Viết Tối Cao Nga (do Quốc hội bầu ra, 256 đại biểu) gồm phần lớn là đảng viên cộng sản cũ, đã liên tiếp thảo luận việc bãi chức tổng thống. Tòa án Hiến Pháp Nga cũng phán quyết rằng Yeltsin đã vi hiến. TT Yeltsin cũng bị phó tổng thống Alexander Rutskoi chống-đối.

Khi can đảm đặt mình vào vị trí khó khăn kể trên, Tổng thống Nga cũng đã mạnh dạn yêu cầu quân đội đứng ngoài chính trị. Bộ-trưởng Quốc-phòng Nga tuyên-bố "đứng ngoài", nhưng một số tướng-lãnh Nga tuyên hứa trung-thành với TT Yeltsin, và sẵn-sàng ủng-hộ cho dù ông bị Quốc-hội lật-đổ. Thái-độ của các quân-nhân này đã khiến Quốc-hội Nga chùn tay.

TT Yeltsin còn được sự ủng hộ của các nước Tây phương. Tuy nhiên cho đến nay, ngoài Gia-nã-đại, những nước khác, kể cả Hoa kỳ và Đức, ngoài những lời hứa suông, vẫn

chưa có hành động cụ thể nào để giúp tổng thống Nga. Trợ giúp kinh tế khẩn cấp cho Nga trong lúc này đồng nghĩa với ủng hộ Yeltsin vì các khó khăn về đời sống do chủ trương cải cách kinh tế chính là lý do mà phe chống đối Yeltsin vin vào để kêu gọi mọi người tẩy chay Yeltsin.

Tin giờ chót cho thấy hai phe tranh chấp đang có khuynh hướng nhượng bộ lẫn nhau để tránh những hậu quả tàn khốc có thể xảy ra như bạo loạn hay nội chiến... Chủ tịch quốc hội Ruslan Khasbulatov, đối thủ chính của Yeltsin, thời không kêu gọi bãi chức Tổng thống, nhưng đưa ra một "giải pháp hoà bình" là tăng quyền cho nội các và các bộ trưởng phải là các chuyên viên, được Quốc hội phê chuẩn việc bổ nhiệm.

Tổng thống Yeltsin nhượng-bộ, chấp nhận giải pháp này và đã cải tổ nội các, thay đổi hai bộ trưởng theo chủ trương cải cách của các bộ Tài chính và Kinh tế. Tuy nhiên ông vẫn giữ quyết định tổ chức trưng cầu dân ý vào tháng 4.93 trong lúc quốc hội chuẩn bị soạn thảo một quyết nghị đòi hỏi tổ chức tuyển cử bầu tổng



thống và Quốc hội vào tháng 11.

Tình hình chính trị nước Nga và vận mệnh của vị tổng thống dân cử đầu tiên của Nga sẽ trong vòng 1.000 năm nay đang được cả thế giới quan tâm theo dõi từng giờ. (kt)

BẦU CỬ TẠI PHÁP: LIÊN MINH XÃ HỘI THẤT BẠI NẶNG

Liên minh Xã hội của đương kim Tổng thống Pháp Francois Mitterand đã thất bại nặng nề trong cuộc bầu cử Quốc-hội Pháp ngày 21.3.93.

Các kết quả kiểm phiếu sơ khởi cho thấy phe Xã hội chỉ chiếm được khoảng 70 ghế tại Quốc Hội. Đối thủ của họ, liên minh hữu phái do ông Jaques Chirac (thị trưởng Paris, hai lần làm Thủ tướng Pháp) và cựu Tổng thống Giscard d'Estaing thắng lợi lớn với hơn 500 ghế.

Jaques Chirac, người có nhiều hy vọng sẽ lên làm Tổng thống Pháp, đã kêu gọi ông Mitterand sớm từ chức vì quyền lợi của nước Pháp (nhiệm kỳ của ông Mitterand còn kéo dài đến 1995). Nếu không từ chức, ông Mitterand sẽ phải rất vất vả trong hai năm chót của nhiệm kỳ Tổng thống khi phải lãnh đạo một chính phủ liên hiệp.

Một tuần lễ trước ngày bầu cử, ông Jaques Chirac đã tung ra chính sách của liên minh hữu phái bao gồm việc tạo thêm công ăn việc làm cho dân Pháp, cải cách giáo dục, giảm lãi suất ngân hàng, hạn chế dân nhập cư, phục hồi vị trí của nước Pháp trên trường quốc tế. (kt)

NAM PHI THỰC HIỆN NHIỀU BIỆN PHÁP AN NINH

Song song với các cuộc thương thuyết với các lãnh tụ da đen để cùng tiến tới việc chấm dứt sự cai trị độc quyền của người da trắng tại Nam Phi, Tổng thống F.W. de Klerk đã ban hành nhiều biện pháp an ninh mới nhằm ngăn chặn những vụ bạo động đẫm máu vì chủng tộc tại Nam Phi. Một trong những biện pháp này



là việc bố trí quân đội tại những khu vực thường xảy ra bạo động.

Quốc hội Nam Phi, cơ cấu hiện nay vẫn chưa có người da đen, cũng được yêu cầu thảo luận và quyết định việc tái lập án tử hình.

Lãnh tụ da đen Nelson Mandela của tổ chức Quốc Nghị Nam Phi (ANC) đã phản đối các biện pháp tăng cường quyền hành cho quân đội và cảnh sát của ông de Klerk và đảng cầm quyền.

Trong tháng 3 vừa qua, các vụ giết chóc vì chủng tộc vẫn tiếp tục diễn ra tại Nam Phi. Người ta cho rằng tổ chức võ trang quá khích của người da đen "Quân đội Giải Phóng Nhân Dân Azanian" (*Azanian People's Liberation Army*) thuộc Quốc Nghị Liên Phi (*Pan Africanist Congress*) chịu trách nhiệm về các vụ giết chóc này. (kt)

LHQ TÍCH-CỤC HƠN TAI BOSNIA

Sau chuyến thực phẩm cứu trợ đầu tiên đến được thành phố Sebrenica (Bosnia, hiện bị người Serb phong tỏa) và việc di tản được một số thường dân bị thương ra khỏi thành phố này, Liên Hiệp Quốc đang chuẩn bị đưa các thường dân ra khỏi các vùng có chiến sự tại Bosnia bằng phi cơ trực thăng. Tuy nhiên cố gắng này có thể sẽ không thực hiện được tại thành phố Sebrenica vì quân Serb đã pháo kích vào các bãi đáp.

Giải pháp nhân đạo này được LHQ đưa ra sau khi các thủ lĩnh của cả hai phe Serb và Hồi giáo hiện đang tranh chấp tại đây thoả thuận với nhau ở bàn hội nghị tại New York về việc mở một đường di tản thường dân trong các vùng bị quân Serb phong tỏa.

Cho đến nay người ta chưa thấy dấu hiệu nào cho thấy triển vọng thành công nào của các cuộc hoà đàm. Tại New York, các phe quan hệ, gồm người Serb, người Croat và người Hồi giáo Bosnia vẫn tiếp tục đến rồi đi khỏi bàn hội nghị trước sự bất lực của các nhà ngoại giao

phương Tây và các đặc sứ của LHQ đang đóng vai trò trung gian hoà đàm.

Cũng trong vấn đề này, toà án quốc tế tại La Haye sẽ mở phiên xử đầu tiên xét các tội phạm chiến tranh trong cuộc chiến tàn bạo giữa các phe liên hệ trong vùng Liên bang Nam Tư cũ. (kt)

ẤN ĐỘ: BOM NỔ KHẤP CÁC THÀNH PHỐ LỚN

Từ trung tuần tháng 2, nhiều vụ nổ bom liên tiếp đã diễn ra tại Ấn độ. Ngày 12 tháng 3, mười hai vụ nổ làm 317 người chết tại Bombay; ngày 17 tháng 3, hai toà nhà lớn tại Calcutta nổ tung, 86 người chết; ngày 19 tháng 3, lại một vụ nổ bom tại một nhà ga ở Calcutta làm thiệt mạng bốn người. Quân đội và cảnh sát Ấn đã được đặt trong tình trạng báo động. Các nhà lãnh đạo Ấn quả quyết có bàn tay của ngoại bang trong việc tạo ra các vụ nổ tại Bombay, có thể là cơ quan mật vụ Hồi quốc Inter Services Intelligence.

Từ đầu năm đến nay, Ấn độ đã trở thành một lò lửa vì những xung đột tôn giáo giữa những người theo Ấn giáo và người Hồi giáo với những vụ bạo động diễn ra hàng ngày. (kt)

TRUNG CỘNG: CS VẤN NẮM TRỌN QUYỀN

Tổng Bí thư đảng CS Trung Hoa kiêm Chủ tịch Chủ tịch Quân Ủy Trung ương Giang Trạch-dân hiện nắm giữ một lúc ba chức vụ to nhất nước. Quốc Hội Nhân dân Trung hoa vừa bầu ông ta vào chức vụ Chủ tịch Cộng Hoà Nhân Dân Trung Hoa (chức vụ cao nhất của chính quyền).

Tuy nhiên, mọi người đều biết rằng điều này không có nghĩa là ông ta là người có quyền lực cao nhất nước vì quyền hành tối thượng này hiện vẫn còn nằm trong tay Đặng Tiểu-bình.

Việc giao cho Giang Trạch-dân cả chức vụ đảng lẫn chức vụ nhà nước cho thấy đảng CS Trung hoa

chủ trương quản lý chặt các cấp chính quyền. Ở các cấp thấp hơn, sự việc cũng sẽ diễn ra theo kiểu mẫu đó, nghĩa là Đảng lại kiên quyết nắm trọn quyền lực trong nước. Như thế, màn trình-diễn cuộc đổi mới về chính trị, diễn ra tại Trung cộng từ thập niên 80, khi bắt đầu có sự phân quyền giữa đảng và nhà nước trên mặt hình thức, coi như đã chính-thức chấm dứt.

Về mặt kinh tế, Trung cộng sẽ tiếp tục con đường cải cách. Quốc hội đã bầu chủ tịch Công ty *China International Trust and Investment*, người có biệt danh "nhà tư bản đỏ" làm Phó Chủ tịch nước. (kt)

BAO ĐỘNG TRONG VÙNG CHIẾM ĐÓNG PALESTINE KHÔNG GIẢM

Chỉ trong mười lăm ngày đầu của tháng 3.93, đã có 10 người Do thái bị giết và gần hai mươi người khác bị thương trong các vụ tấn công trong khu vực Do thái chiếm đóng tại Palestine. Sự kiện này cho thấy Do thái đã thất bại khi áp dụng biện pháp trục xuất các phần tử khiêu khích người Palestine (gần đây nhất là vụ 415 người bị đuổi ra biên giới Lebanon) với hy vọng sẽ làm giảm đi các cuộc tấn công vào thường dân và quân nhân Do thái. Hành động trục xuất người Palestine của Do thái còn làm trở ngại cho các cố gắng đưa các phe phái trong vùng Trung đông trở lại bàn hoà đàm. (kt)

"TRẬN BÃO CỦA THẾ KỶ" TẠI BẮC MỸ

Cơn bão cuối mùa đông đã hoành hành khắp lục địa Bắc Mỹ suốt giữa tháng 3.93. Vùng cơn bão đi qua trải dài từ Cuba đến các tỉnh miền duyên hải Đại tây dương của Gia-nã-đại.

Đã có 238 người thiệt mạng vì bão, đó là chưa kể số phận của thủy thủ đoàn người Trung hoa của một chiếc tàu bị bão đánh đắm trong vùng biển tỉnh bang Nova Scotia, Gia-nã-đại. Vùng có thiệt hại nhân

mạng nặng nhất là Pennsylvania (50 người chết) và Florida (44 người chết) của Hoa Kỳ.

Trận bão - được mệnh danh là "Cơn bão của thế kỷ" - gây thiệt hại lên đến 800 triệu mỹ kim. (kt)

LIÊN HIỆP QUỐC THAY CHÂN HOA KỲ Ở SOMALIA

28.000 binh sĩ bảo vệ hoà bình của LHQ sẽ thay chân lực lượng Hoa kỳ tại Somalia vào tháng 5 tới đây.

Ngày 26. 3, Hội đồng Bảo An LHQ đã bỏ phiếu chấp thuận việc thành lập lực lượng bảo vệ hoà bình lớn nhất và hùng hậu nhất trong lịch sử của tổ chức này từ trước tới nay để gửi đến Somalia chấm dứt với sứ mạng chấm dứt chiến tranh, tiêu diệt nạn đói và xây dựng lại quốc gia Phi châu này.

Các binh sĩ Hoa kỳ tham dự chiến dịch "Phục hồi Hy vọng" (Operation Restore Hope) khởi diễn từ tháng ngày 9 tháng 12 năm ngoái sẽ bàn giao cho quân đội LHQ và rút về nước.

Chiến dịch của LHQ sẽ là một hoạt động tốn kém sức người và của với dự chi lên đến 1.5 tỉ Mỹ kim. Quân đội tham dự chiến dịch này được toàn quyền hành động nhằm duy trì hòa bình, giải giới các lực lượng vũ trang bản xứ và bảo vệ các nhân viên cứu trợ. (kt)

DAVID KORESH CHƯA CHỊU RA HÀNG

Nhân vật gây sôi nổi tại Hoa kỳ từ tháng 2, 1993, ông đạo David Koresh, thủ lĩnh giáo phái Branch Davidian vẫn chưa chịu ra khỏi pháo đài của giáo phái này ở Waco, tiểu bang Texas, Hoa kỳ, sau hơn một tháng bị bao vây.

Ngoài David Koresh, trong trang trại của giáo phái hiện còn khoảng 95 tín đồ trung-kiên.

Nhân viên công lực Hoa Kỳ biết được rằng trong trang trại có trang bị

đủ thực phẩm, thuốc men để dùng trong nhiều tháng.

Cuộc phong toả khởi diễn sau vụ tấn công của khoảng 100 nhân viên thuộc cơ quan AFT (cơ quan quản lý rượu, thuốc lá và vũ khí - Bureau of Alcohol, Tobacco and Firearms) Liên bang Hoa kỳ.

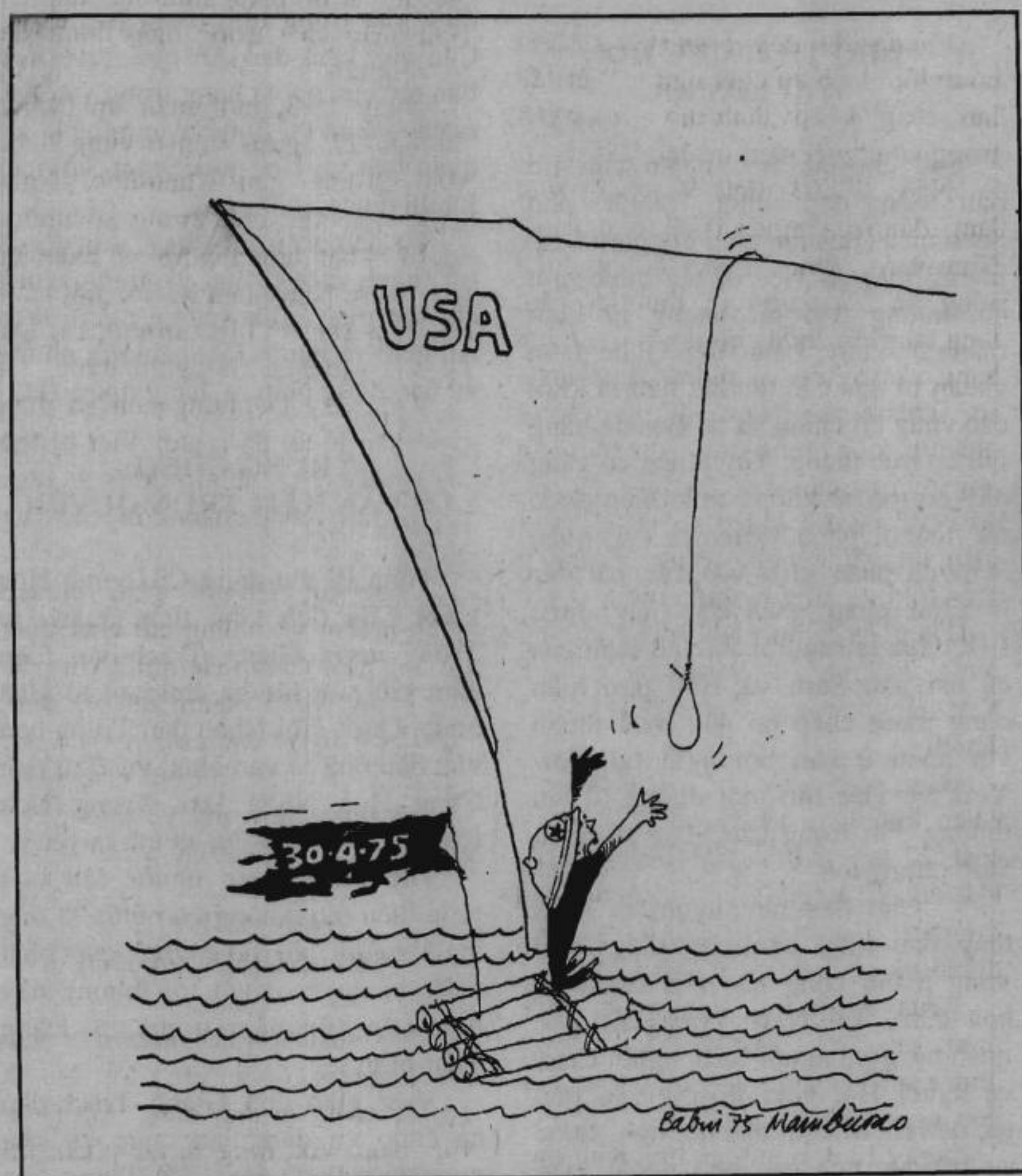
Khi tiến vào trang trại, các nhân viên công lực đã chạm trán với hỏa lực mạnh từ bên trong bắn ra làm 4 người chết và 16 người bị thương.

David Koresh sinh năm 1959, bỏ học từ năm lớp 9, thuộc giáo hội Seventh-day Adventist Church, nhưng sau đó đã chọn theo ngành Branch Davidians, một ngành bị giáo hội này trục xuất, và trở thành người đứng đầu giáo phái (cult) này.

Koresh rao giảng về việc phải chuẩn bị cho ngày tận thế và phải

chống lại những kẻ "không tin đạo" bằng võ lực. Trong cuộc chiến đấu đó, Koresh sẽ "tử đạo" và lên trời cùng với những tín đồ hy sinh vì ông ta và vì đạo pháp. Trong giáo khu Waco, vũ khí đủ hạng được chuẩn bị cho cuộc chiến đấu này, trong đó có cả vũ khí chống xe bọc thép. David Koresh giáo dục tín đồ rất nghiêm khắc, cấm xem truyền hình, bắt ăn chay nhưng riêng giáo chủ được ưu tiên từ bia, thịt bò đến phụ nữ. David Koresh có tới hàng chục cô vợ, trong số này có cả có cả trẻ em từ 11, 12 tuổi và vợ của các tín đồ thờ phụng y.

Những tín đồ đã thoát được ra ngoài cho biết hiện Koresh đang chờ xem một dấu hiệu "thiên văn" để quyết định ra hàng hay chiến đấu để tử đạo. (kt)





tin việt-nam

. Dương Thượng Ngã phụ-trách

NẠN "CÁP DUỒN" TẠI CAO-MIÊN

Phong-trào *cáp duồn* (tiếng Miên có nghĩa là chém chết người Việt) đã lan rộng khắp lãnh-thổ Cao-miên trong vòng nửa năm trở lại đây.

Ngày 7.2.93, lính Miên đốt một làng đánh cá người Việt ở ngoại-ô Nam-vang, khiến 3 em bé bị thiêu sống và 14 người bị thương. Dân làng tận tình chống chọi với ngọn lửa bằng sức người và thùng, chậu thỏ-sơ. Thành-phố Nam-vang với một đội cứu hỏa hùng-hậu gồm 226 xe vôi rỗng và gần 4.000 nhân-viên cứu hỏa, chỉ phái 1 chiếc xe và 4 nhân-viên tới chữa tượng-trung. Toàn bộ gia-cư trong làng bị thiêu rụi.

Đêm 28.2, lính Khờ-me Dân-chủ dùng lưới lê mổ bụng hai phụ-nữ Việt tại Sam-kha-dong, Kongpong Thom.

Sáng sớm ngày 1.3, một toán lính Miên không rõ thuộc phe nào, lục-soát 22 căn nhà người Việt tại U-khờ-đét, Kongpong Cham, đâm chết 4 người, bắn chết 12 người, bắt dẫn đi biệt-tích hai bé gái 12 và 13 tuổi.

Trưa ngày 9.3, một toán lính thuộc phe Sonm San bắt cóc hai gia-đình gồm 11 người dân khỏi xóm Tà-nốc, ngoại-ô Nam-vang.

Ngày 12.3, một toán lính Khờ-me

đo bắt một thiếu-niên Việt-nam 14 tuổi ở Ka-ba-tát, Xiêm-rệp, lột trần-trường treo ngược đầu, lát sau dùng lưới lê cắt bộ-phận sinh-dục của em. Nạn-nhân chết trong ngày hôm sau vì mất máu.

Ngày 18.3, một toán lính Miên bắt cóc 22 người Việt ở vùng biên-giới Tà-lon, gần Châu-đốc. Ngày 23.3, một xác chết trong số những người bị bắt được thả trôi về phần đất Việt-nam. Nạn-nhân bị trói giết cánh khủy và chết vì bị trum một cái bao ni-lông vào đầu, không thở được.

Trên đây là những con số được ghi-nhận lẻ-tẻ. Số người Việt bị lính Miên sát hại nhưng không được phúc-trình, chắc-chắn còn cao hơn nhiều.

Cộng-sản Hà-nội phải chia-sẻ trách-nhiệm về những cái chết thảm thương này. Chính Hà-nội đã lừa dân Việt sang Miên chiếm đất và đóng vai cử-tri trong các cuộc tổng tuyển cử tự-do sau này. Hà-nội phải mang những đồng-bào này về nước, hoặc có biện-pháp để bảo-vệ họ.

ĐỔI MỚI VÌ... CHỦ-NGHĨA XÃ-HỘI

Báo VC *Quân-đội nhân-dân* ngày 2.3 loan tin, "nhà văn" lớp ba Đỗ Mười, tổng bí-thư đảng Cộng-sản Việt-nam, vừa tung ra tác-phẩm thứ

hai ký tên ông ta, cuốn "*Đẩy mạnh sự-nghiệp đổi mới vì chủ-nghĩa xã-hội*" tập 2.

Trước đây, CSVN luôn luôn lấy chiêu-bài nhân-dân, tổ-quốc làm mộc che thân. Làm bất cứ điều xấu-xa tệ-hại nào, họ cũng đều nhân-danh *nhân-dân*, vì phúc-lợi của *tổ-quốc*. Nay Đỗ Mười lại ra sách, nói rõ rằng y "đổi mới" vì "chủ-nghĩa xã-hội", tức vì đảng, chứ không phải vì dân, vì nước như trước kia vẫn hô-hào.

Hóa ra nhà văn lớp ba này lại có liêm-sĩ và thành thật hơn một số các nhà văn có bằng cấp ở hải-ngoại!

HỘI-NGHỊ PHÁT-THANH VÀ TRUYỀN HÌNH

Ngày 28.2 và 1.3, VC đã tổ-chức Hội-nghị tổng-kết công-tác năm 1992 của ngành phát-thanh và truyền hình nhóm tại thành Hồ, xác-nhận đó là "*lực-lượng xung-kích của công-tác tuyên-truyền.*"

Thông-tấn-xã CSVN loan tin, "*các đại-biểu đã thống-nhất chương-trình hoạt-động trong năm 1993, là toàn ngành phải quán-triệt và triển-khai các nghị-quyết của Đảng đưa vào nội-dung các chương-trình phát-thanh, truyền-hình.*"

"Đổi mới thông-tin", "tự-do báo-chí" hóa ra chỉ lấp-ló xuất-hiện trong các bài báo kêu-gào "giao-lưu", "bãi bỏ cấm-vận" ở hải-ngoại, hoàn-toàn tách biệt với thực-tế phũ-phàng trong nước!

NÓI CHUYỆN ĐẠO ĐỨC

Nhà xuất-bản Giáo-dục của đảng CSVN vừa loan tin sẽ phát-hành cuốn sách dày 100 trang, sưu-tập các câu *Cách ngôn, tục-ngữ về đạo-đức*.

Đúng là thiếu cái gì, người ta hay nói về cái đó. Thượng bất chính, hạ tắc loạn. Trên nêu gương xấu, ra sách đạo-đức cũng chẳng bảo được ai.

CSVN VINH DANH ĐẠO-DIỄN TÀO MẠT

Đảng Cộng-sản Việt-nam vừa

làm lễ vinh danh đạo-diễn Tào Mạt (Nguyễn Đăng Thục) là "nghệ-sĩ nhân-dân." Cán-bộ Nguyễn Đăng Thục trùng tên với GS Nguyễn Đăng Thục ở miền Nam, và lấy biệt hiệu "Tào Mạt", trùng với tên thật của một kịch-tác-gia danh tiếng của Trung-hoa (tác-giả vở *Lôi vũ*).

Điều đáng nói, Tào Mạt trước nay vẫn được nhóm "giao-lưu văn-hóa" tại hải-ngoại tôn là "anh-hùng phản-kháng" trong ngành điện-ảnh và kịch-nghệ. Hiện-tượng "anh-hùng" hai mặt này quả là một trò hề, chỉ diễn ra trong xã-hội CSVN.

NẠN ĐÁNH CÁ BẰNG THUỐC NỔ TNT VẪN TIẾP-DIỄN

Nạn dùng thuốc nổ TNT để đánh cá vẫn diễn ra liên-tục ở mức-độ nghiêm-trọng tại Việt-nam, tàn-phá môi-sinh ở biển và làm tuyệt giống nhiều loài cá và thủy-tộc hiếm quý.

Trước đây, nạn đánh cá bằng thuốc nổ chỉ xảy ra tại vùng biển Nha-trang, nay lan rộng ra tới Hải-phòng, Quảng-ninh ở miền Bắc, Thanh-hóa, Quảng-bình, Thừa-thiên ở miền Trung và Minh-hải ở miền Nam.

Các đồn biên-phòng VC thỉnh-thoảng tổ-chức vây bắt vài thuyền đánh cá bằng thuốc nổ, nhưng cốt để tịch-thu bọc phá, kíp mìn để bán lại cho các tàu khác, chứ không nhằm diệt mầm mống phá-hoại.

Trước áp-lực quốc-tế về vấn-đề môi-sinh, CSVN đã buộc lòng phải tổ-chức một đợt bố-ráp trên biển và thu được một số chất nổ như sau:

- Ngày 7.9.92, đồn biên-phòng 192 Quảng-bình thu được 18 quả bọc-phá, 14 kíp mìn, 550 kí TNT.
- Ngày 18.9.92 Quảng-bình bắt thêm được 7 vụ đánh cá bằng thuốc nổ, thu 6,5 kí TNT và 12 kíp mìn.
- Ngày 30.10.92, đồn 92 và 96 Nam-hà bắt được hai thuyền đánh cá bằng thuốc nổ, nhưng không khai tang-vật tịch-thu được gồm những gì.
- Ngày 1.11.92, đồn 126 Thanh-hóa bắt được 130 kí TNT.

- Ngày 12.11.92, đồn 54 Hải-phòng bắt được 118 kí TNT, 33 kíp mìn và 18 mét dây cháy chậm.

- Ngày 2.1.93, đồn 256 Quảng-nam Đà-nẵng bắt được 113 kí TNT, 21 kíp mìn và 2 mét dây cháy chậm.

- Ngày 16.2.93, tỉnh Quảng-ngãi tổng-kết ba tháng, khai bắt được tổng-cộng 100 kí TNT, 8.000 kíp mìn.

- Ngày 18.2, đồn 164 Hà-tĩnh bắt được 200 trái mìn, 150 kíp mìn và nhiều dụng-cụ hành nghề.

- Ngày 1.3.93, Quảng-nam Đà-nẵng bắt được 40 trái mìn, 136 kí TNT.

- Ngày 8.3.93, Tiền-giang bắt được 119 kí TNT, 45 kíp mìn.

- Ngày 11.3.93, Minh-hải bắt được 476 kí TNT, 300 mét dây cháy chậm và 1.346 kíp mìn.

Trên đây là con số tang-vật tịch-thu được và có khai-báo. Các chuyên-viên về thuốc nổ ước-lượng, chỉ riêng những con số này cộng lại, đã đủ đánh sập toàn bộ 110 tầng World Trade Center ở Nữu-ước, chứ không phải chỉ đào được một hố bom sâu bằng 6 tầng lầu.

Dân-chúng lấy đâu ra một khối lượng thuốc nổ khổng-lồ như vậy, nếu không mua lại của bộ-đội nhà

nước. Thời buổi kinh-tế thất ngật, nhà nước lấy đâu ra tiền để mua chất nổ, nếu không trông vào "viện-trợ nhân-đạo" và tiền do "Việt-kiều du-lich" trực-tiếp hay gián-tiếp đóng-góp.

Quê-hương gấm-vóc Việt-nam và môi-sinh thế-giới hiện đang bị những hạng người này tàn-phá nghiêm-trọng.

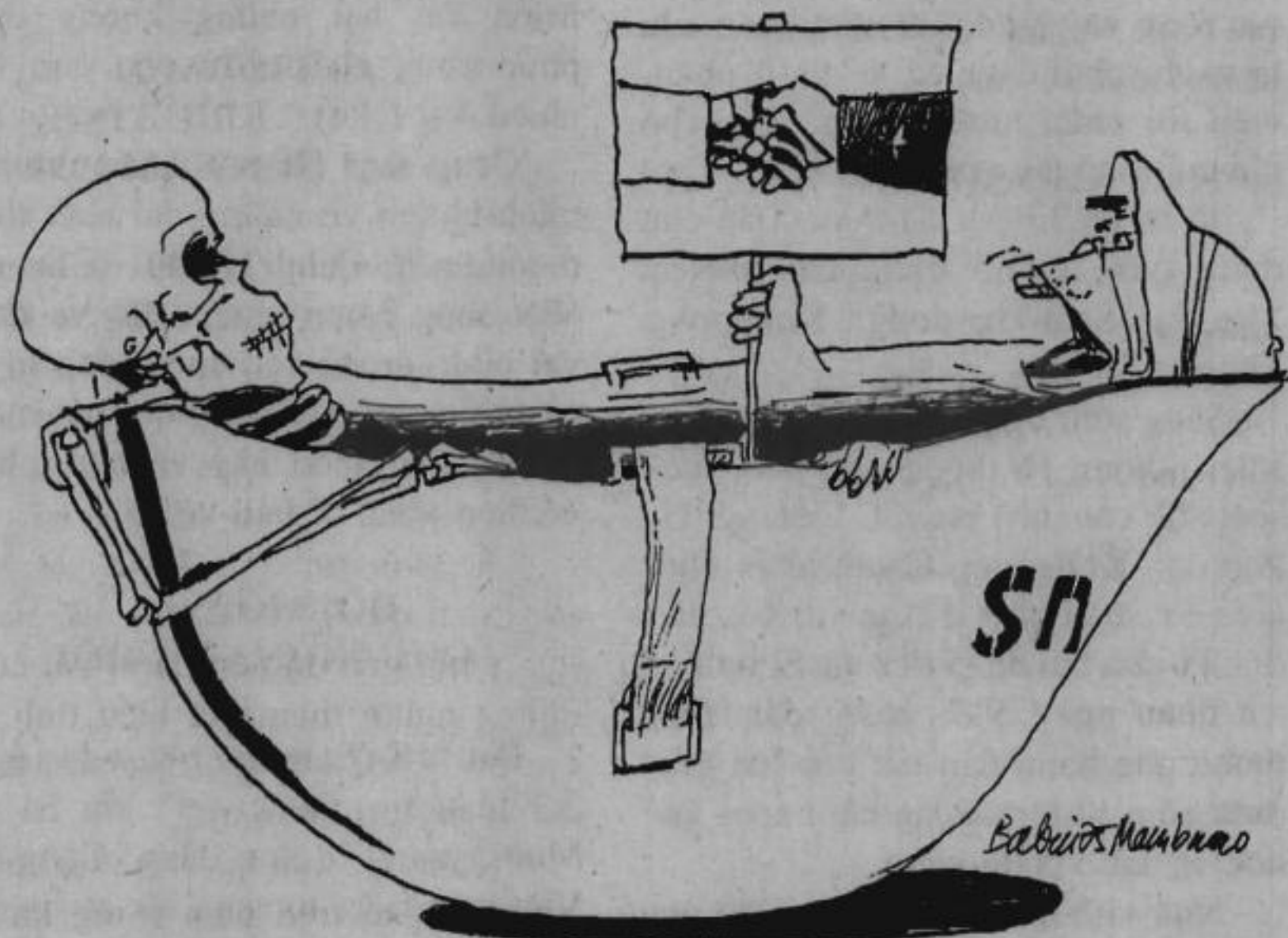
NGÀNH TƯ-PHÁP MỤC NÁT VÌ THAM-NHƯNG

Báo VC *Tuần tin-tức* ngày 27.2 tiết-lộ, ngành tư-pháp của CSVN mục nát không kém hành-pháp.

Bản báo-cáo tổng-kết công-tác chống tham-những, chống buôn lậu năm 1992 đã khấn-khoản yêu-cầu rằng: "Trước, trong và sau phiên xử, mọi trường-hợp đưa phong-bì, biếu-xén, quà cáp để xin ân-huệ, xin tuyệt đối không được nhận."

Bản báo-cáo phản-nàn rằng, có người cho hành-vi liêm-khiết là "lắm-cảm", "không thức thời."

Báo *Tuần tin-tức* viết, "thậm chí họ còn biết tường-tận dây tiêu-cực này có những vị nào làm ăn với những ai, ăn nhậu ở nhà hàng nào, ai chi, v.v. nhưng lại phớt lờ, vì cho



rằng 'dấu tranh tránh dấu', thời buổi kinh-tế thị-trường cần phải 'thoáng'!

...
Có trường-hợp trong một vụ án, thẩm-phán ăn của dứt không trôi nên xử thật nặng, tỏ ra mình ngay thẳng.

Có Hội-đồng xét xử của Tòa án nhân-dân được phía luật-sư và đương-sự chiêu-dãi tới 150.000 đồng."

Bài báo tường-thuat, trong kỳ họp Quốc-hội vừa qua, có người đặt vấn đề rằng, cứ 100 vụ, "tòa" kêu án treo tới 44 vụ, như vậy thì có bao nhiêu kiểm sát viên và thẩm-phán "tiêu-cực"? Tại sao có người bị xử tới lần thứ ba rồi mà vẫn còn hưởng án treo? Tại sao có thẩm phán ăn của dứt 5 cây vàng, bị tố phải nhả ra, vẫn được tiếp-tục ngồi đó xử án tham-những?

Đại-biểu quốc-hội nào đó quả biết đặt vấn-đề, nhưng không đúng đối-tượng. Dưới chế-độ cộng-sản, các ngành hành-pháp, tư-pháp và cả lập-pháp, đều là "con đẻ" của đảng. Giải-nhiệm cán-bộ tham-những, tốt đấy, nhưng chưa đủ. Ông này xuống, ông kia lên có khi còn "ăn" mạnh hơn người trước. Phải giải-thể toàn đảng Cộng-sản cùng các cơ-cấu phụ-thuộc, để dân-chúng bầu người liêm-chính xây-dựng lại từ đầu một cơ-chế tự-do dân-chủ thực-sự. Độc tôn quyền-lực là nguyên-nhân gây ra tham-những. Trong một chế-độ phân quyền rõ-rệt, nạn bè phái tham những sẽ khó sinh sôi nảy nở.

CHÁY KHO SỢI NHA TRANG

Kho bông sợi Nha-trang đã bốc cháy vào nửa đêm 23.2, cháy lan sang kho thành phẩm (quần áo đã may xong) và dụng cụ thiết bị, gây thiệt-hại 10 tỷ đồng tiền Hồ.

BOM Ở SÀI GÒN

Từ đầu tháng 3 đến nay công an và quân đội CSVN được đặt trong tình trạng báo động sau khi bắt được một số người mang chất nổ tại phi trường Tân sơn nhất hôm 6.3.93.

Dân chúng Sài gòn đã bị khủng

bố, ruồng xét liên tiếp, nhất là các khu Tân bình và trung tâm thành phố. Trong nhiều ngày, nhiều đường phố bị chặn không cho lưu thông, VC còn đem cả xe tăng trấn giữ một số điểm trọng yếu.

Theo tin của các cơ quan thông tấn quốc tế, CSVN đã bắt giữ từ 20 người (AFP) đến 40 người (*Tạp chí Kinh tế Viễn Đông*), trong số đó có nhiều người Việt từ Hoa kỳ, Gia-nã-đại và Pháp về.

Các nguồn tin trên cho biết những người này lập kế-hoạch dùng hàng tấn chất nổ để phá hủy trụ sở Ủy ban Nhân dân thành phố (tức toà Đô Chánh cũ), trụ sở đảng bộ thành phố, đài phát thanh và đài truyền hình.

Về con số những người trong nước bị bắt, theo tin của tạp chí *Kinh tế Viễn đông* số ra ngày 25.3, có cả nhà văn quân đội VC (đã về hưu) Nguyễn Khải. Hà-nội sau đó đã phủ-nhận tin này.

Với việc kiểm soát chặt chẽ các hàng hoá và người từ ngoại quốc về, việc vận chuyển chất nổ từ nước ngoài vào VN là điều khó thực hiện cho nên nhiều nguồn tin cho rằng lượng chất nổ bị công an khám phá được chính quân đội VC bán ra. Hiện chưa có tổ chức chính trị, kháng chiến hải ngoại nào lên tiếng về vụ này. (kt)

CHI TIẾT MỚI VỀ CUỘC BIỂU TÌNH TẠI SÀI GÒN NĂM 1991

Ngày 15 tháng 6, 1991, một cuộc biểu tình xảy ra giữa Sài-gòn đã bị CS VN nhanh tay dập tắt. Trong số những người bị bắt tại nơi biểu tình, trước cổng Sở Thú, có một Việt kiều tên Kỳ Ngọc Thanh. Một số báo chí lúc đó loan tin ông Thanh là Việt kiều từ Hoa Kỳ về thăm nhà, vì vô tình đứng gần đó nên đã bị bắt cùng những người tham gia biểu tình, và sau đó bị VC kết tội "tổ chức lật đổ chính quyền nhân dân".

Nguồn tin mới nhất cho biết cuộc biểu tình kể trên nằm trong khuôn

khổ của chiến dịch Nguyễn Trãi do tổ chức Liên Việt phát động. Ông Thanh, tên thật là Lê Thanh Văn, là thành viên của Liên Việt, thường trú tại Hoa Kỳ, đã về Sài gòn để tổ chức cuộc biểu tình. Cùng bị bắt với ông Thanh trong hoạt động trên, có thể coi là cuộc biểu tình đầu tiên của người Sài-gòn dưới chế độ CS, có các cán bộ khác của Liên Việt là các ông Nguyễn Văn Trọng, Nguyễn Nhự và Nguyễn Đức Lợi.

Ông Nguyễn Thanh Văn sinh năm 1950 tại Hà Nội, cư ngụ tại Westminster (Cali), trước 1975 là sĩ quan Sư đoàn 9 Bộ binh. Vợ và hai con ông Thanh hiện ở Hoa Kỳ đã nhờ Nghị sĩ Hoa kỳ John Seymour (California) can thiệp, nhưng đã được trả lời rằng Hoa kỳ không thể làm gì được cho ông vì ông chỉ là thường trú nhân, chưa vào quốc-tịch Mỹ.

Hiện ông Thanh đang bị giam tại trại tù Phan Đăng Lưu trong khi những người khác không rõ nơi giam giữ.

Tin cho biết, chiến dịch Nguyễn Trãi được phát động năm 1991, sau khi CS tại Liên xô và Đông Âu bị lật đổ. Giai đoạn đầu của chiến dịch là "mượn hình thức truyền đơn, thư rơi và chủ yếu dùng khẩu hiệu dán tường để nói lên nguyện vọng của dân chúng về tự do, dân chủ, về nhu cầu cơm ăn, áo mặc, giáo dục y tế, phúc lợi xã hội..." Một số khẩu hiệu được viết lên tiền VC, lưu truyền trong nước. Giai đoạn hai của chiến dịch là tổ chức biểu tình quần chúng, chính trong giai đoạn này các nhân vật Liên Việt đã lộ diện hoạt động trong cuộc biểu tình trên. (kt)

LÀNG VĂN TẠI THÀNH HỒ

Việt-kiều du-lịch CSVN trở ra cho biết, tại các thành-phố lớn như Hà-nội, Hải-phòng, Đà-nẵng, và nhất là Sài-gòn, tìm một tờ Làng Văn tương-đối không khó. Ngoài các bản photocopy đóng tập cho thuê, rất nhiều người đã nhìn thấy bản chính. Hà-nội chắc chắn không thích "giao-lưu văn-hóa" theo kiểu này!



trong làng

NGUYỄN NGỌC NGẠN
TRỞ LẠI
SÂN KHẤU PARIS BY NIGHT

Sau lần xuất hiện đầu tiên và được đón nhận nồng-nhiệt trên băng hình *Paris by Night* 17, nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn đã được trung tâm Thúy Nga mời trở lại Paris vào giữa tháng 2 vừa qua để điều khiển liên tiếp 3 chương trình *Paris By Night* 20, 21 và 22.

Paris by Night được thực hiện qui mô để đánh dấu cuốn băng thứ hai mươi và cũng để kỷ-niệm 10 năm hiện diện của loạt băng hình này.

Thúy Nga gọi cuốn *Paris by Night* này là một 'tuyệt phẩm', dự trù phát hành vào đầu tháng 4.93, với thành phần ca sĩ gồm: Khánh Hà, Ý Lan, Ái Vân, Tuấn Ngọc, Dalena, Don Hồ, Duy Quang, Phi Khanh, Elvis Phương, Anh Khoa, Ngọc Trọng, Phương Hồng Quế, Hương Lan, Thái Châu, Mỹ Lan, Chế Linh, Trang Thanh Lan, Quang Bình, Lưu Bích, Ngọc Yến, Ngọc Phương, Kimberly và nhiều vũ công tại Paris. Ngoài ra, còn có sự xuất hiện lần đầu của Ái Thanh, em gái Ái Vân, đang bị nạn tại Đức.

Đây cũng là cuốn băng chào mừng ca-sĩ Duy Trác vừa từ Việt

Nam qua Mỹ đoàn tụ gia đình. Duy Trác sẽ hát một bài nổi tiếng đã mấy thập niên gắn bó với anh, đó là nhạc phẩm *Đôi mắt người Sơn Tây* của Phạm Đình Chương.

Hai cuốn 21 và 22 là nhạc chủ đề, mang tên *Tình ca Ngô Thụy Miên* (21) và *Lam Phương, 40 năm âm nhạc* (22), trong đó có phần phỏng vấn trực tiếp hai nhạc sĩ nói trên.

Từ Paris trở về, ngày 12 tháng 3, nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn đã sang Atlanta, Georgia, Hoa kỳ, theo lời mời của tạp chí *Rạng đông*, nhân kỷ niệm đệ nhất chu niên hoạt động của tờ báo này.

Buổi nói chuyện được nhiều hội phối hợp tổ chức, gồm hội Văn Nghệ Sĩ Tự Do vùng đông nam Hoa kỳ, hội Cựu Tù Nhân Chính Trị, hội Cựu Quân Nhân VN, phân hội Chuyên gia VN, hội Thanh niên Sinh viên Học sinh VN Đấu tranh cho Tự do Dân chủ, Tổng hội Sinh viên VN tại Georgia, và đặc biệt với sự bảo trợ của văn hữu Minh Khoa, một chuyên viên cao cấp ngành khách sạn hiện định cư tại Florida.

Khách danh dự của buổi sinh hoạt mừng *Rạng đông* một tuổi còn có họa sĩ Vũ Hối (D.C.) và họa sĩ Hoa kỳ David Jones. Nhiều thân hữu từ xa về dự như các thi sĩ Hà Trung Yên, Thúy Trúc, Nguyễn Tịnh, Xuân Bích, Thái Chân, nhạc sĩ Linh Phương, ban nhạc Đêm Đô Thị ở Orlando, Minh Khoa và một số sinh viên từ Philadelphia. (nvđ)

GS NGUYỄN ĐÌNH HOÀ
ĐƯỢC CHÍNH PHỦ NHẬT
TUYÊN DƯƠNG

Giáo sư Nguyễn Đình Hoà đã được Tổng Lãnh sự Nhật Atsuchi Tokinoya trao tặng chứng thư tuyên dương để tỏ lòng biết ơn và sự kính trọng của chính phủ Nhật Bản với công trạng giảng dạy ngôn ngữ VN cho các nhà ngoại giao Nhật.

Buổi lễ diễn ra tại tòa Lãnh-sự Nhật ngày 28.2.93 ở San Francisco. Trong diễn văn tại buổi lễ, Tổng lãnh sự Nhật đã ca ngợi công lao của

Giáo-sư trong việc giúp phổ biến nền văn hoá lâu đời của VN trên khắp thế giới.

GS Nguyễn Đình Hoà đã từng dạy tại viện Đại học Saigon, Huế (VN), Columbia, Washington, Hawaii, Nam Illinois (Hoa kỳ) và tại Trung tâm Sư Phạm Địa phương ở Rabat (Maroc)

Sau khi về hưu, GS cư trú tại California và giúp đại học San José State, phụ trách các lớp văn hoá VN và văn hoá Đông Nam Á. Gần đây, GS còn tình nguyện hướng dẫn lớp Việt ngữ miễn phí do Hội Sinh viên VN Đại học San José State (VSA-SJSU). (kt)

ngoài ngõ



Kiên Trung phụ-trách

ỦY BAN TRANH ĐẤU
CHO TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VN
NHẬN ĐỊNH VỀ
BẢN ÁN LÝ TỐNG

"Bị cáo của phiên tòa không phải là Lý Tống mà là cái chính thể độc tài thiếu dân chủ, vi phạm nhân quyền trong nước VN hiện nay," BS Lâm Thu Văn thuộc Ủy ban Tranh-đấu cho Tù nhân Chính-trị VN (Montréal, Gia-nã-đại) đã nhận định như trên về phiên tòa ngày 24.2 của CSVN.

Theo Ủy ban, bạo quyền Hà nội đã hoảng sợ trước áp lực của thế giới

nên phải hủy bỏ dự mưu kết án tử hình Lý Tống đổi thành bản án 20 năm tù. Họ cũng không dám xét xử Lý Tống về tội danh "phá rối trị an, âm mưu lật đổ chính quyền" vì sợ người dân trong nước sẽ đồng tình hưởng ứng và quốc tế sẽ nhận ra đây là một hành động hoàn toàn có tính cách chính trị. Chính vì muốn che giấu lý do chính trong hành động của Lý Tống là kêu gọi đồng bào trong nước đứng lên lật đổ bạo quyền mà Hà nội đã chỉ đem Lý Tống ra xử về tội "không tặc", một tội danh hoàn toàn không chính xác vì theo chính các nhân chứng gồm nhân viên hàng không và hành khách trên chuyến bay, Lý Tống đã hành động với sự cân nhắc rất chu đáo đến tánh mạng mọi người trên máy bay cũng như sự an toàn của máy bay.

Âm mưu của CS nhằm ly gián tác giả Ó đen khỏi cộng đồng người Việt quốc gia bằng việc nêu lý lịch "gia đình cách mạng" của Lý Tống, cũng đã không thành công vì chính Lý Tống đã chối bỏ cái "gia đình cách mạng" của mình bằng cách đã đổi từ họ Lê sang họ Lý.

Ủy ban kết luận, người Việt không ai ngây thơ nghĩ rằng CSVN "khoan hồng" với tù-nhân chính-trị. Cộng-đồng hải-ngoại cần tiếp tục tranh đấu để chính quyền CS phải thả hết các tù nhân chính trị, trong đó có Lý Tống.

LIÊN MINH DÂN CHỦ VN HỌP BÁO VỀ CÁC VẤN ĐỀ NỘI BỘ

Từ sau buổi lễ ra mắt của Phong trào Thống nhất Dân tộc và Xây dựng Dân chủ (Việt Nam), việc ủng hộ và cổ động cho tổ chức này đã là nguyên nhân của nhiều mâu thuẫn trong nội bộ của các tổ chức đấu tranh của người Việt ở hải ngoại. Tổ chức bị ảnh hưởng trầm trọng nhất trong vụ này là Liên minh Dân chủ VN.

Ngay sau buổi lễ ra mắt của PTTNDT&XDDC, một số đoàn viên

LMDCVN Âu châu ra kháng thư phản đối ban Chủ tịch LMDC. Tại Washington, một nhóm cựu quân nhân thuộc LMDC, ra thông cáo bất tín nhiệm ban Chủ tịch UBCHTU LMDCVN và quyết định tách ra khỏi Liên-minh.

Đầu tháng 3. 93, ông Lê Tấn Trạng, Phối trí viên Ủy ban Chấp hành Trung ương Liên Minh Dân Chủ VN đã họp báo tại California (Hoa Kỳ), ra thông báo gửi đến báo chí và các cộng đồng Việt hải ngoại, đề-cập những diễn biến mâu thuẫn trong quan điểm của các tổ chức thành viên trong Liên minh. Mục tiêu của cuộc họp báo tại California Hoa Kỳ nhằm "soi sáng dư luận, không muốn LMDC bị mai một vì nạn bè phái đảng tranh, ghen tị được nguy trang bằng những mỹ từ đẹp đẽ..."

Ngay trong phần đầu và nhiều lần trong khi trả lời cuộc họp báo, ông Lê Tấn Trạng đã tái xác định quan điểm: "lần ranh Quốc cộng vẫn còn nhưng không phải trong không gian mà chính là trong tâm tưởng" và cam kết: "LMDC vẫn sát cánh với các đoàn thể không CS, sát cánh với toàn dân hoàn thành sứ mạng giải phóng dân tộc". Thái độ của LMDC đối với PTTNDT&XDDC là "dành nhiều cảm tình và hỗ trợ mục tiêu tranh đấu" và "đồng ý về mục tiêu không có nghĩa là đồng ý về cách thức mà họ dùng để tiến tới mục tiêu tranh." Theo ông, "đối phương và các thành phần ghen tỵ (với LMDC) tìm đủ mọi cách cột buộc LMDCVN vào những cách thức đấu tranh để tiến tới mục tiêu của PTTNDT&XDDC trong nước thay vì cột buộc LMDCVN vào những mục tiêu tranh đấu của Phong trào này, đây chính là lý do mà LMDC bị "vạ lây".

Nhận định về vấn đề "hoà hợp hoà giải dân tộc", ông Lê Tấn Trạng, với tư cách Phối trí viên của LMDCVN nói: "... là một chiến thuật không những CSVN mà cả CS thế giới thường hay áp dụng khi họ đang gặp khó khăn toàn diện hoặc thắng địch mặt này mà thua về mặt khác... Hiện nay có một số chính khách cho

rằng cần phải về hợp tác với CSVN, trong khi CSVN chưa chịu từ bỏ độc quyền đảng trị, đất nước chưa có tự do thực sự, thì trở về "làm việc" là hơi tiếp sức với CSVN. Vì thế LMDCVN chủ trương không bao giờ hợp tác với bất kỳ một chế độ nào khi mà những bảo đảm về quyền tự do dân chủ căn bản chưa có."

Về những vấn đề có tính cách nội bộ của đảng Tân Đại Việt và LMDC được nêu ra, cả trong buổi họp báo và trong thông báo của LMDC, bao gồm:

1. Nhận định việc họp đại hội đảng Tân Đại Việt tại Longview để bầu BS Nguyễn Tôn Hoàn làm Chủ tịch và việc đem đảng Tân Đại Việt hợp nhứt với Đại Việt Quốc Dân Đảng là "tiếm danh, bất chấp hiến chương, nội quy, đảng quy của đảng Tân Đại Việt và ý kiến của đảng viên."

2. Báo động hiện đang có một số đoàn viên LMDCVN đồng thời là đảng viên Tân Đại Việt âm mưu đánh phá cho LMDC phải giải tán, hạ nhục các cấp lãnh đạo của LMDC bằng mọi hình thức nguy tạo.

3. Âm mưu phá nát Mặt trận Dân tộc Dân chủ VN (8 tổ-chức): bản thông cáo báo động, hiện có "một số người vì muốn giữ độc quyền chống cộng muốn làm tan rã nỗ lực đoàn kết của các thành viên MTDTDCVN bằng cách chụp mũ một số vị đại diện các tổ chức này là Cộng sản nằm vùng." (kt)

RADIO IRINA HỌP BÁO Ở HOA THỊNH ĐỐN

Ngày 6.3.93, bà Irina Zisman, giám đốc đài phát thanh Tiếng nói tự do (Radio Irina) ở Mạc-tư-khoa đã đến Hoa-thịnh-đốn để gặp gỡ giới truyền thông Việt Nam tại Hoa kỳ. Cuộc họp báo nhằm trình bày hiện tình của đài và giới thiệu tổ chức "Hiệp hội Nga vì Dân chủ và Nhân quyền" do bà và nhà văn Nga Kabacov đồng chủ tịch.

Về đài phát thanh, bà Irina

Zisman cho biết hiện nay nguồn tài trợ để giúp đài hoạt động hoàn toàn là của cộng đồng Việt hải ngoại, qua Ủy ban Yểm trợ (trụ sở tại California) quyên góp, đồng thời cũng có một số nhóm độc lập gửi tiền trợ giúp. Hàng tháng, đài nhận được từ UBYT 5 hay 6 ngàn mỹ kim. Số tiền này chưa đủ chi tiêu của đài, trên 6 ngàn hàng tháng nếu không muốn mắc nợ và khoảng 8 ngàn nếu muốn cho thoải mái. Gần đây, Ủy ban Yểm trợ trung ương đã yêu cầu các Ủy ban ở các nơi cùng các tổ chức độc lập đứng ra quyên góp và gửi thẳng tiền ủng hộ đài.

Trong vấn đề "hoà hợp hoà giải" với cộng-sản, bà Irina xác định, qua kinh nghiệm tại Nga và các nước Đông Âu: hòa hợp hoà giải là một đường lối không thực tế, và kết quả là sẽ bị cộng sản lợi dụng để làm lợi cho họ. Trong việc sắp xếp chương trình phát thanh, bà vẫn cho phát, nhưng dành một thời lượng tối thiểu cho những bài viết của những khuynh hướng này (hoà hợp hoà giải) đồng thời kèm theo những lời bình luận của đài hay của các nhà bình luận có khuynh hướng ngược lại và tin rằng thính giả có đủ thông minh để phán đoán.

Bà Irina Zisman mong muốn các tổ chức đấu tranh cho dân chủ và dân quyền của người Việt hải ngoại, ngoài việc gây quỹ ủng hộ đài TNTD, hãy cung cấp cho tin tức về các hoạt động của họ một cách nhanh chóng.

Trả lời các câu hỏi của báo chí Việt, bà Irina Zisman cho biết VC đã tạo mọi áp lực với Nga để bịt miệng đài TNTD nhưng không xong vì TNTD hoạt động hợp pháp. Về mặt quốc nội, VC đã cấm dân chúng nghe đài và phát thanh chương trình *Tiếng nói VN* (VC) trùng lên làn sóng TNTD để lấn át. Bà Irina châm biếm nói rằng việc phá đài là một điều đáng tiếc, nhưng nó xác nhận là đài có khả năng tác động dân chúng trong nước.

Bà Irina thú vị kể lại chuyện gặp đài RFI (Pháp, do ban giám-đốc VN

thiên tả) trong chuyến đi Pháp gần đây. Khi trưởng ban Việt ngữ của đài này hỏi bà "tại sao VC không phá luồng sóng của đài RFI", bà đã dí dỏm trả lời "các anh hãy tự hỏi mình thôi!"

Đáp câu hỏi của báo chí về quan hệ giữa đài TNTD - tổ chức Phục Hưng - UBYT ở Cali và "ban biên tập" của UBYT vừa được thành lập với thành phần có cả một số nhân vật chủ trương hoà hợp hoà giải, bà Irina cho biết Phục Hưng là nơi yểm trợ đài TNTD lúc đầu và nay là chỗ để kêu cứu trong trường hợp khẩn cấp (UB chậm gửi tiền và máy phát bị cắt tín hiệu). Tuy nhiên, Phục Hưng không hề có lời khuyên hay can thiệp về mặt bài vở. UBYT hiện nay là nơi giúp tiền và luôn luôn có đề nghị vào chương trình.

Theo bà Irina, trước đây UBYT ở Cali đã gửi cho đài một số bài nhưng đài không phát vì "quá cãi lương" (nguyên-văn).

Riêng về ban biên tập, bà Irina cho biết không hiểu tại sao lại phải có "ban biên tập" ở ... Cali, tuy nhiên bà đã nhận được khuyến cáo của UBYT rằng nếu không phát bài của "ban biên tập" thì phải cho biết lý do.

Nhiều người trong cuộc họp báo đã đặt vấn đề chung quanh việc "ban biên tập" và những người có chủ trương hòa hợp hoà giải trong ban này đồng thời nêu câu hỏi nếu UBYT dùng ban biên tập để áp lực với đài về mặt tài chính thì đài có nhượng bộ không? Câu trả lời của bà Irina Zisman là nếu thiếu tiền, bà sẽ giảm giờ phát thanh (chứ không nhượng bộ) và, dù đài đã chịu nhiều áp lực, bà không hề nghĩ đến việc đóng cửa đài.

Cuộc họp báo đã soi sáng nhiều vấn đề về đài *Tiếng nói tự-do* Mạc-tư-khoa.

HỘI THẢO "VIỆT NAM VÀ NHÂN QUYỀN" TẠI MẠC TƯ KHOA

Trong cuộc họp báo tại Hoa-thịnh-đốn, bà Irina Zisman, giám đốc

đài phát thanh *Tiếng nói tự-do* Mạc-tư-khoa đã giới thiệu "Hiệp Hội Nga Vì Dân Chủ và Nhân Quyền". Đây là một tổ chức mới thành lập tại Nga để tranh đấu cho nhân quyền tại năm nước đang ở dưới chế độ cực quyền là Việt Nam, Trung Hoa, Cuba, Bắc Hàn và Ethiopia. Chủ tịch của Ủy ban là nhà văn Nga lão thành Mark Kabakov (bà Irina Zisman đồng chủ tịch).

Hiệp Hội Nga Vì Dân Chủ và Nhân Quyền (HHNVDCVNQ) đang chuẩn bị tổ chức một cuộc hội thảo quốc tế tại Mạc-tư-khoa vào các ngày từ 21 đến 23 tháng 4 năm 1993 với chủ đề: "*Việt Nam và Nhân Quyền*".

Ban tổ chức mời các cá nhân, đại diện tôn giáo, hội đoàn tha thiết với nhân quyền, đặc biệt là nạn nhân của những vi phạm nhân quyền tại VN tham dự.

Mọi người có thể ghi danh với tư cách tham luận viên, hội thảo viên hay nhóm công tác. Tham luận viên cần gửi bài tham luận nội dung quanh chủ đề hội thảo với các chỉ hướng căn bản: *Tù chính trị tại VN, VN và tự do tôn giáo, Vấn đề người tị nạn VN*.

Tham dự viên tự túc chi phí di chuyển và đóng cho ban tổ-chức 500 mỹ-kim để trang trải chi phí cư trú, ẩm thực trong 4 ngày tại Mạc-tư-khoa.

Ngoài các địa chỉ tại Nga (Mark Kabakov và Irina Zisman), Hoa Kỳ (Ngô Quốc Sĩ), Âu Châu (Võ Long Triều), địa chỉ liên lạc tại Gia-nã-đại là: BS Lâm Thu Vân, 6420 Victoria #4, Montréal, Québec H3W 2S7 (Fax: 514- 343-0231.(kt))

QUỐC HỘI TIỂU BANG CALIFORNIA ỦNG HỘ CUỘC TRANH ĐẤU CHO TỰ DO DÂN CHỦ CỦA NHÂN DÂN VN

Dân biểu Cộng Hoà Mickey Conroy (tiểu bang California, Hoa kỳ) đã đệ trình Quốc hội của tiểu bang California Quyết Nghị Chung

số 7.

Bản Quyết Nghị Chung của Quốc hội tiểu bang đông nhất Hoa Kỳ nhằm mục đích: "... minh thị sự ủng hộ của quốc hội về việc tranh đấu cho tự do dân chủ của nhân dân Việt Nam; Kêu gọi sự chấm dứt đàn áp chính trị; Tôn trọng nhân quyền và dân quyền tại VN; Để vận động chính phủ Hoa Kỳ tiến hành việc bình thường hoá quan hệ và chấm dứt việc cấm vận với Việt Nam, sau khi thoả những điều kiện được nêu ra".

Sau khi nêu lên tình trạng vi phạm nhân quyền và dân quyền trầm trọng ngày một gia tăng tại VN của chính phủ CS cùng chính sách vô nhân đạo và thái độ thiếu thành thật của CSVN trong những vấn đề hài cốt quân nhân Mỹ, tù nhân và quân nhân Mỹ mất tích tại VN, bản quyết nghị xác định:

- *Lưỡng viện Quốc hội Tiểu bang California hỗ trợ cho cuộc đấu tranh giành quyền tự do và dân chủ của dân tộc VN.*

- *Kêu gọi (CSVN) phải chấm dứt đàn áp chính trị và tôn trọng nhân quyền và dân quyền tại VN.*

- *Khuyến cáo chính phủ Hoa kỳ chỉ bình thường hóa quan hệ và giải toả cấm vận đối với VN, sau khi đã*

thoả những điều kiện sau đây:

1. *Toàn thể tù nhân chính trị và tôn giáo tại VN phải được phóng thích vô điều kiện.*

2. *Lập tức chấm dứt mọi hình thức trừng phạt bằng cách bắt nhốt không xét xử đối với những người bất đồng với chế độ.*

3. *Hủy bỏ toàn diện các trại giam tù chính trị, các trại học tập cải tạo trên toàn lãnh thổ.*

4. *Hủy bỏ toàn bộ các luật lệ, các điều khoản của hiến pháp ngăn cấm các tổ chức đối lập coi chính quyền và thường dùng để đàn áp những bày tỏ ôn hòa về chính kiến đối lập của người dân.*

5. *Giới lãnh đạo của đảng CSVN phải chính thức cam kết là tích cực xây dựng một xã hội đa nguyên và dân chủ tại VN, với sự tổ chức các cuộc bầu cử tự do toàn quốc, có quốc tế giám sát để người dân VN có thể lựa chọn các người lãnh đạo và thể chế mà họ mong muốn.*

6. *Lập tức và vô điều kiện hoàn trả lại các hài cốt của tử sĩ Hoa kỳ mà Nhà nước CHXHCNVN còn cất giữ.*

7. *Cộng tác tích cực và ngay thẳng trong các cuộc tìm kiếm tù binh và binh lính Hoa kỳ mất tích tại Đông Dương. (kt)*

KỶ NIỆM NGÀY QUÂN LỰC TẠI OTTAWA

Hội Chiến Sĩ Việt Nam Tự Do vùng Ottawa (Gia-nã-đại) sẽ tổ chức một loạt hoạt động kỷ niệm ngày Quân lực VNCH trong năm 1993.

Thông báo của ban Chấp hành Hội cho biết, ngoài đêm tiếp tân văn nghệ nhân ngày Quân-lực (vào cửa tự do, có sự tham dự của các ca sĩ Nguyệt Ánh, Đoàn Chính và Chế Linh), Hội sẽ tổ chức ba buổi sinh hoạt văn nghệ với ba chủ đề khác nhau vào các ngày:

- Chủ nhật 14.3.93

- Chủ nhật 25. 4. 93

- Chủ nhật 16. 5. 93

Các buổi sinh hoạt này sẽ bắt đầu từ 11 giờ 30 tại trung tâm Người Việt Ottawa (249 Rochester, Ottawa), muốn tham dự xin góp chi phí tổ chức mỗi người mười đồng. Mục đích của các buổi sinh hoạt này nhằm họp mặt thân hữu giải trí đồng thời để có thêm chi phí cho việc tổ chức kỷ niệm ngày Quân lực.

Liên lạc các số điện thoại Ottawa (613) của các chiến hữu: Võ Văn Rât (776-4515), Lê Quốc Uy (226-7322), Lương Thành Hưng (848-5059), Nguyễn Tùng (724-4749). (kt)

HỘI NGHỊ CÁC GIẢNG VIÊN TIẾNG VIỆT TẠI PHÁP

Hội Nghị các Giảng Viên Tiếng Việt Tại Pháp lần đầu tiên đã được Liên Hội Người Việt Quốc Gia Tự Do (Pháp) tổ chức trong hai ngày 12 và 13 tháng 2 năm 93 tại thành phố Strasbourg. Tham dự hội nghị có khoảng 100 giảng viên tiếng Việt tại các trường trung và đại học tại Pháp, đại diện các hội đoàn, các phụ huynh học sinh VN và một số nhân vật người Pháp trong chính phủ và ngành giáo dục.

Bốn đề tài đã được thảo luận tại hội nghị là:

1. *Ích lợi của việc học tiếng Việt đối với người Việt tại Pháp và nước Pháp;*



2. Chương trình giảng dạy tiếng Việt từ vỡ lòng đến các cấp cao hơn;

3. Phương pháp giảng dạy và học tập tiếng Việt tại Pháp hiện nay,

4. Phương pháp thính thị để học tập tiếng Việt dành cho người Pháp và người nói tiếng Pháp.

Hội nghị cũng đã bầu ra Ủy ban Liên lạc Nghiên cứu gồm: Ô. Phạm Việt Tuyền (Strasbourg), Ô. Nguyễn Văn Đồng (Clermont-Ferrand), Ô. Huỳnh Quan Chiêu (Strasbourg), Ô. Nguyễn Hữu Lộc (Strasbourg), Ô. Trần Bá Chiến (Marseille), bà Phạm Văn Bá (Reims) và bà Vũ Thị Nguyên (Na-uy).

Ngoài ra, lễ kỷ niệm Hai Bà Trưng cũng đã được Hội Thân Hữu Người Việt Tị nạn Strasbourg tổ chức vào ngày 13.3.93 tại trụ sở Hội, số 17 Rue de la Montagne Verte, Strasbourg. Học giả Thái Văn Kiểm đã nói chuyện trong buổi lễ, đề tài: "Trưng Vương trong gia thế, địa lý và lịch sử VN". (kt)

LỄ KỶ NIỆM HAI BÀ TRUNG Ở OTTAWA

Ngày 27.3.93, tại Ottawa, lễ kỷ niệm Hai Bà Trưng đã được tổ chức tại Trung Tâm Người Việt Canada. Nhân dịp này, ban Vận động thành lập Hội Phụ Nữ VN tại Ottawa đã lập ban Chấp hành lâm thời Hội PNVN Ottawa. Ban này có nhiệm vụ xin giấy phép và triệu tập đại hội bầu ban Chấp hành chính thức.

Cũng tại Ottawa, trong buổi lễ trên, ban Thường vụ mới (nhiệm kỳ 93-94) của Hội đồng Cộng đồng Người Việt Quốc Gia vùng Ottawa đã ra mắt với thành phần như sau:

- Chủ tịch: Ô. Lê Quảng Trị
- Phó Chủ tịch: Ô. Lê Phan
- Tổng Thư ký kiêm Ủy viên Thanh niên: Ô. Chung Vinh
- Thủ quỹ: Bà Lương Thành Hưng
- UV Ngoại vụ: Cô Lưu Thị Phương Trinh
- UV Thông tin & Báo chí: Ô. Lê Quốc Uy
- UV Văn hoá Giáo dục: Bà Bích

Thùy

- UV Phụ nữ & Xã hội: Cô Hoàng Yến. (kt)

SINH VIÊN VN ĐƯỢC CHỌN VÀO ALL USA COLLEGE ACADEMIC TEAM

Sinh viên Phạm T. Hưng, trường đại học công giáo Regis (Denver, Colorado) đã được tuyển chọn vào "All USA College Academic First Team" (Đội Sinh viên Đại học Đệ Nhất toàn Hoa-kỳ).

Đội này gồm 20 thành viên, được chọn từ 1324 sinh viên toàn nước

Mỹ, xét trên căn bản học tập. Mỗi sinh viên được chọn sẽ nhận một phần thưởng 2.500 mỹ kim.

Em Hùng sang Mỹ đoàn tụ gia đình năm 15 tuổi, đã từng đoạt nhiều học bổng nổi tiếng dành cho các sinh viên xuất sắc hàng đầu của Mỹ trong đó có học bổng Barry Goldwater. Em là con ông bà Phạm Văn Nghiệp, định cư tại tiểu bang Colorado.

Tờ báo USA Today phát hành khắp nước Mỹ đã đăng tin về em với tựa đề: "Immigrant Youth Named Top Scholars in U.S." (Thanh niên di dân được mệnh danh là một trong những sinh viên hàng đầu ở Hoa Kỳ). (kt)

TIN VUI TRONG LÀNG:

Trong thời hạn từ 20.3.1993
tới 20.6.1993,

- đọc-giả mới
- đọc giả tái hạn theo phiếu nhắc
- đọc-giả tái hạn sớm

mua hai năm báo trở lên

được tặng một trong các tựa sách sau đây,
xin chọn và ghi vào phiếu mua (hoặc tái hạn) báo:

- *Chôm chôm yêu dấu*, tập truyện ngắn của Trần Diệu Hằng
- *Mưa đất lạ*, tập truyện ngắn của Trần Diệu Hằng
- *Bạn văn*, truyện dài của Mai Kim Ngọc
- *Bản đàn thôn dã*, nguyên-tác của André Gide, Mai Kim Ngọc dịch
- *Xuôi dòng Cửu-long*, tập truyện đồng quê miền Nam của Phạm Thăng
- *Vietnamese Realities*, sách giới-thiệu sơ-lược về lịch-sử, địa-lý, ngôn-ngữ, phong-tục Việt-nam của bộ Ngoại-giao VNCH
- *Ký*, bút ký của Nguyễn Hữu Nghĩa
- *Đêm*, truyện dài của Ngô Nguyễn Dũng
- *Những sợi sắc không*, truyện dài của Túy Hồng

(Giá và phiếu mua báo, xin xem trang 113)

tin tị-nạn

. Kiên Trung phụ-trách

TẾT CỦA THUYỀN NHÂN Ở SIKIEW, THÁI LAN

Đầu xuân Quý Dậu vừa qua, Cộng đoàn Công giáo Sikiew đã giúp đồng bào thuyền nhân ở đây được hưởng một cái Tết khá vui vẻ trong hoàn cảnh của trại cấm. Ngày mừng Một Tết, đồng bào được dự Thánh lễ Tân niên. Ngày 20 tháng 1, 149 trẻ em nghèo không thân nhân trong trại được phát quà tết, mỗi phần quà trị giá 30 бат Thái. Ngày 21 và 22 tháng Giêng, 921 gia đình nghèo và 39 gia đình nghèo có người tàn tật ở trại cũng được nhận quà. Số tiền dùng để mua quà tặng trong dịp này đã được quyên góp từ Gia-nã-đại và Hoa-kỳ, do anh Trần Văn Nhã (Sherbrooke) gửi sang trại.

Nhiều hoạt động giải trí, thể thao,

văn nghệ dành cho đồng bào trong trại được Cộng đoàn Công giáo cùng các tôn giáo, các nhà trường, đoàn thể và cơ quan thiện nguyện tổ chức trong dịp này, gồm cả một hội chợ Tết (24.1) với những trò chơi giải trí miễn phí có thưởng. các hoạt động này đã góp phần an ủi tinh thần và giúp đỡ vật chất đồng bào tị nạn tại đây trong ngày xuân. (kt)

BỘ NHÂN TẠI DONG REK ĐƯỢC HƯỞNG QUI CHẾ TỊ NẠN

Tin từ Ủy Ban Báo Nguy Cứu Người Vượt Biển cho biết, nhờ nỗ lực của quốc tế và phản ứng của cộng



đồng VN hải ngoại, gần 1.000 người tị nạn VN đến Thái lan bằng đường bộ (xem Làng Văn số 103, tháng 3/93) trước ngày cut-off (14.3.89) đã được Cao ủy tị nạn, chính phủ Hoàng gia Thái, các nước cho định cư chấp nhận cho hưởng qui chế tị nạn mà không phải qua thanh lọc.

Văn thư của bộ Ngoại giao Hoa-kỳ trả lời thi sĩ Xuân Tước (Hội Trao đổi Văn-hoá Việt Mỹ Colorado, một trong những hội đoàn đã gửi văn thư yêu cầu chính phủ Hoa-kỳ can thiệp cho bộ nhân) viết rằng: "Có khoảng 1,000 Platform Vietnamese đến Thái lan trước ngày cut-off (4.3.1989, do Chương trình Hành động Toàn diện - CPA - ấn-định). Vì họ không chịu chuyển từ trại 2 sang trại Ban That trong nội địa Thái nên chính phủ Hoàng gia Thái và UNHCR coi như họ không có tư cách của người đến trước ngày mốc điểm (pre cut-off status) và do đó phải chịu qua thủ tục thanh lọc do CPA qui định.

Mới đây, UNHCR, chính phủ Hoàng gia Thái và những nước cho định cư, trong đó có Hoa Kỳ, đã xem xét lại và ủng hộ việc cho những người này hưởng tư cách tiền mốc điểm. Văn thư cho biết thêm, sẽ tiếp tục giải quyết một số bất đồng giữa các bên liên quan để tiến tới các giải pháp định cư số đồng bào này.

Đây là một thắng lợi bước đầu, tuy nhiên việc sắp xếp cho họ đi định cư còn tùy thuộc vào việc giải quyết một số bất đồng giữa các quốc gia liên quan đến chương trình hành động toàn diện (CPA) và việc phân chia trách nhiệm tái định cư. Ủy ban Báo Nguy Cứu Người Vượt Biển kêu gọi người Việt hải ngoại tiếp tục tạo áp lực với chính quyền các nước liên hệ để giúp giải quyết sớm và triệt để vấn đề đưa số đồng bào này đi định cư. (kt)

HỒNG KÔNG SẼ "DỌN SẠCH" CÁC TRẠI TỊ NẠN

Phối trí viên của chính phủ Hồng



Nhờ cộng-đồng hải-ngoại giúp-đỡ, đồng-bào tị-nạn tại Sikiew đón xuân nghèo.

Kông về vấn đề tị nạn tuyên bố rằng cứ với đà hồi hương hiện tại của thuyền nhân VN tại Hồng Kông, sẽ không còn thuyền nhân tại các trại vào đầu năm 1996.

Thêm một đợt cưỡng bách hồi hương người tị nạn VN đã được Hồng Kông thực hiện ngày 26.3.93. Trong đợt này có 60 người bị lừa lên máy bay đưa về Hà nội. Cảnh sát và nhân viên an ninh trại tù Hồng Kông đã che chắn chặt chẽ khu vực lên máy bay của những người bị cưỡng bức trả về cho bạo quyền nhưng các phóng viên báo chí vẫn ghi nhận được hình ảnh một cặp vợ chồng người tị nạn chống cự kịch liệt và bị nhân viên trại tù khiêng lên máy bay.

Số người bị cưỡng bức hồi hương đợt này gồm 25 đàn ông, 14 phụ nữ, 10 em trai và 11 em gái. Có một em bé 15 tháng, sinh ra trong trại. Theo tin của báo chí Hồng Kông, có 10 người trong số này đã bị án hình sự và đã ngồi tù tại Hồng Kông.

Theo các viên chức Hồng Kông,

trong tháng 3.93 có 3 chuyến hồi hương "tự nguyện" và hàng tháng tiếp theo sẽ có từ bốn đến năm chuyến. Đợt cưỡng bách hồi hương tiếp theo diễn ra trong tháng 4 này.

Theo tiến độ này, việc hồi hương thuyền nhân để dọn sạch các trại giam kéo dài hơn dự tính của kế hoạch cưỡng bức hồi hương ký kết giữa Anh quốc và CSVN hồi năm 1991 khoảng ba năm. (kt)

"ĐẬU" RỒI LẠI "RỚT" CÔ-NHI TỊ-NẠN TỰ THIÊU

Em Lưu thị Hồng Hạnh, cô nhi tị nạn đã tự thiêu chết như một cây đuốc hôm 14.2 vừa qua tại trại Galang II, Nam-dương.

Hạnh đi tị-nạn một mình, không có thân-nhân. Em đã trải qua một cuộc thanh-lọc gắt-gao và được may mắn chấm "đậu", được công-nhận quyền tị-nạn chính-trị, đang chờ ngày lên đường tái định-cư.

Ngày 9.2, Cao-ủy Tị-nạn LHQ tại Nam-dương đột-nhiên tuyên-bố rút lại quyết-định, xếp em vào thành-phần di dân kinh-tế, chờ ngày hồi hương. Quá uất-ức và tuyệt-vọng, sau năm ngày buồn rầu bỏ ăn, mất ngủ, em đã ra trước Văn-phòng Cao-ủy tẩm xăng tự thiêu cháy đen.

Cao-ủy Tị-nạn ra lệnh âm-thầm chôn xác em Hạnh và cấm đồng-bào trong trại tuyệt-đối không ai được tiến đưa.

Hiện nay, tình-trạng cô-nhi tị-nạn tại Nam-dương rất thê-thảm. Cao-ủy buộc các em phải ký tên vào những tờ giấy in đầy những chữ, và các em không được pháp đọc, cũng như hỏi là giấy gì. Khi đi làm thủ-tục, Cao-ủy LHQ dùng cảnh-sát Nam-dương làm lực-lượng áp-giải và dọa nạt.

Chúng tôi xin báo-động cùng các tổ-chức nhân-quyền và luật-gia thế-giới về sự lường-gạt công-khai và thô-bỉ của UNHCR, tổ-chức chuyên nhận tiền các nước để giúp người tị-nạn. (dtn)



Cảnh quen mắt, diễn ra mỗi tháng vài lần: "tự nguyện hồi hương" tại Hương-cảng

THUYỀN NHÂN VIỆT-NAM TỰ SÁT PHẢN ĐỐI THANH LỘC BẤT CÔNG

Một thuyền nhân VN đã tự sát ngay trước cửa văn phòng trại tị nạn Sungei Besi, Mã-lai, để phản đối thanh lọc bất công.

Lúc 11 giờ 55 ngày 5.3.93, ngay trong lúc văn phòng Task Force trại Sungei Besi công bố kết quả thanh lọc lần thứ I cho 311 trường hợp, anh Nguyễn Ngọc Dũng, mang số tàu MC 504, đã dùng dao đâm vào ngực trước sự chứng kiến của các giới chức chính phủ Mã lai, Cao Ủy Tị nạn LHQ, cơ quan từ thiện MRCS (Hồng Cung) và hàng trăm thuyền nhân khác. Anh Dũng được đưa vào bệnh viện trại nhưng sau đó đã trút hơi thở cuối cùng vì nhát dao đâm đúng ngay tim. Xác anh Dũng đã được đưa về bệnh viện Kuala Lumpur.

Hành động dũng cảm của thuyền nhân Nguyễn Ngọc Dũng đã khơi động cuộc tranh đấu trong tập thể người Việt tị nạn trại Sungei Besi. Chiều ngày 6.3, một cuộc biểu tình nổ ra tại sân trước cửa văn phòng Cao Ủy Tị-nạn. Các thuyền nhân đòi hỏi chính quyền sở tại trả xác anh Dũng để làm lễ truy điệu và lên án việc thanh lọc bất công là nguyên nhân đẩy thuyền nhân vào chỗ chết.

Cuộc biểu tình kéo dài suốt 18 giờ. Ngày 7.3, hàng ngàn thuyền nhân đã làm lễ truy điệu anh Nguyễn Ngọc Dũng tại sân vận động trại. Ban chỉ huy trại đã phải điều động thêm lực lượng cảnh sát chống bạo động canh phòng cẩn mật. Lễ truy điệu đã biến thành đám rước lớn đưa di ảnh Nguyễn Ngọc Dũng, "*Người chết cho khát vọng tự do*" đi qua các khu tạm trú trong trại.

Tin từ Sungei Besi cho biết kết quả của đợt thanh lọc đưa đến biện pháp tranh đấu tuyệt vọng của anh Nguyễn Ngọc Dũng như sau: chỉ có 36 trường hợp trong tổng số 311 trường hợp thanh lọc, tỉ lệ "đậu" 11,6%.

Theo lời khai thanh lọc và xác nhận của những người quen biết, anh

Dũng đã bị CSVN bỏ tù nhiều năm vì tham gia lực lượng phục quốc, ra tù, anh đã vượt biên sang Cao-miên bằng đường bộ, bị bắt và giải giao cho CSVN, anh lại phải chịu cảnh tù đầy trước khi trốn thoát lần nữa và vượt biển đến Mã Lai.

Tình hình trại Sungei Beisi vẫn đang sôi sục, tuy nhiên người ta tin rằng cái chết vì khao khát tự do của thuyền nhân Nguyễn Ngọc Dũng sẽ có tác động lớn đến lương tâm của chính phủ Mã-lai và các viên chức Cao Ủy trại. (kt)

CAO ỦY TỊ NẠN ÉP NGƯỜI TỊ NẠN PHẢI HỒI HƯƠNG

Từ đầu năm 1992, sau Luận hội về Chương Trình Hành động Toàn diện (CPA), các trại tị nạn Đông Nam Á đã thực hiện những biện pháp do chính Cao Ủy Tị nạn đề xướng nhằm siết chặt đời sống của thuyền nhân để buộc họ phải hồi hương.

Ngoài Phi-luật-tân là nơi Giáo hội Công giáo Phi có thể lực mạnh, từ Nam Dương đến Thái Lan, các vụ cắt giảm thực phẩm và giải tán đồng thời cấm đoán các lớp học đã được thực hiện nhằm đưa người tị nạn đến chỗ thiếu thốn khổ sở từ vật chất đến tinh thần. Riêng tại Nam Dương, dưới áp lực của quốc tế Cao ủy đã phải trả lại số thực phẩm họ đã cắt, tuy nhiên, họ chối là việc cắt lương thực là do những khó khăn kỹ thuật.

Gần đây nhất, một tài liệu mật của Văn phòng Cao Ủy Tị-nạn ở Bangkok (Thái lan) bị lọt ra ngoài đã cho thấy Cao-ủy khó chối cãi được chủ trương của họ.

Tài liệu mang tên *Social Services Mission to the Philippines*, do nhân viên đảm trách vấn đề an sinh cho thuyền nhân toàn vùng Đông Nam Á biên soạn đã phân tích các yếu tố làm thế nào để tác động được lên các hoạt động của các tổ chức thiện nguyện trong các trại ở Phi luật tân.

Về biện pháp, nội dung tài liệu đề nghị:

- Về giáo dục: các giới chức Cao

ủy tại các trại phải vận động sự đồng tình của chính quyền sở tại để tiến đến cắt giảm các chương trình giáo dục, đặc biệt là các lớp sinh ngữ và huấn nghệ.

- Về trợ cấp từ hải ngoại: tìm cách hạn chế không cho thuyền nhân nhận nhiều tiền của thân nhân từ hải ngoại gởi giúp.

- Về việc đi lại: siết chặt việc đi lại, ra vào trại của thuyền nhân.

Đây là bằng chứng cụ thể cho thấy Cao ủy Tị-nạn đang nhất quyết buộc thuyền nhân phải chọn con đường hồi hương kể cả việc phải sử dụng những biện pháp nghiệt ngã nhất. (kt)

TU SĨ THÔNG ĐẠT CÓ THỂ SẼ BỊ BUỘC HỒI HƯƠNG

Đại Đức Thích Thông Đạt, người đóng vai trò chính trong cuộc biểu tình tuyệt thực trước văn phòng Cao ủy tị nạn Palawan (Phi luật tân) đã bị bác đơn kháng cáo tái xét. Hiện các tổ chức Phật giáo hải ngoại đang lên tiếng đòi hỏi Cao ủy tị nạn phải tái xét hồ sơ cho Đại Đức.

Người ta còn nhớ chính nhờ cuộc tuyệt thực do Đại Đức Thích Thông Đạt khởi xướng hồi tháng 12 năm 92, thế giới và cộng đồng Việt hải ngoại đã chú ý đến các hoạt động đầy bất công tại các trại tị nạn ở Phi-luật-tân trong việc thanh lọc thuyền nhân tại đây.

Riêng trường hợp tị-nạn của Đại Đức Thích Thông Đạt là một bằng-chứng điển hình về đàn-áp tôn-giáo tại VN: bị cưỡng bức bỏ chùa đi lao động trong thời gian trú trì ở tại chùa Lương Hải (Khánh Hòa), bị công an VC bắt, tra khảo, năm 81, 84. Năm 88 lại bị bắt đánh đập nặng nề trong vụ án Trí Siêu, Tuệ Sỹ. Nếu bị giải giao về cho CSVN, Đại Đức bị nguy-hiểm tính mạng ngay.

Đồng bào, các hội đoàn hãy gửi thư đến bộ Ngoại Giao tại quốc gia mình đang cư ngụ hay Cao Ủy Tị Nạn LHQ, đòi hỏi tái xét quyền tị nạn của Đại Đức:

Madame Sadako Ogata
U.N. High Commissioner for
Refugees
Case Postale 2500
CH-1211 Geneva 2 Depot
Switzerland

(Xin viết thư bằng tiếng Anh, Pháp
hay Nhật)

MÃ LAI CHUẨN BỊ CƯỜNG BỨC HỒI HƯƠNG ?

Từ trước đến nay, Mã-lai là quốc gia vẫn từng lên tiếng cam-kết không bao giờ cưỡng bức thuyền nhân hồi hương. Tuy nhiên, những diễn biến gần đây trong các trại tị nạn trên lãnh thổ vương quốc này đang làm cho thuyền nhân lo lắng về một sự thay

đổi chính sách.

Theo tin của Phong trào Đấu tranh Bảo Vệ Nhân quyền (Cộng đồng Người Việt Tị Nạn CS tại Sungei Besi), trong tháng 2. 93, có tới ba giới chức cao cấp chuyên trách chương trình Vận động Hồi hương của Cao ủy Tị Nạn tại Mã lai đã bị thuyền chuyển công tác, trong đó có một nhân vật đã từng tuyên bố: "nếu tôi còn ở đây thì việc cưỡng bức hồi hương không bao giờ có".

Song song với những thay đổi trong hệ thống nhân sự của Cao ủy tại trại là những biện pháp gây khó khăn cho cuộc sống trong trại. Chỉ huy trưởng Task Force trong trại đã sa thải các nhân viên người Việt (50 người) trước giờ vẫn được thuê mướn phụ trách việc làm vệ sinh công cộng cho trại. Thay thế số người này, ban chỉ huy trại buộc những thuyền nhân vi phạm các qui định của trại phải làm tạp dịch. Điều đáng nói là trại có nhiều qui định rất vô-lý, như cấm như ăn thịt heo, cấm nấu nướng, cấm trái tắm nhựa ra sân nhà ban ngày, cấm nằm võng...

Từ khi áp dụng biện pháp mới này, các viên chức Hồng Cung (MRCS: Hội Lưỡi Liềm Đỏ, tên của Hội Hồng Thập-tự ở những nước theo đạo Hồi) trong trại cũng có quyền bắt bớ, phạt vạ thuyền nhân y như ban chỉ huy trại và cảnh sát.

Không khí trong trại hiện rất ngột ngạt và căng thẳng. Ngày 19.2, trại đã bị giới nghiêm, Task Force và cảnh sát đã lục soát khu nhà dành cho người đã đậu thanh lọc ở và bắt giữ một người. Cho đến nay họ vẫn không đưa ra lời giải thích nào cho việc lục soát, giới nghiêm và bắt người. Thuyền nhân trong trại còn được biết hiện chính quyền trại đang nghiên cứu những biện pháp nhằm đối phó với biểu tình và tuyệt thực.

Hiện tại Sungei Besi có gần 8.000 thuyền nhân bị từ chối quyền tị nạn chính trị. Chính quyền Mã lai mặc dù tuyên bố không cưỡng bức hồi hương, nhưng mặt khác, nói rõ rằng họ không cho phép thuyền nhân sống lâu dài trên đất nước họ. (kt)

GÓP TEM GỬI BÁO CHO ĐỒNG-BÀO TỊ-NẠN

(độc-giả, thân-nhân góp tem, tòa-soạn tặng báo)

- Tiền tem để gửi một năm báo đường thủy (3 tháng tới): 15 mỹ-kim (18 gia-kim)
- Tiền tem để gửi một năm báo máy bay (10 ngày tới): 37 mỹ-kim (46 gia-kim)
- Xin vui lòng ghi đầy-đủ tên họ, số cá-nhân và địa-chỉ người nhận. Lưu ý: không thể gửi báo trực-tiếp tới các trại có ghi chữ "detention" hoặc "prison" ở Hương-cảng, trại Sikiew ở Thái-lan, trại Sungei Besi tại Mã-lai, và trại Pusan ở Đại-hàn. Ngoài ra, báo gửi sang các trại Galang (Nam-dương), Panat Nikhom (Thái-lan) rất dễ mất.
- Nếu quý vị không có thân-nhân tại các trại, tòa soạn sẽ chọn giùm người nhận và thông-báo trên báo.
- Ngoài ra, nếu quý vị muốn gửi trực-tiếp, sau đây là danh-sách một số trại còn được phép nhận sách báo từ hải-ngoại gửi tới:

Vietnamese Refugee Camp
Thư-viện Trung-tâm
Palawan 5300
Phillippines

Father Lê Văn Thắng
5 Dyer Ave.
Hungghom, Kowloon
Hongkong

Soeur Lê Thị Trù
P.O. Box 3273, Manila
Philippines

International Social Service
6th Floor
Southorn Centre
130 Hennessy Rd.
Wanchai
Hongkong

Father Nguyễn Đức Hậu
PST: 302
Thai Red Cross Society
P.O. Box 18
Panat Nikhom
20140 Chonbury
Thailand

Như Phượng Múa Rồng Bay

Lê Văn Lân

*Thân tặng bạn Nguyễn Trung Thoại,
Montreal*



Hồi trước 1975, vào những ngày cận Tết, thường có vài người lớn tuổi ngồi viết chữ nho trên vỉa hè Sài Gòn, đặc biệt là ở khu chợ trời sách cũ đối

diện nhà sách Khai Trí hay trước cửa Lăng Ông. Họ viết chữ nho bằng cái bút làm bằng thanh tre. Những chữ nho thông dụng, ai cũng hiểu dù không biết Hán tự như *phúc, lộc, thọ*. Đôi khi những nghệ nhân này còn viết những câu chúc dài hơn, đại loại:

*Tân niên hạnh phúc bình an tiến,
Xuân nhật vinh hoa phú quý lai.*

(Năm mới hạnh phúc bình an đến,

Ngày xuân, vinh hoa phú quý về).

Gọi những bức viết này là nghệ phẩm không phải là ngoa ngôn hay xưng tụng quá đáng. Trên những dải giấy, thường là màu đỏ thích hợp với cái vui xuân của căn khôn, những nghệ nhân đã say sưa

Hoa tay thảo những nét

Như phượng múa rồng bay.

Ngọn bút tre có đầu mũi dẹt vát hơi xéo, đôi khi chỉ là miếng gỗ hộp diêm cắm vào một cái quản gỗ, chấm trong đĩa mực tàu đen nhánh. Nghệ nhân trình trọng để nhẹ mũi bút trên mặt giấy, rồi nín thở chú tâm đặt nét đầu tiên, làm như cái thành công hay thất bại của bức viết tùy thuộc vào động tác này.

Khách mộ điệu đứng xem, hình như cũng nín thở theo ông. Sau giây phút ấy, ngòi bút như được truyền tinh lực, cứ thao thao chạy, có đoạn kéo mạnh để lại những đường mực như luống cày thẳng băng, có lúc run run tạo ra những đường chỉ mảnh như tơ nhện, lãng quăng lưu luyến, vẽ ra những đóa hoa hay những thân rồng mình rắn hoặc những cánh chim đang bay...

Những kiểu chữ tài tình này thường thu hút vài người tò mò đứng lại xem nhưng không mấy khi bán được, ngoại trừ vài cụ già miền quê mua đem về chưng trong nhà ba bữa Tết, vừa thay tranh Tết vừa để cầu may.

Thế rồi... binh lửa ập xuống miền Nam. Trại tù cải tạo mở ra, hè phố trở thành chợ trời, tràn ngập áo quần vật dụng cũ của mọi gia đình, không còn chỗ nhỏ nhoi nào dành cho những nghệ nhân tài hoa thuở trước, và những chữ nho phúc lộc thọ đã trở thành một cái gì mĩa mai chua xót.

Thời gian trôi, thấm thoát đã 18 năm. Cuộc sống lênh đênh căng thẳng với những đợt sóng đời vùi dập trên xứ lạ đã khiến tôi không hề nhớ tới những nét chữ nho đặc biệt trên. Cho đến một ngày...

Hôm ấy, lạc bước vào thư viện địa phương, tôi bỗng khựng lại như tha hương ngộ cố tri: tôi vừa gặp lại kiểu chữ xưa, trong cuốn sách nhan đề *The Art of Japanese Calligraphy* (Nghệ thuật thư pháp Nhật bản) của Yujiro Nakata.

Trước đây tôi vẫn lầm tưởng rằng những kiểu chữ nho của những nghệ nhân Việt Nam trên hè phố Sài Gòn xưa là những sản phẩm hoa tay vô danh, không có căn bản sáng tác mà là tùy hứng, tùy cơ... nghĩa là không có tiêu chuẩn nhất định như thư pháp cổ điển Trung Hoa (chân, hành, thảo, lệ, triện...). Nhưng cuốn sách trên chẳng những đã đánh tan cái lầm của tôi, mà còn cung cấp cho chúng ta nhiều dữ kiện nhìn về một quá khứ lâu đến trên mười lăm thế kỷ.

Thế nhưng con đường tìm về quá khứ ấy không dễ dàng xuôi chảy. Trở ngại lớn nhất đối với tôi là mở kiến thức ít ỏi về Nhật ngữ, về những nét chữ vừa in mờ vừa viết bằng lối cổ theo âm Nhật mà nếu không chưa Hán tự thì khó mà đoán được nghĩa. Tuy nhiên, do sự kiên trì vật lộn với tự điển để tra cứu, cộng thêm sự giúp đỡ của một vài giáo sư Nhật và Hoa ở đại học Princeton, Hoa kỳ, tôi đã nhiều phần thỏa mãn được nỗi khát khao tìm hiểu về một ngành nghệ thuật Đông phương cổ.

Những kiểu chữ như rồng bay phượng múa mà ta thấy trước đây ở Việt nam chỉ là một trong con số 100 đến 120 kiểu thư pháp phát xuất từ Trung Hoa vào thế kỷ thứ năm, thứ sáu thời Nam Bắc triều. Những kiểu chữ này được dùng để trang trí trên những bức bích thiếp bằng lụa, trên những bia kỷ niệm, những bức trướng liên chúc tụng vào ngày xuân, sinh nhật hay vào dịp đồ đạc, thăng quan... Tên gọi của nó là *tập thể thư*.

Theo Yujiro Nakata, tập thể thư là một tập hợp các kiểu chữ Hán pha trộn với nhau, vừa chữ triện (Tensho)

vừa chữ lệ (Reisho), thịnh hành ở Tàu vào thời Nam triều, đời Tề (479-502); đời Lương (502-557), kéo dài cho đến đời Đường (618-713). Tập thể thư truyền qua Nhật Bản được gọi là Zattaisho. Bức thư thiếp Torige Tensho Byoku, một tài liệu quý giá dùng loại triện thư (Tensho), đã đánh dấu thời điểm tập thể thư truyền qua Nhật Bản. Bức thư thiếp này có kích thước 149 cm x 56 cm, gồm sáu tấm xếp lại, làm bằng da, các chữ triện và lệ được viết trên giấy. Thời điểm chế tạo là vào thế kỷ thứ tám tại Shosoin, Nara, nghĩa là 200 năm sau đời Lương bên Tàu. Sau bức bích thiếp này, tập thể thư xuất hiện trong một bản khắc tại một ngôi di tích ở hồ Masuda năm 825: Masuda no Ike no Himei bởi danh bút Kukai. Nội dung nó được trình bày trong một sưu tập về bút tích của Kukai, gọi là Shoryo Shu.

Để dễ nắm được tinh túy của loại tập thể thư, thiết tưởng chúng ta nên xem qua các kiểu chữ cổ điển trước nó.

Nhân đây tôi cũng xin mở một dấu ngoặc về hai danh từ *bút* và *thư*. Người Việt ta quen dùng chữ *bút pháp* thay vì *thư pháp*, như Kiều có câu:

Khen rằng bút pháp đã tinh.

Kỳ thực thì *bút* và *thư* tuy đồng nghĩa trên thực tế, nhưng khi nói về kiểu chữ thì phải dùng là *thư pháp* (thư chỉ có nghĩa rộng là sách về sau).

Theo *Thuyết văn giải tự* của Hứa Thận (hay Hứa Thúc Trọng) viết vào khoảng 200 năm sau tây lịch, *thư* được chiết tự như sau:

Thư gồm chữ *bút* nằm trên chữ *viết*. *Bút* là một cây | được bàn tay cầm lấy viết một gạch ngang - trên một tấm bản 𠄎

Viết là lời nói, nhưng nguyên thủy là cái mồm 𠄎 nói ra, có hơi khói (ngôn dã, tông khâu khâu khí xuất dã). Hơi khói bay từ miệng ra được vẽ kỳ hư như một cái hình cuộn tròn: về sau trở thành chữ *viết* hiện đại 𠄎. Thành ra *thư* là nét viết của *bút* trước tiên, còn nghĩa là cuốn sách qua ý niệm sách là sự diễn tả ngôn ngữ bằng cái bút qua cái miệng.

Cái bút chính thức đầu tiên làm bằng trúc nên chữ bút được vẽ ra cho rõ với bộ trúc ở đầu 𠄎. Theo cổ thư, "thẻ tre để viết thứ dài thì một thước, thứ ngắn thì nửa thước". Vì bút bằng tre nên các nét bút ngày xưa viết trên bản gỗ đều nhau, gồm các đường thẳng và cong. Về sau, cây bút được cải tiến. Mông Điem là thủy tổ chế ra bút lông, giấy và mực nên nét bút trở nên mềm mại, lúc to lúc nhỏ, đưa xuống ngoác lên bay bướm.

Sau đây là sơ đồ lịch sử diễn tiến các kiểu thư pháp trước khi có tập thể thư:

* Chữ *giáp cốt* văn đời Ân (1500-1100 tr. TC).

* Chữ *đồng đỉnh* văn đời Chu (1100-221 tr. TC).

* Chữ *triện thư* chia thành:

- *Đại triện*, còn gọi là *trụ*, thời Chiến Quốc (403-221 tr. TC).

- *Tiểu triện* do Lý Tư, thừa tướng của Tần Thủy Hoàng đặt ra (221-206 tr. TC).

* Chữ *lệ thư*, chia thành:

- *Cổ lệ*, do Trình Mạo đời Tần đặt ra (221-206 tr. TC).

- *Hán lệ* hay *bát phân*.

* Chữ *khải thư*, vào khoảng thế kỷ thứ 4 và 5 sau Thiên Chúa.

Từ chữ *triện thư* lại nảy sinh ra loại *thảo thư*, rồi chia ra: *cổ thảo* đời Tiền Hán, 206 tr. TC - 8 sau TC; *chương thảo* đời Hậu Hán, 25-220; *độc thảo thể*. Từ *độc thảo thể* lại nảy ra *liên miên thảo*, *cuồng thảo thể*.

Từ chữ *hán lệ* phát sinh ra lối *hành thư* đời Hậu Hán.

Tập thể thư truyền sang Việt Nam vào thời nào, chúng tôi chưa tìm được tài liệu xác quyết, duy có điều cần biết là: trong vô số thể loại tập thể thư, *Phi bạch* là thể loại tiêu biểu nhất, được các nghệ nhân Việt Nam viết để trang hoàng ngày Tết và được danh bút Nhật Bản Kukai sử dụng trong đoạn mở đầu *Diệu pháp liên hoa kinh*.

Trong *Vân đài loại ngữ*, Lê Quý Đôn đã nhắc đến lối viết *Phi bạch* như sau: "*Trương Hoài Quán* nói: *Thông thường có tám lối chữ viết: Triện, Trụ, Bát Phân, Lệ, Chân, Thảo, Phi Bạch, Hành Thư. Cả các*

lối ấy, chỉ có Hữu quân viết tốt nhất". Hữu quân (Vương Hữu Quân) chính là Vương Hi Chi (303-379) đời Tấn, một danh bút nổi tiếng mà bức thiếp Lan Đình là một thí dụ điển hình. Người con thứ bảy của ông, Vương Hiếu Chi (344-386) cũng là một danh bút, tài viết ngang ngửa phụ thân.

Cũng trong sách đã dẫn, Lê Quý Đôn nhắc đến cái tinh thần của ngòi bút như sau: "Bút trận đồ, của Vương Hữu Quân, nói: 'Muốn viết tốt, trước hết phải để nghiên mực cho khô; định tinh thần, lặng nghĩ, tưởng tượng xem viết chữ lớn hay chữ nhỏ, ngả nghiêng hay ngay thẳng; cử động cho gân với mạch liền nhau; để ý vào ngọn bút, rồi hãy viết. Nếu cứ ngang bằng, sổ ngay như nhau, hình như con toán, thì chỉ là vẽ vạch ra nét, chứ không phải là viết"; và đối với một tâm hồn tri kỷ thì: "Một mảnh giấy viết làm người ta ở xa ngàn dặm như gặp mặt nhau".

Tập thể thư như vậy là một lối viết chẳng những tối cổ mà còn được nâng niu trân quý, xuất hiện trên những di tích quan trọng ở Trung Hoa và Nhật Bản. Chỉ riêng khi đến Việt Nam là nó bị bạc đãi, xuất hiện nơi lề đường góc phố, không được đoái hoài:

Xưa sao phong gấm rủ là

Giờ đây tan tác như hoa giữa đường.

Lối viết Phi bạch (Tàu gọi là feipo, Nhật là hihaku) được dùng để viết danh hiệu vua Đường Thái Tông (627-650) trong ngôi cổ tích Chín Tz'u (Kim Tự) và danh hiệu đài kỷ niệm Sheng Hsien T'ai Tzu (Thánh Hiến Đại Tự) về Võ Tắc Thiên (685-701), đế hiệu là Thánh Thần Hoàng Đế. Đã có một thời vua chúa Trung Hoa dùng lối Phi bạch để viết cho các quân thần, nhưng không đạt được mức tuyệt hảo như ở Nhật Bản.

Trong chân dung của bảy vị tổ Phật giáo Nhật Bản thì bức của các sư tổ Ryumyo, Kongochi, Fuku Kongo và Zemmi đều có bút tích của danh bút Kukai với lối viết hihaku (Phi bạch).

Hihaku tuy chỉ là một thể loại của

tập thể thư, nhưng nhiều khi được xem như một thư pháp riêng biệt vì hoa tay của người viết phát huy cao độ, những nét viết vô cùng tinh tế, ngòi bút lông lượn vờn kỳ diệu như điệu Numosarahi của vũ công Nhật, tay cầm những giải lụa dài nhiều màu sắc hươi lên pháp phối, nhịp nhàng.



Tại Trung Hoa, danh bút Ts'ai Yung đời Hán Linh Đế, không những viết lệ thư rất đẹp mà còn nổi danh về lối phi bạch. Phi là bay, bạch là trắng. Gọi như thế vì khi viết, ngọn bút lướt nhanh như gió bay đến nổi những sợi lông của ngòi bút chỉ chạm khẽ trên mặt giấy, để lại những vết trắng xen kẽ những vết đen của mực. Thành ra phi bạch, theo quan niệm của thư pháp Trung Hoa, không hẳn là một kiểu thức riêng biệt mà là kết quả đặc biệt của ngọn bút múa vờn thật mau. Kết quả này chỉ có thể đạt đến tuyệt hảo bằng cách dùng những ngọn bút lớn để viết đại tự. Các thư pháp gia Trung Hoa có khuynh hướng coi phi bạch nằm trong lối viết thảo mà Ts'ai Yung là bậc sư, đến chính Vương Hi Chi cũng phải khâm phục. Vua Thái Tông đời Đường (626-649) là một danh bút rất hâm mộ Vương Hi Chi. Nhà vua đã từng cao hứng viết vài bức phi bạch ban cho các đại thần sau buổi yến. Danh bút Ou Yung Hsun (Âu Dương Tuấn) cũng rất thích viết phi bạch bên cạnh tài viết các lối chân thư, hành thư, thảo thư...

Đời Nguyên có một loại họa được phát triển, mệnh danh là Văn Nhân Họa, đặc biệt vẽ bằng ngòi bút khô (khô bút) hay bút ráo mực (can bút), nghĩa là ngòi bút chỉ chấm mực một

phần. Trong một bài thơ, danh sĩ Triệu Mạnh Kiên (1199-1267) đã ca tụng lối phi bạch trong việc sử dụng để vẽ những tảng đá. Ngòi bút khô ráo còn được nhiều họa sĩ đời Nguyên dùng để vẽ các thân cây sần sùi vì phong sương và những thân trúc lớn. Cũng vì lối viết phi bạch rất thịnh hành trong hội họa đời Nguyên nên ngòi bút khô còn được dùng để đề thơ lạc khoản cạnh bức tranh. Danh bút Đồng Kỳ Xương (1555-1636) là một danh thủ tông đồ của môn phái Khô bút trong lối họa và thư pháp Phi bạch.

Nhân đây cũng xin nói thêm đôi điều lý thú về ngòi bút chấm mực trong nghệ thuật thư pháp và hội họa Trung Hoa. Nghệ nhân phải nắm được bí thuật điều hoà, kiểm soát được số lượng mực thấm vào ngọn bút để tạo ra những hiệu quả khác nhau. Nét bút của Liễu Công Quyền và Hoàng Đình Kiên thì mạnh bạo và gân guốc. Nét bút của Nhan Chân Khanh và Tô Thúc thì to và đậm. Dùng tương mực xuống nhiều và đậm thì người xem không thấy nội lực và thư pháp của người viết. Chẳng hạn Tô Thúc tuy viết đậm nhưng nổi tiếng là có tài "dấu một cái kim trong nắm bông", mặc dù mắt người xem không thấy nhưng người ta vẫn cảm thấy nó.

Mực nhiều mà vụng viết chỉ tạo ra những con heo chữ đen thui thui. Tô Thúc chủ trương "ý tại bút hiện", nghĩa là khi có ý niệm thật vững thì ý niệm ấy sẽ hiện ra trong nét bút. Khi vẽ một cành trúc, người vẽ phải nắm vững nhiều lối thư pháp, như thân trúc thì phải theo lối triện thư, cành trúc theo lối thảo thư, lá trúc theo lối chân thư, đốt trúc thì theo lệ thư. Vẽ tảng đá thì theo lối phi bạch, thân cây thì lối đại triện... Danh sĩ Triệu Mạnh Phủ và phu nhân (Quan Đạo Sinh) là những danh thủ về trúc.

Nhìn sang Nhật Bản, đoạn kinh Thập như thị trong kinh Liên Hoa là một tài liệu nghệ phẩm quan trọng, một thời đã được bày tại chùa Jingo Ji ở Takao vùng Kyoto, nhưng rồi bị thất lạc. Nét viết phi bạch trong tài liệu này được viết bằng bút lông lớn

chứ không phải bằng bút tre như của ta, vẽ ra những hình người hay thú vật, cây cỏ, hoa bướm. Chính những hình vẽ này làm lối viết phi bạch trở thành một thể loại của tập thể thư.

Thử đọc hai câu kinh *Thập như thị*:

Như thị tướng như thị tính

Như thị phi như thị nhân

(Cái tướng nguyên như thế nào thì cái tính nguyên nó như vậy.

Cái gì vốn nguyên chẳng phải, thì cái nhân nguyên nó làm vậy).

với con mắt quan sát, ta thấy có nhiều hình thù ngộ nghĩnh, như trong chữ *tướng* 相 có chữ *mộc* 木 là một cái cây 十; chữ *thị* 是 được viết thành nhiều cách, bốn chữ *thị* bốn cách viết khác nhau, riêng chữ *thị* nằm trước chữ *tính* 性 thì có hình con mắt 目; chữ *phi* 非 có hình một người đứng; hình chim bay xuất hiện ở chữ *tướng* 相 và chữ *tính* 性.



Danh bút Kukai khi qua Trung Hoa đã đem về nhiều cuốn sách cho triều đình Nhật, trong đó có cuốn *Niao Shon Feipo* (Lối viết điều thú phi bạch), dạng cách viết thư pháp có những hình chim và thú. Thư pháp này cũng được thấy trong cuốn

Chuan Li Wen T'i (Triện lệ văn thể) của Hsiao Tzu Liang (Tiên Tử Lương). Theo lệnh vua Nhật, năm 816 Kukai đã dùng lối tập thể thư trong *Triện lệ văn thể* của Tiên Tử Lương để viết một bức bút thiếp cao đến 5 bộ, gấp làm bốn, bằng nhiều ngũ sắc viền gấm.

Triện lệ văn thể có rất nhiều thể loại tập thể thư, chứng tỏ sự vô cùng phong phú của thư pháp Hán tự. Để tiện phân tích, tôi xin tạm chia thành các mục sau:

A. Lấy hình điều thú sắp ra thành chữ:

* Hình 12 con giáp vẽ 12 con vật tương đương đúng theo kiểu thể của chữ.



* Hình con rắn làm thành bốn chữ: *Xà hủi khuất khúc* (rắn hổ nằm uốn khúc).



* Hình con rồng: *Long phong giao phiến* (rồng và gió cùng quạt cho nhau).

* Hình con cọp: *Hổ trưởng sơn khâu* (cọp lớn tại gò núi).

* Hình chim



* Hình cá: *Ngư hành thủy lưu* (cá lội theo dòng nước).

* Hình các con sâu: *Trùng tâm uyển chuyển* (sâu và tâm uốn éo).

* Hình con ngựa: *Chánh hợp hoa tường* (chánh hợp của người tài đức (hoa lưu là con ngựa của Chu Mục Vương).



* Hình con rùa: Lạc nhũ xuất đồ (trên khúc sông Lạc, đồ hình xuất hiện).

* Hình con phượng: Trĩ phượng tân phiên (trĩ phượng rực rỡ hơn hờ).



B. Hình linh tinh:

* Hình nòng nọc: Khoa đầu phù du (nòng nọc lội bơi).

* Hình rễ cây: Chi anh tú sinh (cây cỏ nở hoa).

* Hình bồ câu: Phiên kỳ truyền tín (cờ hiệu truyền tin).



* Hình lá hẹ: La liệt chúng vật (la liệt đủ thứ).

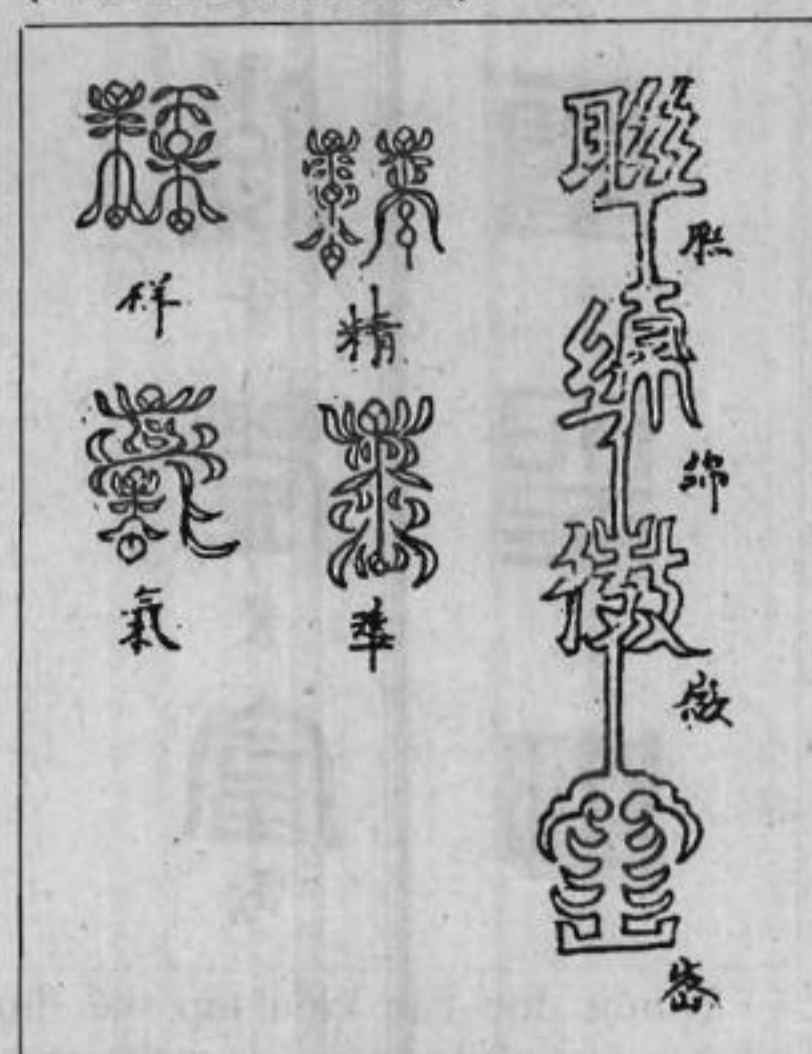
* Hình giọt móc rơi: Tấn vệ lôi.

* Hình chiếc kim treo: Huyền châm.



* Hình hoa: Tường khí tinh hoa.

* Chữ một nét: Liên miên vi mật (liên miên khít khao).

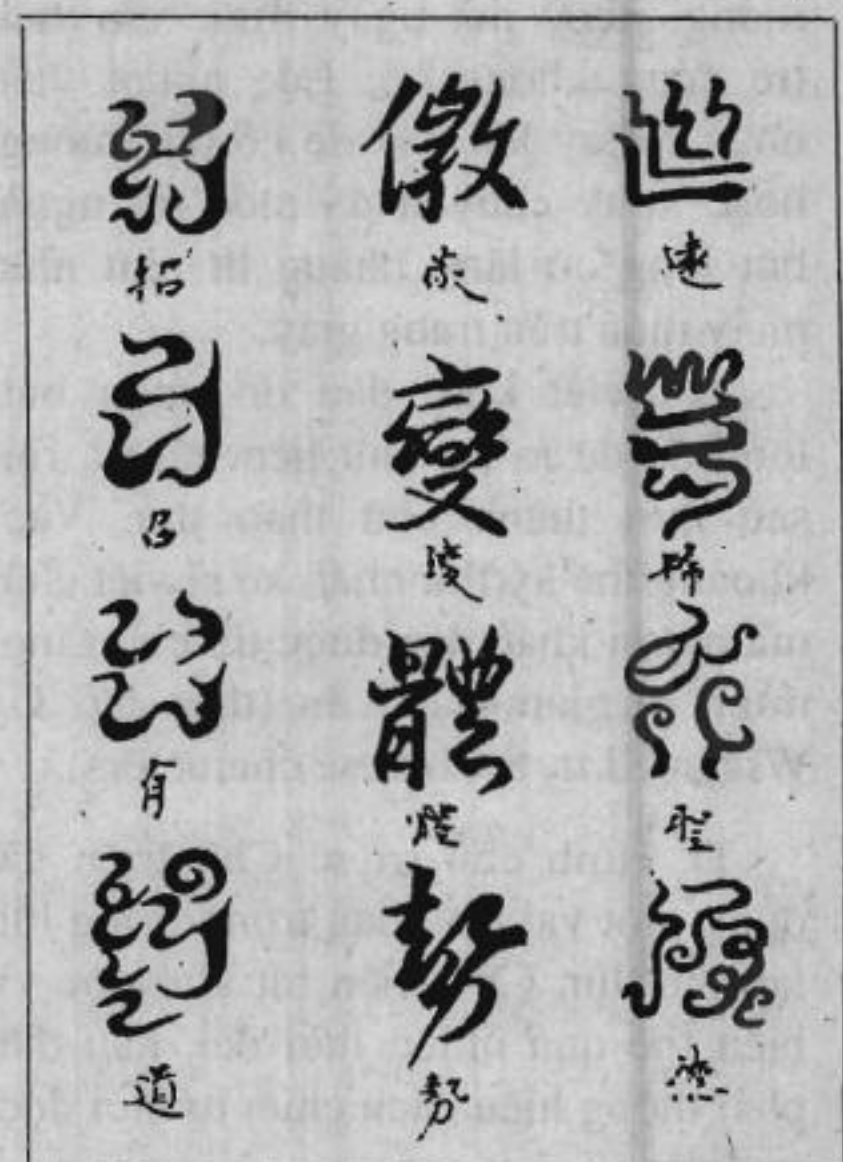


C. Hình chữ thảo:

* Hình cổ ngan: Chiên triệu hữu đạo (gọi mời về theo đạo lý).

* Chữ hành thư: Kiền biến thể thể (cầu mong sự biến như thể thể).

* Mô phỏng chữ Phạn: Viễn qui thánh đức.



* Hình đợt sóng: Khinh tán xao phù (nhẹ tan niềm phù hão).

* Hình vượt cộp: Ung phụng phi cao (chim ung chim phụng bay cao).

* Hình móng rồng: Hộc hồng.



Các hình chữ trên đều theo lối thảo thư. Thảo là cỏ, nghĩa là các nét uốn mình rồi rít như thân cỏ. Nếu tác giả cuốn sách không chú thích thì phần lớn người thường không đọc nổi. Một điều đáng chú ý về các nét thảo viết bằng bút lông: Ngọn bút lông không thể vẽ những đường mảnh bằng sợi tóc như bút tre, bút sắt; nhưng nhờ giấy bản thấm mực, bút lông vẫn viết ra được các nét dày,

mỏng, nhoè mà ngày trước cây bút tre cứng không có. Lúc người viết nhắc cổ tay lên hay đề cổ tay xuống hoặc xoay chuyển đá móc thì ngọn bút lông cứ lằng nhằng lít nhít như nhảy múa trên trang giấy.

Lối viết khởi đầu do ngọn bút lông đã để ra lối chữ liên bút tự, rồi sau mới thành chữ thảo thư. Vào khoảng thế kỷ thứ nhất, kẻ sĩ viết chữ mà người khác đọc được thì cho rằng mình bị giảm danh dự (theo Dr. L. Wiger, SJ tr. 8 Chinese characters).

D. Hình chữ triện: Chữ triện đã đóng một vai trò quan trọng trong lối tập thể thư. Chữ triện rất khó đọc vì biến thể qua nhiều thời đại, hậu thế phải thông hiểu cách chiết tự mới đọc ra được.

* Tiểu triện: *Tượng cần pháp*

* Chữ triện khắc trên đỉnh đồng nhà Chu: *Bảo thọ truyền phúc* (giữ tuổi thọ để truyền phúc (cho con cái)).

* Song triện: hai chữ đi song đôi như chữ *song hỉ* ta thường thấy: *Đại triện trùng* (hai chữ triện lớn trùng nhau).



* Đại triện: *Trúu văn trúng đạt* (Đọc văn thi đỗ đạt).

* Triện: *Vân long thần hổ*.

* Cổ triện: *Điệp tập thánh văn* (Luôn tập tành theo sách thánh hiền).



* Chữ toa thuốc: *Thiên linh thánh minh*.

* Chữ kim (vàng): *Thù hoá phong phú* (cân hàng phong phú: bảng hiệu buôn bán).



Muốn đọc các kiểu tập thể thư người đọc phải có một kiến thức uyên bác về thư pháp cổ kim. Tôi chỉ là một kẻ hậu sinh ham mê điều xưa chuyện cũ nên cố gắng phiên ra âm Hán Việt. Nhưng *tri vi tri, bất tri vi bất tri*, có chỗ đoán được có chỗ đành để trống. Kính mong quý vị cao minh bốn phương chỉ giáo những

điều làm sót, đa tạ.

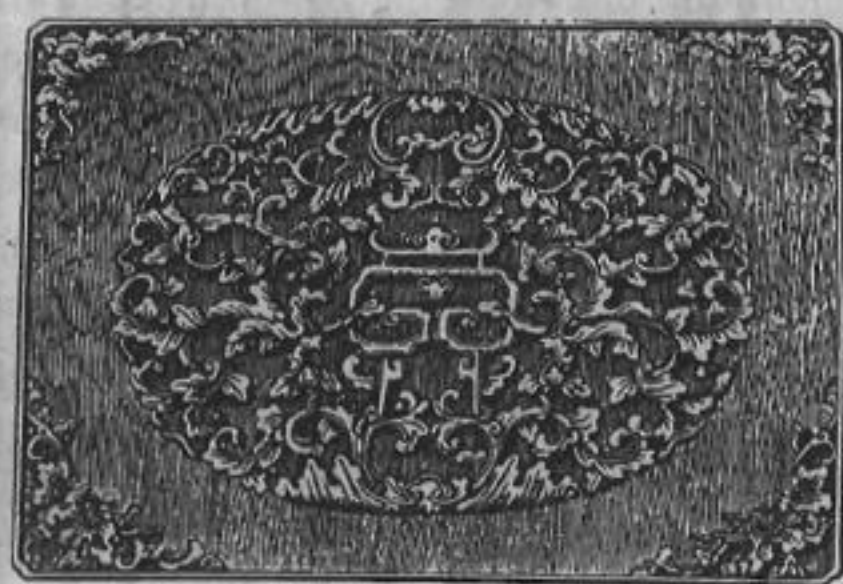
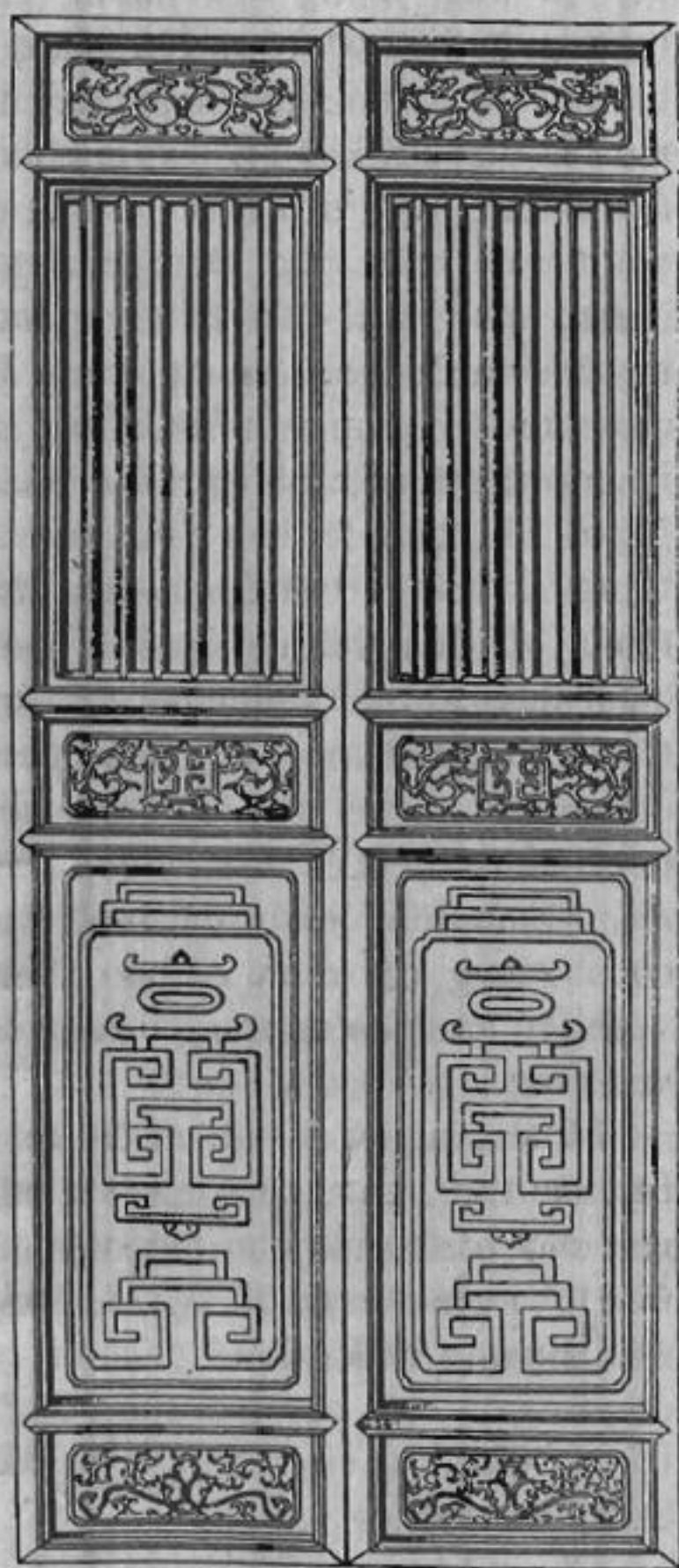
Tập thể thư ở Nhật sau đời Kukai đã xuất hiện khắp nơi. Dưới triều đại Edo, thư viện Hosa Bunko của giòng họ Tokugawa có cuốn Tensho (Triện thư), trình bày khoảng 70 thể loại tập thể thư. Năm 1692, Katori Tessai đưa ra một công trình in ấn bằng mộc bản quan trọng là Shinsaku Kotei Shoka Tempo Senjimon trong đó có 72 loại tập thể thư biến thái từ chữ triện. Cuốn sách nay sở dĩ được in ra là để đáp ứng nhu cầu của các nhà khắc ấn triện thời đó, vì theo thời thượng ai cũng muốn có một cái triện theo kiểu chữ triện và lệ.

Năm 1689, ở Trung Hoa, đời Thanh, Li Chao Sheng Hsien Chuan Shu Pai T'i Chien Tzu Wen của Sun Chih Hsiu trình bày 125 kiểu thức khác nhau. Nhìn phóng ảnh, tôi thấy giới thiệu hai kiểu chữ: *Thủy vân triện* (hình mây rù) và *Bảo đỉnh triện* (giống cái đỉnh đồng). Cuốn sách này được in lại bằng Nhật văn và tái bản dưới đời Minh Trị. Đây là cuốn sách nòng cốt cho các nhà khắc triện tân thời, và cũng là tài liệu căn bản cho những loại ấn triện chúc phúc như phúc tự ấn (fukuju in) hay chúc thọ như hyakuju in.



Lịch Tàu hằng năm thường có hai bản chữ triện là Bách phúc đồ và

Bách thọ đồ. Ở Việt Nam, hình chữ thọ thường được khắc hay chạm trên các công trình kiến trúc và vật dụng trong cung điện Huế.



Bên cạnh những kiểu tập thể thư cổ điển, còn có nhiều kiểu thức "đùa giỡn" khác, như bức vẽ chân dung một nhân vật thần kỳ của Nhật là Toto Tenjin, chỉ nhúng bút vào mực một lần mà vẽ nên bức tranh này. Một ví dụ tương tự với hình phác học sĩ Kakinomoto Hitomaro. Ngoài ra

còn bức viết gồm ba chữ Phúc Lộc Thọ dính liền thành một.



Trong thời hiện đại, ở Trung Hoa cũng như Nhật Bản, lối viết chữ trang trí và quảng cáo trở thành một bộ môn nghiên cứu, nhưng ai ai cũng phải công nhận là những nét bay bướm, hoa hoè hoa sỏi, linh động diệu kỳ của nét bút đã được dùng tới từ thuở xa xưa ở Á Đông.

Trở về khung cảnh Việt Nam, những bức tranh bằng chữ viết theo kiểu Phi bạch nay chỉ còn vang bóng. Tình cờ đọc lại cuốn *Mỹ thuật ở Huế* (*L'art à Huế*), tác giả, linh mục L. Cadière, đã nhắc đến một nhân vật mà ông ta rất khâm phục. Đây là một nhà nho không đỗ đạt nên chỉ được gọi là "Khóa". Biệt tài của ông Khoá không phải là dùng bút lông để vẽ mà là dùng một cái cọ tre. Bức vẽ của Khoá Cọ - như tiểu danh mà dân Huế thường thân mật gọi - là một

nghệ phẩm siêu việt. Ngoài những bức đối liễn, Khóa Cọ thường dùng mực tàu vẽ những hình tượng cổ điển như hoa, lá, chim chóc, hòn đá,... mà dưới con mắt của một nhà nho sành sỏi, đã trở thành những hình ảnh mô phỏng những câu thơ chữ nho viết ở cạnh bức tranh.



Bức tranh của Khoá Cọ được họa sĩ Lê Văn Tùng vẽ lại và in trong cuốn *L'art à Huế* (tập san *Đô thành hiếu cổ*). Nhìn bức tranh, ta phải nhận là trong ngành viết chữ tập thể thư ở Việt Nam, Khoá Cọ đã đứng vào bậc nhất.

Linh mục L. Cadière qua bức tranh của Khoá Cọ, đã nhận định như sau: "Đây là tột đỉnh của nghệ thuật. Một nghệ thuật đã tàn suy. Chúng ta phải dành lòng mà thú nhận thế!" (*C'est le canble de l'art: un art décadent, il faut bien l'avouer!*).

Ôi, những người muôn năm cũ, hồn ở đâu bây giờ!

Vườn Cảnh Việt-Nam

Trên Xứ Người

Khổng Trọng Hình



Không biết ở nơi bạn đang sống, người Việt mình làm vườn cảnh như thế nào, chứ riêng ở vùng đất California nắng ấm nơi tôi ở, nhiều khi chỉ cần ngó thoáng qua lối làm vườn trước nhà là dân địa ốc kinh nghiệm có thể đoán được ngay chóc cái gốc tích ... đồng hương của chủ nhà từ lúc mình còn ngồi trên xe.

Quả vậy, mới thoáng thấy những lối đi trải sỏi trắng bóng được bao bọc bởi những hàng gạch đỏ cùng với vài bụi hoa hồng không cắt tia trông dọc hai bên lối đi là đã có thể nghi nghi rồi. Nếu lại còn có mấy cây ăn trái, nhất là cây hồng dòn trông ngay sân trước, thêm một bụi chuối chen chúc ở góc vườn và vài đôi dếp Nhật lẫn lộn trước cửa nữa thì chắc chắn ông chủ nhà này cũng là người đến đây từ nơi có bốn ngàn năm văn hiến.

Có lần, tôi đánh cá với một anh bạn tìm mua nhà về lai lịch người chủ mà tôi tin cũng là đồng hương, đến khi thấy một ông Mỹ mát xanh,

mũi lõ ra mở cửa, anh bạn tùm tùm nhìn tôi cười đắc ý. Khoan đã bạn ơi, không lẽ tôi lại làm! Cứ từ từ, chuyện đâu còn có đó. Đây này bạn, mời bạn vào phòng gia đình, tôi chỉ cho xem cái này. Bạn có thấy cái băng video cái lương để ở dàn máy VCR trong góc kia không? Không lẽ Mỹ lại say mê *Thuyền ra cửa biển*? Lại còn bức tranh sơn mài Mai Lan Cúc Trúc treo trên tường kia kìa! À thì ra ông chủ nhà này tuy gốc Mỹ nhưng lại là con rể ... Lạc Long Quân, chạy đâu cho khỏi.

Nói nào ngay, cũng có nhiều lần "thầy" bị tổ trác nên đoán trật lất, như khi gặp vườn cảnh do người chủ cũ thực hiện và người chủ VN sau này không thay đổi gì nhiều, hoặc gặp nhiều trường hợp người Việt mình làm vườn cảnh hoàn toàn theo lối địa phương, nhưng thông thường vườn cảnh của người Việt mình rất dễ nhận diện. Phải chăng vì có chung một mẫu số văn hóa?

Thật thế, vườn cảnh quanh nhà không phải chỉ có mục đích đơn giản là tạo ra một khung cảnh vui mắt cho người xem mà cách trồng cây, cách lựa cây và lối sắp xếp mảnh vườn còn là biểu tượng của những ảnh hưởng văn hoá đã có từ lâu trong tư tưởng của người thực hiện. Có khi người trồng cây không để ý tới những ảnh hưởng này, vì đâu đó, chúng đã chìm sâu vào tiềm thức của họ, nhưng quả thực, dấu tích văn hoá mạnh lắm. Cùng ở trên một vùng đất của xứ Mỹ nhưng mỗi nhóm dân tộc lại ưa một loại cảnh trí khác nhau. Người Phi thích lối làm hàng rào sắt, tráng xi-măng, trồng cây ăn trái, người Mỹ gốc Anh ưa làm loại vườn cảnh theo lối nhà nghỉ mát trên núi như hình ảnh thường thấy trong phim ảnh "*Bạch Tuyết và bảy chú lùn*" hoặc trong phim "*Cô bé quàng khăn đỏ*" với một một túp lều hình nấm có những bụi hoa rực rỡ bao quanh vách lều và thảm cỏ trải dài ra ngoài ven rừng.

Một số người Mỹ thích đặt thêm cái bánh xe ngựa cũ trước sân nhà như còn hãnh diện cho một thời tây tiến về miền hoang dã. Và, nếu chủ nhà là người Nhật, nhiều phần bạn sẽ được ngắm một cây hắc tùng Nhật-bản la đà hoặc cây phong yếu điệu trước sân nhà.

Vậy thì vườn cảnh người Việt có những đặc điểm gì? Muốn tìm câu trả lời, trước hết, xin mời bạn đi ngược lại lịch sử làm vườn để phân biệt cách làm vườn cảnh của các dân tộc, trong đó cũng có phần bàn về lối làm vườn của người mình khi còn ở quê hương. Sau đó là phần bàn về những điều người mình cần lưu ý khi làm vườn cảnh VN trên xứ người và cuối cùng, điểm qua về vài loại cây quen thuộc ở VN và có thể trồng trên xứ người.

PHÂN LOẠI VƯỜN CẢNH

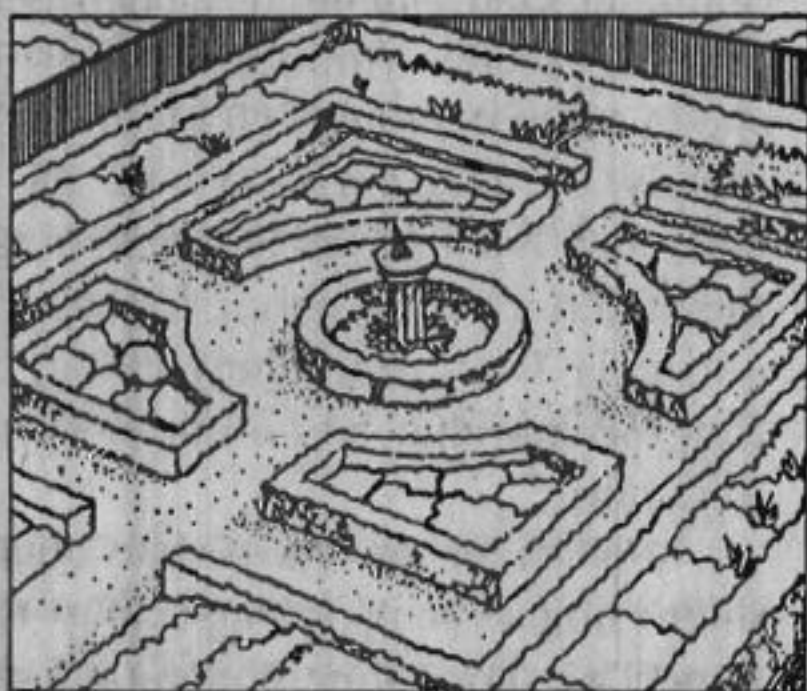
Ẩn tàng sau những khoảng xanh xanh có vẻ như vô tình này là nhân sinh quan đặc biệt của mỗi dân tộc cho từng thời kỳ khác nhau. Có nhiều tiêu chuẩn phân loại vườn cảnh,

nhưng nếu xét trên tương quan của con người đối với thiên nhiên, ta có thể phân biệt ba cách làm vườn: cách làm vườn ngay hàng, thẳng lối có tính cách khống chế thiên nhiên, cách làm vườn tự nhiên mô phỏng theo thiên nhiên, và cách làm vườn Á Đông với tinh thần tôn thờ, hoà nhập vào thiên nhiên.

Ngay hàng, thẳng lối Khống chế thiên nhiên

Đây là loại khó thực hiện nhất và cũng tốn công chăm sóc nhiều nhất. Khởi đầu từ thời cổ Hy Lạp, người ta đã biết trồng cây trong chậu và biết tỉa xén cây cối theo những hình thù không có trong thiên nhiên. Qua thời kỳ La Mã, những chậu cây cắt tỉa kỹ lưỡng này được dùng để trưng bày trong sân patio hay để trang trí trong nhà. Khắp La Mã, những nhà quyền thế đua nhau trưng bày nhà cửa theo lối này cho đến khi đế quốc này sụp đổ thì lối trồng cây đó cũng đi dần vào quên lãng.

Bằng đi khá lâu, mãi đến thời kỳ Phục Hưng, lối cắt xén cây mới trở lại thành một phong trào cùng lúc với sự phục hồi của các trường phái cổ điển trong văn chương, nghệ thuật, điêu khắc, kiến trúc, hội họa... Chưa bao giờ kiểu làm vườn theo hàng lối mạnh bằng thời này. Từ thế kỷ 14 đến thế kỷ thứ 16, những thửa vườn hình học thường được chính các vị kiến trúc sư xây nhà phác họa ra chứ không phải thợ làm vườn vẽ kiểu. Thí dụ điển hình là vườn cây ở điện được, phải có tiền mới giữ gìn được



Ngay hàng thẳng lối
khống-chế thiên-nhiên

Versailles tại Pháp. Bố cục của vườn là sự thăng bằng hình học với những hình tròn, hình vuông, đường thẳng. Vòi nước nhiều tia, hình tượng điêu khắc theo kiểu Trung Cổ, lối đi tráng xi-măng, lát gạch hay trải sỏi ngay ngắn, các bụi cây *boxwood* cắt xén vuông vức cùng những luống hoa trồng ngay hàng, thẳng lối là những thành tố của lối cấu trúc này. Thiên nhiên phải bị khuất phục trước con người; cỏ cây, hoa lá phải bị cắt xén theo khuôn mẫu do con người định đoạt. Có thể nói đây là lối vườn của nhà giàu. Phải có tiền mới làm và nó bộc lộ mặc cảm tự tôn của kẻ khống chế, khống chế thiên nhiên và khống chế cả đồng loại. Lối thực hiện vườn cảnh này không còn phổ thông, song ảnh hưởng khống chế thiên nhiên, lấy thiên nhiên làm trò chơi cho mình vẫn có thể nhìn thấy mỗi ngày khi đi qua những căn nhà trong thành phố, nhìn thấy những tàn cây bị cắt xén thành hình tròn, hình vuông hoặc được uốn nắn theo hình thú vật. Spanish-Mediterranean cũng là một hình thức khác của lối làm vườn theo hàng lối khi người ta không có những vườn đất mênh mông như trong những biệt thự nhà giàu. Nhà mái ngói có tường gạch bao quanh một cái sân nhỏ lát gạch với các chậu cây đất nung, cây ô-liêu, cây xương rồng thùng rượu, cây *aloes* (thứ cây ... bá bệnh làm đầu xoa mặt), *bird of paradise*, *California pepper*,... là một thí dụ điển hình của vườn Địa Trung Hải mà sau này người Tây Ban Nha đã đem sang các thuộc địa Trung Mỹ và Nam Mỹ.

Vườn cảnh theo hàng, theo lối thích hợp với những tòa nhà kiến trúc đối xứng, phải trái bằng nhau kiểu La Mã như một số lâu đài xưa ở Pháp, ở Anh và những cơ ngơi lớn tượng trưng cho quyền thế của con người như tòa Bạch ốc, dinh Độc Lập, điện Versailles...

Vườn cảnh tự nhiên Mô phỏng thiên nhiên

Tại Hoa Kỳ trong thời kỳ đầu lập

quốc, mô thức làm vườn kiểu ngay hàng, thẳng lối vẫn còn là mẫu mực cho các kiến trúc sư vẽ kiểu xây nhà. Dinh thự của Tổng-thống George Washington và Thomas Jefferson cũng có khoảnh vườn làm theo lối này. Khi người Mỹ Tân thế-giới đã chán ghét chế độ quân chủ và những định chế cổ lỗ Âu Châu, họ cũng chán luôn cả cái lối làm vườn tròn tròn, vuông vuông thời Trung Cổ này và họ chuyển sang lối làm vườn tự nhiên hơn.



Vườn cảnh tự-nhiên
mô phỏng thiên-nhiên

Khác biệt giữa cách làm vườn theo hàng lối và cách làm vườn tự nhiên cũng tương tự như khác biệt giữa thơ Đường luật và thơ tự do, giữa các câu đối và những câu nói tự nhiên hằng ngày. Một đàng gò bó, công thức, một bên thoải mái, tự do. Đây là loại mô phỏng theo thiên nhiên. Những đường nét, cây cỏ đều làm ra vẻ tự nhiên như là do trời sinh ra.

Căn nhà như là một phần của khung cảnh lân cận; cây cảnh trồng trong vườn không phải là những kỳ hoa dị thảo phương xa mà chỉ là những loại cây mọc trong vùng. Đôi khi, chủ nhà còn "mượn" cây mọc gần nhà, coi đó như là một phần của vườn cảnh nhà mình. "Mượn" đây không phải là chờ đến tối không thấy ai, vội xách cuốc, xách xuống ra bứng về, mà là trồng cây trong vườn mình thế nào để người ngắm có thể nghĩ rằng cây cối mọc bên ngoài cũng là một phần nối tiếp vườn cảnh của mình.

Lối làm vườn này được nhiều người ưa chuộng và áp dụng ở nhiều địa phương, tạo ra những hình thức vườn cảnh khác nhau, song nội dung chỉ là một: mô phỏng thiên nhiên. Con người không cố tình khống chế thiên nhiên mà chỉ mong tạo ra một khung cảnh thiên nhiên để cho mình thưởng thức. Tùy theo từng vùng khí hậu, địa dư khác nhau, quan niệm này đưa tới nhiều cách làm vườn cảnh khác biệt: loại sa mạc, loại nhiệt đới, loại Địa Trung Hải, loại California

Những vườn cây ở Disneyland hoặc những khách sạn sang trọng giả theo khung cảnh ở Hawaii hay khung cảnh Polynesian là thí dụ cho loại vườn cảnh nhiệt đới. Căn nhà tranh nép mình dưới bóng mát những cây dừa lảo, bụi hoa dâm bụt xanh tươi bên những khóm trúc vàng la đà theo gió, giàn hoa giấy rực rỡ khoe sắc giữa các loại cây thật xanh, lá lớn và các loại hoa nhiều màu sắc là đặc điểm của loại vườn cảnh vùng trời nhiệt đới.

Vườn cảnh kiểu sa mạc thường có những cây xương rồng không biết đâu là cành, đâu là lá, những bụi rậm không cần nhiều nước, những đám đá sỏi khô khan nắng cháy như khung cảnh sa mạc Arizona hoặc miền Nam Mỹ-tây-cơ.

Có người ưa thích loại vườn hoang-dại, theo đó cây cối được tuyển lựa và trồng tỉa theo khung cảnh rừng già hoang dã hay một cánh đồng đầy hoa dại.

Nói tóm lại, ở vùng nào, sẽ có loại vườn cảnh mô phỏng theo khí hậu và khung cảnh ở vùng đó. Ưu điểm đầu tiên của lối này là việc sử dụng các loại cây dễ tìm, rẻ tiền, dễ sống; song quan trọng hơn là nó tạo ra được một vẻ đẹp hài hoà giữa căn nhà và khung cảnh thiên nhiên xung quanh, cũng như sự hòa hợp, liên tục giữa những căn nhà trong vùng.

Vườn cảnh đông phương: Tôn thờ thiên nhiên

Vào giai đoạn người cổ Hy-lạp cất xén cây theo những hình thể hình

học, thì người Trung Hoa cũng bắt đầu một loại làm vườn đặc biệt mà ảnh hưởng vẫn còn sâu đậm cho đến ngày nay. Khoảng 200 năm trước Tây lịch, các hoàng đế nhà Hán đã cho tạo dựng loại non bộ tượng trưng cho những hải đảo trường sanh mà thời ấy người ta tin là nằm đâu đó ngoài khơi Trung Hoa.

Huyền thoại kể chuyện Ngọc Hoàng Thượng Đế tạo dựng thế giới đã ra lệnh cho mấy con rồng khổng lồ chở trên lưng những hòn đảo trường sanh lênh bênh đó. Sau, có một tên khổng lồ giết hết đám rồng khiến các đảo chìm mất, chỉ còn lại một. Ai tìm thấy và viếng đảo nổi đó một lần sẽ được trường sanh bất tử. Chính vua Vũ đã đích thân đi tìm đảo này mà không gặp. Sau này, hòn non bộ mô phỏng theo núi non Trung Hoa, đặc biệt là sông Dương Tử, núi Thái Sơn, đã trở nên một nơi chốn để con người suy tư về cội nguồn của mình, một nơi chốn để con người cảm thông với trời đất, thiên nhiên. Mặc dầu người ta biết rằng hải đảo trường sanh bất tử chỉ là chuyện ... phịa, nhưng được sống lâu vẫn còn là mơ ước muôn đời của con người, và những thành tố của hòn non bộ như tùng, bách, hạc, rồng là những biểu hiện của ước mơ trường thọ đó.

Vườn cảnh của Đông phương đi xa hơn lối làm vườn theo tự nhiên một bậc trong việc tìm về thiên nhiên. Con người không phải chỉ là nương theo thiên nhiên như một người khách đến từ phương xa. ở đây, con người và thiên nhiên là một.



*Vườn cảnh đông-phương
tôn-thờ thiên-nhiên*

Khởi đầu từ Trung Hoa, tinh thần của vườn cảnh đông phương lan sang các nước lân cận và đạt đến cao điểm tại Nhật Bản. Niềm tin tưởng con người là một phần hoà nhập của vũ trụ, là một gạch nối giữa trời và đất chính là tinh thần của loại vườn cây đông phương.

Vào vườn đông phương, không thể xem vườn theo lối cưỡi ngựa xem hoa, không thể chỉ đứng ngắm nhìn khơi khơi như một du khách xem phong cảnh Disneyland, mà phải thực sự "sống" ở trong vườn, phải dự phần vào vườn, phải chia sẻ vui buồn của cây cỏ. Có vậy, mới hiểu được vườn cảnh Á đông.

Theo lối làm vườn đông phương, mảnh vườn phải được tách ra khỏi đời sống thế tục. Vườn đông phương phải biệt lập, kín đáo. Ngoài vườn là thế tục, tầm thường, trong vườn là nơi thiêng liêng, cao quý. Ngoài kia là con người tranh đua, mưu mẹo, trong này là thiên nhiên chân thật, hiền hoà. Xa hơn nữa, có khi người ta còn làm một căn phòng nho nhỏ gọi là trà thất ở một góc kín đáo trong vườn. Trà thất là một vùng riêng biệt trong vườn và tách biệt hoàn toàn với cõi đời ô trọc và ồn ào này. Vào trà thất là không báo chí, không điện thoại, không ... beeper.

Vào trà thất là gác bỏ mọi ưu tư, mọi âu lo trần tục, như người ta cởi bỏ đôi dép dính đầy bụi bặm trước khi bước vào nhà. Chứ trà thất được mình dịch thành phòng trà, nhưng bây giờ, chữ phòng trà đã có nghĩa khác. Khi nói phòng trà, người ta nghĩ tới những hộp đêm xinh xinh, chất chất kiểu Diamond, Queen Bee, Maxim, Lido, MiniClub... Gọi là phòng trà mà không cách gì xin được một ly trà, đâu chỉ là thứ trà đá ... chữa lửa! Trà thất xưa là nơi để tu tập theo thiên, còn vào phòng trà bây giờ có Linda Trang Đài ngoáy mông, hở rốn, tối chủ nhật lại có bikini show, tu gì nổi!

Loại vườn tự nhiên bất chước thiên nhiên càng giống càng tốt, ngược lại vườn Đông phương chỉ mô phỏng thiên nhiên đến một mức nào đó rồi để cho óc tưởng tượng của con

người tìm thêm.

Tự nhiên là loại vườn cảnh mở, loại không che dầy, có sao nói vậy rất thích hợp đặt vào phía sân trước nhà. Vườn đông phương cần sự biệt lập, kín đáo để óc suy tư có chỗ làm việc, phải được đặt vào sân sau. Cái tinh thần đông phương cỏ hoa như thể tứ chi cận kề du nhập vào Nhật Bản, phối hợp với óc kỷ luật, óc nghệ thuật trau chuốt của người Nhật tạo ra những khung cảnh thật lôi cuốn khiến con người có thể buông thả đầu óc mình bênh bồng theo những tàn lá xanh xanh để mơ về một phương trời xa xăm nào đó.

Khuynh hướng Á đông có mặt tại VN rất sớm hoặc trực tiếp từ Trung Hoa hoặc gián tiếp qua trung gian Nhật Bản. Sau ta lại chịu ảnh hưởng lối làm vườn cảnh ngay hàng, thẳng lối của người Pháp, vì vậy, vườn VN pha trộn nhiều sắc thái, nhưng trước hết, phải kể đến tính cách thực dụng của vườn cảnh VN.

Trồng cây thực dụng

Người Việt hết sức thực tế nên việc trồng cây nặng phần thực dụng hơn là ngắm cảnh phù phiếm. Thật tình, ăn chưa đủ no, làm sao lo tới vườn cảnh. Nếu có chút đất, việc đầu tiên là nghĩ tới cái ăn. Đúng vậy, thực dụng là đặc tính đầu tiên của vườn cảnh VN. Trước hết, mời bạn ghé thăm một mảnh vườn miền Bắc ngày xưa:

"Những gia đình sung túc có đất ở rộng thì đằng trước nhà là sân lát gạch, rồi tường hoa với bể chứa nước mé ngoài, bên rìa trồng cây có hoa để ướp trà, trà, thuốc lá, như ngọc lan, sồi, mộc, ngâu,... Vườn thì trồng rau, trồng cau, trà và các thứ cây ăn quả:

Cảnh không gì bằng cảnh cau, rau không gì bằng rau khoai, toàn là những thứ thiết dụng." (1)

Đó là cảnh ở ngoài Bắc. Thử vào miền Nam xem cảnh trí một nhà giàu ra sao. Mời bạn nghe ông Nguyễn Tấn Đồi tả lại cảnh vườn nhà ông bà nội của ông:

"Từ cổng dẫn vào nhà là con đường lát gạch tàu, loại gạch bằng đất nung, mỗi cạnh 3 tấc vuông. Hai bên đường đi, ông tôi cho trồng bông vạn thọ với hoa lài. Gần đến cửa cái vào nhà là dàn hoa dạ lý hương, loại hoa tỏa hương thơm về đêm, mùi hương ngọt ngào lãng mạn...

... Bên hông mặt nhà, trên một gò đất cao hình chữ nhật là vườn trà của bà tôi. Các cây trà cao hai thước, chu vi bằng cái chén được cắm ngay hàng thẳng lối làm nọc trà. Dây trà bám vào nọc mà leo lên tạo thành nhánh lá trà vàng, tươi rói...

... Bên hông trái là một hàng rào bằng trúc vàng tuyệt đẹp. Lúa thua vài cành trúc vượt lên cao, mỗi khi có cơn gió lướt qua đưa đẩy ngọn trúc làm chúng phe phẩy như bầy rắn vàng cất đầu múa hát...

Phía sau nhà bếp là vựa chứa lúa. Sau cùng là chuồng gà, chuồng heo. Gần đó là ao nuôi cá vồ. Bờ ao mọc hai cây sung có rất nhiều trái màu xanh, khi chín trở thành màu đỏ bầm, bám sát vào thân cây từng chùm. Tàn cây de ra gần giữa ao. Mặt ao phẳng lặng. Thỉnh thoảng vài con cá như nô đùa phóng lên dớp mặt nước khiến mặt nước chao động tạo thành những vòng tròn như vẽ từ nhỏ đến lớn rồi mờ dần, tan biến hòa với nước." (2)

Ông Đồi tả rất đầy đủ về mọi phần trong căn nhà kỷ niệm quê hương, từ phòng khách, nhà bếp, vựa lúa, đến nhà kho, chuồng gà, chuồng heo,... Ông cũng nhắc cả đến cái ao nuôi cá ... vồ, nhưng không nói đến cái ... cầu-tiểu ở đâu, song tôi nghĩ ai cũng đoán được. Đã kể tới cái ao cá vồ rồi mà còn tả cái cầu cá nữa thì dư. ở nhà quê ai lại không biết tới cá thú mát mẻ, vừa sạch sẽ lại vừa tiết-kiệm, sản-xuất này!...

Ngoài Bắc không thấy ao nuôi cá vồ, nhưng ngay sân trước nhà, trên đường từ cổng vào nhà, người ta thường đặt mấy chậu sành hứng nước tiểu của khách đến chơi. Chẳng là trong nước tiểu có nhiều chất urê rất thích hợp cho loại cây trồng lấy lá

xanh. Cả chủ nhà cũng vậy, đi đâu có một mấy cũng cố nhịn chờ về đến nhà xả "nhót". Đỡ phí của trời. Thực dụng đến thế là cùng!

Thật tiếc, khi còn ở VN, tôi chưa được dịp ra Huế thăm lăng tẩm nên không hiểu ngự viên của vua chúa ngày xưa có thực dụng như vậy không. Dĩ nhiên, vườn của vua không thể nào có ao nuôi cá vồ và chậu hứng nước tiểu, nhưng không biết vua cho trồng các loại cây nào, cây cảnh nhiều hay cây ăn trái nhiều.

Trồng cây cảnh

Bớt thực tế một chút mới nghĩ tới việc trồng cây làm cảnh. Cây cảnh, mà vì hủý hoàng tử Cảnh, người Nam đã nói trại ra là cây kiểng, thường là các loại hoa mai, lan, cúc, trúc, vạn thọ, lài, thược dược, thủy tiên... Cũng có khi cây thuộc giống ăn được nhưng chỉ được trồng để cho đẹp hơn là để ăn như kim quất, phật thủ... Trừ những loại dây leo cần trồng xuống đất để bám theo giàn, các loại cây kiểng khác thường được trồng trong chậu. Ngày xưa, không có những nơi bán hoa để trồng như các vườn ươm cây hiện nay.

Tại kinh kỳ và vài thị trấn lớn, lâu lâu cũng có người bán hoa, nhưng là hoa đã cắt ra để cúng lễ chứ không phải để trồng. Muốn có, phải tự đi kiếm giống trồng lấy.

"Những người phong lưu nhàn hạ, thích có vườn cảnh ngay trước nhà, dưới dàn hoa kê mái hiên. Giàn cao chừng hơn hai thước, dài rộng chừng ba bốn thước, trồng nho leo, mùa hè lá xanh tốt che bớt nắng chang chang, bớt mưa rào gió táp, mùa đông cũng án ngự được phần nào sương muối gió may." (1)

Cao hơn bậc nữa, người ta chơi đến loại cảnh thu nhỏ từng, bách, thông, phong trong những chậu xinh xinh cho hợp với kích thước và chế độ dinh dưỡng của cây. Bồn tài (bonsai) là lối nghệ thuật thu nhỏ và tạo hình cây từ thời cổ Trung Hoa lan dần sang các nước Á Đông và được nâng cao tại Nhật. Điều cần ghi nhận

ngay là cây bồn-tài không phải là một phần của mảnh vườn. Khu vực ngoài trời giành cho bồn-tài phải là một phần khác, tách rời khỏi mảnh vườn tự nhiên. Trước hết, bồn-tài là loại cây quý phải mất nhiều năm mới tạo được, rất dễ bị hư hại khi đặt xuống đất và quan trọng nhất, về phương diện nghệ thuật, kích thước cây bồn tài không hợp với khuôn khổ và cây cối ngoài vườn. Hầu hết những chậu bồn-tài phải được đặt ngang tầm mắt người thưởng ngoạn, nếu cây được đặt lè tè dưới đất thì đâu còn ra gì nữa. Giống như khi bạn chụp hình những cháu bé, bạn phải ngồi xuống đặt máy chụp hình ngang tầm mắt cháu bé, hình mới có thể đẹp được. Nếu bạn lười biếng đứng thống lung từ cao chụp xuống, cháu bé sẽ có hình ảnh thấp lùn, dị dạng. Khi đã có nhiều cây bồn tài, người ta phải có một khu riêng để trưng bày hoặc tạo ra cảnh trí như thiên nhiên cho loại cây thu nhỏ này. Cây có thể riêng trong từng chậu nhỏ, hoặc được trồng theo những hốc nhỏ của một hòn núi giả mà người mình thường gọi là hòn non bộ.

Hòn non bộ

Tục chơi hòn non bộ không biết có từ bao giờ, nhưng sử chép vào năm 984, vua Lê Đại Hành đã cho bày núi giả bằng tre đan, gọi là Nam Sơn, đặt trên thuyền mở cuộc đua trải. Đến đời vua Lý Thái Tông (1028-1054), vua cho xây núi Vạn Tuế ở Long Trì, có 5 ngọn, đắp hình tiên bay và chim muông.

Hãy thử lại gan xem một hòn non bộ của người miền Bắc:

"Dưới giàn hoa là hòn non bộ trong bể nước thả cá vàng. Những hòn núi tìm kiếm được nguyên vẹn là quý nhất, nhưng rất hiếm; người ta thường chấp nối nhiều miếng đá hoặc đắp cả hòn núi nhỏ với hình thể theo ý muốn. Trên non bộ có tháp có chùa, với lối đắp sơn, cầu bắc qua khe suối, đá núi rêu phong, cỏ cây vui mắt; có khi là bàn cờ với hai ba ông tiên dưới gốc cổ thụ; có khi là hoạt cảnh những người câu cá, kiếm

củi, cày ruộng, đọc sách (ngư, tiều, canh, độc). Những tượng hình chùa, tháp, cầu, quán, người ngựa, có bán sẵn bằng sành, bằng sứ đủ cỡ do người Tàu đem sang. Nhiều tượng người, có đầu nhỏ hơn hạt đậu xanh mà cũng đủ râu, mày, mắt, mũi với vẻ say sưa, la đà bên hồ rượu, hay với vẻ chăm chú dồn hết tinh thần vào cuộc cờ trên phiến đá, hay với dáng điệu thanh thoi ngẩng nhìn trời mây, quên hết việc đời." (1)

Và đây là hòn non bộ ở miền Nam:

"Cạnh đó là hòn non bộ do ông tôi thực hiện. Có thấy cảnh ông nội tôi mỗi chiều nào cũng ngồi cặm cụi sắp xếp, xếp xếp từng cục gạch, từng hòn đá sù sì mà các bạn biết ông tôi thích, đem đến cho, mới thấy quý cái hòn non bộ này. Ông tôi tạo thành như cái núi thu nhỏ, có triền núi cheo leo, có hang sâu, có bể cạn cho cá lội. Trên sườn núi và trên đỉnh có gắn hình nhị thập bát tú bằng sành men xanh, đỏ vàng, tượng ông Khương Tử Nha ngồi câu cá. Những tượng này nhỏ xíu, xinh xắn như ngón tay út, được gởi mua tận Chợ Lớn. Xa xa, khuất sau mô đá, ông tôi gắn thêm hai ông tiên đang ngồi đánh cờ tướng dưới gốc cây kiểng cũng nhỏ do ông tôi cắt, tĩa, uốn hót rất công phu. Có những cây có nhánh chỉ thiên, nhánh xà xuống mặt nước trông tuyệt đẹp." (2)

Dù ở Bắc hay vào Nam, ảnh hưởng của Trung Hoa hết sức đậm nét trong lối trang trí hòn non bộ. Điều đáng nói là thời xưa chưa có điện, dĩ nhiên chưa có máy bơm, do đó, nước trong hòn non bộ không thể luân lưu được, cũng không thể nào làm suối chảy trên non được, cây cối thì gần như không hề thay đổi do đó, có lẽ ngắm lâu cũng chán như Cụ Nguyễn Khuyến ngao ngán nhìn mãi cái ông phỗng đá:

Ông đứng làm chi đấy hỡi ông
Trơ trơ như đá, vững như đồng
Đêm ngày coi sóc cho ai đó
Non nước vui đây có biết không?

Kể ra, lối trồng non bộ của Trung Hoa với mơ ước trường sanh bất tử và lối làm vườn Nhật với tâm tư nặng mùi thiền đều có vẻ quá long trọng và hơi khắc khổ. Nếu được làm cây, tôi sẽ không mơ làm cây bồn tài. Cây phải bị uốn lên, bẻ xuống quằn quại dưới bàn tay loài người thô bạo. Lớn không cho lớn, thẳng không cho thẳng cứ y như sống kiếp đọa đầy của loại gà nuôi ống tre, của loại ếch lớn bọng dừa. Hình hài thui chột hết.

Đồng ý là cây cối cần uốn nắn, nhưng điều đó không có nghĩa là muốn bẻ qua quặt lại thế nào cũng được. Phải để cho người ta thở một chút chứ! ép nhau quá, còn chi là tự do!

Ảnh hưởng của người Pháp

Người Pháp đến VN xây dựng nhiều công thự nguy nga theo lối kiến trúc La Mã như dinh Norodom, viện Bảo tàng trong vườn Bách thảo ... và họ mang sang cả lối làm làm vườn cảnh theo hàng lối. Hình ảnh những dinh thự nguy nga với khoảnh vườn hình học cũng đã có ảnh hưởng đến cách làm vườn cảnh VN.

Một số điền chủ, đốc phủ sứ và những người giàu có cũng cho làm vườn cảnh theo lối ngay hàng với những thảm cỏ xanh, tường gạch bao quanh, lối đi ngay hàng thẳng lối, sỏi trắng, tượng điêu khắc và có nơi có cả vòi phun nước.

Thời kỳ Mỹ tham-chiến ở VN quá ngắn ngủi, lại chiến tranh liên tục, nên không có ảnh hưởng đáng kể. Đến khi mấy anh VC vào miền Nam, biết bao nhiêu công viên tươi đẹp biến thành chỗ trồng rau lang hết ráo. Mà phải chi trồng cho ra trò gì cho cam! Khuya chiều giống trống cho cổ, bắt bao nhiêu người ra cuộc đất nhổ hoa, dẫm dúi mấy cọng lang rồi bỏ đó cho chết khô, chết héo.

Nói chuyện vườn cảnh với mấy anh VC thà vạch đầu gối ra tâm sự còn sướng hơn. Trông mãi hình ảnh "bác Hồ" cười toe toét bên cây vú sữa, thấy mà lộn ruột.

Tóm lại, việc làm vườn cảnh của

người Việt mình chịu 3 ảnh hưởng: óc thực dụng của ông bà, tinh thần tôn thờ thiên nhiên của vườn cảnh Đông phương và cả tinh thần trật tự, quyền uy của vườn cảnh Tây phương thời Trung Cổ. Cả 3 ảnh hưởng này vẫn còn đậm nét trong cách tuyển lựa và bài trí vườn VN trên đất Mỹ.

VƯỜN CẢNH CỦA NGƯỜI VIỆT TRÊN ĐẤT MỸ

Sang đất Mỹ, mình lại chịu thêm ảnh hưởng của lối làm vườn tự nhiên. Mình biết tất cả các lối làm vườn khác nhau, và vì biết nhiều thứ quá, cái khó là lựa theo lối nào, và nếu có phải tổng hợp thì nên lấy điểm gì và bỏ điểm gì. Không hẳn là lối này dở hơn lối kia, nhưng mỗi cách làm vườn thích hợp cho một loại nhà, một khu vực nào đó.

Cũng không hẳn là các loại vườn cảnh hoàn toàn tương phản và không thể hoà hợp với nhau, nhưng làm sao tạo được sự hài hoà trong vườn cảnh?

Hoà hợp địa phương

Mặt tiền nhà cửa ở California thường chia làm hai phần: một bên là nhà xe để hai xe, một bên là cửa trước và cửa sổ. Rất ít nhà xây theo lối kiến trúc đối xứng. Đó là lý do đầu tiên gây trở ngại cho loại vườn cảnh theo hình học. Thứ hai, phải bao lâu mới có được một hàng cây boxwood đủ lớn có thể được cắt xén vuông vắn?

Bốn năm, năm năm là thời gian quá lâu đối với người Mỹ cứ vài năm là lại bán nhà một lần vì lý do này hay lý do khác. Khi cây cối chưa tới mức để cắt xén mà mình đã lo bán nhà thì thật uổng công. Người Mỹ cũng không thích sự đối xứng tròn trịa trong nhiều lãnh vực. Chỉ cần so sánh lối bố cục một bài văn kiểu cũ Âu Châu và VN với cách phân đoạn một bài văn phổ thông ở Mỹ ta thấy sự đối xứng đã mất đi thể đứng của nó rồi. Hơn nữa, làm sao tìm được sự đối xứng toàn bích của thiên nhiên? Thiên nhiên tiến triển không ngừng, biến hoá vô tận, làm sao đòi tìm được

những bông hoa trên đồng lầy

*từ trong lòng nước lưu đầy
từ trong ngực tối bùn lầy thoát ra
hoà thân làm một loài hoa
ngọc xanh chuốt nồn tay ngà vươn lên
đi tìm sự sống vô biên
thoát vùng lửa hạ dựng trên vũng tù
sắc màu hoà điệu thiên thu
bầy đường ánh sáng về ru giấc vàng
vươn lên mấy cõi không gian
nghìn xưa tử nhục hoà tan biển sâu.*

cao hoàng nhân

cái ngưng đứng toàn bích?

Loại vườn cảnh theo hàng lối lại rất tốn công chăm sóc. Hàng cây vuông vức phải được cắt xén thường xuyên hơn những loại cây trồng theo tự nhiên hoặc theo lối Đông phương. Bạn nào đi lính rồi chắc còn nhớ: tóc để ca-rê không quá hai tuần phải ra thợ cạo, tóc để dài chải ngôi ba bảy một tháng một lần hớt cũng không sao, và nếu để tóc híp-py thì ba tháng hớt một lần cũng không khác lắm với sáu tháng một lần ra thợ cạo. Vì vậy, có lẽ mình chỉ nên áp dụng cách làm vườn ngay hàng, thẳng lối trong vài trường hợp đặc biệt mà thôi.

Hai cách làm vườn tự nhiên và Đông phương dễ hoà hợp với nhau hơn, nhưng như đã có bàn ở trên. Vườn cảnh Đông phương có tính cách kín đáo, không nên làm phía sân trước. Hơn nữa, đầu gì thì mình cũng đang ở xứ người, sân trước đừng nên làm gì quá khác biệt với mọi người xung quanh, thiên-hạ dòm-dõ khó chịu.

Một vườn cảnh hoàn toàn Á Đông, hoặc hoàn toàn VN nơi sân trước không phải là cách giới-thiệu văn hoá. Khi di dân đến vùng địa dư khác mà vẫn cố áp dụng loại vườn cảnh quê cha đất tổ, ngay ở mặt tiền e vừa làm giảm đi sự hoà hợp của khung cảnh, vừa tạo ra vẻ lạc lõng tại địa phương mới.



Tóm lại, ở sân trước, tôi nghĩ mình nên làm vườn theo lối tự nhiên tương tự khung cảnh quanh nhà, tương tự các vườn cây láng giềng. Thiên nhiên đã lựa cho mình loại cây thích hợp cho vùng mình ở. Những cây không hợp đã chết hết rồi. Cũng nhờ đó, loại cây địa phương giá rất rẻ. Lên Seattle tìm mua một cây bông giấy chắc chắn giá đắt hơn mua ở Nam Cali nhiều.

Cái lợi thứ hai là mình được cảm tình của láng giềng. Sân sau, làm gì tùy ý. Bạn có thể thực hiện một vườn cảnh Đông phương trong một khung cảnh hết sức riêng tư, kín đáo. Cũng có thể giành một góc vườn cho các loại cây ăn trái và rau thơm cho bữa ăn ... "cải thiện", nhưng đừng trồng quá nhiều ăn không hết lại làm hư vườn.

Hoà hợp trong vườn

Đừng nên cứ thích cây gì thì trồng đó mà không cần biết xem các thứ cây trồng có phù hợp với nhau hay không. Nếu ngay trước sân nhà, mình trồng bồn tãi như cây trong hòn non bộ và quanh gốc cây, lại cho đặt vòng gạch đỏ hình chữ O, hoặc dùng những hàng gạch có cạnh trên uốn như sóng lượn, loại vật liệu được ưa chuộng trong lối làm vườn cảnh theo hàng lối để tạo ra những đường thẳng

ngay hàng hay những vòng tròn kỷ hà học, tôi e không có sự hài hòa.

Không nhất thiết phải theo đúng boong công thức, nhưng ít ra phải có sự hoà hợp tối thiểu coi cho được. Vườn cây phải có sự hài hoà về màu sắc, về triết lý, về tỷ lệ cũng như con người phải ăn mặc cho thích hợp với khung cảnh, khí hậu mới có thể coi là đẹp được.

*Nhớ xưa, em chữa theo chồng
Mùa xuân may áo, áo hồng đào rơi
Mùa thu mặc áo da trời (3)*

Giữa mùa thu em lại chơi ngay một bộ bikini xanh xanh, đỏ đỏ theo

kiểu Hawaii tình hề rực rỡ thì thật chết người, còn gì là hòa hợp nữa, hỏi trời? Ăn xà-lách, cà chua kèm với beefsteak, khoai chiên thì được; nhưng nếu phải ăn beefsteak với ...rau muống chẻ thì thật tội cả rau lẫn thịt!

Hoà hợp với thiên nhiên

Ngày xưa, khi còn ở VN, đời sống tương đối gần thiên nhiên hơn, do đó, không mấy ai cảm thấy có nhu cầu cấp thiết phải tìm về với cội nguồn, gốc tích của mình. Người ta chỉ thấy cần khi đã đánh mất cái họ

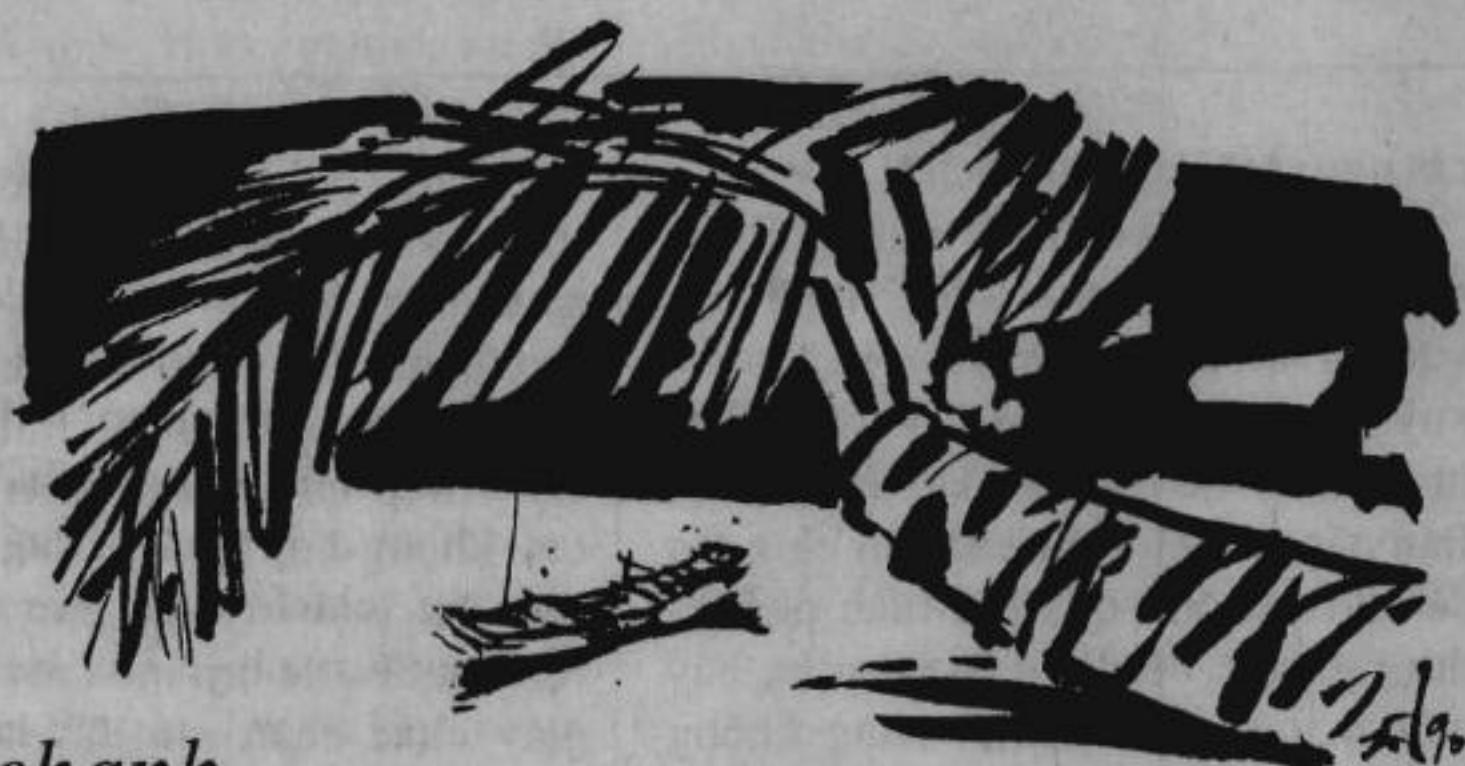
đã có. Đời sống đô-thị-hoá càng phát triển, con người càng dễ xa rời thiên nhiên. Trong văn phòng, trong hăng xướng, trong xe hơi, trong căn phòng ngủ ... gần như lúc nào cũng bị chôn vùi giữa bê-tông, đầu hắc, cao-su và sắt thép. Ngay cả cây cỏ trang trí xung quanh đôi khi cũng lại làm bằng ... ni-lông hay bằng vải vốn là những pho sản của đầu hỏa. Cái thiên nhiên duy nhất còn sót lại, theo lời của một nhà văn không nhớ tên, là thân hình người đàn bà. Nhưng ngay cả đến cái "thiên nhiên" này, nó lại cũng có cái giả nữa mới chết chứ! Thì thế, dưới làn da trắng trẻo mịn màng, có khi chỉ là mấy túi silicone lũng bưng. Có phải đây là cái giá của văn minh, tiến bộ? Rời xa thiên nhiên đến một lúc nào đó, con người mơ về lại với thiên nhiên, được hoà hợp với thiên nhiên như là một phần cơ thể của mình. Âm dương hoà hợp, thiên nhiên hoà hợp. Tất cả là một. Tự ngàn xưa, em đã là anh; tự ngàn xưa, ta cùng là cây cỏ, cùng là gió cùng là mây...

*Lớn lên giữa núi xanh rì,
Cỏ hoa như thể tứ chi cận kề. (3)*

*Hoặc như
Nghìn thu, anh là suối trên ngàn.
Thành sông, anh đi xuống,
anh tuôn tràn biển mơ.
Nghìn thu, em là sóng xô bờ
Vào sông, em đi mãi
không bao giờ biển với.*

.....
*Nghìn thu ta bù đắp không ngừng
Tình âm dương chan chứa
xoay trong vòng tử sinh...*
(Phạm Duy)

Bài hát trên đây không dành riêng cho những người... làm vườn cảnh, dĩ nhiên, nhưng sự hoà hợp vợ chồng, sự hòa hợp âm dương trong cái vòng tử sinh vô cùng của trời đất do bài hát gợi lên kéo con người về gần với thiên nhiên, cốt lõi của tinh thần vườn cảnh đông phương. Thiếu cái tâm thành ấy, việc làm vườn sẽ trở thành công tác khổ sai vô hồn, không làm sao có cái thanh thần của một người coi sinh, lão, bệnh, tử cũng chỉ là những giai đoạn khác nhau của đời



hoa chanh

*Vườn ai hoa chanh nở
Gió chiều đưa hương nồng
Bên nhau lòng ấm quá
Chưa hay là mùa đông.*

*Buổi chiều qua gần hết
Nắng còn trong mắt người
Ôi! Một trời tha thiết
Giã hết đời ta rồi!*

*Vườn ai hoa chanh trắng
Hồn ai ngát tình đầu
Vườn xanh chiều im vắng
Làm sao đừng yêu nhau?*

*Con đường về địa ngục
Xanh ngát những hàng cây
Con mộng du hạnh phúc
Đi nhau về trong tay!*

*Dưới thân ta, lá cỏ
Ru những điệu tình sầu
Trên thân ta, biển cả
Sóng vỗ bờ, xôn xao.*

lãm thúy

thơ nguyên đức tùng

mộng
*mười năm thêm một tiếng đàn
đập dây chớp giật, hoa tan tác lìa.*

đêm liêu trai
*những bài thơ thuở thiếu thời
nghe mưa, bỗng hoá ma trời chập chùng.*

chuyện kể lúc bình minh
*mình anh đứng trước biển xa
chuyện trò với lá thư nhà lặng thinh
sóng bạc đầu, trước bình minh
không nuôi con nổi, trầm mình ngoài khơi
bao nhiêu đau khổ của đời
hoá thân đỏ một mặt trời trong tim.*

thơ viết trong quán
*sao thưa chênh chếch bên trời
ghé thăm quán nhỏ hỏi người mai sau
em cười: dâu biển có dâu
là vàng trắng cũ thay màu đỏ thôi!*

sống. Từ xa xưa đời Hùng Vương, đã có cảnh trâu, cau, đá tảng thật đẹp. Cây trâu xanh tươi, ẻo lả uốn quanh thân cau thẳng vun vút vươn lên trời xanh quả là một bức tranh có bố cục rất vững vàng và đầy ý nghĩa. Cứ nhắm mắt lại mà tưởng tượng cũng thấy đẹp rồi. Sự hài hòa giữa cây trâu yếu đuối phải bám vào cây cau sừng sững như là sự bù đắp âm dương tuyệt vời của con người. Không có nhánh trâu, thân cau không thể đẹp được. Không có thân cau, trâu biết bám vào đâu? Lại còn sự hiện hữu của tảng đá vôi và nền trời trong xanh như tượng trưng cho đất, cho trời. Toàn bộ hình ảnh ấy lại được đặt ngay nơi bờ sông vắng và ở hậu cảnh xa xa lại có thêm đường viền mờ mờ của dãy núi xanh xanh. Âm dương mà được trộn lẫn tận cùng như vậy, có chết cũng sướng. Thiên nhiên và con người mà hòa hợp được như thế thì cái chết cũng chỉ là về. Sinh ký tử qui, sống gửi thác về... Từ một cái mầm, nảy ra thành cây; rồi cây lớn lên theo chu kỳ vũ trụ. Xuân sinh hạ dưỡng thu liễm đông tàn. Xuân đơm bông, hạ trở trái, thu về rũ lá để qua đông chỉ còn vài cành đứng trơ trọi. Rồi cây cũng chết để làm phân cho những cây non, và cái vòng tử sinh cứ mãi mãi xoay xoay trong cái vô cùng của trời đất. Nếu trong vườn cây đông phương đó lại có thêm những cây cỏ thân thuộc ở Việt-nam, thì đó không những là nơi bạn tìm về thiên nhiên, mà còn là nơi nhắc nhở những cánh hoa kỷ niệm của những ngày xưa quê nhà yêu dấu. Những hệ lụy của cuộc sống quá vật chất, những căng thẳng của đời sống quá bon chen, những khủng hoảng của sự va chạm văn hoá có thể phần nào dịu bớt đi khi bạn chợt khám phá ra đóa hoa mới nở kín đáo trong một góc vườn cô quạnh. Muốn thông cảm, phải tự mình tham dự. Để có được sự thanh thản ấy, bạn phải góp phần tự làm lấy, may ra mới tìm được niềm cảm thông với trời đất, cây cỏ. Đi nghe hát, miệng nhồm nhoàm cái đùi gà quay, lâu lâu mới chịu bỏ gà xuống vỗ tay lấy lệ ngợi khen cô ca sĩ, làm sao hiểu nổi cái xót xa người

ca sĩ cho bằng tự mình uốn giọng theo tiếng Karaoke. Dĩ nhiên, tự mình Karaoke không thể điều luyện bằng ca sĩ, nhưng sự hoà mình vào lời ca tiếng nhạc chắc hẳn hơn xa trường hợp chỉ nghe người khác hát. Tất cả là ở lòng bạn có muốn hay không.

*Sao ta hiền biệt chưa về?
Lưng đồi sim tím, bốn bề chim ca,
Dù muôn dặm có bao xa
Mà trong gang tấc, vẫn là thiên thu.* (3)

Nếu lòng muốn, muôn dặm cũng chẳng bao xa; nếu không muốn, trong gang tấc cũng là ngàn năm không đạt được. Cái gang tấc ấy, ở đây tôi dùng cả nghĩa đen, chỉ là khoảng cách ngắn ngủi vài bước chân từ phòng gia đình ra vườn sau. Tất cả máy truyền hình, bước ra vườn cầm cây cuốc lên là bạn đã bắt đầu trên đường về rồi đó.

Thôi, nãy giờ nói chuyện trên trời chắc bạn cũng ớn rồi, sẵn bạn đang cầm cuốc, mình bàn chuyện dưới đất. Khi làm vườn cảnh trên xứ Mỹ, bạn nên lưu ý có vài điều sau:

Trồng cây thực dụng

Không hẳn trồng cây ăn trái là dở, nhưng cây ăn trái ở Mỹ được gây giống để làm cây lấy trái, không phải cây để làm cảnh. Hầu hết là cây ghép có phần trên là loại cây có trái ngon nhưng mọc chậm và phần dưới là của một cây hoang mọc mạnh mẽ nhưng trái không ăn được hoặc ăn không ngon. Thường thì hình dáng cây ăn trái rất xấu cần phải được tỉa cành hàng năm lúc vừa hết mùa cây ngủ. Hơn nữa, cây ăn trái thường lôi cuốn các loại sâu, phải lo diệt trừ định kỳ. Và lại, trồng rồi có ăn đâu hay là chỉ hái trái độ vài lần rồi sau đó, để mặc cho chim, cho chuột. Thêm nữa vườn! Có người trồng húng quế, húng chó làm cảnh cho đầy đất. Hôm nào có đĩa tiết canh, lòng heo, rau bị vật trụi, đất lại trơ mặt ra. Các loại rau thường chỉ sống một năm. Qua thu, vườn cây tàn tạ. Vì vậy, nên lựa một chỗ ít lộ liễu để trồng rau thơm.

Lạnh về, rau chết hết, vườn đỡ xơ xác.

Cách tưới nước:

Mới nghe hơi lạ, song đó là sự thật. Tưới nước, dù là tưới cỏ, cũng phải đúng phép tắc. Ngày nào cũng cầm vòi tưới cỏ khơi khơi là một cách giết cỏ êm thấm nhất. Rễ cỏ, loại Kentucky phổ thông chẳng hạn, cần phải được tưới sâu ít nhất 6 inches, bằng nửa lòng bàn tay. Khi phần gần mặt đất đã khô, phần dưới sâu vẫn còn ẩm, nhờ đó rễ được khuyến khích mọc sâu xuống. Khi cỏ đã có rễ sâu rồi, không cần phải tưới thường xuyên nữa. Tùy theo loại đất, tùy theo mùa, có khi 4 ngày hoặc 7 ngày hoặc 10 ngày tưới một lần, cũng được. Từ giữa mùa Thu đến lúc Xuân sắp về là mùa cây ngủ, một tháng tưới một lần cũng không sao. Cỏ đã vậy, cây lớn còn tưới thưa hơn nữa. Thông thường, một tháng một lần, nhưng mỗi lần tưới, phải tưới cho sâu, tốt nhất là dùng dụng cụ deep watering, chích nước vào thẳng rễ cây. Nếu tưới nhiều lần, lại tưới cạn, cây không có rễ sâu, chỉ có rễ cạn. Cây dễ chết và rễ hay đội vỡ sân xi-măng xung quanh gốc cây. Tưới đúng cách, cây mạnh khỏe, rễ không đội xi-măng, lại ít tốn nước.

Ánh nắng, nhiệt độ và cây cảnh.

Muốn lựa những loại cây thích hợp với khí hậu nơi bạn đang ở, cách hay nhất là tìm mua những thứ cây đã thấy trong các khu vực lân cận. Thường thì các vườn ươm cây chỉ bán những loại cây trồng được trong vùng. Các tiệm lớn có để sẵn sách tra cứu cho biết độ lạnh mà cây có thể chịu đựng.

Ngoài vấn đề nhiệt độ, bạn còn cần chú ý về hướng nắng và mặt trời. Bắc Mỹ nằm lọt hẳn vào bắc bán cầu, khí hậu bốn mùa rõ rệt. Vào những ngày của thời kỳ đông chí, khoảng cuối tháng 12, mặt trời ở phía cực nam. Dĩ nhiên, mặt trời vẫn mọc từ đông rồi qua tây, nhưng đường đi biểu kiến của mặt trời lúc nào cũng ở

về hướng Nam (4). Vì thế, những cây không chịu được lạnh nên trồng ở phía Nam để khi đông về, cây vẫn hưởng được ánh nắng từ lúc mặt trời mọc đến khi mặt trời lặn. Tại vùng Bắc Cali, những cơn gió lạnh thường từ Alaska thổi về theo hướng Tây Bắc, Đông Nam qua vịnh San Francisco, do đó, đặt cây vào phía bắc căn nhà lại càng nguy hiểm. Vừa thiếu mặt trời, vừa lạnh gió đông. Chịu sao cho nổi!

Trái sồi trắng:

Chàng và nàng đi nhau vào villa, chân bước đi trên lối mòn trái sồi là hình ảnh trong chuyện tình của giới thượng lưu nơi những căn nhà phú hộ VN. Lúc còn ở VN, hình ảnh trên là ước mơ của nhiều người. Không hiểu ngày còn trẻ bạn như thế nào, chứ riêng tôi, thú thật, có lẽ quen cô bạn nào mà nhà có sồi lát đường đi, tôi rất ớn. Qua Mỹ, hình ảnh mơ ước này rất dễ thực hiện, cộng thêm với lý do thiếu giờ chăm sóc đã đưa tới việc trái sồi. Phải nói thẳng là lối trái sồi của mình rất xấu. Nhiều nhà cho đổ sồi trắng cả bề mặt sân rộng. Vào những ngày có nắng, cả khách lẫn chủ đều phải nheo mắt trước sức phản chiếu chói chang, sỗ sàng của sồi. Lúc mới rải còn coi được. Về sau, rác rưởi, lá rụng không được quét dọn, trông thấy mà ớn. Cũng có nhiều người trái sồi kiểu da beo gồm hai ba thứ sồi có màu sắc khác nhau, mỗi khoảng một màu. Lâu ngày, sồi khác màu trộn lẫn với nhau, ai công đâu mà ngồi lựa lại? Nếu thích trái sồi, bạn nên lựa thứ sồi màu tối cho mọi người khỏi bị chói mắt. Quên, còn điều này cũng cần lưu ý. Cần có miếng nylon để cõ đại khỏi mọc, bạn phải mua đúng thứ dùng cho việc này. Đừng lấy bao đựng rác, cắt đôi rồi đem lót lên. Sau này, nước mưa không thoát được, bẩn lắm.

Evegreen hay deciduos

Nhiều người ưng cây bốn mùa (evergreen), không thích loại cây lá

rụng theo mùa. Nếu trồng cây để ngăn gió, ngăn tiếng động hoặc để che đi những góc cạnh xấu của mảnh vườn, cây bốn mùa rất thích hợp. Nhưng nếu trồng cây để ngăn chặn những tia nắng gay gắt mùa hè thì có thể cây deciduos lợi hơn. Mùa hè mình cần bóng mát cây che cho mình. Mùa đông, trời âm âm, cây rũ lá cho nhà khỏi tối. Đó là một ưu điểm của cây deciduos. Ngoài ra, lá rụng cũng có cái đẹp của lá rụng. Không có lá rụng, sao em biết thu về mà đan áo? Người Nhật khi sửa soạn đón khách quý, thường quét hết sân lá rụng cho sạch sẽ, xong ngồi lựa ra những chiếc lá nào còn đẹp mang ra ... rải lại trên đường đi.

Đất Mỹ, cây VN

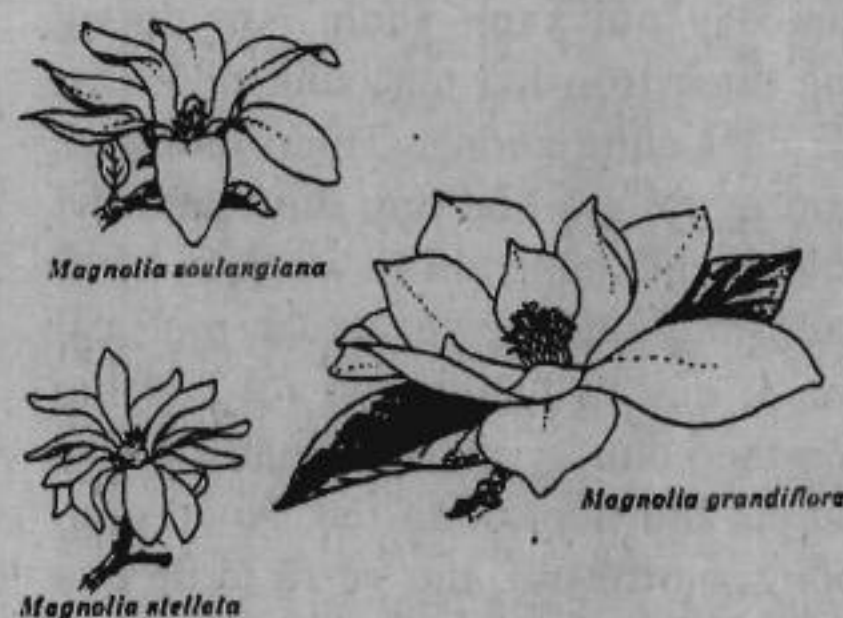
Có mảnh vườn bố cục theo Á châu mà không có cây cối VN cũng không được. Có những loại cây không hẳn là độc quyền của VN, nhưng mỗi khi trông thấy cây ở đâu đó trong một bức tranh, một khung cảnh, vẫn như thấy cả VN. Hoa phượng vĩ rực đỏ ở Mỹ-tây-cơ, hàng dừa cao lá ngọn ở Thái-lan, bụi dâm bụt xanh mượt ở Ha-uy-di... tất cả như là có VN ở đó. Sau đây là vài loại cây người Việt thích trồng.

1/ Magnolia: Mộc Lan, Ngọc Lan

GS Phạm Hoàng Hộ gọi *magnolia* là dạ hợp và cho biết *magnolia* và hoa ngọc lan VN cùng thuộc họ *Magnoliaceae* (5). Tự điển người Trung Hoa dịch *magnolia* là mộc lan, chữ mộc hình cái cây có cả thân cả rễ đang hoàng. Chữ lan rất

nhiều nét, như một chùm hoa. Có thể nhân vật Hoa Mộc Lan giả trai đi đẹp giặc được đặt tên theo loại hoa trong trắng, thơm tho nhưng hơi bị quá khổ này vì tuy nàng Mộc Lan cũng xinh tươi, đẹp dễ như các bạn gái khác, nhưng võ nghệ cao cường còn hơn đàn ông. Cậu nào trái ý là mềm xương.

Tự điển Anh Việt Nguyễn Văn Khôn gọi *magnolia* là mộc lan hay mộc-liên. (Văn Nguyễn Văn Khôn, Tự-điển Việt-Anh, dịch ngọc lan và mộc lan đều là *magnolia*). Thôi thì mộc hay ngọc gì cũng là lan. Gọi là lan, nhưng không phải loại *orchids* theo nghĩa của loài lan vương giả chi hoa.



Thực ra, *magnolia* của Mỹ khác với loại ngọc lan VN. Hoa chìm trong đám lá xanh, nhỏ nhắn vừa bằng ngón tay búp, cuống hoa dài vừa đủ để cho ai đó lấy cài mái tóc, hay cài lên áo tím. Khi mọi người đều đã biết hình dáng của cây và hoa ngọc lan ở xứ này, chắc số người mang tên hoa giảm xuống nhiều lắm. Hoa ngọc lan ở Mỹ, theo cách dịch của Nguyễn Văn Khôn, thường lớn bằng cái tô ăn phở... xe lửa, ô-đề như bà đầm Mỹ. *Magnolia* rất dễ trồng để lấy bóng mát. Có loại cây bốn mùa và có loại rụng lá hàng năm. Hoa cũng thơm, nhưng quá to, không biết giắt vào đâu.

Trên Milpitas, đường Park Victoria, đường Landess, đường Jacklin có rất nhiều cây *magnolia* hai bên đường. Dưới Orange County, gần khu thương mại VN, cũng có con đường mang tên *Magnolia*.

Bạn nào có nhiều kỷ niệm với ngọc lan, có thể tìm mua loại cây này



ở một tiệm gần Morgan Hill phía Bắc California. ở phía Nam Cali, ngọc lan rất dễ tìm. Đây đúng là ngọc lan của mình, được gọi là bạch ngọc lan (*Michellia Alba*), còn có tên khác là cây hoa sứ tây.

Cây cao từ 10 đến 15m, nhánh non có lông. Lá có phiến bầu dục thon. Hoa trắng, ở chót có một nhánh ngắn. Hoa rất thơm, dài khoảng 3 cm, có từ 8 đến 12 cánh. Ngọc lan ra hoa nhưng rất ít khi có trái. Ngoài ra, còn có loại ngọc lan ngà (*Michelia Champaca*), còn gọi là sứ vàng có thể cao đến 35 m. Đà-lạt có mấy cây, hoa thơm lắm.

Khi đi mua hoa, bạn nhớ lựa đúng tên *Michellia Alba* hay *Michellia Champaca* vì có rất nhiều loại *Michellia* nhưng không phải là hoa ngọc lan "của mình".

2/ Hibicus:

Tự điển Nguyễn Văn Khôn, theo tiếng người Bắc, dịch chữ hibicus là dâm bụt. Theo ông Bút Chì (*Làng Văn*), đúng ra là dâm bụt hay Phật tang. Người miền Nam gọi *hibicus* là cây bông bụt. Tên thật xấu, nghe như tiếng vỡ của cái bóng đèn điện, hay tiếng nổ của một khẩu súng hăm thanh, nhưng hoa đẹp vô cùng. Hoa có hình chuông, đủ loại màu.



Vùng Cali, có thể trồng 5 loại dâm bụt, có thứ lá xanh quanh năm, và cũng có thứ rụng lá theo mùa. Đẹp nhất và hợp với người mình nhất là loại *hibicus rosa-sinensis*, tên khác là *Chinese hibicus* hay *tropical hibicus*. Đây là loại hoa tứ thời, có thể chịu lạnh khoảng 30 độ F (nước đông đá ở 32 độ F). Khi trời lạnh quá, nên dùng bao bố bọc cây lại. Để cho cây trẻ

lại, phải cắt cành cụt đi chỉ để còn độ 1/3 mỗi lúc xuân về. Hiện có nhiều thứ cây dâm bụt được các khoa học gia cho lai giống có hoa rất lâu tàn và có thể trồng trong chậu để chưng trong nhà.

3/ Trúc:

Có khoảng 1,000 loại trúc gốc từ miền Viễn Đông, Trung Mỹ và Nam Mỹ. Người Việt rất thích trồng trúc, vì cây trúc là biểu tượng của người quân tử. Tuy nhiên, có hai trở ngại: khó tìm mua những loại trúc đẹp trong các vườn ươm cây của Mỹ và trúc hay nhảy mặng làm hư vườn, có khi lan cả sang nhà hàng xóm.

Nhiều thứ trúc đẹp như loại giant timber bamboo, thân xanh mướt, lớn bằng cườm tay hay bắp chân rất ít khi thấy bán ở các vườn ươm cây, nhưng thấy trồng trong Disneyland Hotel ở phía Nam Cali và trong công viên Kiely Park ở đường Senter hoặc công viên Hakone trên Saratoga vùng San Jose đều có loại trúc này (6). Vì trúc khó mua, những người yêu trúc thành lập hội tên là The American Bamboo Society để thông tin, hội họp và trao đổi các giống trúc quý. Yêu trúc, muốn mua trúc, nên liên-lạc hội này.

Vấn đề trúc "nhảy" cũng rất dễ giải quyết. Có hai loại trúc: Loại *clumping* chỉ cho mặng mọc ngay kế cận bụi trúc, nhờ vậy, tuy bụi trúc ngày một đầy nhưng không bành-trướng quá xa. Khi không muốn bụi quá rậm, bạn chỉ việc bẻ mặng vào xào thịt bò là xong. Đó là các loại trúc không nhảy như trúc bụng (*Buddha's belly bamboo*), trúc rủ (*Mexican weeping bamboo*), trúc Vương mẫu của Tàu (*Chinese Goddess bamboo*).

Loại thứ hai gọi là *running*. Rễ đi ngầm dưới đất đến khi nào ...chán thì chui lên thành cây trúc khác. Được cái là rễ không đi sâu quá một *foot* rưỡi. Lợi dụng điểm đó, người ta có nhiều cách rất đơn giản để kiểm soát không cho trúc nhảy đi quá xa. Một là dùng gạch thẻ hoặc đồ xi-măng có độ sâu trên 1 *foot* rưỡi để be bờ, không cho trúc nhảy, hai là có thể

đào rãnh xung quanh, xong bỏ lá khô vào đó. Mỗi năm, vào mùa xuân, bạn đeo găng tay thọc vào rãnh, bẻ gãy hoặc cắt đứt phần rễ nhảy. Một khi bị mất liên lạc với cây mẹ, rễ trúc không tạo ra cây mới được. Tiện nhất là ra Orchard supply hardware mua thùng nhựa về cắt đáy, bỏ cả chậu xuống đất là xong.



Trúc mang lại không khí VN và rất dễ trồng. Làm vườn VN mà không có trúc, không xong.

Xin kể cho bạn nghe một đặc điểm rất lạ lùng ở trúc. Bạn có bao giờ thấy trúc nở hoa? Tôi chưa có cái hân hạnh đó, nhưng khoa học cho thấy quả có hoa trúc. Tới tuổi, có khi cả trăm năm, trúc sẽ nở hoa rồi chết. Tất cả những cây trúc xuất phát từ cùng một thế hệ, đầu đã sống vài chục năm hay mới được gây giống một vài năm đều sẽ trở hoa một lần rồi chết. Nếu bạn về VN, vào rừng trúc lấy sang đây một vài mầm gây giống. Tuy trúc mới trồng ở Mỹ có vài năm, nhưng nó có cùng tuổi với rừng trúc ở VN và cả hai thứ trúc sẽ cùng ra hoa và sau đó cùng chết một lúc, có khi chết sạch cả rừng. Một thế hệ trúc mới sẽ nảy sinh. Một vị sĩ quan kể chuyện cải tạo miền Bắc, có lần chứng kiến cả một rừng tre trở hoa ngay vào thời kỳ đăm tù cải tạo có bốn phen phát quang toàn rừng. "Hoa tre", lời vị sĩ quan này kể lại

"trông hơi tựa hoa cau với những đốm nhỏ như hạt gạo, màu trắng, nở ở tuốt trên đầu ngọn tre. Có người đồn rằng đó là cái may hân hữu cả trăm năm mới có một lần, và những ai có điểm phúc thấy hoa tre nở, sẽ gặp những điều vạn hạnh. Không biết có phải vì vậy mà tụi tôi đang ở chốn địa ngục cải tạo chỉ mong có hy vọng được trả về với gia đình thì nay lại gặp nhau trên đất Mỹ, nhưng vào lúc đó tôi nhớ tới câu chuyện Hoàng Tử Hoa Tre có đăng đâu đó trên một nhật báo ở Sài Gòn lúc trước. Theo truyện, người Tàu xưa tin rằng hoa tre có khả năng bổ dương rất mạnh. Do đó vào đúng lúc vị hoàng tử của họ đầy 18 tuổi thì tre nở hoa, họ đã lấy hoa tre cho sao tắm cho hoàng tử uống để hoàng tử có nhiều con nối dõi. Không biết thực hư ra sao, nhưng sau đó anh em cải tạo dùng hoa tre thay trà uống mãi mới hết."

Phải chi chuyện hoa trúc cũng áp dụng cho cả một thế hệ lãnh đạo CS già nua, vào một ngày nào đó, cùng rủ nhau chết hết cho sạch cả một thế hệ, nhường chỗ cho thế hệ mai sau xây dựng lại đất nước. Có thể, may ra mới thật sự là đổi mới chứ nếu chỉ thay anh già này bằng anh già khác thì cũng kể như không.

4/ Hoa Anh Đào:

Mỗi khi thấy cảnh đào nở rộ, mấy ai không cảm thấy cái lạnh se se của làn gió Tết? Những bài thơ hoa đào xưa, mấy người không nhớ? Màu hồng đào cho giải lụa phát phơ giữa chợ không phải là hình ảnh VN sao? Không thấy đào, không khí ngày xuân giảm đi một phần. Khí hậu Bắc California rất lý tưởng để trồng hoa đào vì bắt buộc phải có một thời kỳ thật lạnh cho cây ngủ (dormant), hoa mới trở bông khi có nắng ấm? Hoa phải chịu lạnh lòng trước, để khi ấm áp mới thấy hoa tươi. Luồng gió lạnh 60 năm mới có một lần vào mùa đông năm 1990 đã giết chết bao nhiêu loại cây khác, bù lại đã thúc đào và các loại cây tương tự trở bông rực rỡ suốt mấy tháng Tết.

Thật ra, có rất nhiều loại cây có hoa tương tự như đào - *plum, peach, nectarine, apricot, cherry*,... - nhưng không phải thứ nào cũng là đào. Và nếu đã tìm đúng là đào, phải tìm cho được loại đào hoa. Chữ đào hoa đây không có nghĩa xấu của người trắng gió, mà là đào có hoa, không có hoặc chỉ có trái rất nhỏ - hai loại được chuộng nhiều nhất là *prunus serrulata Japanese flowering cherry* và *kwanzan*.

Loại hoa anh đào người Nhật tặng chính phủ Mỹ đang trồng ở Washington là thứ *prunus serrulata*. Người Trung-hoa thích loại *Early Double Red* như tên gọi, hoa có cánh đôi, màu đỏ, dấu hiệu của may mắn. Cây trồng dễ, hoa rất đẹp. Có điều đào, peach và những cây tương tự thường có bệnh xoắn lá, do đó, mỗi năm, bạn phải xịt thuốc hai lần, trước và sau mùa cây ngủ.

5/ Hoa mai

Đào đối với miền Bắc cũng như mai đối với miền Nam: nếu mai không nở, anh đâu biết xuân về hay chưa. Mai có nhiều loại: mai vàng, mai trắng, mai đỏ còn gọi là mai tứ quý và mai chấm (chiếu) thủy, mai cánh lõm, mai sọc,... song người mình chuộng nhất loại mai tứ quý: hoa vàng, quả nhân cứng, đen quanh để hoa đồng trường to, màu đỏ. Chữ mai, người miền Nam phát âm tựa chữ /may/ là may mắn, lại thêm có để màu đỏ, thì quả là hoa rất quý cho những ngày đầu năm.

Mai thuộc họ *Ochnaceae*. Loại *Ochna serrulata* có thể trồng ở vùng này, miễn sao độ lạnh đừng xuống quá. Tên dân gian của Mỹ gọi là *Bird's eye bush* vì có hai hạt mai đen bóng nằm giữa nhụy hoa đỏ trông tròn trịa, ngộ nghĩnh như mắt chim hoặc *Mickey Mouse plant* vì cánh hoa trông tựa tựa như vành tai của chú chuột Mickey Mouse nổi danh hoàn vũ.

6/ Trái hồng Persimon:

Tên khoa học *Diospyros*, là anh em với trái thị ở VN. Trái thị

Diospyros decandra ăn không ngon, nhưng hình dáng và mùi thơm vô cùng quyến rũ, nhất là với các cô bé nữ sinh. Trời se se lạnh, có được trái thị thơm thơm để trong cặp trên đường đến trường, lâu lâu lấy ra ngấm ngấm, thưởng thức mùi thơm, thật thú vị.

Cây hồng mềm là *Japanese persimon (Diospyros kaki)*. Vào cuối thu, lá chuyển từ vàng, qua màu cam rồi tới màu scarlet. Cuối cùng thì lá rụng hết để trơ những quả hồng vàng óng ngó thấy mà mê. Cây hồng dễ trồng, ít bị bệnh, nhưng có hai điều bạn phải để ý. Trước tiên, phải tỉa cành để hồng có hình dáng coi cho được. Đẹp nhất là tỉa sao cho toàn thân có hình dáng như cái ly uống rượu sâm-banh. Thứ hai, hồng thường có tật rụng trái, nhất là vào thời kỳ cây còn non. Phải tưới nước và bón phân đều đặn. Rễ không được khô quá, nhưng nước đọng cũng làm hư rễ đưa đến bệnh rụng trái. Khi cây trưởng thành, trái sẽ ít rụng đi.

Nhiều người thích cây hồng tròn hơn nhưng đi mua, không biết làm sao phân biệt. Cây hồng tròn là Fuyu, trái màu vàng vàng hơi đỏ, bằng trái banh baseball nhưng hai đầu hơi dẹp, giống trái cà chua.

Bạn nào thích trái lớn, nên mua loại *Gosho* có tên khác là *Giant Fuyu*. Nhớ để ý mua đúng loại chẳng không gặp cảnh trồng trầu thả lộn giấy tiêu,... con theo hát bội mẹ liều con hư.

7/ Trà hoa:

Hoa trà có rất nhiều loại, riêng trong sách của GS Phạm Hoàng Hộ cũng thấy có khoảng đâu đó 30 loại trồng hay mọc ở nhiều nơi khác nhau tại VN. Đông Nam Á chính là nơi phát sinh của *Camellia*. Hiện bây giờ đã có trên 3,000 loại trà hoa. Đặc biệt, khi trồng *Camellia*, đừng bao giờ bạn đặt thân cây dưới mặt đất, và cũng đừng đổ đất lên trên phần rễ tiếp giáp với thân cây. Cách tốt nhất là đổ mulch vào gốc và đặt cây ở chỗ ít nắng, gió. Thông thường nhất ở Bắc Cali là loại *Camellia japonica*.

Loại này lại có 6 thứ: *single*, *semidouble*, *formal double*, *Peony form*, *Anemone form* và *rose form*.

8/ Phong:

Người lên ngựa, kẻ chia bào

Rừng phong, thu đã nhuộm màu quan san.

Biết phong từ ngày mới học Kiều, mà thú thật suốt thời gian còn trong nước, có bao giờ thấy mặt lá phong đâu. Gió lạnh mùa thu đã quét lên rừng phong ở chốn quan san một lớp màu... Màu gì? Chịu! Qua đến Mỹ mới để ý đến lá phong. Phong, tên

khoa học là *Acer*, tên dân gian gọi là *maple*, có rất nhiều loại, song đẹp nhất là phong Nhật Bản có tên chung là *Acer palmatum*. Phong Nhật còn chia làm nhiều loại, được chuộng nhất là *Dissectum* và *Bloodgood*. Rất ít thấy phong Nhật trồng ngoài đường, có lẽ một phần vì cây không đủ lớn để làm cây bóng mát, một phần vì giá đắt. Thật vậy, nhiều cây phong giá bán gần một ngàn đồng. Đắt nhất là loại *Acer Pal Dissectum*, cây nhỏ cũng giá cả trăm mỹ-kim. Phong đẹp về hình dáng kiêu diễm và nhất là đẹp về lá. Khi thu về, lá từ từ đổi màu đẹp không chê được, nhất là lúc nhìn tàn lá ngược với chiều nắng rọi. Có loại phong lá đỏ thắm, có loại lá vàng nắng, có loại đủ cả ba màu xanh lục, vàng nắng và đỏ thắm trên cùng một chiếc lá.

Cảnh buồn mai sớm thong dong
Tôi bồi rơi rụng lá phong ven bờ.

Nhưng coi chừng, đừng làm cây phong với loại cây *sweetgum*, cũng có lá hình sao, cũng đổi màu đẹp lạnh người khi thu về, song thân cây quá cứng không thể nào so với vẻ kiêu diễm của phong. Cây *sweetgum* trồng rất nhiều ngoài đường, trái nhỏ có gai mềm hơi tựa tựa quả chôm chôm. Mỗi loại *sweetgum* có một màu lá úa. Màu mạn đỏ có, màu rượu chát có và cả màu vàng cam lồng lộng, cũng có...

Về cách trồng phong, ở California, tốt nhất là trồng phong vào những vùng nắng bán phần, nhưng nếu có phải trồng ra vùng nắng toàn phần cũng không đến nỗi nào chỉ cần tránh chỗ thường có những luồng gió khô ở sa mạc thổi về.

Vườn cây làm theo khuynh hướng Á Đông gần như không thể thiếu mặt phong.

"Cây phong mùa thu quả thật là kỳ diệu. Các loại cây khác thường chuyển màu từ xanh ra vàng, thế cũng đã là hay, khi toàn cây cùng vàng, toàn rừng hay toàn một vạt rừng, một khoảng đồi, một khúc sông vàng rực lên. Nhưng phong thì nó không bằng lòng với cái đơn giản ấy.

Cái chết của lá phong là cả một cuộc triển lãm màu sắc huy hoàng.

Vàng, lá phong cũng có màu vàng, nhưng nó còn chuyển ra màu đỏ, màu hồng, màu cam, màu huỳnh thổ v.v... Trong đám có nhiều loại phong, mỗi thứ một màu, lại có cây đổi màu trước, có cây chuyển màu sau. Thành thử một đám phong vào mùa thu là một cảnh tượng lộng lẫy lắm màu.

Màu sắc của lá phong già cũng không mấy may gợi ý tàn úa chết chóc. Đã vàng thì vàng tươi, vàng chói; đỏ thì đỏ rực, đỏ phơi phới, đỏ ửng lên như thể tràn đầy sinh lực.

Bông hoa mà hồng, mà vàng, chẳng qua nó chỉ hồng hay vàng lốm đốm. Lá phong già thì rực lên toàn cây, toàn vùng. Sao mà nó có thể tự xếp đặt cho mình một cái chết từng bừng đến thế.

Đang len lách dạo trên những lối đi nhỏ hẹp rậm rạp, sâu hút bên triền sông, chợt gặp một đám phong già, tự đứng như thể ánh sáng ủa tỏa trên đầu. Màu lá tự nó tỏa sáng, tỏa hân hoan. Lá cây tỏa niềm hân hoan cuối cùng với những tua nắng rực rỡ cuối cùng của một năm. Một tuần lễ, hai tuần lễ sau, ta trở lại nơi này, có thể chẳng còn gặp lại lá cây nữa, chỉ còn toàn cảnh trơ đen thui." (7)

9/ Bông giấy

Không phải loại hoa làm bằng giấy mà vì cánh hoa khô như giấy. Bông giấy tiếng Anh gọi là *Bougainvillea*, theo tên một nhà hàng hải người Pháp, người đã tìm thấy loại bông này đầu tiên tại xứ Ba-tây. Bông còn có tên là bông biện lý hay vạn lý.

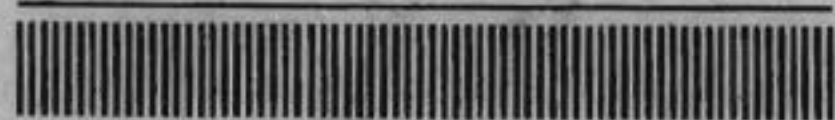
Nhiều người cho rằng trồng bông giấy phải "có tay" vì đã có dịp trồng có vẻ đúng cách mà cây ẻo ượt, không giống như cây người ta. Bí quyết nằm ở chỗ này: rễ cây bông giấy không có khả năng "dệt" đất thành một bầu như hầu hết các thứ cây khác. Vì vậy, việc lấy cây ra từ chậu mù hay chậu sắt để cho cây xuống đất cần được thực hiện hết sức cẩn thận để rễ không bị động. Nếu là



chậu mù, bạn nên cắt đáy, xong đặt chậu xuống lỗ, yên chỗ rồi mới cắt thành chậu mà rút lên. Nếu là chậu sắt, nên đục nhiều lỗ bên hông và đáy chậu, xong đặt cả chậu xuống lỗ, lấp đất lại. Chậu sắt sẽ từ từ rỉ sét và tiêu đi. Cây phải được cột cho cứng, đừng để giông gió lay quá mạnh mà động rễ. Ở vùng Bắc California, khí hậu lạnh, nên trồng hoa ở sát tường Đông Nam tránh được luồng gió lạnh Tây Bắc. Nếu hoa đã chịu được một mùa đông thì khỏi lo nữa. Ngay khi vừa hết mùa lạnh, nên trồng cây ngay để khi mùa lạnh kế tiếp đến, cây đã bén rễ đủ để chào gió đông. Muốn cho cây trẻ mãi, phải mạnh tay tỉa hết cành lá luộm thuộm lúc đầu xuân...

Bạn đồng hương,

Ngày còn ở VN, tôi không có để tâm nhiều về vườn cảnh cũng không biết nhiều về các loại hoa cỏ quê



trên lối mòn xưa

Người đi, đi không về
Mùa hạ dài lê thê
Thu tàn hay đông chớm
Mà mây bay nào nề

Gởi gió lời tha thiết
Về đời xưa hoang vu
Có hồn tôi cổ thụ
Ngàn năm đứng ngóng chờ

Mây, mây bay về đâu
Có về qua chốn cũ
Nhỏ giùm ta giọt sầu
Trên lối mòn rêu phủ

Không còn ai nhớ lại
Một mùa hạ buồn rầu
Nắng vàng xao xác gọi
Cơn mưa chiều thoáng mau.

Tôi là người thiên cổ
Trở về trong chiều nay
Ngắm nhìn tôi mê mãi
Trên lối mòn xưa sau.

nguyên khanh

hương. Hiện nay, sách vở nói về vườn cảnh ở VN lại quá hiếm. May sao, GS Phạm Hoàng Hộ đã thực hiện được bộ sách *Cây cỏ Việt Nam*, một công trình sưu khảo hết sức công phu và giá trị. Hai tác giả Nguyễn Văn Ba và Huỳnh Hữu Cửu cùng biên soạn cuốn *Cây trái quê mình* được đón nhận nồng-nhiệt. Điều đó nói lên lòng thương cây mền cỏ của những người Việt tha hương. Cuốn sách chuyên chở theo bao nhiêu kỷ niệm, rất cảm động.

Câu chuyện hôm nay chỉ có tính cách gợi ý, nêu qua vài loại cây cảnh thích hợp với một vườn cảnh VN nơi những vùng nhiều người đồng hương và có khí hậu tương tự như California. Ước mong sao có được sự chỉ dẫn và đóng góp thêm của quý vị có kinh nghiệm và yêu thích cây cỏ để sửa sai và bổ túc thêm nhiều loại cây VN có thể trồng được trên xứ người để người ngoại quốc bước vào là biết ngay đây là vườn cảnh Việt Nam, không thể lầm lẫn với vườn của người Mỹ hay của người Tàu, người Nhật.



(1) Nhất Thanh, *Đất lề quê thói*, Sống Mới, 1977, trang 248.

(2) Nguyễn Tấn Đời, *Đời kinh doanh*, trang 34, 35.

(3) Phạm Thiên Thư, *Đoạn trường vô thanh*.

(4) Ngày Xuân phân, Vernal Equinox là 21 tháng 3 và ngày Thu phân, Autumnal Equinox là 23 tháng 9: ngày và đêm dài bằng nhau.

Ngày Hạ chí, Summer Solstice là 21 tháng 6: ngày dài nhất và ngày Đông chí 22 tháng 12: ngày ngắn nhất.

(5) Phạm Hoàng Hộ, *Cây cỏ Việt Nam*, quyển 1, Tập 1, trang 289, ấn bản 1991.

(6) Công viên Hakone hiện thuộc quyền quản trị của City. Địa chỉ là 2100 Big Basin Way, Saratoga, mở cửa từ 10 giờ sáng đến 5 giờ chiều mỗi ngày. Xin lại xem phong, xem trúc. Bạn cũng có thể liên lạc với The Japaneses Bamboo Society of Saratoga, điện thoại 408-264-7024 hoặc 408-867-2661.

(7) Võ Phiến, *Ly hương*, Người Việt 1977, Iowa, trang 54, 55.

Ông Lương Văn Chánh là ai? Ở vào thời đại nào? Lập nên những công trạng gì? Đó là mối bận khoăn của các thế hệ trẻ. Ở Phú Yên, ngoài đồng họ Lương ở ấp Phụng Tường, ít ai biết đến. Trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp, trường trung học duy nhất và nổi tiếng ở Phú Yên mang tên Lương Văn Chánh, được xây dựng đầu tiên tại An Thổ thuộc quận Tuy An, bị Pháp đổ bộ vào cửa Tiên Châu đốt phá sạch. Sau đó, trường được dời lên vùng núi xã An Định. Nhờ vậy, tên ông Lương Văn Chánh được phổ biến rộng rãi trong toàn tỉnh. Nhưng ít ai hiểu biết tường tận về vị công thần này. Ngay cả học sinh trường Lương Văn Chánh cũng chỉ biết một cách lơ mờ!

Trong thập niên 60, được các bậc cao minh trưởng thượng và bạn hữu khuyến khích, nhất là thầy Trần Sĩ, nguyên hiệu trưởng trường Lương Văn Chánh, nhiệt tâm cung cấp tài liệu và thúc nhắc, tôi quyết định viết địa phương chí Phú Yên. Tôi đã bỏ ra hơn mười năm để sưu khảo tài liệu, thu thập hình ảnh từ những vị bô lão cao niên ở đồng quê đến những bậc thức giả thị thành cùng các thư viện quốc gia. Bản thảo vừa hoàn tất, chuẩn bị ấn hành thì "mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên", miền Nam đi vào sự không may, tôi cũng cùng chịu chung cộng nghiệp. "Văn chương vô mệnh lụy phần dư", tác phẩm của tôi biến thành tro bụi còn tôi thì bị tù đầy.

Bây giờ tha phương cầu thực nơi xứ người, tôi nhớ quê hương, tiếc công đã bỏ tim óc và tình cảm cho địa phương chí Phú Yên, thì một số sinh viên đến hỏi tôi về ông Lương Văn Chánh. Để đáp ứng phần nào sự ham muốn học hỏi của những sinh viên có tâm huyết còn hướng về quê hương, nguồn gốc Việt, tôi cố moi lại trí nhớ để viết ra đây.

Thật ra, nước Việt chúng ta từ đời Tiền Lê về trước chỉ có từ Nghệ An, Thanh Hoá trở ra. Đến năm 1069, vua Lý Thánh Tông đánh lấy đất Chiêm Thành lập ra hai tỉnh

Lương Văn Chánh

Phan Long Yên

Quảng Bình, Quảng Trị. Năm 1306, vua Trần Anh Tông gả công chúa Huyền Trân cho vua Chiêm Thành là Chế Mân. Chế Mân dâng hai châu Ô, Rí để làm sính lễ. Thế là nước Việt Nam ta có thêm tỉnh Thừa Thiên. Năm 1402, Hồ Quý Ly đem quân đánh Chiêm Thành, mở rộng bờ cõi về phương nam, được hai tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi. Năm 1470 vua Lê Thánh Tông tiếp tục đánh Chiêm đến đèo Cù Mông, lập tỉnh Bình Định. Năm 1611, chúa Nguyễn Hoàng tiến quân qua khỏi đèo Cả, biến vùng đất phì nhiêu màu mỡ này thành tỉnh Phú Yên. Năm 1653, chúa Nguyễn Phúc Tần lấy đất Chiêm lập ra hai tỉnh Khánh Hoà và Ninh Thuận. Năm 1693, chúa Nguyễn Phúc Chu mở rộng cương giới Việt đến biên giới Chân Lạp lập thêm tỉnh Bình Thuận và từ đó nước Chiêm Thành bị xóa tên trên bản đồ. Năm 1698-1759, các chúa Nguyễn Phúc Chu và Nguyễn Phúc Khoát lấy đất Chân Lạp lập ra 6 tỉnh Nam Việt, nhờ vậy dân ta ngày nay mới có một giang sơn gấm vóc từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau.

Theo dòng lịch sử trên đường Nam tiến, lần lượt chúng ta thấy xuất hiện không biết bao nhiêu anh hùng hào kiệt cống hiến tài năng và công đức cho tổ quốc. Ông Lương Văn Chánh là một trong những bậc khai quốc công thần đó.

Ông Lương Văn Chánh sinh cùng thời với chúa Nguyễn Hoàng vào khoảng năm 1924 ở Thanh Hoá. Theo Lương gia thế phổ thì ông có

hai tên gọi: Lương Quới Phú là tên tộc, tên đặt, chỉ nêu lên trong các văn tế mỗi năm xuân thu nhị kỳ; còn tên gọi Lương Văn Chánh là tên chữ, được phổ biến rộng rãi trong gia tộc qua nhiều thế hệ. Ông làm quan dưới đời Lê trung hưng, giữ chức Thiên Vũ Vệ Đô Chỉ Huy Sứ. Ông đã giúp Trịnh Tùng đẩy lui quân Mạc Kinh Điển năm 1572. Là một võ tướng có tài, lập nhiều công trạng nên đầu năm 1578, ông được vua Lê Thế Tông niên hiệu Quang Hưng phong sắc: "Phò Trịnh Tùng chinh phạt hữu công, Lương Quới Phú chi thần".

Năm 1578, chúa Nguyễn Hoàng cử ông làm Trấn biên quan, khai khẩn đất đai và quy dân lập ấp. Nhưng đến nơi, ông thấy dân Chiêm Thành còn sinh sống ở đó. Ông phải tạm dừng chân phía bắc đèo Cù Mông, khai khẩn nơi này và chiêu dân lập ấp, đồng thời củng cố và phát triển binh lực, chuẩn bị tái chiếm phần đất đã phân định trên danh nghĩa năm 1470 của vua Lê Thánh Tông.

Năm 1470, khi đánh đuổi quân Chiêm khỏi đèo Cả, vua Lê Thánh Tông đã lấy núi Đá Bia (Thạch Bi sơn) phân định ranh giới: "Nam dĩ Chiêm Thành, bắc dĩ triều mạng Đại Việt". Sau đó, vua Lê rút quân về Bắc, không thiết lập hệ thống phòng vệ, không để lại quân lính cũng như đặt nền hành chánh cai trị như ở Bình Định nên quân Chiêm kéo về chiếm cứ.

Hơn một thế kỷ sau, ông Lương Văn Chánh đã vất vả đánh đuổi quân Chiêm trong mấy chục năm



trời để tái chiếm. Sau hai trận đại huyết chiến tại thành Hồ, một cơ sở phòng thủ kiên cố của quân Chiêm (nơi tướng Cao Cát đã hy sinh và được dân địa phương lập miếu thờ tại chân núi An Nghiệp tục gọi là Dinh Ông) và tại thung lũng sông Đà, quân Chiêm mới chịu rút lui khỏi đèo Cả. Từ đó vùng đất này mới thực sự vĩnh viễn của dân Việt. Ông Lương Văn Chánh ở lại trấn giữ và bình định vùng này cho đến khi chúa Nguyễn Hoàng vào trấn đóng tại An Thổ năm 1611. Nay thành lũy này chỉ còn là một di tích lịch sử mà dân địa phương thường gọi là thành cũ. Do đó khi người dân Phú Yên tủi cho thân phận mất nước thường nhắc đến hai câu thơ:

Nhớ thương thành cũ phơi sương lạnh,

Thung lũng sông Đà tủi gió mưa.

Ông Lương Văn Chánh chẳng những là một võ tướng có tài, lập nhiều chiến tích vẻ vang, ông còn là một nhà chính trị và kinh tế giỏi.

Sau khi quân Chiêm rút lui,

trước mắt ông là cảnh hoang tàn, đổ nát và nghèo đói. Di tích độc nhất là ngọn tháp xây trên đồi núi Nhạn. Người Chiêm Thành tuy đã lập quốc gần 15 thế kỷ, chịu ảnh hưởng văn hoá Ấn Độ nên ngoài nghệ thuật kiến trúc cầu kỳ, đặc sắc, họ chẳng còn gì giúp ích cho ta. Họ rất chậm tiến, sống theo chế độ du canh, do đó những vùng đất màu mỡ thường bị bỏ hoang, úng thủy. Ông Lương Văn Chánh đã bỏ nhiều tâm trí bạch hoá và xây dựng ưu tiên các vùng xung yếu, tạo được các tuyến đầu phòng thủ, kiên cố chống xâm lăng. Có thể kể: vùng Cù Mông gò Dúi; vùng châu thổ sông Cái; vùng Đà Diên, Đà Nông; vùng Đồng Cam đất đỏ; vùng Ngũ Thạch, Bi Sơn; vùng Đồng Cọ, núi Chúa; vùng Phú Diên, Phú Cốc. Nhiều nhà quân sự hiện đại nhìn vào bản đồ quan sát địa thế các căn cứ mà ông triển lập đều phải khâm phục.

Tiếp theo, ông Lương Văn Chánh chiêu dụ dân cư ở các tỉnh phía bắc vào khai khẩn và quy dân, lập ấp. Ông hướng dẫn cách lập hệ thống thoát thủy, tạo nên các khu định cư, định canh ở vùng châu thổ sông Đà, sông Cái và sông Bàn Thạch. Ở vùng cao nguyên đất đỏ, ông cho khai hoang các khu rừng núi không cần thiết, biến thành một vùng đất bazan thích hợp cho các giống bắp, đậu, thuốc lá và cây ăn trái. Nhờ vậy chẳng bao lâu toàn vùng trở nên trù phú, sinh hoạt dân cư vui tươi và hạnh phúc.

Những nơi đã khai khẩn, tạo lập làng xã, ổn định an ninh trật tự và hành chánh, ông đều đặt cho mỗi địa danh một chữ Phú (tên ông) để lưu niệm và răn đe kẻ thù. Theo truyền thuyết, quân Chiêm nghe đến tên ông đều sợ hãi. Bởi vậy, các địa danh có Phú rất nhiều: Phú Nhiêu, Phú Lộc, Phú Sen, Phú Thứ, Phú Diên, Phú Diên, Phú Thọ, Phú Lạc, Phú Giang, Phú Quý, Phú Đăng, Phú Cốc, Phú Thạch, Phú Tân, Phú Mỹ, Phú Diên, Quảng Phú, Thạnh Phú, Tây Phú, Vĩnh Phú, Trường Phú, Đại Phú, Hội Phú.v.v..

Sau khi hoàn tất phòng thủ và bình định, ông Lương Văn Chánh mới tường trình kết quả lên chúa Nguyễn Hoàng. Chúa rất hài lòng, chấp nhận chữ Phú trong những địa danh trên, đồng thời ghép chữ Yên sau chữ Phú, ngụ ý giàu có và yên ổn, đặt cho vùng đất từ đèo Cù Mông đến đèo Cả. Phú Yên phủ gồm hai huyện Đồng Xuân và Tuyên Hoà, mãi đến năm 1611 mới xuất hiện.

Qua mấy trăm năm, địa danh Phú Yên do ông Lương Văn Chánh và chúa Nguyễn Hoàng đặt vẫn giữ nguyên, lưu truyền từ ấy đến nay dù đơn vị hành chánh có tùy thời mà thay đổi: năm 1774 đời Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát là Phú Yên dinh; năm 1802 đời vua Gia Long là Phú Yên trấn; năm 1820 đời vua Minh Mạng là Phú Yên tỉnh...

Phú Yên phủ dưới sự lãnh đạo của ông Lương Văn Chánh đang trên đà phát triển mạnh mẽ thì cuối năm 1611 ông qua đời tại ấp Hy Nguyên, để lại sự thương tiếc khôn nguôi cho người dân đất Phú. Nhờ có ông, ngày nay tỉnh Phú Yên giàu có về nhiều phương diện, nhất là lúa gạo. Phú Yên được coi là vựa lúa của liên khu V (Nam, Ngãi, Bình, Phú). Phú Yên cũng có nhiều thắng cảnh và di tích lịch sử cùng những đặc sản nổi tiếng như: nếp Màng Màng, đường Tân Lập, dưa Lỗ Sấu, cam Đa Lộc, xoài Đá Trắng, tôm hùm Xuân Cảnh, sò huyết Ô Loan, cức cá Phú Cầu.v.v.. Về con người, dân Phú Yên được tiếng là hiền lành, chất phác, hiếu khách. Ca dao có câu:

Phú Yên tốt đất trồng hành,

Đã xinh con gái lại lành con trai.

Để tưởng nhớ công ơn vị khai quốc công thần, các vua triều Nguyễn đã phong sắc cho ông phần lập điền, cấp 25 mẫu miễn thuế. Dân Phú Yên tôn ông là thành hoàng bốn xứ, lập miếu thờ ông tại ấp Phụng Tường gần chân núi Cẩm Sơn, nay là một trong những di tích lịch sử của tỉnh, hàng năm xuân kỳ thu tế. Ông đứng đầu trên văn tế với huân danh là: "Tiền trấn biên dinh Tham đốc tướng, phò Quận công

Lương Quới Phú chi thần".

Du khách khi thăm viếng nơi này đã cảm tác nhiều câu đối để tại miếu như:

Hồng Đức thiên biên tồn sự nghiệp

Phụng Tường miếu mã đối sơn hà.

hay:

Lễ nhạc ưu ưu đà thủy diên

Huân danh ngất ngất cửu sơn cao.

Về thơ có:

VĨNH LƯƠNG VĂN CHÁNH

Nghìn thu ân đức nhớ Lương công

Mở đất trời Nam cứu giống dòng

Phá thạch, khai sơn rung đất nước

Di dân lập ấp dậy non sông

Phụng Tường miếu cổ còn vang bóng

Hồng Đức bia cao vẫn đứng trông

Trường cử chín năm ghi dạ trẻ

Nghìn thu ân đức nhớ Lương công.

Đà Giang Trần Sĩ

VĨNH LƯƠNG VĂN CHÁNH

Đệ nhất anh hùng lĩnh Phú Yên

Lương công danh rạng khắp ba miền

Phó Lê diệt Mạc an Thanh Nghệ

Giúp Nguyễn lui Chiêm lập Phú Yên

Chiến dịch thành Hồ tan bóng giặc

Công đầu dựng ấp khẩn lương điền

Cháu con thọ hưởng ơn trời bể

Thề quyết tài bồi đức tổ tiên.

Phan Long Yên

VIẾNG MỘ LƯƠNG VĂN CHÁNH

Trời thu dịu dịu nắng tan sương

Viếng mộ Lương công ấp Phụng

Tường

Bia cũ lưu danh đời võ tướng

Sắc phong còn dấu các vì vương

Thành hoàng đất Phú tôn muôn

thuở

Đốc tướng biên dinh mãi nhớ

thương

Hưởng lộc, muôn dân vui hạnh

phúc

Xuân kỳ, thu tế lệ quê hương.

Phan Long Yên □

Cung Bản Vũ Tàng

(Musashi)

E.O. Reichauer

Tự Tĩnh

dịch

LTS: Edwin O. Reischauer sinh tại Nhật Bản năm 1910, giáo sư Đại học Harvard từ 1946, ông tạm thời từ giã đại học này để nhận chức vụ Đại sứ Hoa kỳ cạnh chính phủ Nhật từ 1961 đến 1966.

Là một trong những nhà biên khảo lỗi lạc về Á Đông, ông đã trút tác nhiều sách, phải kể những tác phẩm chuyên về Nhật bản như:

- Japan; the history of a nation (Nhật bản, lịch sử một quốc gia).

- The Japanese (Người Nhật).

Sau đây là bài tựa Reischauer viết để giới thiệu tiểu thuyết Musashi với độc giả Anh ngữ. Bài này cho ta thấy ý nghĩa của bộ tiểu thuyết ấy dưới nhãn quan một học giả Mỹ và phần nào giải thích tại sao một số doanh nhân Mỹ đã tìm đọc cuốn Ngũ Đại Kỳ Thư của Cung Bản Vũ Tàng để tìm hiểu lý do thành công của các thương gia Nhật.

Để tìm hiểu thêm về cuộc đời Cung Bản Vũ Tàng, bạn đọc có thể xem lại "Thạch-kiếm" trọn bộ bốn cuốn (Tự Tĩnh phóng-tác, Làng Văn xuất-bản), qua hình-ảnh Thạch Kinh Tử (thời thanh-niên) và Thạch Đạt Lang (thời võ-sĩ-đạo).

Ta có thể nói tiểu thuyết Musashi* là một loại Gone With the Wind của Nhật.

Tác giả Eiji Yoshikawa (1892-1962), một trong những cây viết phong phú nhất và được yêu chuộng nhất Nhật bản, đã cho đăng trường thiên tiểu thuyết này trên nhật báo Asahi Shimbun, một cơ quan ngôn luận lớn và có uy tín, liên tiếp từ bốn năm, từ 1935 đến 1939. Từ đó đến nay, Musashi được tái bản ít nhất 14 lần, ấn bản sau cùng gồm 4 quyển 53 chương do nhà Kodansha phát hành. Ngoài ra nó còn được quay thành phim bảy lần và trình chiếu không biết bao nhiêu kỳ liên tiếp trên màn ảnh nhỏ của ba hệ thống vô tuyến truyền hình quốc gia Nhật.

Vai chính trong truyện, Miyamoto Musashi (Cung Bản Vũ Tàng**), một nhân vật lịch sử có

thật, nhờ văn tài Yoshikawa, đã cùng với nhiều nhân vật khác đi vào văn học Nhật, trở thành quen thuộc với dân chúng đến độ được coi như tiêu biểu cho một hạng người trong xã hội Nhật đương thời. Người ngoại quốc đọc Musashi vì vậy sẽ thêm hứng thú, vì không những truyện trình bày một giai đoạn lịch sử Nhật, mà còn cho thấy quan niệm của dân Nhật về quá khứ cũng như chính trị.

Trước hết, Musashi là một bộ tiểu thuyết kiếm hiệp được lòng trong một truyện tình dịu dàng và tha thiết, rất Nhật bản.

Đọc Musashi, ta không thể không so sánh với một tiểu thuyết khác cũng viết về Nhật bản: Shōgun của James Clavell. Người Mỹ ngày nay



phần lớn làm quen với dân tộc Phù tang cổ qua tiểu thuyết *Shōgun* hoặc các phim ảnh samurai được trình chiếu trên các màn ảnh lớn, nhỏ. Cả hai tiểu thuyết này, *Shōgun* và *Musashi*, gần như có cùng một bối cảnh lịch sử. Nội dung *Shōgun* xảy ra vào năm 1600, chấm dứt lúc sứ quân Toranaga tức Tokugawa Ieyasu khởi đánh trận quyết định Sekigahara, thắng trận ấy và trở thành Shōgun (lãnh chúa độc tôn) trong lịch sử Nhật. Còn *Musashi* thì lại bắt đầu vào lúc trận Sekigahara đã kết thúc, khi Takezo (mang tên Thạch Kinh Tử trong bản phóng tác *Thạch Kiếm*) thương tích đầy mình, nằm bất tỉnh giữa những xác chết của đám tàn quân.

Trong *Shōgun*, qua những danh tính gán cho các nhân vật, Clavell phần lớn nói đến hàn quý tộc, những kiếm sĩ, đại thần, mệnh phụ. Trong *Musashi*, mặc dầu có một số nhân vật lịch sử lớn được nêu tên, nhưng Yoshikawa đã viết về xã hội Nhật rộng rãi hơn, đặc biệt về một lớp dân khá quan trọng, sống giữa những làn ranh không được phân định rõ rệt giữa giới quân nhân quý tộc và hàng dân giả thời bấy giờ.

Để truyện thêm hào hứng, trong *Shōgun*, Clavell đã xuyên tạc nhiều sự kiện lịch sử và không ngần ngại lồng vào đó một câu chuyện tình, không những xúc phạm lịch sử Nhật một cách lộ liễu mà còn tỏ ra vô lý, không thể nào xảy ra ở xã hội Nhật thời bấy giờ được!

Trong *Musashi*, Yoshikawa trung thực hơn. Mỗi tình huống ông dựng lên theo sát truyền thống lịch sử, bằng bạc suốt truyện như một đề mục phụ với những tình tiết tâm lý éo le rất ư là Nhật bản. Dĩ nhiên, Yoshikawa cũng đã thêm thắt nhiều điều tưởng tượng: những buổi trùng phùng kỳ lạ, những cuộc tranh phong khủng khiếp khiến người ham đọc kiếm hiệp ưa thích. Nhưng những chi tiết ấy không khác xa bao nhiêu với các sự kiện lịch sử mọi người đều biết.

Không phải chỉ Miyamoto Musashi (Cung Bản Vũ Tàng) mới là

nhân vật lịch sử có thật, mà rất nhiều nhân vật khác trong truyện cũng là những người có thật. Như Takuan (Trạch Am, mang danh tính Đại Quán trong bản *Thạch Kiếm*), người dẫn đường và là thầy tinh thần của Cung Bản Vũ Tàng là một thiền sư nổi tiếng về thơ, họa, bút thiếp và bậc thầy của trà đạo. Năm 1609, ông là thiền sư trẻ nhất tại Daitokuji ở Tokyo, sau này sáng lập ra một thiền viện quan trọng ở vùng Edo, tuy ngày nay nhiều người chỉ còn nhớ đến danh tính ông qua tên một thứ nước tương bình dân ở Nhật.

Theo sử liệu, Cung Bản Vũ Tàng sinh vào khoảng 1584 và mất khoảng 1645, cũng như thân phụ, là một kiếm thủ có tài, đặc biệt nổi danh về môn sử kiếm cả hai tay (nhị đao lưu). Ông lập chí tự trau dồi nghị lực nội tâm, cho đó là chìa khoá của võ học và là tác giả kiếm phổ trứ danh *Gorin No Sho* (*Ngũ đại kỳ thư*).

Lúc trẻ, Cung Bản Vũ Tàng có tham dự trận Sekigahara. Những cuộc đụng độ giữa ông với kiếm phái Yoshioka (Hoa Sơn trong *Thạch Kiếm*), các tăng nhân đền Hōzōin ở Nara (đền Quang Minh trong *Thạch Kiếm*) và đã chiến thắng tay kiếm tuyệt kỹ Sasaki Kojirō (Cát Xuyên Mộc trong *Thạch Kiếm*) đều là những chuyện có thật.

Cuộc đời Cung Bản Vũ Tàng được Yoshikawa tiểu thuyết hoá từ những năm ông hãy còn là thanh niên kiếm sĩ lưu lạc. Năm 1614, ông dự trận bao vây lâu đài Osaka và thất bại, rồi đến năm 1637-1638, tham dự cuộc triệt hạ các nông dân theo Gia-tô giáo tại đảo Shimabara phía tây Kyushu, một biến cố mở đầu cho cuộc diệt trừ giáo phái Gia-tô tại Nhật và góp phần vào chính sách bế quan tỏa cảng của nước này trong suốt hai thế kỷ.

Cung Bản Vũ Tàng sống trong thời kỳ Nhật trải qua nhiều biến chuyển sâu đậm:

Cuộc tranh chấp sứ quân kéo dài trăm năm vừa được ba đầu lãnh liên tiếp dùng võ lực chấm dứt. Khởi đầu là Oda Nobunaga, nhưng khi sắp thành công, Nobunaga bị một hầu

tướng mưu phản giết chết năm 1582. Bộ tướng có khả năng nhất của ông, Toyotomi Hideyoshi, một quân nhân xuất thân từ hàng binh sĩ, lên kế nghiệp, hoàn thành công cuộc thống nhất nhưng chẳng bao lâu sau cũng qua đời năm 1598, chưa kịp củng cố quyền hành trao lại cho con bấy giờ còn nhỏ tuổi.

Sau Hideyoshi đến Tokugawa Ieyasu, cận tướng dũng mãnh nhất của Hideyoshi. Ieyasu đã cướp thời cơ, phát động trận Sekigahara, thắng trận ấy và trở thành lãnh chúa độc tôn của nước Nhật.

Ba lãnh chúa đầu tiên tộc Tokugawa đã trị dân bằng uy quyền sắt thép. Những người kế vị họ cũng duy trì uy quyền ấy liên tiếp trong hơn 250 năm nữa mới sụp đổ (năm 1868) khi vua Meiji (Minh Trị Thiên Hoàng) thi hành chính sách canh tân, mở cửa tiếp xúc với Tây phương.

Tộc Tokugawa trị dân qua trung gian của các Daimyō (đầu lãnh), được hưởng quyền thế tập và bán tự trị. Các đầu lãnh này lại ủy quyền cho những kiếm sĩ thuộc hạ và cũng cho họ hưởng quyền thế tập (tước vị cha truyền con nối). Sự chuyển đổi từ tình trạng liên tục chiến tranh sang tình trạng hoà bình có kiểm soát đã đẻ ra nhiều lần ranh ngăn cách, phân định giai cấp kiếm sĩ được quyền đeo song kiếm và quyền có danh hiệu với hàng dân giả không được quyền ấy (kể cả hàng trung nông và khách thương).

Ở thời điểm nói trong truyện, những làn ranh này chưa lấy gì làm rõ nét. Bấy giờ ở địa phương nào cũng có nông dân, chẳng nhiều thì ít, trước đây tham gia chiến trận, khắp nước đầy rẫy kiếm sĩ vô gia cư, lang bạt, không tìm được chủ để thờ, gọi là Rōnin, phần lớn là tàn binh của các đầu lãnh bị chết trận hoặc thất sủng sau trận Sekigahara hay các trận trước đó. Phải hai, ba thế hệ sau, xã hội mới ổn định hẳn. Trong khi ấy, đời sống của người dân sôi động ghê gớm khó mà lường được.

Biến chuyển thứ hai là những thay đổi về chính sách của giới cầm quyền. Chiến tranh chấm dứt, hoà

bình được văn hồi. Giai cấp quân nhân thống trị thấy rằng những hành động thuần túy quân sự trong thời bình không mang lại kết quả bằng cách quản trị khéo léo, nên quyết định làm một cuộc thay đổi. Họ chú trọng về giáo dục và nghị lực nội tâm để tự chế hơn là về kỹ xảo chiến tranh, nhằm biến những chiến sĩ quen cầm gươm súng thành những viên chức cầm bút mực. Cho nên độc giả Tây phương có lẽ ngạc nhiên thấy xã hội Nhật vào thế kỷ thứ 17 có trình độ học thuật khá, ưa trích dẫn kinh điển, lịch sử Trung Hoa, chẳng khác gì các nước Bắc Âu thời đó ưa viện dẫn truyền thống văn hoá cổ La Hy vậy.

Một biến chuyển khác thuộc về quan niệm sử dụng võ khí. Vào hậu bán thế kỷ 16, một loại súng hỏa mai

có ngòi châm đã được Bồ Đào Nha du nhập Nhật bản. Ở một chiến trường mà võ khí chính là gươm với giáo, súng là loại võ khí rất hiệu quả, nhưng từ khi hoà bình văn hồi, các kiếm sĩ không còn ưa dùng nó. Họ trở lại với lưỡi kiếm cổ truyền. Võ đường luyện kiếm được mở ra và đạt hiệu năng quân sự. Do đó các buổi luyện kiếm thường mang tính chất uẩn súc, gần với triết học hơn là với chiến tranh. Trong truyện *Musashi* thuật lại cuộc đời niên thiếu của Cung Bản Vũ Tàng có nhiều phát triển. Tuy vậy trong các cuộc tranh tài chính thức, người ta không còn quan niệm kiếm là phương tiện để thủ thắng nữa. Những kiếm thủ tài năng trở thành những nhà kiếm học và binh pháp, chú trọng việc dùng kiếm để rèn luyện tính khí hơn là để

đoạn phản ánh rõ nét những chuyển biến ấy.

Sinh ở một làng nhỏ miền sơn cước, Cung Bản Vũ Tàng lúc trẻ là một rônin (lãng nhân) điển hình. Mãi sau này, gần cuối đời, ông mới tìm được minh chủ để thờ. Một thời, Vũ Tàng cũng thu đồ đệ, nhưng đây không phải là điều chính. Điểm quan trọng là Cung Bản Vũ Tàng đã biết tự cải hoán. Từ một tên lính cục cằn thô lỗ, chỉ biết chiến đấu theo bản năng, Vũ Tàng đã nương theo thiền đạo quyết tâm tự khép mình vào kỷ luật, khắc phục nội tâm để hoà đồng với vạn vật, mang ý niệm Chân Như của nhà Phật vào cách sử kiếm.

Nhật bản vào thời điểm ấy vẫn còn xảy ra nhiều cuộc tranh phong tàn bạo ghê gớm không khác gì ở Âu châu thời Trung cổ. Nhưng Yoshikawa đã mô tả Cung Bản Vũ Tàng với những cố gắng phi thường trong sự tự cải hoán có ý thức, chuyển tài năng kiệt xuất của mình trong thời chiến thành phương tiện rèn luyện chí khí trong thời bình. Kiếm đạo, kỷ luật tinh thần, rung cảm nghệ thuật, tất cả hoà hợp với nhau trong một trạng thái đồng nhất.

Hình ảnh ấy của Cung Bản Vũ Tàng có lẽ không xa với sự thật lịch sử bao nhiêu, vì quả thật trong lịch sử, Cung Bản Vũ Tàng không những là một kiếm thủ danh tiếng mà còn là một họa sĩ và nhà điêu khắc tài hoa nữa.

Thời đại Tokugawa kéo dài khá lâu, để lại trong dân gian Nhật lối suy nghĩ và nếp sống có phần trì trệ theo những mô thức cứng nhắc cho mãi đến giữa thế kỷ thứ 19, cách đây chừng hơn trăm năm.

Yoshikawa cũng xuất thân từ một gia đình kiếm sĩ, và cũng như đa số thân tộc, ông đã không thành công trong giai đoạn chuyển tiếp kinh tế của thời đại mới. Trong xã hội Nhật đang canh tân, tầng lớp samurai (kiếm sĩ) bị chìm dần vào bóng tối. Thế nhưng một số lớn những lãnh tụ mới lại xuất thân từ tầng lớp này. Hệ thống giáo dục cưỡng bách mới đã phổ biến mô thức phong kiến đó, dùng nó làm nền tảng tinh thần và



đạo đức cho cả nước. Những tiểu thuyết như truyện *Musashi* và những phim ảnh cùng tường tích rút ra từ các tiểu thuyết ấy đã hỗ trợ tiến trình trên. Thành ra đối với dân tộc Nhật ngày nay, thời đại Cung Bản Vũ Tàng cũng gần gũi và có thật như cuộc chiến Nam Bắc phân tranh ở Mỹ đối với người Mỹ. Sự so sánh truyện *Musashi* với *Gone With the Wind* thiết tưởng không lấy gì làm quá đáng.

Trong ký ức dân Nhật, thời đại Samurai vẫn sáng chói. Trái với hình ảnh trình bày họ như những "sinh vật kinh tế" sống tập thể, nhiều người Nhật muốn tự coi mình là một Cung Bản Vũ Tàng thời đại, có cá tính mạnh mẽ, lý tưởng cao xa, biết khắc kỷ và có tinh thần nghệ thuật.

Cả hai hình ảnh ấy, hình ảnh nào cũng có phần đúng, chứng tỏ người Nhật mang một tâm hồn phức tạp ẩn dưới lớp vỏ bề ngoài đồng nhất, lịch sự và hoà nhã.

Truyện *Musashi* khác hẳn với các truyện tâm lý nhiều khi bệnh hoạn của đa số tiểu thuyết Nhật hiện đại đã được phiên dịch ra ngoại ngữ. Nó không thuộc dòng tiểu thuyết cổ truyền hoặc những truyện dân gian Nhật. Cách xếp đặt thành từng phân đoạn ngắn chẳng phải đã được dự trù để đăng báo nhiều kỳ, mà đó là một kỹ thuật viết truyện đặc biệt có từ thời khởi thủy tiểu thuyết Nhật. Hình ảnh một kiếm khách ngang tàng đi giang hồ hành hiệp, cứu khốn phò nguy thời phong kiến là hình ảnh rập khuôn được mô tả trong hàng trăm truyện hoặc phim nói về samurai. Nhưng điểm đặc sắc ở đây là nhân vật Cung Bản Vũ Tàng đã dùng thiên đạo để khắc phục nội tâm, một phương cách tu dưỡng quan trọng, cá tính của người Nhật, cũng như lòng yêu mến thiên nhiên cao độ và ý thức hoà đồng với thiên nhiên của họ.

Musashi chẳng những là một tiểu thuyết kiếm hiệp lớn, nó còn cho ta một khái niệm về lịch sử Nhật và hình ảnh dân Nhật đã được lý tưởng hoá, qua cái nhìn của chính dân Nhật đương thời. □

Giấc Việt Cộng, Một Bộ Sử Để Giao-Lưu Văn-Hóa

Trần Văn Tích

Luật sư Hoàng Cơ Thụy là "đầu não chính trị của nhóm đảo chính" có ý định lật đổ Tổng thống Ngô Đình Diệm ngày 11.11.1960. Chức vụ cuối cùng của ông trong bộ máy chính quyền quốc gia là đại sứ Việt Nam Cộng Hoà tại Ai Lao. Sau ngày quốc phá gia vong, Luật sư cùng gia đình tạm dung thân ở Pháp. Năm 1983, phu nhân từ trần. Luật sư "không còn biết làm chi hơn" nên bắt tay "viết một cuốn Việt Sử Khảo Luận, ôn cố nhi tri tân, đem kinh nghiệm bản thân ra để xét lại lịch sử Việt Nam, may ra giúp được vài ý kiến nhỏ mọn cho công cuộc kháng

chiến, giải phóng Việt Nam khỏi gông cùm cộng sản" (tr. 45-48, tác giả tự thuật).

Sử bút và sử quan Hoàng Cơ Thụy có ít nhất hai đặc điểm:

- Ông không chỉ soạn sử, ông còn khảo sử và luận sử. Dĩ nhiên ông chẳng hề là người đi tiên phong: Nguyễn Nghiễm trong *Việt sử bị lãm*, Ngô Thì Sĩ trong *Việt sử tiêu án*, Lê Quý Đôn trong *Lê triều thông sử*, v.v... đã từng "kiêm phụ kỷ ý, luận tán tự thuật" (phụ thêm những lời bàn luận thuật sự theo ý mình: Tựa Lê triều thông sử, Lê Quý Đôn). Nhưng dấu sao cũng do quan niệm



này nên lối hành văn không khô khan mà uyển chuyển, nhiều chỗ sắc bén dí dỏm, làm đoạn chân thực nồng nàn. Các lời luận bàn của ông về đường lối viết sử của những người theo chủ nghĩa Mác-xít cung cấp cho độc giả những suy nghĩ bổ ích, thuyết phục.

- Ông không chỉ viết sử về quá khứ, ông còn viết sử về tương lai. Nội dung dự kiến bộ *Việt sử khảo luận* cho thấy điều này, nó trở thành đặc trưng của riêng ông, chứ vị sử gia tiền bối không hề có.

Sách trình bày tiến trình lịch sử dân tộc qua những bước sau:

Thời thượng cổ

Thuộc Tàu lần thứ nhất

Độc lập lần thứ nhất

Thuộc Tàu lần thứ hai

Độc lập lần thứ hai

Nhà Hậu Lê và nhà Mạc

Ba nhà Tây Sơn

Nhà Nguyễn sơ

Thuộc Pháp

Pháp chiếm đoạt Đại Nam

Chế độ thực dân Pháp

Pháp mất chủ quyền tại Đại Nam

Độc lập lần thứ ba

Giặc Việt cộng

Một cuộc chiến tranh duy nhất dài 30 năm

Giai đoạn "Nam bộ kháng chiến chống Pháp"

Giai đoạn "Toàn quốc kháng chiến chống Pháp"

Giai đoạn Cộng sản Bắc Việt xâm lăng VNCH

Vượt biển và vượt biên lưu vong tị nạn cộng sản

Thuộc Cộng

"Thống nhất" dưới quyền độc tôn của đảng CSVN

"Hoà giải dân tộc" trong đấu tranh giai cấp và giam cầm

"ngụy quân ngụy quyền"

"Tự do" trong chế độ công an trị

"Hạnh phúc" trong bàn cùng hoá và ngu dân hoá

"Độc lập" dưới sự thống trị của Nga Xô-viết

"Hoà bình" trong chiến tranh Giải phóng Việt Nam

Những điều kiện tinh thần

Chính nghĩa: chương trình hưng quốc

Đoàn kết chung quanh một chương trình, không phải chung quanh một lãnh tụ

Hy sinh và tu thân

Những điều kiện vật chất

Chương trình cứu quốc: chiến lược và chiến thuật

Những đóng góp của người

Việt quốc gia

Những đóng góp của đồng minh

Những nỗ lực đấu tranh từ sau ngày 30.4.1975.

Việt sử khảo luận chỉ mới ra được đến Tập 9 với nội dung:

Từ Hoàng đế Bảo Đại đến cố vấn tối cao Vĩnh Thụy.

Giặc Việt cộng (phần này cũng chỉ mới được trứ tác có một nửa).

Theo cùng mạch diễn tiến các chặng đường lịch sử dân tộc, lượng và phẩm thông báo của *Việt sử khảo luận* cũng liên tục và tuần tự gia tăng, càng ngày càng phong phú súc tích, nhiều khi với tốc lực lũy tiến. Qua quá trình biên soạn chín tập sách, luật sư họ Hoàng đã huy động những kinh nghiệm bản thân về sử dụng các tư liệu sử học, về ngôn ngữ sử dụng, về kỹ thuật, kỹ xảo sáng tác, chấn chỉnh và nâng cao sử bút. Những tập đề cập đến lịch sử hiện đại của nòi giống - cụ thể là từ ngày Pháp xâm lăng Việt Nam - là những tập giàu sử liệu, do tác giả có điều kiện trực tiếp tham khảo các bút ký, hồi ký, chiến sử, chiến kỷ lưu trữ ở các thư viện nơi thủ đô nước Pháp. Nói cho gọn và rõ, *Việt sử khảo luận* càng ra nhiều tập càng khởi sắc. Và trong hiện tình sáng tác, với chín tập sách đã phát hành, người điểm sách có cảm tưởng mình đang đứng trước ngọn sóng thần biên soạn khi có dưới tay tập 9, phần *Giặc Việt cộng*, đến cùng độc giả tháng mười năm qua, tuy rằng tập này, như đã nói, tác giả biên soạn còn dở dang. Sau đây là mục lục chi tiết, thay cho phần tóm lược:

Lời nói đầu về chữ "giặc"

Một cuộc chiến tranh duy nhất dài 30 năm

Mục tiêu và chiến lược, chiến thuật của Việt Minh CS

Lý do chiến thắng

Yếu tố "vô khí mạnh"

Yếu tố thời gian: cuộc "chiến tranh kéo dài"

Yếu tố nhân mạng: "chết bỏ", "bị thương bỏ"

Nam bộ kháng chiến chống Pháp
Quân đội đồng minh vào Đông Dương

Quân đội Pháp tái chiếm Nam Đông Dương

Toàn quốc kháng chiến chống Pháp

Lời nói đầu về một vụ nói dối phi thường

Giai đoạn thương thuyết bí mật
Suy tư của De Gaulle về tương lai Đông Dương

Quốc cộng tranh quyền ở Bắc Đông Dương

Quân đội Pháp được phép vào Bắc Đông Dương

Giai đoạn thương thuyết công khai

Việc thi hành hiệp định sơ bộ 6.3.1946

Hội nghị trù bị ở Đà Lạt

Hội nghị chính thức ở

Fontainebleau

Hai bên chuẩn bị đảo chánh nhau

Tình hình ở Nam bộ

Tình hình ở Bắc bộ

Nguyên do cuộc chiến tranh Pháp-Việt

Mấy trận đầu tiên

Cuộc chiến tranh Pháp-Việt

Khởi phát chiến tranh

Giai đoạn bảo tồn lực lượng

Cuộc thoát xác kỳ lạ: từ chiến tranh thực dân ra chiến tranh chống cộng

Việc quốc tế hoá chiến tranh

Tạm kết luận.

*

* *

Đối với tôi, đọc *Cương mục*, đọc *Toàn thư* không thích thú bằng đọc *Nguyễn chúa công nghiệp diễn chí*

hay *Lê quý dật sử*. Ở hai bộ sách sau, các tác giả bày tỏ rõ lập trường của mình: người thì bênh vực các chúa Nguyễn chống các chúa Trịnh, người thì trung thành với nhà Lê, phản kháng Tây Sơn. Cho nên đọc họ chẳng những chỉ thu thập được sử liệu mà còn nghe được cả tiếng lòng.

Cuốn *Giặc Việt cộng* của Luật sư Hoàng Cơ Thụy, một phần của Tập 9 trong bộ *Việt sử khảo luận** cũng tạo nơi độc giả tâm trạng ấy. Trang 2012 xác định:

"Cái dã tâm 'chiếm độc quyền thống trị trên toàn quốc để xây dựng xã hội chủ nghĩa' được bộc lộ công khai và rõ rệt sau ngày 30.4.75 mà cộng sản Bắc Việt đã thôn tính xong miền Nam. Họ gạt bỏ Mặt Trận Giải Phóng, coi như là múi chanh đã vắt hết nước. Họ công nhiên đặt cho đất nước cái tên 'Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam', đảng Cộng sản trước kia giả danh là 'đảng Lao Động' nay công khai tự xưng là 'đảng Cộng sản Việt Nam'. Thiết thực và đau đớn hơn nữa, cái thiên đường cộng sản đã biến thành địa ngục cộng sản cho toàn dân, từ Nam chí Bắc, đến ngày nay (1992) chưa chấm dứt".

Trước đó, trong thư gửi một độc giả ngày 24.9.88, Luật sư họ Hoàng cũng nói rất minh bạch: "Phải viết sao cho (...) đúng theo lập trường độc lập quốc gia, tự do dân chủ".

Một cuốn sử trình bày theo lập trường vừa kể, đề cập đến giai đoạn 1945-1975, cho đến nay chưa có ai viết. Đó là thế mạnh của sách. Nó độc quyền cung cấp cho người đọc một cái nhìn tổng thể về các biến cố mà bản thân mình từng là chứng nhân hay đang là nạn nhân. Nhưng đồng thời nó cũng nói lên được những điều phải nói, đáng nói.

Trang 2022 bộc bạch cái nhìn của người trong cuộc:

"(...) Bọn Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp đã không cần đếm xỉa gì đến những con số khổng lồ quân đội và dân chúng bị giết ở trên mọi chiến trường hay hậu phương, hồi chống Pháp cũng như hồi chống Mỹ: dân chết chứ chúng có chết đâu mà

chúng sợ? Can đảm như thế là quá dễ, thế mà cả thế giới, luôn Pháp và Hoa kỳ, đều ngợi khen bọn lãnh tụ cộng sản là can đảm, bền gan và anh hùng".

Một cái nhìn của người trong cuộc như thế khác hẳn với cung cách xử sự của những người da trắng da đen từng coi Hồ là thần tượng, từng gọi dân tộc Việt Nam là anh hùng. Chúng ta không hề muốn làm anh hùng theo kiểu mô tả của những ngòi bút phương tây hay châu Phi; một cung cách mô tả mà động cơ là mặc cảm tự ti đối với Hoa kỳ (nên đề cao cuộc chiến chống Mỹ cứu nước: trường hợp những người Pháp, người Anh, người Đức chẳng hạn) hoặc mặc cảm sắc tộc, nên a dua theo đám đệ tử cuồng tín Mác-Lê trên dải đất chữ S (trường hợp điển hình: gã da đen từng nắm giữ Tổ chức Văn hoá Liên Hiệp Quốc đã chủ trương tôn vinh Hồ Chí Minh là nhà văn hoá).

Trang 2146 vạch trần tham vọng thực sự, mục đích duy nhất của tập đoàn lãnh tụ cộng sản: "gây nên cái họa chiến tranh ba mươi năm, tàn sát hàng mấy triệu thanh niên Việt, Pháp, Mỹ, Đại Hàn hay Úc Đại Lợi. Để làm gì? Để tự lột mặt nạ sau ngày 30.4.75, tuyên bố công khai Xã hội chủ nghĩa, và... thất bại hoàn toàn mười năm sau".

Trang 2149 trình bày quan điểm của nhà luật học phán xét lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến: "Hồ Chí Minh chỉ kêu gọi toàn dân 'kháng chiến chống Pháp giành độc lập thống nhất', chứ không thêm rằng 'và để cứu đảng Cộng sản Đông Dương, để cho Đảng có thể đầu tổ trí phú địa hào, tịch thu ruộng đất tài sản của đồng bào, xây dựng Xã hội Chủ nghĩa và thiên đường cộng sản'. Đó là sự giấu giếm và gian trá hệ trọng nhất, đã lường gạt toàn dân, khiến cho Việt Minh cộng sản không bao giờ có 'chính thống', ngay từ phút ban đầu (*fraus omnia corrumpit* = gian trá làm hư hết).

Nơi trang 2091, chúng ta chứng kiến sự gian manh vô sỉ của các ngòi bút viết sử cộng sản khi cuốn *Lịch sử Việt Nam 1945-1975* của Hà Nội,

xuất bản năm 1987, tường thuật tại trang 15 rằng "đồng chí Võ Nguyên Giáp dẫn đầu phái đoàn Việt Nam đi họp hội nghị trù bị tại Đà Lạt" trong khi thực ra chính Nguyễn Tường Tam, trong tư cách Bộ trưởng Ngoại giao, mới là trưởng đoàn hội nghị liên hệ.

Trang 2095 kể một cách trung ngôn nghịch nhĩ về một nhân vật hiện đang sinh sống và giao thiệp với tác giả: "Ôi (...) đến tận năm 1971 mà ông Hoàng Xuân Hãn vẫn còn tưởng rằng cộng sản Võ Nguyên Giáp làm việc cho dân cho nước, chứ không phải cho Đảng (là điều y giấu kín), thì còn trách chi hai chục triệu đồng bào đã u mê - hay quá sợ sệt - mà như con thiêu thân nhảy vào biển lửa ở Vĩnh Yên, Ninh Bình, Đông Triều (thời De Lattre) hay Điện Biên Phủ (thời Navarre)..." Nếu thêm vài chữ nữa: "Bình Trị Thiên, đường mòn Hồ Chí Minh (thời 'chống Mỹ cứu nước')..." thì câu văn này trở thành ngọn đèn soi đường cho những Bùi Tín, những Dương Thu Hương cũng như những người "phản kháng" khác. Nên ghi nhận rằng sau ngữ đoạn này còn thêm một câu thăm thía: "Nói cách khác, trong khi ở ngoài miệng Giáp nói rằng 'phải đoàn kết' thì trong lòng y tự nhủ rằng 'chỉ đoàn kết giai đoạn thôi'. Tam (Nguyễn Tường Tam) và Hãn (Hoàng Xuân Hãn) có đại thì tin". Chính sự u mê, mông muội lao đầu vào cái gọi là chiến tranh vệ quốc - trong khi thực ra là vệ đảng - trước đây rồi mới đây, vào cái gọi là chiến tranh giải phóng miền Nam của không biết bao nhiêu thanh niên thanh nữ và cả những người trung niên, đã khiến lão Hoàng Quốc Việt có dịp xoa đầu đám quần chúng đó mà ban khen một cách hết sức trịch thượng rằng nhân dân ta rất anh hùng**.

*
* *

Giặc Việt cộng có một vài sai lầm nhỏ.

Trang 1972: trong số các bạn ở Huế của bác sĩ Hồ Tá Khanh có Trần Hữu Dực chứ không phải Trần Hữu

Đức. Ông này, ít nhất cho đến khi chúng tôi rời nước (1984) vẫn còn sống.

Trang 1980: tên gọi đúng bộ sử triều Nguyễn là *Khâm định Việt sử Thông giám Cương mục* chứ không phải *Khâm định Việt sử Cương giám Thông mục*.

Trang 1982 và ở một vài trang khác: Đặng Thai Mai (không có dấu sắc) thay vì Đặng Thái Mai. Có nhiều tài liệu ghi không đúng tên nhà nghiên cứu văn học Mác-xít này chứ chẳng riêng gì *Việt sử Khảo luận*.

Trang 2014: Việt cộng gọi chế độ của chúng là *vô sản chuyên chính* chứ không phải *vô sản chuyên chế* (xem phần trích dẫn chính tài liệu cộng sản ở ngay đầu trang 2014).

Trang 2102: bốn câu thơ "*Thuở trời*

đất nổi cơn gió bụi..." là của *Chinh phụ ngâm*, không phải của *Cung oán ngâm khúc*.

Có hai chỗ, Luật sư họ Hoàng vận dụng từ vựng tiếng Việt thiếu chính xác:

- trang 2036: tướng Trần Văn Đôn dự kiến Cédile (lẽ ra là *diện kiến*).

- trang 2047: *la défense en surface* được dịch là *kháng chiến phiến diện*. Nhưng *phiến diện* có nghĩa là "*không toàn diện, chỉ có một khía cạnh*" (*Việt Nam tự điển*, Lê Văn Đức) hoặc "*chỉ có một chiều, một bên, không đầy đủ*" (*Từ điển tiếng Việt*, Văn Tân). Việt cộng thường gọi cuộc kháng chiến chống Pháp là *toàn quốc kháng chiến, toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng*

chiến.

Trang 2069: Võ Nguyên Giáp quê ở Nghệ An. Không đúng. Võ người làng An Xá, tỉnh Quảng Bình.

Cùng trang 2069: Tôn Quang Phiệt đắc cử ở Huế. Chi tiết này, theo ký ức của người viết, có thể sai. Vào thời điểm đó chúng tôi mười ba tuổi. Lúc bấy giờ, ở Quảng Trị, để nhồi vào đầu óc những người dân quê ít học hoặc thất học tên các ứng cử viên quốc hội, Việt Minh đã dùng hai chữ "*Dục Phiệt, Dục Phiệt*" nhằm khiến người dân nhớ hai tên ứng viên cộng sản mà bầu. Như vậy, có lẽ Tôn Quang Phiệt đã đắc cử ở Quảng Trị: *Dục* là Trần Hữu Dục đã nói trên kia, *Phiệt* là Tôn Quang Phiệt.

Ở một đôi chỗ lập luận dường như có vẻ mâu thuẫn, ví dụ nơi trang

một chút tự do

Có những tin buồn trên mặt báo
Tôi đọc rồi, nước mắt chảy thâu đêm
Rượu uống hoài, đau chất ngất, đau thêm
Ôi ai đó đã vì đời tự sát!

Đồng bào tôi đó chút ai
Đời lưu vong tan nát
Trong bốn bức tường, bốn bức kềm gai
Một chút tự do, vạn dặm biển dài
Đi biển không chết, sao giờ người lại chết?

Ôi xót xa nào nói ra cho hết
Đã vì đâu người rạch bụng hôm nay
Trời tự do còn hun hút chân mây
Người đã chết cho vạn người được sống.

Tôi ở đây, những chiều mưa gió lộng
Vẫn cúi mặt hoài, thương số kiếp long đong
Còn đồng bào tôi ngày đợi, đêm mong
Một chút tự do trong trại tù, trại cấm.

Tôi ở đây, những chiều mưa ướt đầm
Nhìn về phương trời, thương nhớ quá Việt Nam
Cũng cùng hướng trời, nghiệt ngã những trại giam
Nơi một chút ước mơ của dân tôi
Bị người đời thanh lọc

Tôi đọc cái tin nghe đau từ trong óc
Từ trong tim, và khắp cả thân người
Nhân loại ngày nay vẫn rộn rã tiếng cười

Còn đồng bào tôi
Để mua chút tự do
Đã cầm dao tự sát!

"Hết rồi những khao khát
Những chân trời và những bản tình ca
Thôi rồi những mùa hoa
Người đi nhé, xin một lần vĩnh biệt".

Ôi những dòng máu Việt Nam oan nghiệt
Máu chảy từ quê nhà, máu chảy tới Thái Lan
Tới những địa danh quê người
Uất ức đành cam
Mượn cái chết để thay cho lời nói.

Ôi đồng bào tôi ơi
Khi trời tự do lên tiếng gọi
Đã có bao triệu người bỏ xác biển Đông
Đã có bao triệu linh hồn trở lại với hư không
Những linh hồn Việt Nam, hồn oan uổng tử!

Ôi dân tộc tôi ơi!
Những người Việt Nam bỏ xứ
Sống kiếp lưu đày trong mấy trại giam
Biết đợi chờ gì với nhục nhã, nát tan
Khi nhân loại đồng lòng ngoảnh mặt.

Tôi ngồi nhìn cái tin lòng đau như cắt
Đã bao ngày rồi nước mắt vẫn còn rơi
Lẩn trong cái đau chưa kịp viết nên lời
Có cái xót của một đời vong quốc.

Dân tôi đó những xích xiềng trói buộc!
kha huyền

2115: "Ta nên nhớ rằng Nam bộ đã là của Việt Minh cộng sản Trần Văn Giàu từ ngày 24-8.45. Vậy toàn thể Việt Nam đã bị cộng sản hoá ngay từ ngày hôm ấy rồi". Trước ngày 24.8.45 này:

- Tổng trưởng Nội các Trần Trọng Kim "đã dần dần đòi lại được cả hai điều mà quốc dân hằng mong mỏi là thống nhất và độc lập" (trang 1971);

- Người Nhật ưng thuận giao Nam bộ lại cho chính quyền vua Bảo Đại, nên "ngày 14.8.1945, ông Sâm (Nguyễn Văn Sâm) được sắc chỉ bổ vào Nam" (trang 1975);

- Ngày 20.8.1945 "Khâm sai Nguyễn Văn Sâm ở Huế đã vào tới và liên lạc ngay với quân đội Nhật để được trao vũ khí cho Hội đồng Nam bộ" (trang 1995);

Nhưng nhất là ngày 2.9.1945, "lâm thời chính phủ của một nước Việt Nam mới, đại biểu cho toàn dân Việt Nam, tuyên bố thoát ly hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xoá bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã ký về nước Việt Nam" (trang 2009). Như thế, về mặt công pháp quốc tế, đương nhiên hai hòa ước 1862 (Bonard) và 1874 (Dupré) nhường Nam kỳ cho Pháp làm thuộc địa (trang 1955) đã bị hủy bỏ. Vậy thì tại sao ở dòng đầu trang 2121 tác giả lại bảo: "Trên pháp lý, Nam kỳ vẫn còn là một thuộc địa Pháp". Chẳng lẽ Luật sư lại chấp nhận "pháp lý" của bè lũ thực dân De Gaulle, D'Argenlieu, Leclerc?

Trang 2195: tên gọi đúng của các cán bộ phụ trách quản lý tư tưởng trong những đơn vị vũ trang Việt cộng là *chính ủy*, không phải *ủy viên chính trị*.

Trang 2116 (đúng ra là 2216) nhắc đến tiến sĩ Phan Huy Chú. Trong *Việt sử khảo luận* Tập 7, phần phụ lục in trên giấy màu xanh, trang 92 (của tạp chí *Văn học* số 49), chúng tôi đã có dịp kính lưu ý Hoàng tiên sinh là Phan Huy Chú không hề đỗ tiến sĩ, chỉ đỗ hai lần tú tài. Nay Luật sư lại một lần nữa gán cho tác giả *Lịch triều hiến chương loại chí* học vị đại khoa. Hoàng tiên bối có tài liệu nào riêng tây liên hệ đến vụ này

chăng?

*

* *

Bây giờ chúng tôi xin góp ý thêm với vị trưởng thượng họ Hoàng về ba chữ *giặc Việt cộng*. Luật sư đã dành đến hai trang giấy để biện minh cho sự sử dụng ba chữ đó với một thái độ cẩn trọng, đứng đắn, qua một văn phong bình đạm, mực thước. Chúng tôi tán thành lẽ lối đó. Xuôi dòng lịch sử dân tộc, tổ tiên chúng ta từng gọi kẻ thù là *ngịch lỗ* (trong bài thơ Lý Thường Kiệt), gọi tướng giặc bằng *mày* (Nguyễn Trãi, *Thư gửi Phương Chính*). Huống chi, sử bút người xưa vốn rất nặng về ý nghĩa phê phán và một trong những hình thức rất quen thuộc dùng để đánh giá các chế độ, các nhân vật là sử dụng từ ngữ thích nghi. Đại biểu cho quan niệm văn sử bất phân này - mà văn thì vốn dĩ *tải đạo* - là bộ sử nước Lỗ do Khổng tử chấp bút.

Truyền thống dân tộc cũng giúp thêm cứ liệu cho lập luận của chúng tôi. Đời Trần chống quân Mông Cổ có gã Nguyễn Bá Linh, cha người Tàu, mẹ người Việt. Y theo quân Nguyên, bị Hưng Đạo Vương bắt được, đem chém đầu ở làng mẹ, vứt thủ cấp xuống sông. Trước khi bị hành quyết, y hỏi Hưng Đạo Vương: Bây giờ Vương cho tôi ăn gì? Vương tức giận bảo: Cho mày ăn sản huyết đàn bà. Do đó sau khi chết, Linh tác yêu tác quái khắp nước; và theo truyền thuyết dân gian thì y chuyên môn dùng kinh nguyệt phụ nữ hay máu băng sản phụ để làm món ăn hàng ngày. Chuyện y được kể lại trong *Việt điện u linh* của Tế Xuyên. Vì y còn có tên Nguyễn Nhan nên quần chúng Việt Nam cho y tên khác và gọi là *Phạm Nhan*, tức là kẻ tội phạm tên Nhan.

Một cá nhân theo giặc ngoại xâm, sinh sống bằng máu huyết kinh nguyệt phụ nữ, đã được gọi như thế, thì một tập thể, đi tình nguyện rước một chủ nghĩa ngoại lai về áp đặt lên đầu lên cổ dân tộc, đưa cả nước xuống hố thảm diệt vong suy kiệt, nếu không gọi là *giặc* thì gọi là gì?

Và chúng ta ngày nay có nên theo gương đồng bào đời Trần, gọi kẻ cầm đầu đám giặc đó là *Phạm Chí Minh*, gã tội phạm tên Chí Minh?

Khi Phạm Chí Minh chết năm 1969, nhiều người khóc nức nở, sụt sướt, nhất là phụ nữ. Cảnh đó được *giặc Việt cộng* quay thành phim và chiếu cho đồng bào miền Nam xem sau tháng 4.75. Tôi cũng có xem. Và tôi tin rằng những người phụ nữ khóc nức nở, khóc sụt sướt trong phim là khóc thực. Họ thực lòng thương tiếc "bác" của họ. Tội nghiệp cho họ. Và cũng oan nghiệt cho tình cảnh họ. Họ tưởng rằng "nhờ ơn Bác nhờ ơn Đảng" nên cuộc sống của họ trong các hợp tác xã nông nghiệp đã khác xa cuộc đời chị Dậu trong *Tắt đèn*. Do chủ trương ngu dân của giặc, họ làm sao hiểu nổi rằng cùng một hoàn cảnh thuộc địa các nước châu Âu như Việt Nam nhưng những quốc gia lân cận bán đảo Đông Dương đã được độc lập, đã trở nên giàu có mà không hề phải *chín năm làm một Điện Biên* (Tổ Hữu) hay *chống Mỹ cứu nước*? Và như thế chỉ vì một lẽ giản dị các cựu thuộc địa này không hề bị nạn giặc Mã lai cộng, giặc Nam dương cộng, giặc Tân gia ba cộng. Ngay như những Bùi Tín, Dương Thu Hương, Nguyễn Huy Thiệp, Trần Mạnh Hảo, v.v.. mà tôi nghĩ rằng dù sao chắc cũng có trình độ khá hơn các phụ nữ trong phim khóc "Bác"; ngay cả những họ Bùi, họ Dương, họ Nguyễn, họ Trần đó cũng nên đọc *Giặc Việt cộng* để mà bình tâm suy nghĩ lại. Và rồi sau đó, tự mình rán *đổi mới tư duy*.

Chính vì lý do này nên tôi mới đặt đầu đề cho bài điểm sách này như đã đặt.

□

Chú thích:

* Hoàng Cơ Thụy. *Việt sử khảo luận. Từ thái cổ đến hiện đại*. Hội Văn hoá Hải ngoại xuất bản. 14/16 avenue Pierre Vermeir, 92160 Antony, France. Giá 200FF.

** Đầu đề một "tác phẩm" của Hoàng Quốc Việt.

Mùa Loạn 75

Vi An



Đêm 29 tháng 4, cũng như mấy đêm trước, Việt cộng đã liên tục pháo kích đạn 122 ly vào thành phố Sài Gòn. Đích nhắm của chúng là phi trường Tân Sơn Nhất và mấy khu vực đông dân cư nhằm khủng bố tinh thần người dân thủ đô vốn ít quen mùi chiến tranh súng đạn. Tác động của những tiếng rít xé màn đêm gây ra không phải nhỏ: người ta đã thao thức mất ngủ, đã âu lo bàn tán về một Sài Gòn nát bấy như đồng gạch Nam Vang dưới nhiều tháng trời ăn đạn pháo kích, về những cuộc tắm máu khủng khiếp có thể sẽ xảy ra... Thêm vào đó, sự hỗn loạn trên sân khấu chính trị càng khiến lòng người hoang mang, rung động.

Từ mờ sáng 30, trên những con đường giảng kẽm gai, các ụ chắn chống tăng đã được xê dịch để chừa lối cho đoàn người di tản đang gánh gòn, bồng bế dắt díu nhau chạy loạn kêu khóc như rì. Dân cư hai bên đường túa ra thăm hỏi:

- Việt cộng nó đánh tới chỗ nào rồi các ông các bà?

- Trời ơi, tụi nó đông lắm, cả sư đoàn kéo từ Củ Chi lên, sắp tới Bảy Hiền đó.

- Tầng nó vô tới cầu xa lộ rồi, tầng nó vô tới...

Chẳng biết có thật người ta thấy tận mắt tầng nó vô tới hay không, nhưng cả trăm cái miệng người chạy loạn đều nói như vậy thì dân phố riết rồi phải tin. Nhà nào nhà nấy tom góp tài sản, sẵn sàng bị gây cho một chuyến tản cư. Việt cộng đánh tới Sài

Gòn thì phải chạy thôi, nhưng chạy đi đâu bây giờ? Đám ngồi trên đầu dân chạy trước rồi, chạy còn xách cặp táp bạc, còn cổ còn cà vạt leo lên máy bay. Dân đen chạy bộ lồm ngồm dưới đất, chạy ra bến Bạch Đằng, xô nhau, đập nhau chết lòi ruột xếp lớp không thấy sao?

Chần chờ mãi đến lúc hàng hiên mái tôn trước căn nhà trọ bị một quả đạn lạc vào, sụm xuống, mảnh văng tung toé, gia đình tôi mới chịu khăn

gói chạy lẫn trong đoàn người di tản dọc hai bên đường vô phi trường. Xe tăng hai phe đang bắn nhau sau lưng cách không đầy trăm mét. Những nòng súng quay tròn chầm chậm nhăm vào nhau, phụt, một làn khói, một tiếng nổ toé lửa. Xe này cháy, xe kia cháy. Khi tôi ngoái cổ lại nhìn, một nữ phóng viên ngoại quốc đang đứng dạng chân giữa đường, tay ôm máy quay phim. Cô ta say sưa thâu hình cảnh cận chiến máu lửa, tài liệu sống hiểm có nhưng đầy nguy hiểm.

Chạy ngang Bảy Hiền, ty cảnh sát ngùn ngụt lửa. Mới ngày hôm qua, lính tráng còn đóng đây nơi này hướng về phía Củ Chi, còn cười nói trấn an dân chạy loạn: "Bà con đừng lo, tụi nó vô thành nào là sẽ tiêu thằng đó. Có chúng tôi đây, bà con yên tâm!" Ôi những người trai trẻ, những con tốt đen trong phút cuối chiến tranh! Giờ họ ở đâu? Đã "tái phối trí" nơi nào hay đang nằm lẫn lộn trong mớ xác chết trên khu vực ngã tư hoang tàn, bỏ ngỏ? Lên đến khu trường đua, lính Dù vẫn còn trấn giữ nghiêm chỉnh trong tư thế sẵn sàng chiến đấu, các khẩu pháo còn nhả đạn lác đác. Chúng tôi vào nhà một người quen. Cả nhà đang xúm lại bên chiếc *radio*, suốt từ sáng đến giờ nó cứ lải nhải mãi cuốn băng thâu sẵn nhả đồng bào, chiến sĩ chờ nghe một cái nhật lệnh nào đó tối quan trọng do ngài tân tổng thống ban ra trong vòng ít giờ nữa. Máy khẩu hiệu hô hào diệt Cộng, mấy bài hát tâm lý chiến kiểu "*Giặc miền Bắc vô đây, bàn tay nhuộm máu anh em...*" biến đâu cả rồi, chỉ còn ca tới ca lui cái bài ca "xuống nước": "*Đừng kể Bắc, đừng kể Trung, đừng kể Nam, hãy kể chúng ta là người Việt Nam thuần túy...*", nghe thì hay ho đấy, nhưng đó có phải là lời dự báo toàn miền Nam đã đến giờ lâm tử?

Rồi giữa những tiếng nổ là tiếng máy phát thanh lệnh đầu hàng vô điều kiện của tân tổng thống. Ngài cũng khuyên anh em nên buông súng, tan hàng cố gắng. Nhiều người bật khóc. Tiếng máy rề rề lúc cầm lúc có. Thêm một đổi, có tiếng gõ,

tiếng thổi phù phù vào *micro* thử máy của ông nhạc sĩ họ Trịnh. Ông ấy kêu gọi anh em (lại *anh em!*) sinh viên, học sinh hãy tích cực cộng tác với chính quyền cách mạng. Rồi hùng chí lên, ông xách cây đèn thùng gậy từng tung ca bài *Nổi vòng tay lớn*. Hết trò khi, máy lại bật. Ngoài đường phố chẳng rõ hỗn loạn ra sao nhưng trong các xóm dân cư thì nhốn nháo lắm. Phải lo hạ cờ cũ xuống, thu thập đốt bỏ những gì dính líu đến chế độ cũ. Đàn bà con gái phải lo rửa son phấn, cắt móng tay sơn xanh đỏ và tìm quần áo cũ mặc sao cho lủi xùi, giỏi lắm là nửa tiếng, một tiếng đồng hồ nữa Việt cộng sẽ tràn ngập thành phố.

Khoảng 1, 2 giờ trưa, tôi làm gan rủ gã bạn lấy xe đạp đi "tham quan" Sài gòn trong giờ lịch sử. Ra đến đường tôi bàng hoàng vì chỉ mới vài tiếng đồng hồ sau lệnh đầu hàng, bộ mặt Sài gòn đã hoàn toàn biến đổi. Từng đồng quân trang, quân dụng ngổn ngang; cờ cũ bị xé; súng ống, lựu đạn vất bừa bãi lẫn với những xác chết nằm lẫn lộn. Xác nào cũng ở trần, mắt trợn trừng uất hận. Quá nhiều người ở trần đi qua đi lại, mặt mày bơ phờ thất sắc. Họ chính là những người lính mới hai tiếng đồng hồ trước đó còn rất oai hùng, rất chiến; bây giờ họ là bại binh, phải liệng bỏ hết quần áo trận, gõ cửa nhà dân xin áo. Có kẻ cho, có kẻ không cho nên khối người phải ở trần.

Ngày lịch sử ấy bầu trời Sài gòn xám xịt, trời làm mưa lâm râm như lệ khóc cảnh tang thương. Những chiếc xe díp cắm cờ nửa đỏ nửa xanh chờ đây nhóc đám 30 đeo băng đỏ lượn phố, về dương dương tự đắc. Xe Việt cộng đậu thành từng đoàn dài trên đường. Sau mấy giờ nằm chờ động tĩnh trong nhà, dân chúng hiếu kỳ bắt đầu rủ nhau ra xem, và bộ đội Việt cộng hôm đó đã làm thiên hạ ngỡ ngàng: Những chú bé 15, 16 tuổi đầu nón cối, chân dép râu, tay AK, lưng quàng áo mưa là miếng nhựa ni-lông có cột sợi dây quanh cổ. Mấy chú bé ồm ồm, mặt mày xanh lét đang đứng run run dưới mưa này là đoàn quân thiện chiến chưa đánh địch đã chạy

ư? Một gã bộ đội bật khóc hu hu khi có bà già Sài gòn hỏi con ơi con mấy tuổi, ba má con còn không? Trẻ em Sài gòn đi từng bày lượm súng, được bộ đội chỉ vẽ và khuyến khích, thi nhau bắn đùng đùng lên trời.

Đám 30 đeo băng đỏ đang gân cổ hò hét phân phát cờ xanh đỏ và thúc giục dân chúng phải hoan hô mỗi chuyến xe chở bộ đội Việt cộng chạy ngang thành phố. Trước toà nhà quốc hội, một đám thanh niên băng đỏ khác đang ra sức nện búa vào đầu tượng ba người lính Cộng hoà. Bên cạnh, một người lính trẻ đang ôm một người bộ đội khóc mùi khóc mẩn. Phản chiến? Bà con anh em? Không thể biết, nhưng cảnh tượng thật sự có nét tình cảm. Phía sau cánh cổng sập, xe tăng Việt cộng đang de tới de lui cày cỏ trong sân dinh Độc Lập. Các toán bộ đội khác đào bể ống dẫn nước trước công viên, lấy nước phun tung toé từ ống vòi đó để nấu ăn và tắm giặt. Dân hỏi của đợt nhập vào các căn nhà vắng chủ đập phá lấy đồ. Trẻ con người lớn đi từng đoàn vào những cơ xường, những đồn trại cũ, lẫn ra từng thùng phuy xăng, vác từng bao gạo về tích trữ. Cờ 4 giờ chiều, dân mánh mung bắt đầu xuất hiện bán cờ đỏ-xanh, bán hình bác Hồ lõng kiếng và ga bán đồng, đài, đập cho bộ đội lấy tiền Bắc. Mấy cái đồng hồ cơ chừng mới lột từ cổ tay xác chết nào đó, được chùi rửa vết máu rồi bán cho những kẻ chiến thắng! 5 giờ chiều, tờ báo độc nhất ra lò bán chạy hơn tôm tươi (ngày hôm sau, tờ này... đình bản). Ngay trang nhất in hình xe tăng Việt cộng húc sập cổng dinh Độc Lập với hàng tit lớn: "Bánh xe lịch sử không gài số de", toàn bộ nội dung tờ báo vượt đuôi, ca ngợi kẻ thắng.

*

* *

Năm ngày sau khi Sài gòn thất thủ, tôi đi ké chuyến xe vận tải chở đồ đạc của gia đình người bạn trở lại Nha Trang. Nhiệm vụ của tôi là thăm dò tình hình và nhà cửa xem có còn không để dọn về. Quảng đường 500 km đầy những xe cộ, dân sự lẫn quân xa, cùng vật dụng của dân chạy loạn.

Nhiều khúc đường bị hư hại nặng, nhiều đoạn cầu gãy, xe phải men xuống ruộng hoặc len theo bìa rừng mà chạy. Các hố bom trên quốc lộ được tạm thời lót ván gỗ để xe qua. Mỗi lần chiếc xe nặng nề lúi xuống, bán cán lên gỗ ván kêu rảng rặc tưởng muốn gãy. Nhưng rồi nó cũng ịch leo lên được mặt đường với tiếng máy nổ như tiếng thở của con voi già đuối sức.

Ngồi bệt giữa lòng xe, bên cạnh mớ đồ đạc ngổn ngang, tôi chờ người lo âu, không hiểu cái thành phố tôi rời bỏ sau hơn một tháng trời bị Việt cộng cai quản đã thay đổi ra sao! Nghe đồn xóm nhà tôi đã cháy rụi trong những ngày loạn lạc. Lúc lửa khói và tiếng nổ đó đây vang dội trong lòng phố, tôi đã gạt nước mắt ra đi và giờ thì chạy trời không khỏi nắng, đành ngồi xe ba-lua quay lại. Tôi thần thờ nhìn cảnh tan tác hai bên đường, nhớ đến những ngày cuối tháng ba khi từng đoàn xe đầy nhóc lính tráng và dân chúng di tản từ cao nguyên xuống.

Tin tức đồn dập, toàn những tin xấu mang lo lắng thẳng thốt cho dân chúng. Người ta rục rịch di tản bằng tàu, bằng xe về hướng Sài gòn. Số người không có phương tiện đành ở lại, bám víu vào hy vọng mong manh mơ hồ rằng đất nước chuyển này sẽ cắt chia từ đèo Cả. Cắt từ đèo Cả giao cho Việt cộng? Vậy là Nha Trang vẫn an toàn?

Hôm gia đình Hiền, người bạn cùng xóm cùng lớp với tôi, dọn đồ chất lên xe cam-nhông vào lúc xế chiều thì tình hình đã bất ổn rồi! Tuyến Khánh Dương đã vỡ. Ở phi trường, Không quân ở ạt di tản. Đài phát thanh ngừng phát khiến dân chúng càng thêm hoang mang. Họ đua nhau chạy xuống cảng Cầu Đá, mong leo lên được tàu Hải quân. Cảnh chen lấn giẫm đạp, bán giết nhau khiến xác người nằm phơi đầy trên bãi dù chưa ai thấy mặt mũi Việt cộng đâu cả! Chợ búa vắng teo. Hàng quán phố xá cửa đóng im ỉm với những dây xích sắt khóa đồng to tướng nhưng vẫn không ngăn nổi bọn cướp cạm, lợi dụng tình thế rối ren,

nhìn lên lá cờ rũ

*Lá cờ đứng rũ trong mưa
buồn ơi! muốn xếp bài thơ, khóc vui!
mười lăm, mười bảy năm. Thôi!
tóc đen hoá bạc, máu rồi hoá băng!*

*Lính mà là cựu quân nhân!
lính mà cơm áo bận khoăn sớm chiều!
cổ không còn quần khăn điều
vai lon lá rụng hồn xiêu phách lìa...*

*Bên trời biển núi ai chia?
bên lòng biển núi còn kia, ngậm ngùi!
lá cờ máu giọt mưa rơi
bạn bè ơi hồi những người thiên thu!*

*Mười lăm, mười bảy năm ư?
tang điền thương hải một câu lạnh mình
cột cờ cứ đứng, làm thinh
lá cờ rũ đó! Ai nhìn lên! Đi!*

trương nghĩa kỳ

gài lựu đạn phá cửa tranh nhau vỡ vết.

Chiều đó Hiền rủ tôi đi cùng, chỉ một mình tôi thôi vì xe đã đầy nghẹt: họ hàng con cháu ba đời nhà nó cộng với mớ của cải phù du. Yêu cầu cho cả gia đình tôi lên xe đã bị ông anh rể của Hiền phản đối. Ông này mới thoát từ Kontum về, còn mặc nguyên bộ đồ trận nhàu nát, thủ cây đại liên với băng đạn dài ngoằng kê trên cái tủ lạnh để trong lòng xe. Tôi nghĩ thầm, nếu nhà nó vớt vớt lại mấy thứ linh kinh như tủ lạnh, ti-vi, máy may, v.v. thì gia đình tôi bốn người dư sức ngồi lọt. Nhưng thói đời, con người vốn tiếc của, làm sao được! Sau này tôi nghe kể, gia đình Hiền đã phải vớt bỏ ráo trên bãi Cam Ranh để chạy lấy người. Mẹ tôi đồng ý cho tôi đi theo gia đình Hiền. Bà xếp quần áo, đồ dùng cá nhân vào túi dết cho tôi. Tôi đeo túi, leo lên xe, ngó lại thấy mẹ tôi đứng bơ vơ trong thôn xóm điêu tàn. Không đành lòng! Không thể chạy lấy thân như vậy được! Bỏ tôi ứng chiến nơi đơn vị vừa mới về nhà hồi trưa, buồn bã bảo

lão thiếu tá chỉ huy trưởng đã cùng vợ con biến mất. Mấy chục năm đời lính, đây là lần đầu tiên tôi nhận ra vẻ thiếu nảo trên mặt ông khi mất niềm tin nơi thượng cấp. Hai anh lớn tôi, một trong Liên đoàn 81 Biệt cách Dù, một thuộc Địa phương quân, đều bất tin trong đợt này, ít nhiều gì gia đình cũng cần sự có mặt của tôi. Giá mẹ tôi đừng khóc nhè! Xe nổ máy rồi, nhưng thôi, khổ thì chịu chung vậy. Tôi ôm túi dết nhảy xuống khi xe vừa lăn bánh. Hiền cùng ba mẹ, anh em nó la lên: "Đi, trời ơi, leo lên xe đi!" Cảm ơn nhiều lòng ưu ái mà gia đình Hiền đã dành cho tôi trên chuyến xe ngon lành có cả đại liên yểm trợ. Tôi nắm lấy bàn tay nhăn nheo của mẹ tôi, quay lưng bước không ngó lại.

Đêm đến, thật là kinh hoàng! Suốt đêm, tiếng đạn nổ, tiếng la hét đập phá tứ tung. Đêm an bình của thành phố biến thành đêm bạo loạn, đêm của tội ác. Phải trải qua nhiều đêm ghê sợ như thế cho đến khi Việt cộng ùa vào thì đêm thành phố



biển mới thật sự biến thành đêm thời trung cổ.

Thức trắng đêm, sáng hôm sau nhà tôi quyết định chạy bộ. Bố mẹ, chị em tôi đeo túi vải đựng đồ phòng thân lên đường, đi theo dòng người lũ lượt bồng bế nhau rời bỏ thành phố. Cứ đi được một quãng, mẹ tôi lại dừng chân nhìn lại. Tôi biết bà đang muốn dứt ruột ra! Căn nhà đó là kết quả của một đời vất vả, tiện tận mãi mới có được sau lần vứt bỏ toàn gia sản nơi đất Bắc để di cư vào Nam, rồi ra sẽ ngập chìm tan hoang trong khói lửa sau lưng.

Trên con đường đi lên thành bửa ấy, cơ man người di tản nối đuôi nhau, xe có, đi bộ có. Họ thúc nhau xuôi Nam, dầm bừa lên cả những xác chết dọc đường do nạn khủng bố, cướp bóc. Thê thảm nhất là những thương binh trong quân y viện Nguyễn Huệ. Họ cũng được người nhà giúp di tản, lắm người đầu mình tay chân còn quấn băng đầy máu mủ, chai nước biển lưng lửng trên đầu xe lăn, đẩy đi vài bước lại rên la đau đớn. Chết, chết là cái chắc! Mười phần chết cả mười trong bi thảm, tuyệt vọng. Điệp khúc: "Về được Sài Gòn, tao bán thằng (tự bỏ 2 chữ) Thiệu trước!" gầm gừ trên những đôi môi khô nẻ uất hận của những người lính bị phản bội.

Tối đó, nghỉ chân trong một ngôi trường tiểu học gần Cam Ranh, mờ sáng chúng tôi lại lớp ngóp lên đường. Mới có vài chục cây số mà đoàn người đã thừa thốt, bỏ cuộc dần vì hồi đêm, nghe đài BBC, tin Cam Ranh mất đã làm phần đông chán nản. Thế nhưng lúc gia đình tôi đến Cam Ranh thì Việt cộng vẫn chưa vào. Cam Ranh còn nhưng vô chính phủ. Cảnh cướp bóc, giết chóc trong thị trấn có vẻ còn tệ hơn trên quốc lộ nên sau khi nhận ra mình không tài nào lẩn nổi lớp lớp rào người trên đường xuống cảng, đám dân đen chạy loạn chỉ còn cách tiếp tục bài đường trường xa, đường số 1.

Chúng tôi lần ngược trở ra, trong tiếng súng nổ khắp phía. Một chiếc xe díp có gắn đại liên, bốn người lính kể cả tài xế, võ trang bảo vệ một ông

sư khoác cà sa vàng, cổ đeo tràng hạt, đứng trên xe lượn đi lượn lại giữa những làn đạn bay cực kỳ nguy hiểm. Xe có gắn loa. Sư ông hô khan cả giọng: "Nam mô bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật! Xin hai bên hãy ngừng bắn giết, đừng gây thêm tang tóc cho đồng bào vô tội!"

Tôi đứng đực mặt ra ngó. Hình ảnh trông khá kỳ dị và có tính chất "người" nhất suốt cuộc chạy loạn mà tôi trải qua. Nhưng sư gào mặc sư, "hai bên" vẫn tiếp tục cái định nghiệp oan trái.

Quá 20 cây số cách Cam Ranh, đoàn di tản xôn xao ngừng bước. Phía trước cả chục chiếc Mô-lô-tô-va Việt cộng, nguy trang lá cây rừng nằm chình ình chắn ngang con lộ. Một toán lính Cộng hòa ba, bốn chục người ngồi xếp thành đội ngũ, chắc là họ bị bắt làm tù binh vì các khẩu Carbin lẫn M16 chum lại thành từng ụ trước mặt họ. Đoàn xe này hẳn từ miền cao lần theo tỉnh lộ hay đường rừng xuống. Một gã bộ đội mặt xương xẩu, da xám mét, có vẻ như chính trị viên vì tôi nghe gã giảng bài loáng thoáng những tiếng lúc ấy đối với tôi rất lạ tai như Cách mạng, nguy quân nguy quyền, có nợ máu với nhân dân... Một phút ngập ngừng, rồi đoàn người cương quyết tiến tới, bước lên qua giữa hàng xe. Gã chính trị viên ngưng thuyết giảng, quay qua quát:

- Này này, đồng bào trở về vùng giải phóng đi thôi! Đằng trước còn thằng địch đấy!

- Dạ, tui tui quê ở Phan Rang nên muốn dĩa đó.

Gã lưỡng lự, nhưng đoàn người neoh nhóc ỉ ỏi, gã đành làm ngơ cho qua nhưng còn cố dặn với theo:

- Phan Rang còn thằng địch, nhưng bộ đội chúng tôi sẽ tiếp thu ngay thôi. Các ông các bà tranh thủ chờ vài hôm nữa rồi hăng về có đảm bảo hơn không?

Đoàn người nghe tin "còn thằng địch" thì mừng quá, cúi mặt nhăm phía trước dấn bước, chẳng ai buồn trả lời. Thêm một quãng nữa lại gặp xe tăng Việt cộng, súng ống đủ loại chĩa lên trời bắn đi đùng. Cây cầu

ngắn bắc qua sông đàng kia dứt khoát là mục tiêu của chiếc A37 đang rú lượn trên cao, thả bom đánh sập để chặn bước tiến của Bắc quân. Đám Việt cộng xua đuổi:

- Thằng địch đang đánh bom, nhân dân không được qua cầu!

Chúng tôi đành men xuống ruộng, định bụng mấy bay ném bom xong sẽ tìm cách đi tiếp. Nhưng có tiếng người gọi khe khẽ. Có người vừa tìm ra một khúc sông tương đối cạn nơi bờ rừng, khuất hẳn đám bộ đội. Chúng tôi lủi theo họ, lội qua sông đi vượt hơn cây số, lần ra quốc lộ. Thoát đoạn cầu, ngoảnh lại tôi thấy ngoài chiếc A37 còn một chiếc L19 vẫn đang quần lượn. Mấy chục phút rồi sao chưa nghe tiếng bom phá cầu nhỉ?

Đi thêm nhiều cây số nữa, đoàn người di tản sững sờ không tin ở mắt mình: lá cờ vàng ba sọc đỏ bay phấp phới uy nghi trên cột cờ trước sân một quận lỵ nhỏ bên tay phải quốc lộ. Hai cây cột trụ quét vôi vàng đỡ lấy tám biển dựng ngay lối vào: Quận Du Long, quận con rồng lừng lẫy. Tuy nhiên nghĩa quân trong quận không hề lừng lẫy mà họ quyết tử. Chỉ cách có vài cây số phía sau là xe tăng Cộng quân, những đoàn người di tản ngày đêm òn ào băng qua con đường trước quận mà sao dân quân ở đây vẫn thản nhiên, vẫn tự tin như chẳng hề có gì lạ xảy ra. Trong quận, tối phút đó, cảnh buôn bán hàng quán vẫn còn, những người bán hàng bảo họ vẫn đi cất được hàng ở Phan Rang đem về bán. Tôi thực sự lo giùm họ, bởi Việt cộng đã tới quá sát. Nghe người chạy loạn kể, một người lính cười, vẻ hãnh diện:

- Ông quận trưởng này ngon lành lắm! Đồng bào cứ ở lại đây đi. Dù có mang cả sư đoàn, tui nó cũng khó nuốt nổi cái quận Du Long này!

Bước đi khá xa rồi, tôi còn quay lại nhìn mãi. Lá cờ vàng lộng gió trước sân, nét mặt tự tin của dân, quân trong quận sắp thọ địch ấy cứ ám ảnh tôi mãi, cả khi tôi đã đến được Sài Gòn. Giá ngay từ những ngày đầu, ngay từ những tuyến đầu, ai cũng vững như ông quận đó nhỉ?

Báo chí Sài Gòn những ngày sau có loan tin về trận đánh khốc liệt ở quận Du Long. Khốc liệt là phải! Chiếc xe ba-lua vừa lướt ngang qua chốn cũ, chẳng còn gì ngoài những đống gạch vỡ, những thân cây cháy đen, thôn xóm điêu tàn! Cả một quận lỵ như còn phảng phất mùi tử khí. Tôi vốn không ưa chiến tranh, cả bề mặt lẫn bề trái của nó. Thế nhưng tôi biết rằng, cái chết của những người giữ quận ấy phải đẹp và bi tráng như bất cứ một trang sử tử thủ giữ thành nào! Cộng quân tổn thất nặng nơi đây nên sau khi chiếm xong, đã san bằng Du Long thành bình địa cho thỏa lòng căm hận.

*
* *

Xe vào thành phố. Tôi ôm túi xách, cảm ơn gia đình bạn, rồi nhảy xuống Mả Vòng, đi lần qua ga, vào đường Hoàng tử Cảnh, rẽ vô đường Nhà Thờ. Hoàng hôn đã buông xuống, vỡ từng mảnh trời màu tím đỏ sau lưng. Đường phố mờ tối dần, ánh đèn đầu từ vài căn nhà leo lét hắt ra.

Tùng, tùng, tùng... Từ ngã sáu kéo lên một đoàn người lúc nhúc. Chiếc xe ba gác còm cưa xanh đỏ dẫn đầu, chở một cái trống lớn. Gã thanh niên đứng trên xe đang thắt tay nên dúi vào mặt trống. Toán du kích quần áo hỗn tạp, súng ống đủ loại, đi kèm hai bên ba thanh niên trẻ bị trói thúc kè, tóc tai bị kéo hớt lờm chờm từng mảng, mặt mày bầm dập hốc hác, lệ ứa ra từ những đôi mắt tủi hận. Một tấm bảng lớn nặng nề

quàng dây buộc quanh cổ, treo lủng lẳng trước ngực họ. Dưới ánh đuốc lập loè bằng ống lon đựng vải tẩm dầu lửa, tôi cố trợn mắt đọc hàng chữ viết bằng phấn trắng trên bảng: "Chúng tôi là thành phần phản động phá hoại Cách mạng, có tội với nhân dân".

Đám dân chúng già trẻ lớn bé lẽo đẽo theo sau chiếc xe ba gác và ba tội nhân. Nét mặt những người lớn trông vô hồn, quần áo xộc xệch thảm hại như vừa trời lên từ dưới đáy âm ti. Tôi ngỡ mình đang lạc vào một xã hội nào đó thuộc thời trung cổ. Một gã áo đen đeo khẩu K54, tay cầm cái loa dây đưa lên miệng hô khẩu hiệu:

- Quyết tâm trừng trị đích đáng bọn phản động chống phá Cách mạng.

Nhiều cánh tay yếu ớt giơ lên, tiếng hô rời rạc, gương gạo. Rõ ràng là bị cưỡng bách phải hô theo:

- Quyết tâm! Quyết tâm! Quyết tâm!

- Nhiệt liệt hoan hô Sài Gòn giải phóng thành công.

- Nhiệt liệt! Nhiệt liệt! Nhiệt liệt!

- Hồ chủ tịch vĩ đại sống mãi trong quần chúng!

- Sống mãi! Sống mãi! Sống mãi!

Mới bị chiếm có mấy ngày, Sài Gòn chưa hề có cảnh này nên tôi kinh ngạc quá sức. Chao ôi, chỉ có hơn tháng trời, thành phố biến hiện hoà đã trở nên dã man, gớm ghiếc đến thế ư?

Níu tay một thằng bé đi trong tốp sau cùng, tôi hỏi nhỏ:

- Nè, đem họ đi đâu vậy em?

- Đem đi bán chớ đi đâu!

Đem đi bán? Vậy mà nó trả lời tỉnh queo. Tôi dòm kỹ hơn mặt thằng nhỏ. Nó chỉ khoảng 11, 12 tuổi. Nhưng khi trả lời câu đó, nét mặt nó thoáng lạnh, như nét mặt một người đã trải qua nhiều cảnh giết chóc đến mức vô cảm, trơ lì.

Vai đeo túi xách trong có vắt cơm mẹ tôi gói cho, lê từng bước nặng nề trên những con đường tối, hiu hắt ánh đèn đầu dẫn về xóm nhỏ, tôi mơ hồ cảm thấy mình đang bước dần vào cõi địa ngục có thật. □



Người Chết Sau Cùng

Minh Đạo

11 giờ 45 phút trưa ngày 30 tháng tư năm 1975.

- Tôi đã bảo mà! Thế là hồng cả! Rồi còn khổ nhiều! Là chết cả đám. Trúng mà cứ đòi khôn hơn rắn!

Anh tôi, dáng người nhỏ bé, lọt thỏm trong chiếc ghế bành rộng, mặt nhợt đi vì sợ hãi. Bà chị dâu tôi ngồi bệt dưới đất trong một góc phòng, tay ôm đứa con nhỏ đang ngủ gà ngủ gật. Căn nhà rộng chìm trong yên lặng nặng nề. Mấy đứa trẻ cũng ngẩn ngơ lo lắng ngồi tụ vào một xó, không hiểu chuyện gì đang xảy ra mà cha mẹ chúng lời qua tiếng lại suốt từ sáng đến giờ.

Tôi ngồi gập mình trên ghế dựa, mặt úp vào hai lòng bàn tay, đầu óc tê điếng vì nghĩ đến một tai họa ghê gớm sắp đổ chụp xuống đầu tôi, xuống gia đình tôi. Sao họ hàng nhanh thế? Mới đây còn nghe nói đánh nhau to ở Long Khánh, tướng Toàn tuyên bố Biên Hoà còn vững như bàn thạch, ông Kỳ còn hô hào tái chiếm các vùng đã mất...

- Thế là chết cả đám! Cá nằm trong rọ, biết đi đâu bây giờ?

Anh tôi vẫn tiếp tục chì chiết, không phải chỉ có bà vợ mà cả tôi, người đã góp phần quyết định gây ra tình cảnh bối rối không lối thoát này.

Mới hôm qua tôi vẫn cứ đinh ninh quả quyết là sắp có giải pháp hòa bình. Tôi cố chống chế:

- Thì em cứ tưởng... Trong mấy quán cà phê người ta còn chắc chắn là sẽ có liên hiệp, hoà giải... Đại sứ Pháp Mérillon có nói... Ai ngờ họ lại hàng nhanh thế! Cũng có thể có thoả thuận trước. Nghe nói họ sẽ mở đường đi xuống Vũng Tàu, tàu Mỹ sẽ chở dân di cư đi đảo Guam.

Anh tôi bỗng nổi cáu:

- Thì chú cứ quả quyết mãi đi! Bình luận mãi vào! Tôi đã bảo là phải tìm đường trốn cho nhanh thì chẳng nghe, chỉ suốt ngày la cà ở mấy quán cà phê nghe ngóng tin đồn nên mới ra nông nổi! Tuần trước nếu nghe lời tôi xuống tàu Đạo Dương có phải bây giờ đã thoát rồi không? Xuống tàu mới trả tiền, không có họ cũng cho nợ, chỗ tình nghĩa, chú cứ không nghe, tin mãi vào mồm lão răng sún ấy để kệt cả đám!

Đứa cháu nhỏ bỗng giật mình khóc thét lên. Bà chị tôi bế con đi tới đi lui trong phòng, miệng à ời ru cho thằng bé nín khóc. Anh tôi ngửa mặt, quát:

- Cả bà nữa! Cứ lê la hết nhà chị này đến nhà chị nọ... Chị ấy nói thế này, chị kia bảo thế nọ... Ai ngờ họ cũng giấu mình, chuồn rảo cả, trơ có đám ngu ở lại! Rồi thì chết hết! Tôi đã bảo mà! Rồi tha hồ mà hoan hô, đả đảo! Tôi còn lạ gì cái lũ chó đũa ấy, già trẻ lớn bé gì nó cũng chẳng có tha!

Lũ trẻ con gấu ó nhau chuyện gì không biết, một đứa meo máo chạy ra mách mẹ. Ông anh tôi bực mình, quát:

- Lũ ranh con kia, cút ngay xuống dưới nhà, đóng kín cửa lại ở trong nhà. Cấm tiệt không đứa nào được ra đường...

Bà chị tôi nhỏ nhẹ:

- Cũng còn khối người! Có người



có ta, người sao mình vậy. Mình chỉ là dân buôn bán, đâu có làm gì họ...

- Thôi, tôi biết bà hay, bà khôn rồi! Năm năm tư đấy thôi, chả hề mãi lên là độc lập tự do, lại còn kéo nhau đi hoan hô chính phủ mới. Khỏi đùa rừ từ rồi mới mở được mắt ra.

Vốn là người từng trải, tháo vát nên sau một lúc quát mắng, chừng như đã hả cơn tức, anh tôi bình tĩnh lại, tính toán những việc cần phải làm ngay.

- Rồi còn lộn xộn chán. Sợ có giới nghiêm chứ chẳng không. Bây giờ mình phải lo đồ cổ thủ một thời gian, sau sẽ tính. Còn nước còn tát, có rồi lên vặc lẫn nhau trong nhà thì được ích gì! Bà ra chợ kiếm mua mấy thùng mì gói, nước mắm. Cần nhất đấy. Gạo thì có sẵn mấy bao rồi. Lạp xường, trứng muối, tôm khô... có gì mua nấy, đắt mấy cũng mua. Mà phải nhanh lên. Nội chiều nay, sáng mai là họ tăng giá lên gấp mấy lần. Kiếm lấy ít vài đen, loại xấu. Chiều nay phải may ngay cho mỗi người một bộ bà ba đen. Chúng chỉ thích màu đen, lũ quạ ấy! Màu loè loẹt, nó ghét... Tư sản gì! Cái mả bố chúng nó chứ! Ông còn lạ gì! Rồi cũng ăn cướp, ăn cắp như ranh, cách mạng cách miếc gì!

Bỗng anh tôi nhớn nhác nhìn quanh, trầm giọng thì thào:

Bỗng anh tôi nhớn nhác nhìn quanh, trầm giọng thì thào:

- Có chuyện gì phải giữ kín, nói nhỏ thôi, chớ cho con Hoa nó biết - Hoa là người tớ gái đã ở giúp việc cho anh chị tôi gần mười năm nay - Vài ngày nữa bà liệu tìm cách cho nó nghỉ, cấp quần áo đầy đủ, thưởng thêm cho nó ít tiền rồi bảo nó viết giấy đã nhận tiền công xá đầy đủ. Nó hiền lành, nhưng thời buổi này chẳng nên tin ai. Tôi còn lạ gì cái lối xúi tó phản chủ. Người giúp việc càng lâu càng nguy hiểm. Chuyện lớn chuyện nhỏ trong nhà nó đều biết. Thiếu gì đứa tưởng bở, phản, báo cáo đủ chuyện để tăng công. Bà mua được gì cũng nên giấu đi. Nó vu cho là đâu cơ tích trữ thì khôn!

Sực nhớ ra điều gì rất quan trọng, anh tôi kéo tôi ra một góc phòng, thì

thăm:

- Chú nói thật, có giấu giếm súng ống gì không?

- Không. Đâu cần gì của ấy.

Tôi chối.

- Thế còn giấy tờ? Phải đốt hết. Sách báo tiếng ngoại quốc, tiếng Việt cũng gom cả lại, chờ tối mang ra cửa sau vứt đi. Năm năm tư khối người rừ từ chỉ vì trong nhà chứa các sách ngoại ngữ.

Bỗng có tiếng chuông gọi cửa, anh tôi hốt hoảng:

- Chú ra ban công nhìn kỹ xem ai. Chẳng lẽ chúng đến nhanh thế! Nếu thấy người lạ mặt thì chú phải ra cửa sau trốn đi. Tôi sẽ nói là chú chưa về, thất lạc ở miền Trung. Vợ chồng tôi là dân buôn bán, có lẽ cũng chưa hề gì. Chú là sĩ quan, lại biệt phái dạy học, chắc là không yên với chúng đâu!

Tôi len lén ra ban công nấp sau mấy chậu cảnh nhìn xuống. Trước cửa, đứa cháu gái cùng bảy con nhỏ lếch thếch đang đứng gọi cửa. Tôi thở phào nhẹ nhõm.

Vừa vào trong nhà, đứa cháu đã bù lu bù loa:

- Nó tới ngã tư Bảy Hiền rồi. Còn đánh nhau. Mấy cái xe tăng bị cháy. Nhảy dù bắn, họ bắn lại, trúng nhà dân. Cháy to lắm! Người ta kéo nhau chạy nghệt đường, chắc còn đánh nhau to...

- Thế hả? Còn đánh nhau hả? Thì tôi vẫn bảo mà! Để gì quân mình chịu hàng. Có lẽ họ dùng kế dụ địch tới gần rồi phản công. Cũng còn hiệp định Ba Lê. Đại tướng Valuxem của Pháp còn nói đang thương thuyết. Ông Kỳ cũng tuyên bố sẽ biến Sài gòn thành Stalingrad... Mày phụ thím ra chợ mua thêm đồ khô tích trữ phòng xa. Có thể còn đánh nhau lâu.

Anh tôi phấn khởi ra mặt, đi tới đi lui trong phòng, làm như tình thế đã hoàn toàn đảo ngược, trở thành đầy hy vọng:

- Biết mèo nào cắn mỉu nào! Để gì ngon xơi! Có khi Nhảy dù họ đuổi các cậu chạy toé cút ra không chừng!

Phòng tôi ở lầu ba, phía sau, chỉ có một cửa sổ ngó ra phía sân sau một thương xá lớn. Đứng ở ban công,

xa xa về phía Hoà Hưng, tôi thấy những đám khói đen cuồn cuộn. Chắc có đánh nhau, nhưng sao không nghe tiếng súng? Bên trái, khoảng 300 thước, chợ Bến Thành vẫn mở, người mua bán vẫn tấp nập. Một chiếc xe ba bánh chở hai bao gạo, người phu xe cỡi trần rạp mình xuống, cố đẩy chiếc xe ngược dốc Nguyễn Trung Trực. Những cây phượng vĩ nở hoa đỏ rực trong khuôn viên phía sau trường đại học Văn khoa. Vài chiếc ô tô vội vã chạy qua. Cảnh tượng giống một chiều ba mươi tết, lúc chợ sắp tàn, người mua kẻ bán đều hối hả trước khi bóng đêm của ngày cuối năm sụp xuống.

Chị tôi cùng đứa cháu gái, mỗi người một cái giỏ nhựa to, ra chợ mua đồ tích trữ. Tôi cũng mặc vội quần áo, ra đường.

1 giờ 30 phút trưa ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Trời nắng gắt, không một gợn gió. Hơi nóng hầm hập hắt ra từ những bức tường bê-tông của các nhà hai bên phố. Ở góc đường Lê Thánh Tôn - Công Lý, sát hàng rào phía sau sân đại học Văn khoa, một tốp ba người lính Việt cộng, quần áo xanh lá cây, dép cao su lốp, mũ cối bọc vải camouflage, cánh tay đeo băng đỏ, đang đứng nấp lom khom sau những xe đẩy bằng tôn của mấy người bán hàng trên hè phố, súng AK lăm lăm hướng về phía trước. Có lẽ là toán lính tiền sát. Chúng nhớn nhác nhìn quanh rồi bỗng dưng ngồi thụp hẳn xuống. Khoảng 200 thước bên trái, một đám vài chục người tụ họp bàn tán, chỉ trỏ. Ba tên lính ngồi thụp xuống một lúc không thấy động tĩnh gì, lại đứng nhóm dậy, ngơ ngác nhìn quanh rồi lom khom men theo bức tường, chạy về phía dinh Độc Lập. Từ xa, một loạt đạn bổng nổ vang.

Trên đường Công Lý, một chiếc xe tăng T.54 kèn còi như một con cua khổng lồ đầy bụi và cành lá ngụy trang, vừa chạy vừa thổi hắt ra, hướng về phía dinh Độc Lập. Phía sau, một toán chừng mấy chục gã bộ đội ôm súng chạy theo. Chiếc xe tăng chạy

hết dốc Công Lý tới ngã tư Nguyễn Du, ngay góc tòa án, bỗng quay đầu trở lại, găm rú như giận dữ, leo lên lề đường, nòng đại bác hướng về phía Công Lý. Toán bộ đội vẫn tiếp tục chạy về phía dinh Độc Lập.

Trên lề đường, trước cửa chùa Chà, dưới một tàn me cổ thụ, bà Tư vẫn bình thản ngồi bên tủ thuốc lá, miệng nhai trầu bồm bồm, lơ đãng nhìn đám lính chạy qua. Mặt đường nhựa dưới ánh nắng tháng tư như sắp chảy nhão ra. Những đống rác hai bên đường sau mấy ngày không ai dọn, xông hơi nồng nặc. Một cảm giác nhộn nhạo, văng vát ập đến, dạt dào tôi như bị một bàn tay vô hình đột nhiên bóp mạnh. Tôi cúi gập mình xuống, nôn thốc nôn tháo. Sau khi dốc hết những gì còn lại trong dạ dày, tôi thấy một cảm giác nhẹ nhõm lan tỏa. Tôi dựa vào một gốc cây, nhìn lên vòm trời chen giữa hai dãy nhà, cao xanh thăm thẳm. Những toán lính Việt cộng vẫn tiếp tục lạng lẽ đi về hướng dinh Độc Lập. Từ bên kia đường, bà Tư thuốc lá đưa tay vẫy:

- Thầy Năm! Thầy Năm!

Tôi băng qua đường. Mặt đường

hầm hập dưới chân, mồ hôi tôi vẫn ứa ra.

- Thầy sao vậy? Tội nghiệp chưa! Sao giờ này thầy còn ở đây?

Vừa nói bà Tư vừa lấy trong ô kéo ra đưa cho tôi một lọ đầu cù là:

- Thầy xúc chút đầu cho khoẻ. Dầu trị bá chứng, hay lắm. Mặt thành xanh quá, thầy bị trúng nắng rồi!

Tôi đón lấy chai đầu, mở nắp, xoa hai bên thái dương, lên mũi rồi hít mạnh mấy hơi, suy nghĩ: "Bà ấy hỏi mình đi hay không để làm gì? Có ý dò xét mình chăng?". Tôi ấp úng trả lời nước đôi:

- Dạ, đi đâu bà Tư? Dù gì nhà cửa, anh em cũng còn ở đây hết mà! Với lại tôi chỉ đi dạy học chắc không sao!

- Đi Mỹ chớ đi đâu! Người ta đi hà rầm, thầy không thấy sao?

Bà đảo mắt nhìn quanh rồi trầm giọng thì thào:

- Thầy cũng lo tìm đường mà trốn đi. Tui nghe người ta kể tui nó bắt hết, không chừa ai! Thầy không nhớ hồi Mậu Thân sao?

Trong đầu tôi bỗng hiện rõ hình ảnh những mồ chôn tập thể ở Huế năm nào, những cảnh lính Việt cộng xả súng bắn vào đoàn xe đồ chở dân chạy loạn trên quốc lộ 1 Quảng Trị. Tim tôi như thót lại, mồ hôi ứa ra. Tôi hỏi mua một bao Pall Mall, rút một điếu châm lửa mà tay run lẩy bẩy.

Giọng bà Tư dả lả, thân mật:

- Chỗ khách quen tui lấy giá cũ, còn mấy gói nữa thầy Năm lấy hết để dành hút. Tui cũng tính dẹp quây, nghỉ bán.

Tôi cảm ơn, trả tiền rồi nhét vội mấy gói thuốc trong áo, đi về hướng Lê Thánh Tôn.

Được một quãng, bỗng có tiếng gọi giật giọng:

- Này anh kia!

Không nghĩ mình bị gọi, tôi tiếp tục đi.

- Này anh kia! Anh áo trắng kia!

Tôi hốt hoảng quay lại. Một tên lính Việt cộng đứng trong một ụ gác ở cửa sau dinh Gia Long cũ, sau này là trụ sở Tối cao Pháp viện, đưa tay lên vẫy.

- Anh gọi tôi?

Tôi hỏi lại, tay chỉ vào ngực mình.

- Thì gọi anh chứ ai! Lại đây tôi hỏi cái.

Trước họng súng AK đang chĩa về phía mình, tôi đứng yên, chờ xem nó muốn gì. Gã Việt cộng nhe răng cười, hai ngón tay giơ lên làm dấu:

- Có thuốc lá cho xin một điếu.

Tôi lại gần trạm, móc gói thuốc đưa cho hắn. Gã trông trẻ măng, chỉ độ 16, 17 tuổi, gầy gò, mặt choát, nước da vàng tái, miệng vầu, mấy cái răng cửa lộ ra vàng xỉn, ánh mắt lơ đãng một mõi. Gã cầm gói thuốc, gõ gõ vào bàn tay trái đang cầm súng, rút một điếu cài lên mang tai, rút một điếu khác gắn vào miệng rồi hỏi xin lửa. Tôi đưa cho gã cái bật lửa Zippo. Gã lóng ngóng một lúc mới châm được điếu thuốc, hít mạnh vài hơi rồi thở khói ra đằng mũi, mắt lim dim, mặt ngửa ra phía sau, vẻ khoan khoái. Tôi muốn bỏ đi, nhưng còn chờ tên lính trả lại gói thuốc lá. Gã hít thêm vài hơi nữa, chừng hết con tem mới hỏi tôi, tay vẫn còn cầm gói thuốc:

- Thuốc gì thế? Ngọt thật nhưng hơi nhẹ. Từ sáng đến giờ thèm thuốc lào quá mà cái điếu cày lại rơi đâu mất!

- Thuốc Pall Mall, thuốc Mỹ.

- À, thuốc đế quốc! Ngon hết ý nhưng hơi nhẹ. Anh là người Bắc à? Vùng nào thế?

Tôi trả lời, ậm ừ:

- Hà Nội. Tôi ở Hà Nội nhưng vào Nam đã lâu.

- Bắc di cư à? - Tên Việt cộng nhìn tôi dò xét - Phản động đấy nhé. Anh làm gì? Có vợ chưa?

Vài người đi đường tò mò đứng lại nhìn. Một người hỏi tên lính:

- Ngoài Bắc có nhiều thuốc lá không?

- Nhiều. Thuốc Đồ Sơn, Tam Đảo, Ba Đình... nhiều lắm, chỗ nào cũng có, ngon gấp mười. Nhưng tôi vẫn thích thuốc lào, đậm hơn.

Tên lính trả lời, tay vẫn cầm gói thuốc. Tôi giơ tay đòi lại, gã tần ngần tiếc rẻ rút thêm hai điếu nữa nhét vào túi áo rồi mới đưa trả. Tôi quay lưng

giọt lệ

nặng vai
một gánh long đong
bao nhiêu đau khổ
xiết vòng quanh tim
tình người
đáy bể mò kim
sống thêm vạn kiếp
vẫn tìm
chưa ra
loanh quanh
ta lại gặp ta
với bao giọt lệ
vỡ òa
dưới chân...

hồ ông

bỏ đi dọc theo đường Lê Thánh Tôn về hướng Pasteur.

Tôi đi lang thang không định hướng, lòng hoang mang, nóng như lửa đốt. Hai bên đường Công Lý, nhiều nhà đã mở rộng cửa, tụ họp bàn tán. Hai người đàn ông mặc áo kaki cũ, quần đùi đen, đang hí hục cưa xích sắt khoá cửa một nhà bán kính đeo mắt. Một toán 4, 5 người khác đang khiêng đồ trong nhà Hồng Phát bán giày dép ra đường, chất lên một chiếc xe ba bánh. Họ thản nhiên phá nhà, khiêng tài sản của người khác như trong chỗ không người.

Trên dốc đường, một chiếc xích lô đang từ từ đổ dốc. Người phu xe đi bên cạnh, một tay cố ghì yên xe cho bánh sau sát xuống đất, một tay xiết thắng cố hãm bớt đà xe. Chiếc đầu xe gục gặc như một con bò mộng bị dây xiết cổ mà vẫn cố bước tới. Trên xe, xác một người lính Việt Nam Cộng Hoà mặc đồ trận xanh lục, bị đặt nằm ngược. Đầu người lính đội nón sắt, tựa vào chỗ để chân. Hai chiếc bớt-dờ-sô bóng loáng, đặt song song trên chỗ dựa lưng, ngay mặt người phu xe. Người phu xe trạc 50 tuổi, quần đùi xanh, áo bà ba đen bạc phếch, đầm mồ hôi dán chặt vào thân hình vạm vỡ, rắn chắc, đầu trần, mái tóc bạc cắt ngắn, mặt khắc khổ sạm đen đầy vết bẩn.

Tới cuối dốc, chiếc xích lô bỗng lao đảo, đầu xe chúi xuống lén sát trên mặt đường nhựa, đuôi xe chống lên như đuôi một con bò cạp lúc lắc. Chiếc xe quay ngang. Người phu xe luống cuống cố ghì chiếc xe đứng yên. Hai chân người lính lệch hẳn sang bên làm cái xác bị văng nghiêng. Người phu xe vẫn cố giữ chặt hai chân người lính để cái xác không rơi xuống đất. Chiếc nón sắt văng ra, lăn lông lốc trên mặt đường nhựa.

Trên hè phố, một đám đông tụ họp thản nhiên nhìn người phu xe loay hoay luống cuống. Bà Tư thuốc lá vội vã chạy ra, hai tay giữ chặt yên xe, cố níu xuống cho đầu xe ngồng lên. Tôi cũng chạy lại phụ giữ hai chân người lính. Chiếc xích lô lấy lại

thẳng bằng, nằm ngoan ngoãn. Người phu xe bước ra ven đường nhặt chiếc nón sắt, nhấc đầu người lính lên, sửa lại cho ngay ngắn rồi luồn chiếc nón vào, kéo hai cánh tay người lính cho xuôi theo thân mình. Cái xác thẳng đuồn, cứng ngắc, hai chân giơ lên dựa vào lưng xe, giống như một người đang trồng cây chuối. Anh ta còn trẻ lắm, chỉ độ 20, gầy, cao, mặt chữ điền cương nghị, tóc cắt ngắn, mắt nhắm nghiền như đang say ngủ, bộ quần áo trận mới nguyên, ủi thẳng nếp, đôi giày đánh xi bóng loáng, ngực áo đeo huy hiệu Liên đoàn Phòng vệ Phủ Tổng thống. Một bên sọ người lính vỡ toác, phía gần đỉnh, để lộ một lỗ hồng gần bằng bao thuốc lá. Máu và óc bầy nhầy trong chiếc nón sắt.

Tôi hỏi người phu xích lô:

- Sao bác không để cậu ấy ngồi ngay ngắn trên xe có phải dễ đạp không?

Người xích lô nãy giờ vẫn không nói gì, môi mím chặt. Nghe hỏi, ông ta đưa cặp mắt mệt mỏi nhìn tôi, vẻ ngạc nhiên như trách móc, như buồn rầu đau đớn, rồi ông cúi xuống, kéo vạt áo lau mặt, vẫn không nói gì. Bà Tư thuốc lá nhanh nhẩu trả lời thay:

- Thày Năm không thấy sao? Máu óc văng tùm lum, để ngồi thẳng rớt xuống dơ hết. Tội nghiệp quá! Còn trẻ mà vắn số!

Tôi giữ chiếc xe cho vững để người phu xích lô leo lên. Một tay giữ hai chân người lính, một tay lái xe, ông ta chậm chạp đạp xe về hướng Lê Lợi, vẫn không nói câu nào!

Tôi đứng tần ngần ở giữa đường một lúc rồi cũng đi về hướng chiếc xích lô. Nơi góc đường, một lũ trẻ con đang lục lọi trong một cửa hàng bán sách báo, tranh ảnh. Trước cửa nhà sách Khai Trí một chiếc quân xa Việt cộng đậu bên lề đường. Máy gã bộ đội đang lúi húi nhóm lửa nấu một cái cháo to đầy bao bố. Một người ăn mày nằm ngủ thẳng cẳng ngay trước tiệm bán nước mía, ruồi bu đen trên những chỗ nước mía vung vãi ra. Chiếc xích lô chở xác người lính băng ngang đường, tới

trước nhà thuốc tây Ngọc Tâm, đầu xe lại chúi xuống, dít ngồng lên, xác người lính bị lật nghiêng, rơi xuống đường. Tôi vội chạy theo. Một người phu xích lô khác cũng lật đặt bỏ xe giữa đường chạy tới phụ giữ. Tôi nắm lấy hai vai áo, người phu xích lô nắm hai chân, khiêng cái xác đặt nằm ngay ngắn trên xe. Mặt người lính lạnh lùng. Mặt người phu xích lô cũng trơ cứng.

Người phu xích lô kia nói:

- Phải cột chặt cầu lại, tội nghiệp quá!

Nói đoạn, bác ta chạy về xe mình lật nệm lấy ra một sợi dây lợp cao su dài, cột chặt hai chân người lính vào chỗ dựa lưng rồi hỏi:

- Con ông hả? Còn nhỏ quá! chắc cỡ tuổi con tui, lính Địa phương quân, cũng bỏ mạng sa trường rồi!

Người kia kéo vạt áo lên lau mặt, vừa leo lên xe vừa trả lời:

- Không. Thấy cậu ấy nắm chết cứng ngắc trước cửa dinh Độc Lập, sợ xe tăng nghiêng nát tội nghiệp, tôi chở giúp.

- Mà ông tính chở đi đâu?

- Chưa biết. Ra ngoại ô rồi tính. Tìm bà con nào tốt bụng nhờ phụ một tay đào lỗ chôn.

Ông ta chậm chạp đạp về phía đường Hàm Nghi.

Người phu xích lô mới tới nói với tôi:

- Sao thằng chả lại đi ra bến Hàm Tử? Ở đó đường nghẹt hết trơn! Họ đang cướp kho gạo, không chừng dám cướp luôn xe, liệng người chết xuống sông lắm!

Nói xong, ông ta cũng leo lên xe đạp đi. Còn lại mình tôi ở góc đường. Trời vẫn nắng như đổ lửa. Tôi lấy khăn tay lau những vết máu người lính dấy trên những ngón tay. Mùi máu tanh làm tôi nôn nao, muốn ói. Tôi tần ngần nhìn theo chiếc xe xích lô chở xác người lính trẻ chết trong giờ sau cùng của cuộc chiến đang chậm chạp đi về hướng bờ sông. Người phu xe chở xác người lính đi đâu? Làm sao tôi biết được! Thực ra, trong cuộc chiến tranh này, nào ai có biết chắc mình sẽ đi về đâu! □

Gánh Nặng

Hoành Chính



Chuông điện thoại reo. Chàng uể oải nhắc ống nghe áp vào tai. Giọng một người đàn bà nói tiếng Anh trong trẻo vọng ra. Sau khi tự giới thiệu là nhân viên cảnh sát địa phương, người đàn bà kể cho chàng nghe về trường hợp một thiếu phụ Việt Nam mới đến cư trú trong thành phố, cần sự giúp đỡ căn bản về đời sống, nhất là về phương diện ngoại ngữ. Giọng nói ấm áp của người đàn bà làm chàng không thể hình dung được nàng là nhân viên cảnh sát. Cảnh sát hoặc công an ở quê hương chàng không có được giọng nói ấm áp như vậy. Ông có thể giúp cô ta

không? Người đàn bà đó rất đáng thương, bị chồng áp bức. Thế chồng cô ấy đâu? Đã bị ra toà, và toà cấm hẳn liên lạc với vợ trong vòng một năm. Ông có thể giúp cô ta không? Người nữ cảnh sát lặp lại câu đề nghị. Chàng chần chừ, suy nghĩ. Tôi không dám hứa nhưng mà... Thôi được... Âm hưởng của sự mừng rỡ thấm ướt giọng nói đầu dây bên kia. Chúng tôi ghi nhận sự giúp đỡ của ông. Tên cô ấy là... để tôi đánh vắn cho ông. Người đàn bà đánh vắn cho chàng một cái tên phụ nữ Việt Nam dễ thương và phổ biến. Số điện thoại... địa chỉ... Ông chịu khó đến thăm và xem có thể giúp đỡ gì cho cô

ta không. Được rồi, tôi sẽ cố... Chàng nói một cách thiếu nhiệt tình. Cảm ơn rất nhiều. Chào ông. Người nữ cảnh sát chào chàng một cách vui vẻ như vừa trút xong một gánh nặng. Gánh nặng. Chàng mỉm cười với hình ảnh một thiếu phụ đeo dính trên vai chàng. Đàn bà là gánh nặng oan nghiệt nhưng êm ái nhất. Chàng thầm nghĩ.

Chàng gác máy rồi lại nhắc lên quay những con số người đàn bà vừa cho. Sau bốn lần chuông reo, đầu dây kia mới có người nhắc máy. Tiếng một đứa trẻ vang lên văng vẳng như vọng tới từ cõi nào xa thẳm:

- Hello, ai đó?

Đứa bé vừa nói vừa thở, như thể vừa chạy ở đâu về.

- Có mẹ đó không, cho bác nói chuyện với mẹ đi.

- Ai đó?

- Mẹ đâu? Chàng hỏi ngược lại.

- "Mummy" đang tắm.

Chàng tần ngần, thất vọng. Giọng trẻ con lại vang lên trong ống nghe:

- Bác nào đấy?

Chàng mỉm cười. Thằng bé hẳn có nhiều "bác" lắm! Chàng hỏi:

- Bố cháu đâu?

Đứa bé nhanh nhẩu:

- Bố cháu đi tù rồi!

Chàng toan hỏi thêm thì có tiếng đàn bà cắt ngang, giọng Bắc trong trẻo:

- Hello, xin lỗi ai đấy ạ?

Chàng tự giới thiệu và giải thích lý do gọi tới cũng như tại sao chàng có số điện thoại và địa chỉ của nàng.

- Ô Chúa ơi, may cho em quá! - Người đàn bà ngắt lời chàng - Em đang bối rối muốn điên lên đây!

- Sao vậy?

- Em cần làm giấy báo sẽ dọn nhà đi mà tiếng Anh thì cứ như mù ấy. - Nàng nói không kịp thở - Anh lại viết hộ em cái đơn đi, được không? - Cảm thấy chàng không được sốt sắng, nàng tiếp: Anh giúp em đi, rồi Chúa trả công cho anh mà! À mà... nàng cười, anh có tin Chúa không đấy?

Chàng bật cười, xoay người, ngả lưng trên ghế dựa, nhìn ra bãi đậu xe. Qua khung cửa kính, bầu trời trĩu nặng mây mù xám đục. Bãi đậu đầy các loại xe đủ màu sắc, nhưng vẫn không làm sáng lên được cái nền âm u của một ngày mưa ướt át.

- Anh lại giúp em với nhé?

- Được rồi, nửa tiếng nữa tôi sẽ lại.

- Vâng, cảm ơn anh trước. "Bai" anh nhé!

Ừ, bye. Hai chữ "gánh nặng" lại lớn vồn trong trí chàng. Lục tủ tìm tấm bản đồ thành phố, soạn một số tài liệu bằng tiếng Việt, một cuốn sách học tiếng Anh căn bản, một cuốn tạp chí tiếng Việt cũ, bỏ tất cả vào một cái bọc *plastic*, chàng uống nốt ngụm cà phê nguội trong chiếc ly

giấy, đứng lên rời văn phòng sau khi thông báo cho đồng nghiệp biết chàng sẽ trở về sau khoảng một tiếng rưỡi.

Khu chung cư nàng ở có sắc thái của một xóm lao động tập nập đủ mọi thành phần. Chàng đi dưới những tàn lá phong xanh mướt, ướt mưa. Những cơn gió nhẹ rung nhành lá, rụng xuống đầu chàng những giọt nước mát lạnh.

Thiếu phụ có vóc dáng nhỏ nhắn, tươi trẻ như một cô gái dậy thì, đón chàng vồn vã như đón một người thân từ lâu xa cách:

- Lúc này, lúc anh điện thoại ấy, em đang tắm, phải chạy vội ra, ướt như chuột!

Trong trí chàng, hình ảnh người đàn bà trần trụi, thịt da nhể nhại, tóc đen mướt, vai và ngực nõn nà hiện ra như một khúc phim câm linh động.

- Anh điện thoại cho chủ nhà hộ em nhé?

Thiếu phụ hỏi, cắt đứt đoạn phim trong đầu chàng.

- Để làm gì?

- Báo cho nó biết là em sắp dọn đi. Và cũng nhờ anh viết hộ cái đơn thuê nhà.

Nàng vừa nói tíu-tít vừa dẫn chàng vào phòng khách. Mùi nước hoa thoang thoảng. Đứa con trai nhỏ của nàng lẩn quẩn bên chàng, loay hoay tìm cách mở khoá cái cặp sách của chàng.

- Cháu tên gì?

Chàng vừa hỏi vừa xoa đầu đứa bé.

- Tên cháu là Quang. Còn bác tên gì?

- Bác không có tên.

Chàng cười sau câu trả lời. Người thiếu phụ đưa mắt ra dấu cho con, nhưng cái cau mày thoáng hiện vụt biến mất khi nàng bắt gặp tia nhìn của chàng.

- Cháu học lớp mấy rồi?

- Cháu chưa đi học. - Đứa bé trả lời trong khi tay vẫn không ngừng loay hoay tìm cách mở khoá chiếc cặp của chàng. - Thế bác có thích *mummy* của cháu như bác Thức, bác Trương, bác Thành không?

Câu hỏi từ đôi môi trẻ thơ nổ ra giữa không gian tĩnh lặng của căn phòng khách, như ngọn pháo bông bùng lên làm bàng hoàng đêm tối. Chàng nhìn nàng chùng hững.

- Quang, đi lên lầu ngay! Mày muốn mấy roi hả?

Thiếu phụ la con, như hét vào tai chàng. Con bối rối phủ chụp, chàng ném cái nhìn lướt qua bức tranh tàu treo trên tường. Bức tranh có hình những cành trúc vật vờ trước một vầng trăng tròn đầy, sắc nét. Bức tranh gợi nhớ một không gian thanh bình, thơ mộng đã mất. Đứa bé tần ngần đứng dậy, lê từng bước chậm chạp lên lầu. Thiếu phụ nhìn chàng, nét nghiêm trang, giận dữ còn vương trên mặt. Chàng trấn an:

- Kệ nó, trẻ con mà!

Nàng nói, như trách móc:

- Con có bố cũng như không!

- Có phải tại nó đâu! Chàng bênh vực đứa bé.

Nàng giận dữ bất ngờ:

- Anh còn bênh nó nữa sao? Phải rồi, đàn ông thì phải bênh đàn ông chứ!

Chàng ngơ ngác:

- Cô nói gì tôi không hiểu.

- Nó đánh bài, say sưa chè chén rồi cặp bồ cặp bịch, bỏ vợ bỏ con. Em muốn bỏ nó cho xong!

Chàng chột hiệu, mỉm cười giải thích:

- Tôi nói "nó" đây là thằng cháu Quang kia, chứ ai nói gì đến chồng cô đâu!

Nàng mím môi giấu một nụ cười, chữa thẹn:

- Ô, em tưởng anh bênh "nó". Sorry anh nhé!

- Giấy tờ đâu, đưa tôi làm đơn giùm cho. Chàng đổi đề tài.

- Vâng, chờ em tí.

Nàng chạy hai bước một lên thang, như một con lóc nhỏ, phả trong không gian mùi nước hoa mong manh, dịu dịu. Chiếc váy lốm đốm hoa vàng, đỏ, tím... nàng mặc, xoè bay như đám mây ngũ sắc, mất hút ở đầu cầu thang.

Tiếng ngán tử đóng lạch cạch. Tiếng chân nàng âm u vọng xuống. Tiếng nàng chạy nghiêng gù đó với

thằng bé. Và nàng xuất hiện ở đầu cầu thang, xấp giấy trong tay, nụ cười trên môi nhưng nét cau có còn đọng ở chân mày.

Đưa cả xấp giấy cho chàng, nàng bảo:

- Luôn tiện, nhờ anh đọc hộ xem những tờ giấy này nói gì.

Chàng lật từng tấm, đọc lướt. Một tờ là giấy cảnh cáo của chủ nhà, than phiền ồn ào về đêm. Tờ khác than phiền về khách đến viếng nhà nàng, đậu xe choán chỗ của những người khác. Một tờ nữa là giấy gọi ra hầu toà gửi cho một người đàn ông, chắc là chồng nàng, sau cùng mới là đơn xin thuê nhà. Chàng đem cái tên đàn ông ra hỏi. Nàng bối rối:

- À, đứa em nuôi đấy!

Không biết nàng có bao nhiêu đứa "em nuôi" thế nhỉ? Ý nghĩ chạy loăng quăng trong đầu chàng. Chàng bỗng tò mò:

- Thế cậu ấy đâu?

Nàng ngồi xuống chiếc ghế bên cạnh chàng:

- "Nó" ấy à. Em đuổi đi rồi! Người gì mà...

Nàng bỏ lửng câu nói. Chàng hỏi tiếp:

- Mà... sao?

Nàng ngược lên nhìn vào mắt chàng, nghiêm trang:

- Đàn ông sao mà nó giống nhau thế không biết!

- Giống nhau là sao? Chàng nhún mày, thắc mắc.

Nàng mím môi, nhìn lên bức tranh trên tường:

- Đàn ông nào cũng chỉ đi tìm có mỗi một thứ.

Có cái gì không ổn trong lòng chàng. Chàng cảm thấy bị tổn thương. Dù sao chàng cũng là đàn ông.

- Tại sao cô nói chuyện đó với tôi? Nếu cô không thích thì tôi về. Tôi không có ý làm phiền cô. Phòng bảo vệ nạn nhân của sở cảnh sát yêu cầu tôi giúp đỡ cô thì tôi lại. Thế thôi.

Giọng chàng lạnh lẽo. Tia nhìn của nàng chuyển từ bức tranh qua chàng, hơi cau mày như suy nghĩ rồi một nụ cười nở vội trên môi:

- Ấy là em nói vậy thôi. *Sorry* anh mà, em có nói anh đâu!

Chàng vẫn nghiêm trang:

- Cô không thích thì tôi về.

Vừa nói chàng vừa sắp xếp lại mớ giấy tờ trên bàn cho gọn gàng.

Nàng luống cuống. Những ngón tay xoắn vào nhau. Chợt, những lời ướp mặt tuôn ra, đầm thấm:

- Anh à, em đã bảo em có nói anh đâu! Thôi, cho em xin lỗi. *Sorry* anh nhé, *sorry* anh một trăm lần, chịu không?

Môi trên nàng cong lên sau câu nói như một dấu hỏi gợi tình. Nàng gom những tấm giấy trải rộng trên bàn, trước mặt chàng:

- Anh giải thích cho em nghe những giấy này đi! Tiếng Anh, em chẳng biết gì cả, rõ khổ!

Chàng dịch nội dung từng tờ một. Nàng không ngừng cau mày, nhăn nhó:

- Em nhớ hôm đó pác-ti sơ sơ thôi, có gì đâu mà phải cảnh cáo. Thì lâu lâu bạn bè lại chơi, cũng phải cho người ta đậu xe chứ, không lẽ đậu ngoài đường. Còn cái ông mãnh này nữa! Cái thân em thật khổ! Uống rượu lái xe đâm vào người ta. Thế liệu có bị trả về Việt Nam không anh?

- Ai biết đâu đấy! Cái đó còn tùy mức độ nặng nhẹ và cũng tùy vào ông chánh án và luật sư nữa. Thế cậu ấy bây giờ đâu rồi?

- Nó đi đường nó, em đi đường em. Con người nó lười thôi không chịu được.

Chàng hình dung ra "nó" rượu chè be bét, bài bạc liên miên, tóc tai bù xù, ngủ tới mười một mười hai giờ trưa, thức dậy là dán mắt vào màn ảnh truyền hình coi phim tập Hồng Kông, chán thì quay sang hát *karaoke*, mà hễ mở miệng là chửi thề liên tục, trơn như thoa mỡ. Nàng thờ dãi, cắt đứt ý tưởng chàng:

- Em chán lắm rồi!

Chợt nảy ý tìm hiểu thêm về đời sống nàng, chàng hỏi:

- Tại sao?

Hai giọt nước mắt đọng trong khoé mắt nàng từ lúc nào, lăn dài xuống má. Hàm răng cắn lấy môi

trên, như cố ngăn tiếng nấc. Những giọt nước mắt thì nhau lăn xuống má, xuống cằm nàng. Chàng bối rối:

- Nếu cô có chuyện buồn thì tôi không hỏi nữa. Bây giờ mình điền đơn nhé. Cô tên gì nào? - Nàng đọc tên bằng một giọng ướp sững. Sinh năm nào? À, nàng ba mươi tuổi. Cô tới Canada ngày nào, còn nhớ không?

Chàng ngược nhìn, đợi câu trả lời. Những sợi lông mi ướp làm đôi mắt sâu hơn và tia nhìn mềm hơn. Gái một con trông mơn con mắt. Một ý nghĩ lạc lõng trong trí chàng. Nàng nói nàng tới Canada hồi tháng ba, bốn năm về trước. Em không nhớ ngày nhưng còn nhớ như in trận bão tuyết cuối mùa đông. Chàng cười, tiếp tục đọc những câu hỏi trong tờ đơn và điền những câu trả lời vào khoảng trống thích hợp. Những giọt nước mắt mau chóng được hong khô không còn làm những sợi lông mi dài dính bết vào nhau. Nàng chợt hỏi:

- Anh uống nước cam nhé?

- Cô cho nước gì cũng được.

Tiếng nhạc chợt ào xuống từ cầu thang. Một hỗn hợp bầy nhầy những âm thanh trộn lẫn tiếng gào thét rừng rú phủ chụp lấy không gian căn nhà. Có lẽ thằng con nàng mở *radio*. Nhạc. Đổng âm thanh hỗn tạp, chất chứa đó làm sao gọi là "âm nhạc" được! Chàng cau mày hình dung đến những bãi rác nặc nong thường thấy trên đất nước chàng. Những bãi rác ấy và thứ âm thanh chàng đang phải nghe, làm ô nhiễm không khí. Chàng chìm lìm xuống đáy vũng âm thanh nhức nhối, không kịp thấy nàng chạy - vẫn hai bước một - lên cầu thang. Tiếng nhạc chợt tắt ngấm, còn lại tiếng hét của nàng hụt hẫng:

- ... Đồ con nhà mất dạy!

Nàng bước xuống phòng khách, đi vòng qua căn bếp, loay hoay mở tủ lạnh. Một lát, mang lại bàn cho chàng một ly nước cam vàng óng.

- Uống hộp nước đi anh.

- Cảm ơn cô.

Chàng nâng ly, uống một ngụm nhỏ. Trầm ngâm một lát, chàng buông bút, ngửa lưng dựa vào chiếc ghế nệm cũ kỹ:

- Đơn xong rồi, cô còn cần gì nữa không?

Nàng băn khoăn:

- Anh có bận gì không?

Chàng ân cần:

- Cô cần gì cứ nói. Nếu giúp được, tôi sẽ giúp cho.

- Em cần... Nàng ngập ngừng... đem đơn này lại chỗ văn phòng cho thuê nhà càng sớm càng tốt.

- Ở xa không?

- Địa chỉ nó ghi ở đâu tờ đơn đấy anh.

Chàng lật tờ giấy, tìm. Địa chỉ gần chỗ chàng làm việc. Nhưng đưa đi rồi lại phải đưa về, quả là gánh nặng. Giúp thì chàng không ngại, nhưng ngại những phiền phức khác không đoán được.

- Có xa không anh? Nàng ngắt dòng suy tưởng của chàng.

- Cũng không xa, nhưng mà...

- Không xa thì giúp mẹ con em với. Quá hạn, nó không cho thuê nữa thì khổ. Giúp em đi mà, em mang ơn! Chờ hộ em đến đấy, nhá. Em có biết đường xá gì đâu, không có anh, chắc em chết mất.

Nàng nói liên tục, không cho chàng một giây suy nghĩ. Chàng lăm bầm. Thật là một gánh nặng. Thiếu phụ hiểu lầm ý chàng, nói như reo:

- Vậy là anh đưa em đi, nhá. Chờ em tí, em thay áo rồi mình đi ngay!

Không đợi trả lời, nàng chạy biến lên thang, như một cơn lốc. Có tiếng mở tủ lọc cọc, tiếng nói chuyện lao xao, tiếng trẻ con í éo, tiếng đàn ông ho khục khặc. Dòng tư tưởng chàng khựng lại như ống nước đang chảy, đột nhiên bị khoá. Còn một gã đàn ông trên lầu, tại sao nàng không nhờ gã đưa đi? Chàng không thích bị lợi dụng. Chàng ghét bị đàn bà lợi dụng. Nàng xuất hiện ở đầu cầu thang, nụ cười tươi trên môi, bước xuống từng bước thong thả, trang trọng. Chiếc váy ngắn màu xanh nước biển ôm lấy đùi và hông nàng, tròn đầy, gọn ghẽ.

Chờ nàng bước xuống hẳn, chàng gay gắt:

- Sao cô không nhờ "bác" nào đó trên lầu đưa đi?

Thiếu phụ sững lại, mắt tròn xoe:

- Bác nào?

người lính cuối cùng

cụm mây hồng buổi sáng
bay qua thành phố buồn
một chút cho tháp cổ,
một chút còn lang thang.

chân cột cờ thủ ngữ
một người ngồi lặng im
nhìn dòng sông ra biển
vết khói tàu khuất chìm.

đường thành thang đại lộ
có một người ngủ quên,
quả pháo nào rớt xuống,
thấy một người bay lên.

công viên ghế đá này,
có một người ngồi say
nhìn lá cờ vẫy cánh
đứng nghiêm chào giờ tay.

trực thăng bay đầy trời,
tàu hướng mũi ra khơi,
cho em nụ hôn cuối,
trao anh dòng lệ rơi.

người chân mây biển biệt
để riêng ta bụi ngùi
đêm nằm trong tầm pháo
xe xích sắt nghiêng đời.

chào hồn thiêng tổ quốc
lần cuối dưới chân cờ
từ đây rồi mãi mãi
như biển khơi nhớ bờ.

ta ngã mũ cuối đường
chào thành phố quê hương
chào bạn bè thân mến
chào những ngày yêu đương.

nguyễn trung dũng

Chàng ghét những màn kịch:

- Cô làm bộ hoài! Tôi nghe tiếng đàn ông ho trên lầu rõ ràng mà!

Nàng như hiểu ra, tươi tỉnh:

- À, bố chồng em đấy! Nàng cúi thấp, thì thào vào tai chàng. Ốm sắp chết rồi!

Không một chút âm hưởng xót thương nào trong giọng nàng. Câu nói ngắn, gọn và lạnh, như một lời than thiếu dấu chấm than. Chàng ngược nhìn mắt nàng, bắt gặp hai giọt nước long lanh.

- Thôi được, tôi đưa cô đi.

Nàng theo chàng ra xe. Chàng mở cửa xe, chờ nàng ngồi vào chỗ rồi mới đóng cửa, vòng qua chỗ ngồi lái. Trời vẫn nặng trĩu mây mù. Hồi sáng, dự báo thời tiết nói là sẽ có nắng nhưng cho đến giờ, chàng chưa thấy được giọt nắng nào, ngoài một chút nắng buồn trong mắt nàng mà chàng đã tình cờ bắt gặp.

Trên suốt quãng đường đến văn phòng công ty địa ốc, thiếu phụ không nói một câu nào. Chàng cũng lặng lẽ lái xe. Những ngọn đèn giao thông hôm nay như đua nhau thấp màu đỏ, để thời gian dài ra, chùng xuống lòng xe. Có tiếng sụt sịt. Thấp thoáng bóng nàng đưa tay lên mắt.

Áy náy, chàng xoay qua nhìn nàng:

- Cô làm sao vậy?

- Không. Nàng sụt sùi.

Chàng cố nhướn chút ân cần lên giọng nói:

- Chắc cô có chuyện buồn?

- Anh còn phải hỏi! Nàng trách.

- Nhưng cô có một phần lỗi, phải không?

Nàng quay ngoắt qua, nhìn chàng, giọng đánh lại:

- Em hỏi? Em có lỗi gì?

- Có hay không, làm sao tôi biết được!

- Lần này ly dị xong em mới yên thân. Nàng thờ dãi - Chồng con gì đến khổ! Nếu không có thằng bé Quang thì em đã cạo đầu đi tu rồi!

Lời nàng làm chàng nghĩ tới các bác Thức, bác Trương, bác... mà con nàng vừa nhắc lúc nãy. Chàng cười cười, trêu chọc:

- Cô đi tu thì các ông Thức, ông Trương gì gì đó chắc cũng đi tu theo.

Nàng chột giận dữ, như một con mèo xù lông, gương móng khi bị rượt đuổi:

- Em đã ba mươi, cũng chẳng trẻ thơ gì nữa. Em hiểu bọn đàn ông lắm! Bọn nó chỉ muốn có mỗi một thứ, xong là thôi, đứa nào cũng khôn

nạn như nhau hết!

Chàng để mặc cho nàng nổi giận.

- ... Nhiều khi em tự hỏi, những cặp trai gái em gặp ngoài đời, họ ân cần âu yếm, thương yêu nhau như vậy là thật hay giả? Và khi đã "được" nhau rồi, họ có còn thương nhau như vậy không?

Nàng thôi nói khi chàng ngừng xe ở bãi đậu. Chàng tắt máy xe, đi vòng qua mở cửa cho nàng. Nàng lí nhí cảm ơn. Hai người bước vào thang máy. Nàng lấy khăn lau nước mắt. Trong lúc nàng chùi mắt, chàng lên phủ lên nàng cái nhìn soi mói, từ đầu đến chân. Trước khi lướt đi, cái nhìn chàng vương lại vài giây trên chiếc áo nàng mặc, ôm sát thân hình, hằn cao gò ngực. Hèn gì có nhiều bác thích "mummy" của cháu. Chàng mỉm cười với ý nghĩ ấy. Nàng ngu ngơ cười theo.

Ở văn phòng cho thuê nhà, chàng phải hai ba lần giải thích rằng chàng không phải là bạn trai của thiếu phụ. Khi nghe chàng dịch lại câu hỏi, nàng lắc đầu quầy quậy: *no boyfriend, no boyfriend*.

Làm giấy tờ xong, chàng theo nàng ra ngoài về hướng thang máy. Cầu thang mở, cả hai bước vào. Nàng bấm số thang lầu. Cửa thang máy khép lại. Chàng cảm thấy mệt mỏi. Chợt nàng ôm chầm, ép sát thân thể vào người chàng. Ngực nàng mềm mại, nóng nần ấm áp trên da chàng. Đôi tay mát lạnh vít cổ chàng xuống, và đôi môi ham hố quấn lấy môi chàng. Em không còn cách nào để cảm ơn anh... Nàng thì thào. Chàng buông rơi cái cặp sách xuống chân, hai tay loay hoay chơi với trên vai nàng. Em nghĩ tất cả đàn ông đều xấu, ngoại trừ anh. Nàng xôn xao nói giữa khoảng cách hai nụ hôn. Suốt đời em chưa có người đàn ông nào mở cửa xe cho em như anh. Chàng choáng váng, ngất ngây trong vùng cảm giác bập bênh, say sồng. Thang máy ngưng. Nàng buông chàng ra. Cửa mở. Chàng bối rối nhìn ra. Không phải cửa chính của toà *building*. Nàng nói nhỏ:

- Be-sơ-mân anh ạ!

Nàng bấm cho cửa đóng lại, và chọn con số lầu cao nhất của toà dinh thự.

Thang máy đi lên. Nàng lại quán lấy chàng, hôn tới tấp lên cổ, lên má, và nụ hôn nàng dừng lại ở môi chàng. Giọng nói và hơi thở nàng phủ ám mặt chàng. Chàng thầm mong đừng có ai chờ thang máy ở "dọc đường". Chàng sợ có người bắt gặp sẽ phiền phức hay vì tiếc những nụ hôn? Những ý nghĩ hỗn loạn trong đầu chàng như bầy ong vỡ tổ. Đàn ông thấy em như mèo thấy mỡ. Nàng cắn môi chàng. Chàng nhăn mặt vì đau. Nhưng anh thì không thể. Nàng ép sát thân thể vào người chàng. Kiếp này lỡ rồi, kiếp sau có gặp, em sẽ theo anh tới cùng. Đầu chàng ngo nguẩy một cách khó khăn. Chàng đón nhận một cách bất nhẫn những nụ hôn mê muội của nàng. Chàng phải hôn trả, kéo chậm tự ái nàng chứ! Nhưng chàng áy náy...

Cửa thang máy mở ở tầng thứ hai mươi. Chẳng có ai đứng đợi. Nàng buông tay khỏi vai chàng, bấm số thang lầu. Lần này đứng tầng lầu họ phải xuống. Cửa thang máy đóng. Nàng lại hôn mê muội. Vị ngọt của môi nàng mơn man đầu lưỡi chàng. Đờ đẫn.

Chợt nàng buông chàng ra, lạnh lẽo:

- Anh khinh em lắm phải không? Anh không nhận lời cảm ơn của em phải không?

Đôi mắt nàng ướt long lanh. Những tia sáng lạ lùng lấp lánh trong mắt nàng làm chàng liên tưởng đến đôi mắt của một con mèo giận dữ. Chàng ôm lấy vai nàng, hôn trả lên môi, lên tóc, lên cằm, lên má... Mùi da thịt đàn bà gây gây, làm xôn xao cảm giác. Khoảng không gian hình khối trong thang máy như đông đặc lại. Chiếc quạt nhỏ dẫu trên trần thang máy phát ra tiếng rì rào như tiếng sóng, vọng lại từ một vùng biển xa lắc xa lơ. Những nụ hôn của chàng trang trọng, ân cần, như món quà được gói ghém trong lớp nhung mềm mại. Buông nàng ra, chàng sửa lại tóc và vai áo cho nàng, vừa lúc

cửa thang máy bật mở. Nàng cười rạng rỡ:

- Cảm ơn anh.

Suốt quãng đường về, nàng tíu tít kể cho chàng nghe về thời thơ ấu của nàng ở Hà Nội ngày xưa. Không còn chút mây mù nào trong giọng nói nàng. Nàng vui như một con chim nhỏ hót say sưa trong nắng mai ấm áp. Nàng xôn xao với những kỷ niệm thời còn đi học. Câu chuyện ngừng lại ở đoạn nàng gặp "nó" ở Hải Phòng, trên đường mưu tính chuyện vượt biên.

Về tới nhà nàng, chàng ngừng xe, toan xuống mở cửa cho nàng như thói quen vẫn làm khi chở vợ, nhưng nàng kéo tay chàng lại, bấm những móng đỏ, sắc vào cườm tay chàng:

- Quên em đi nhé!

Chàng băng khuâng liếm môi. Nơi vết cắn của nàng còn để lại cảm giác tê tê, rần rần. Gió nhẹ lay tàn cây phía trên, làm rụng xuống kính xe chàng những giọt nước trong, vẽ những đường ngoằn ngoèo trước khi nhạt nhoà biến mất. Nàng tiếp:

- Em thì sẽ nhớ anh mãi mãi. Anh không được nhớ em. Quên em đi. Vương vào em là đeo gánh nặng đấy. "Bai" anh nhé!

Nàng cười thật tươi, rồi buông tay chàng, mở cửa xe, đóng lại và đi về phía nhà nàng.

Chàng ngồi trầm ngâm trong xe, nhìn theo. Nàng xoay xoay chiếc chìa khóa, mở cửa. Và trước khi biến mất sau cánh cửa, còn giơ tay vẫy chàng, đôi môi thấp thoáng nụ cười và mấp máy những lời gì đó mà chàng không nghe rõ.

Suốt quãng đường về sở, lòng chàng nặng như đeo đá. Vết răng nàng dường như còn hằn rõ trên khoảng môi dưới xôn xao cảm giác. Mùi da thịt nàng vương vấn trên áo, làm chàng ngây ngây như say thuốc. Những ngọn đèn giao thông đổi màu một cách máy móc. Chàng mở quạt nước xe suốt quãng đường dù trời không mưa. Gánh nặng! Suốt đời chàng ghét những gánh nặng gây phiền nhiễu cho đời sống vốn đã đầy phiền toái. □

Người Đi Rao Giảng

Nguyễn Văn Thông

Kính nhớ Đức Ông Nguyễn Đình Tường
qua đời ngày 18 tháng 8 năm 1992 tại dòng
Mến Thánh Giá Thanh Hoá, Bảo Lộc, Việt
Nam.

Đám rau khoai lang trước cửa
nhà tôi dạo ấy lúc nào cũng tươi
tốt. Người ta thường đánh luống
trồng lấy củ, còn tôi chỉ lấy dây nên
trồng bằng. Những ngọn rau có
màu xanh non vươn ra ở giữa
những lá xanh đậm hơi giống hình
dáng bàn chân vịt xòe ra trên
những cọng tròn dài. Cả đám sân
trước nhà tôi chỉ to bằng bốn mảnh
chiếu, không một gốc hoa, một cây
kiểng, chỉ toàn rau khoai lang,
nhưng nhìn những ngọn rau mơn
mởn đọng sương vào những buổi
sáng cũng đẹp lắm.

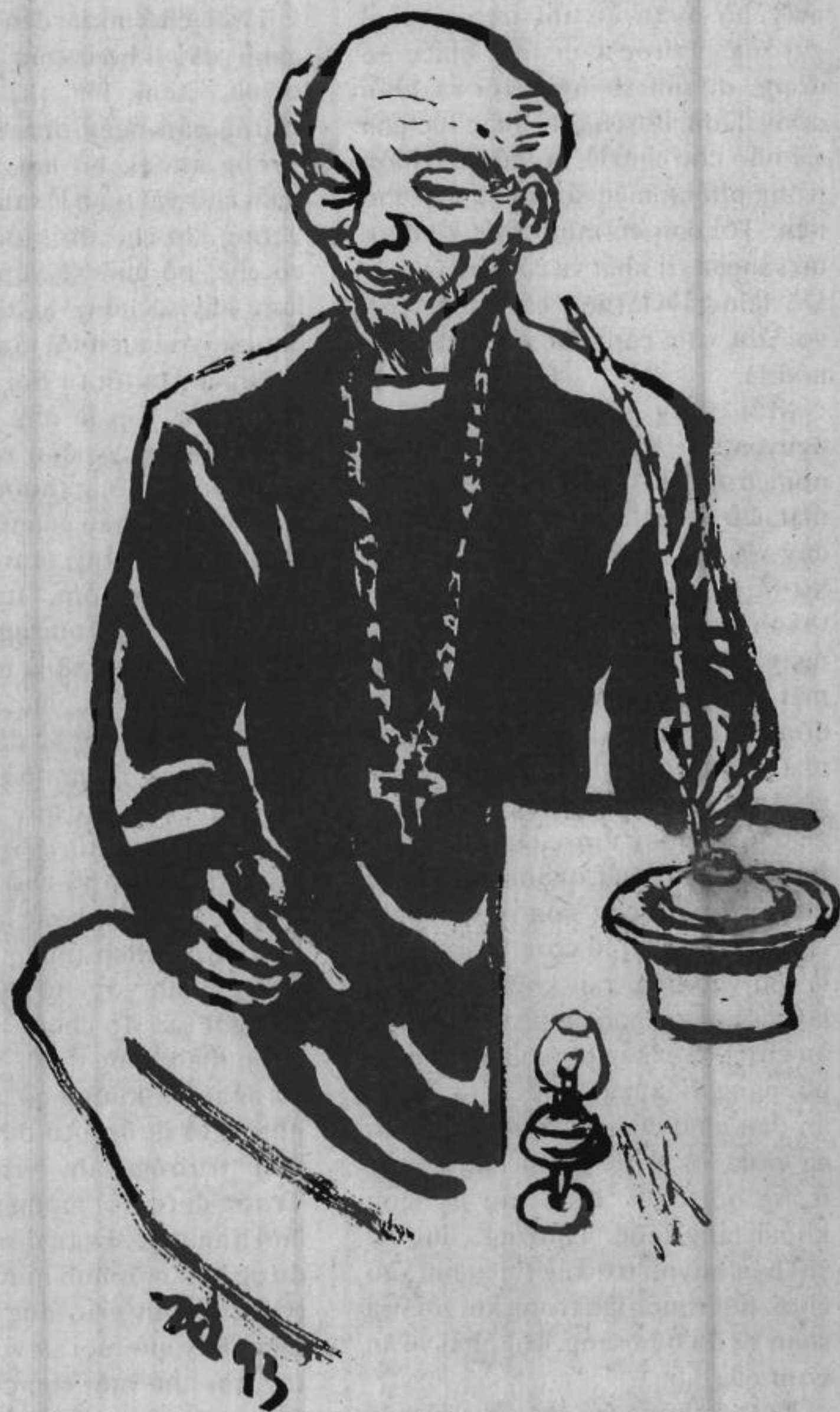
Nhà tôi là một ngôi nhà tranh,
vách ván, vồn vện nằm giữa một
vườn chè, có lẫn vài cây sầu riêng
còn non, một cây chôm chôm. Cả
ngôi nhà được dựng lên do sự đùm
bọc, lòng tốt của giáo dân trong
xóm thuộc xứ Thượng Thanh này.
Chủ đất là một ông trùm bằng lòng
cho chúng tôi phá những gốc cây

chè đủ đắp một cái nền nhà. Khi
khởi đầu dựng nhà, ba người
chúng tôi cùng vài bác trong xóm đi
cắt tranh, cửa gỗ xẻ ván làm vách,
chặt cây làm cột, rồi nhiều giáo dân
trong xóm và trong xứ tới đánh
tranh, dựng nhà cho. Khi dựng
xong thì chỉ còn mình tôi ở. Hai
người bạn kia mỗi người một hoàn
cảnh, một tình trạng hộ khẩu nên
không ai ở cả.

Một mình tôi một căn nhà. Rộng
rãi, cô quạnh. Tôi ngăn một góc
nhà làm bếp, một góc để củi, một

thùng đựng gạo, một chậu đựng
nước mỗi lần đi len qua hàng chè
sang giếng nhà ông trùm tắm giặt
bung về, và một cái rổ bát. Phòng
ngủ của tôi ở bên cạnh, giữa nhà,
gồm một cái giường sắt cá nhân
ông trùm cho mượn dùng tạm. Cái
bàn con đóng bằng mấy miếng ván,
kế bên cạnh cái cửa sổ khoét ngay
trên vách ván, chẳng cần có song,
mỗi lần mở thì lấy cái cây chống
lên, đóng thì lấy một cái đinh xỏ
vào hai lỗ dây thép buộc ở mép cửa.

Đồ đạc của tôi gồm có chăn



chiếu, gối thay bằng mấy cuốn sách; mấy bộ quần áo thì treo ở cuối giường. Trước còn treo chiếc áo dòng, di sản từ ngày tôi ra khỏi dòng Don Bosco, chỉ mặc lúc cha xứ nhờ cho chịu lễ, sau tôi treo luôn trong phòng mặc áo ở nhà thờ cho tiện. Tôi còn có một chiếc xe đạp, tài sản giá trị nhất và cần thiết nhất. Đồ làm rẫy là một cái cuốc “con voi” do xóm cấp phát và một chiếc nón lá.

Mỗi sáng sớm nghe chuông nguyện, tôi bật dậy châm bếp đặt nồi cơm rồi mới đánh răng rửa mặt. Cơm sôi vừa cạn nước thì tôi ủ đầy rồi rảo bước tới nhà thờ. Cha xứ trao cho tôi nhiệm vụ đọc sách thánh và giúp cha cho chịu lễ mỗi ngày nên tôi không thể nào vắng mặt được, dù có những ngày lao động rất mệt mỏi. Lễ về trời còn nhá nhem tối, nếu không phải làm gì, có chui vào giường đánh một giấc ngắn cũng được lắm. Khi hậu Bảo Lộc dịu mát quanh năm, vào những buổi sáng còn se se lạnh. Nhưng tôi phải lo cơm nước. Nào là mò vào đám rau khoai lang hái lấy một nắm ngọn mang vào luộc để ăn cơm, nào là in cơm vào lon gùy-gô mang đi làm ăn buổi trưa. Thức ăn tiện nhất của tôi là tôm khô với cà chua và nước mắm hấp chung trong nồi cơm. Món rau là ngọn khoai lang luộc. Thường cũng có vài bạn huynh trưởng thiếu nhi vào chơi, hút thuốc lòn trong khi tôi sửa soạn và ăn bữa sáng. Họ phải về ăn cơm của họ.

Tôi có chừng vài sào rẫy với mấy người bạn. Mình là những người đến sau, phải đi thật xa, leo qua bao nhiêu là dốc, bao nhiêu ngọn đồi mới tìm được những rẻo đất méo mó, dốc dác. Chúng tôi chặt cây, phát cỏ, đốt rồi dùng cuốc “con voi” đánh các gốc cây con; gốc to bằng cở bắp chân trở lên thì để vậy chờ mục gốc chớ về làm củi, cuốc xén từng miếng đất cho đứt rễ cây rừng, những rễ cổ, lộn lên phần đất thịt. Mảnh nào nhiều cỏ tranh thì đánh luống trồng khoai, chờ một năm cho rễ tranh chết mục mới có thể bỏ lúa.

Đốn cây, phát cỏ, đốt, dọn, cuốc xới rồi chờ mưa đến mới vùi vãi gánh dây khoai vào đánh luống trồng. Làm lúa thì cũng đoán chừng gần ngày mưa mới bỏ hạt. Trồng khoai, bỏ hạt xong rồi thì phải chờ vài tuần lễ sau mới làm cỏ. Trong khi chờ đợi, tôi đi làm thuê cõ chè, bõ củi, xẽ ván. Ai thuê gì làm nấy. Không ai thuê nữa thì chung với bạn nuôi tằm, nấu rượu.

Nhiều lần tôi tự hỏi về chỗ đứng của mình. Tôi là một tu sĩ nhưng chẳng thuộc về đâu cả: không có nhà dòng, không thuộc về xứ. Đến ngay cái hộ khẩu của tôi cũng chỉ là tạm thời, hưởng tạm sự bao bọc của trưởng xóm, trưởng thôn, trưởng xã là những giáo dân. Nhưng công an xã là một nhân vật khác hoàn toàn, lúc nào cũng là một cái bóng oai vệ đập dờn. Mỗi lần muốn về thăm nhà ở Thủ Đức, tôi phải chờ chục nửa buổi chiều ở văn phòng xã xin giấy. Sáng hôm sau đạp xe đến và chờ từ sáng đến quá trưa ở văn phòng huyện may ra mới được chấp thuận cho cái giấy thông hành với chữ ký và con dấu có ngôi sao đỏ choét.

Tu mà không thuộc về đâu cả thì có nghĩa là không có ai chịu trách nhiệm về đường tu đức, không có môi trường làm việc tông đồ. Trước đi tu, tôi mong ước sẽ được làm linh mục. Đi tu dòng, tôi muốn được làm một linh mục chuyên biệt trong ngành giáo dục thanh thiếu niên. Bây giờ mọi sự vượt khỏi tầm tay, tôi như một con chim lạc đàn, đang sống tự lập nhưng tự hỏi mình không biết mình tiếp tục làm cánh chim lang bạt để làm gì.

Chung quanh tôi, có những thầy già. Có một thầy sống một mình một căn nhà ở đầu con dốc đường tôi đi làm. Thầy ở đây đã lâu, mọi người đều biết, nhưng chắc vì quá lâu, quá quen mà người ta quên dần thầy đi. Ngày nào cũng đi qua con dốc trước cửa nhà thầy nhưng rất ít khi tôi nghe nhắc đến thầy. Tôi cũng đã biết một nhà dưỡng lão của các thầy già ở gần một nhà xứ nọ. Các thầy là những thầy giảng hồi xưa. Bây giờ già lão, sống âm thầm

bên những lùm cà phê, những luống khoai, những cây sầu riêng. Lâu lâu có tin một thầy vừa qua đời vào một buổi sáng rất yên tĩnh.

Còn những tu sĩ trẻ ở tầm tuổi tôi cũng nhiều. Những ngày đầu lưu lạc đến đây, một thầy dẫn tôi đi giới thiệu một nhóm thầy bạn ở giữa một vườn chè mênh mông với những ngọn đồi chập chùng. Nhà cửa thì bỏ ngỏ, trên bàn vương vãi bã thuốc lòn và đóm cháy dở, dưới gầm là chậu bát đĩa dơ để lổn nhổn, bên cạnh những củ khoai củ sắn ngổn ngang trên nền nhà.

Chúng tôi lội qua vườn chè đến nhà hàng xóm hỏi thăm, được cho biết:

— Thầy Bình đi về nhà, thầy Đạo đi bắt ong.

Ngày hôm sau chúng tôi trở lại thì được biết:

— Thầy Đạo đi đánh bầy chồn từ sáng.

Lần thứ ba chúng tôi may mắn hơn, rất may mắn là khác. Thầy Đạo xuất hiện trong bộ quần áo đi rừng, bảo chúng tôi chờ thầy tắm rửa, rồi dẫn chúng tôi đi... nhậu. Thầy mới bắt được một con tê tê, đang mang qua nhà anh Hà làm món nhậu rồi.

Trong căn nhà nhỏ chiếu sáng bằng một ngọn đèn dầu, cái gì nhìn cũng đen, cũ, chỉ trừ cái chai thủy tinh đựng rượu trong vát. Các “thầy” đều rút chân ngồi xồm trên hai chiếc ghế dài kê hai bên chiếc bàn, để mình tôi ngồi thông chân xuống nên có cảm giác lạnh lạnh bò dần lên, nhất là ngó xuống gầm bàn thấy tối om om. Các thầy cụng ly nhau đều đều và khuyến khích tôi nốc cạn thứ một ly cái chất cay trong vát kia. Tôi nghe các thầy kể về tử lượng của từng vị. Vị này uống “séc” nửa lít không say, vị kia càng uống càng tái mà cũng không sao cả... Các thầy ăn uống, cười nói với nhau về những bữa nhậu, về chuyện đốn chè, chuyện bắt ong, chuyện bầy chồn..., đủ cả nhưng không nói chuyện thời thế, cũng chẳng nói chuyện tu trì.

Thỉnh thoảng một thầy với chiếc điều cày, vo thuốc, châm lửa rít lên

mấy tiếng khèn khẹt, càng lúc càng dồn dập cho tới khi ngọn lửa trên cái đóm lụi dần rồi tắt ngấm, thầy quay điều ngang, nghiêng nõ điều xẹt cái nhúm tàn thuốc bắn bẹt xuống nền nhà rồi nhả mặt rít lên một tràng ròn rã như một tiếng còi lạ rít trong đêm. Thầy ngửa mặt lên mái nhà, tròn miệng nhả một luồng khói cuộn cuộn như cái ống khói xe lam buổi sáng sớm. Về mặt thầy dẫn ra như chìm vào một khoảng trầm tư sau cơn đau đớn mà sau này tôi biết là khoan khoái, trước khi lại nâng ly.

Chị Hà ru con ngủ trên chiếc võng ở góc nhà. Chỉ thỉnh thoảng mới nghe tiếng cọt kẹt trong góc tối vọng lại. Một vài lần anh Hà nhờ chị lấy cho tí nước mắm, đem cho nôi cơm mới thấy cái bóng trắng, khuôn mặt và bàn chân chị di động. Chị Hà không những có khuôn mặt khả ái mà cả dáng dấp cũng rất hiền và đảm đang. Tôi chợt có ý nghĩ về những cặp vợ chồng trẻ ở vùng đất này tôi đã gặp: các chị thường đẹp và đảm đang hơn chồng của mình nhiều. Các chị có sẵn dáng dấp của người mẹ trong khi các anh nhìn lắc các như những cậu thanh niên độc thân. Anh Hà ngồi chung với các thầy, chả có dáng vẻ gì khác biệt. May mà anh đã có vài đứa con, nhìn anh không đến nỗi còn thanh niên lắm, nên nom giống giống các thầy.

Nói anh Hà giống các thầy thì cũng có thể nói ngược lại là các thầy trông giống anh, đặc biệt ở cái bàn có đủ đồ nhậu, đồ hút ngỗng ngang như thế này. Bữa ăn kéo dài đến 10 giờ tối. Khi bước ra khỏi nhà thì những ngọn chè đã ướt sương đêm. Mỗi người chúng tôi tìm một góc đứng mở quần xả nước rào rào trên lá khô. Người có vẻ nhẹ nhàng hơn nhưng đầu vẫn nóng bừng bừng và chân bước hình như không chạm đất. Trời đêm vắng lặng mênh mông. Mấy túp nhà tranh gần đấy đều tối đen im lìm.

Về đến giường mà tôi không sao ngủ được. Bao nhiêu tu học, bao nhiêu ước vọng tương lai, tưởng mình đã tạo được một công trình

một lần rồi xa

*thôi trả lại em với những ngày thiếu nữ
những ngày lòng phơi phới mắt trong veo
những ngày môi giòn giã tiếng cười reo
bát ngát nắng trong tâm hồn rất mộng*

*thôi trả em lại với trời cao đất rộng
con chim xanh bay những quãng đời vui
hãy quên ta tên lãng tử bụi người
đời đã xé đã phong trần tội lỗi*

*ta chỉ giữ lại một nụ hôn bối rối
một vòng tay run rẩy rất thanh xuân
những đam mê đắm đuối ngập ngừng
và hơi thở thơm mùi thơm con gái*

*ta tên lãng tử già một thời mông muội
đến bây giờ vẫn gốc ghềch si mê.*

đổ quyền

nào đó trong đường tu để bình thần tiến lên thì bỗng dưng tuột mất tất cả, và như co rút rơi vào một trạng thái vô vọng. Khi ngồi bên mép giường lẩm nhẩm đọc kinh tối thì tôi đã thấy các thầy bạn lăn ra ngủ rồi. Tôi thắc mắc không biết họ đọc kinh tối khi nào. Nhưng rồi tôi lại nghĩ, biết đâu tôi mới rơi vào chốn này, còn mới mẻ, tôi còn áy náy về nguyện gấm, về kinh sáng kinh tối, chứ dăm ba tháng, một năm sau, khi đời sống đã chìm dần vào những thực tế xa vời với nếp sống cũ, tôi chắc gì còn giữ được chút áy náy trong lòng.

Những ngày sau đó, tôi tự trang bị cho mình một sức sống bằng tâm niệm rằng, chúng tôi là những tu sĩ giữa đời, những muối men cần thiết của thời đại, của khu vực này. Biết đâu mười mấy năm đào luyện chẳng là chất muối cho tôi mang vào đời. Mà đã là muối men của thế gian thì càng ở những ngõ ngách hiểm hóc, cô quạnh, bị bỏ quên của cuộc đời thì muối men lại càng cần thiết. Rồi nữa, nếu muối men của chúng tôi không làm nên bánh, nên rượu, chỉ đem lại chút hơi hương, chỉ để lại những dấu vết thì cũng chẳng sao khi Chúa muốn vậy. Ngài đã chẳng khiến kẻ đi rao giảng, người đi phục vụ, vị làm chủ

chăn, người làm chứng tá đó là gì?

Nhưng trong tôi vẫn ngấm một sự chờ đợi. Những tin tức mới lạ về thời thế vẫn khiến tôi nôn nao. Tôi vẫn cho là khó hiểu khi nghĩ tới việc Chúa dùng những tạo vật của Ngài một cách phí phạm. Những người tài ba trẻ tuổi đang hăng say phục vụ cho đời mà chết chẳng hạn. Tôi vẫn cho là không tự nhiên việc xảy đến cho những người đã tự nguyện để được đào luyện trong mười mấy năm rồi không được làm gì cả.

Thỉnh thoảng tôi tới tâm sự với cha xứ. Một lúc rảnh rỗi hớt tóc cho ngài. Sau lần hớt tóc đó, tôi được cha Tường bề trên Dòng Mến Thánh Giá nhờ tôi hớt cho ngài luôn thể. Thế là sáng Chúa nhật sau lễ thiếu nhi, mặt trời đã lên cao, tôi đi cổng sau nhà dòng, băng qua vườn chè, qua đầu nhà phoi của các chị giáo (các soeur), bước trên những đoạn đường trải nhựa sạch bóng giữa những hàng hoa hay cây cỏ thấp để vào gặp cha bề trên.

Dáng cha gầy, cao, miệng móm, tóc lưa thưa và bạc trắng. Cha đã quá 70 nhưng cử chỉ còn khoan thai nhanh nhẹn. Nhất là khuôn mặt lúc nào cũng tươi, miệng móm lúc nào cũng chúm chím cười. Cha mang đồ hớt tóc ra và tôi bắt đầu hớt. Cha hỏi tôi về thân thể, "sự



nghiệp". Tôi kể cho cha nghe tôi có thể gánh rất tài những gánh dây khoai lang leo qua mấy ngọn đồi tới rẫy trồng.

— Thừa cha, hôm đó trời mưa, đường đất ven đồi nước bùn chảy xuống nhão như nước cám heo. Trời mưa lầy lội đi giày vải chẳng mấy chốc rách lòi cả bàn chân ra ngoài nên con đành đánh chân không. Vai gánh nặng, mà thấy anh Tuấn làm chung với con thoăn thoắt đi trước, con cũng phải cố theo. Trời mưa lạnh tê cả ngón tay ngón chân mà người con đổ mồ hôi hột.

— Thầy học gánh bao giờ?

— Dạ khi con ở chung nhóm với mấy thầy Phú Quý ở Gia Kiệm. Mấy anh ấy phải gánh nước về dùng, con tới cũng phải học gánh. Mới đầu không biết, để thăng cái đòn gánh ngang trên vai, nó hẳn xuống cái xương quai xanh đau không chịu được. Nhưng sau con quan sát người ta để chéo cái đòn gánh, bản nó tựa nhiều vào bắp thịt vai ngang lưng, đỡ đau hơn, lại dễ dàng đổi vai.

— Như vậy thầy cũng giỏi, chóng biết tìm cách thích ứng.

— Thừa cha, có lẽ giỏi lý thuyết thôi vì con nhớ mãi lần gánh rau khoai lang trời mưa. Đau chân, đau vai, thở dốc... Thôi thì con thấy cuộc đời nó cay đắng thật chứ không chơi!

Sau khi hớt tóc xong, ngồi vào ghế salon, cha đan những ngón tay ngang mặt, ngược nhìn hơi đắm chiều. Ngài nói:

— Tôi đang nghĩ về câu thầy nói "nó cay đắng thật" chứ không phải cay đắng giả. Thường thường một tu sĩ sống giữa đời như các thầy, không ít thì nhiều đều có được cái ý thức làm chứng tá Phúc Âm của mình. Ta có cái cảm tưởng Chúa gọi ta như sai người lính ra trận, như gởi một sứ giả vào giữa thế gian. Vì thế ta dễ có cái cảm tưởng mình oai hơn người khác, vững chãi hơn người khác, dày dặn hơn người khác. Nhưng khi vào thực tế, ta mới thấy mình đụng chạm những cái mà thầy nói là "thật" chứ không

phải "chơi". Những cái đau thể xác chỉ là một phần, và cái phần ấy khi đem so sánh với người đời, ta khó mà hơn họ là những người đã dày dặn chịu đựng hơn ta nhiều...

Tôi nhớ tới anh Tuấn, một thanh niên hát trong ca đoàn, cùng là bạn chung miếng rẫy với tôi, nhỏ con hơn tôi, gầy còm hơn, nhưng hầu như làm việc gì anh cũng phải nghĩ trước chờ tôi đuổi kịp. Mà chả gì anh, có cả hàng trăm người, kể cả em gái anh 14 tuổi hàng ngày gửi những gửi chè, đội những bó củi leo lên những con dốc mà chỉ hơi khom người là đã mũi chạm đất, mà tôi chưa thể làm được.

— Tôi không nói là người tu sĩ phải bằng họ hay hơn họ ở cả phương diện ấy. Tôi chỉ có ý nói là ở nhiều phương diện, mình còn phải kính phục, phải học nơi người giáo dân.

Ngày hôm ấy tôi ra về và thấy có cái gì khác trong tôi. Vào nhà bạn ăn cơm, tôi để ý thấy bác gái ngồi canh củi bên bếp rượu. Hôm nay Chúa nhật, kiêng việc, nhưng bác vẫn phải nấu sớm một nồi rượu. Nhà có mấy mẹ con, hai đứa nhỏ phụ bác nấu rượu, hai anh lớn làm rẫy. Làm rẫy thì phải chờ cả một mùa xem gặt hái thế nào, chứ việc chi phí hàng ngày là phải trông vào nồi rượu. Bác nhìn bếp lửa ấm ấm một cách hiền lành. Bác có cả một cuộc đời hy sinh cho chồng, rồi cho con. Không biết bác nghĩ gì về những ước vọng của bác hồi còn con gái. Giả như những ước vọng ấy chỉ là cảnh vợ chồng con cái sum họp, đủ ăn đủ mặc thì bây giờ cũng chẳng được tròn. Nhưng bác vẫn tận tụy, vẫn thảnh thơi góp chuyện với anh em chúng tôi, cười ròn rã.

Phải, hôm nay nghĩ về bác, tôi thấy phải tìm học nơi bác những gì quý giá làm vốn liếng cuộc đời bác mà tôi còn đang thiếu. Rồi nơi những anh bạn, những người quanh đây, trong xóm này, trong xứ đạo này. Có những em thiếu nhi phải làm việc không khác một người lớn mà mỗi buổi sáng các em đến nhà thờ xem lễ đọc kinh với vẻ

mặt của các thiên thần: hồn nhiên, trong sáng, phó thác. Có anh bạn mang thương tật, cứ hễ trở trời là đau đớn, thế mà không một buổi sáng sớm nào vắng anh ôm chông sách hát tập tễnh leo lên gác đàn điều khiển ca đoàn thiếu nhi. Anh lúc nào cũng vui, nhìn thấy cây đàn là thế nào cũng ôm lấy nghêu ngao vài bản. Còn chú B. nữa, nhà rất nghèo nhưng bao giờ cũng đi làm về cho kịp kinh chiều ở nhà thờ. Và còn nhiều nữa...

Mỗi buổi sáng Chúa nhật trở nên quý giá đối với tôi. Chừng ba tuần hay một tháng cha mới cắt tôi hớt tóc một lần, nhưng tôi vào thăm cha mỗi Chúa nhật để được thăm thêm sức sống qua mỗi câu chuyện hàng ngày, có khi là chuyện đi thủy lợi, chuyện ban kèn nhà xứ, chuyện sinh hoạt thiếu nhi, chuyện văn chương, thần học, triết học, cả về chuyện mấy con gà nhà tôi nữa.

— Một bà cụ cho con mấy con gà con để nuôi, vừa mong về sau có trứng có thịt ăn, vừa để vui cửa vui nhà. Nhưng chúng con chỉ gặp nhau có buổi sáng sớm và buổi chiều, lúc lùa chúng vào nhà bếp. Cứ thảnh thơi lại bị mất một con. Có lần con về nhà muộn quá, mở cửa sau, thấy chúng nó đứng xếp hàng ngẩng cổ nhìn con nom rõ tội nghiệp. Con nghĩ giá biết nói, chúng nó sẽ phản nản: "Thầy đi đâu mà về muộn thế?" Vậy là từ đó con khoét một cái lỗ dưới găm cửa để khi nào chúng cần về thì cứ việc chui vào nhà, khỏi cần đợi mở cửa nữa.

Cả 6, 7 con gà nuôi bằng hèm bã rượu xin về mỗi ngày, tới khi thành gà giò thì chỉ còn lại 4 con. Chúng nó bắt đầu đủ lông đủ cánh, mỗi con mỗi vẻ dễ thương làm sao. Hai con nhú mào là gà trống, còn hai con kia lông mượt chắc là gà mái. Con nghĩ chỉ tháng nữa là hai con mái bắt đầu đẻ trứng. Nghĩ cũng vui vì mình sắp giàu hơn được một tí. Thế mà tối nọ con về thì thấy mất một con mái. Nói chuyện với hàng xóm, hàng xóm cũng để ý tìm hộ nhưng chắc là đứa nào nó bắt nấu cháo rồi!

Cha bảo:

— Đứa nào đấy chắc nó cảm nặng, cần ăn cháo gà mà thầy thì lại có tới những bốn con chưa cần dùng tới.

Thấy cha bình luận thế, tôi cũng theo đuôi:

— Ăn cháo gà bỏ nhiều hành, hạt tiêu, lại thêm được vài ly rượu cho thêm nóng người, toát mồ hôi ra thì hết cảm ngay đấy cha ạ!

Hai cha con cùng cười. Tôi kể cha nghe về nhữn gia đình nghèo, nghèo nhất giữa những người nghèo. Có ngô độn cơm thay vì phải độn bằng khoai khô là đã mừng lắm, thức ăn có khi chỉ là rau chấm nước mắm, có khi chỉ là những khoanh dưa chuột. Cha hỏi tôi về trường hợp gia đình ông X. mà trong một hoàn cảnh mọi người đều xa tránh. Tôi là người duy nhất tới làm bạn với ông, giúp ông phá rẫy, trồng khoai. Cha đưa tôi tiền tới giúp nhưng nói do một người giấu tên. Nhưng sự nghèo khó vẫn đeo đuổi ông mãi nên sau đó cha lại nhờ tôi dàn xếp cho ông mượn vốn mấy con heo nhà dòng nuôi khi nào bán mới trả vốn.

Có một lần Đức Cha Lâm tới thăm cha. Đức Cha vốn là học trò của ngài. Tôi được gọi vào. Đức Cha nói nhận tôi vào địa phận của ngài, bắt đầu thu xếp học những lớp thần học chung với nhóm các thầy bên xứ Thánh Tâm và cố gắng tìm cách nhập hộ khẩu của cha xứ.

Tôi mừng như bắt được của. Mọi sự trong tôi bỗng bừng xôn xao như vườn lên hoa lá. Nhóm các thầy Thánh Tâm đều là bạn học tôi thời gian chúng tôi còn ở Đà Lạt, mỗi dịp gặp nhau ở đại học Thụ Nhân trong ban triết hoặc vào những dịp lễ lớn đấu banh giao hữu, coi văn nghệ, thăm hang đá Giáng Sinh... Ít tháng sau, tôi nhận thư cha Massimino giám tỉnh cũ của tôi bên Hồng Kông kể những cảm tưởng tốt Đức Cha Lâm nói về tôi. Cha Giám tỉnh trước khi bị trục xuất đã trao phó học viện Don Bosco Đà Lạt cho Đức Cha, cũng từ đó hai người có những thân tình mật thiết. Mà giữa tôi với cha

đường thi

*Bao nét tâm tình thiên cổ ấy
Bút còn phong sạ ẩn trong thơ
Lối tiên tìm vết đào năm cũ
Chỉ thấy trường giang nước lững lờ.*

vân nương

Massimino cũng có những tương quan đặc biệt. Thành ra trong bụng tôi có lúc tưởng mình như chuột con sa chĩnh gạo.

Nhưng cái khâu hộ khẩu mới là cái khâu quyết định. Không có nó thì những cái khác là đồ bỏ. Mọi cậy cục và cố gắng giúp đỡ của xóm, thôn, xã cho tôi đều vô ích. Ít lâu sau, hàng loạt các cha từ Sài Gòn tới Đà Lạt bị bắt. Cha Huân, cha xứ Thánh Tâm, bỗng dưng bị xe công an tới bắt đi giữa thanh thiên bạch nhật; vài cha khác ở chung quanh cũng bị bắt. Một anh bạn hiền lành trong xóm đang giữa trưa bị công an tới trời tay dẫn đi, vợ anh chỉ kịp cuốn chiếc chăn mỏng cho anh kẹp vào nách. Tôi không còn được cấp giấy thông hành mỗi khi cần về thăm gia đình nữa. Tôi bị đặt trong tình trạng cư trú bất hợp pháp. Một cô giáo giúp tôi có giấy thông hành giáo viên được vài lần, sau tôi may mò khoét những con dấu bằng củ khoai làm giấy thông hành giả để một lần ở bến xe phải bỏ của chạy lấy người.

Sau hai năm theo đuổi và trốn tránh, tôi rút lui, bằng lòng xuất tu để về với gia đình. Bây giờ nhìn lại mái nhà của tôi nó mới lẻ loi làm sao, nhìn tới mảnh rẫy cũng thấy nó khô cằn quá. Hình như khi cởi bỏ sứ mệnh làm chứng nhân, tôi chả còn gì! Những công việc thường ngày hồi đó của tôi dù nó khô cằn nhưng còn mang dáng vẻ biểu tượng, làm đầy nhưng không cần chúng, như gieo vãi mà không chờ gặt hái, giống như lời rao giảng của



thánh Tông Đồ “Appolo gieo vãi nhưng Phaolo gặt”. Bây giờ thì khác, tôi phải lo toan xem tôi có thể gặt bao nhiêu trước khi gieo, nếu có thể gặt được cái mình không gieo nữa càng tốt. Trước đây công việc của tôi là biểu tượng thì bây giờ vừa là thiết thân vừa là cứu cánh, không có là không được, là đói.

Tôi vẫn vào tâm sự với cha Tường thường xuyên. Không khí của tu viện thật là an bình bên trong hàng rào, nhưng vẫn có cái gì rình rập ở ngoài đó. Những ngọn cây bơ lúc lặng gió như đứng yên nín thở chờ đợi. Vài lần các chị giáo đã bị công an vào khám chè khô, cà phê và tờ tằm, nhưng các chị đều may mắn thoát nạn. Bây giờ thì chẳng cái gì là của mình. Người ngay cũng phải lấm lét như kẻ gian. Cha con tôi không tránh được nhiều lúc rất đăm chiêu.

Bàn về sự việc tôi sẽ rút lui, ngài nói:

— Cứ như tôi nhận thấy, chỉ có một phép lạ mới có thể đem lại những thay đổi. Mà phép lạ chưa thể xảy đến vào lúc này. Việc thầy quyết định như thế tôi cho là phải. Chúa là cha nhân lành muốn cho mọi đứa con mình được hạnh phúc trong hoàn cảnh của nó. Chúa không hẹp hòi ngăn cấm nó khi nó không thể chống lại được hoàn cảnh để theo mãi một con đường, phải bước sang một con đường khác mà cũng là con đường tốt.

Tôi nhìn cha đang trong dáng trầm tư. Tôi vừa cảm thấy một nỗi ấm áp tràn vào lòng. Có phải đó là

tình thương của người “Cha nhân lành” truyền đến từ ngài cho tôi không? Người cha ưu tư vì cuộc đời và hạnh phúc của đứa con hơn là vì những kỳ vọng của riêng mình. Cha lại nói tiếp:

— Rồi, sứ mạng rao giảng tin mừng cũng chẳng phải chỉ dành riêng cho hàng linh mục, và cũng chẳng phải ai quan trọng hơn ai, ai thay thế được ai. Mọi người trong hoàn cảnh của mình đều quan trọng, đều cần thiết. Đây, tôi kể thầy nghe câu chuyện này thì thầy xem là linh mục giảng đạo cho giáo dân hay giáo dân giảng đạo cho linh mục, ai cần thiết hơn ai.

Hồi còn ở ngoài Bắc, tôi trông coi một xứ đạo. Một xứ thì lại có những họ lẻ ở xa xôi cách xa hàng 12, 13 cây số mà đường ruộng, đường rừng khó đi và nguy hiểm. Vì thế mỗi lần giáo dân đón cha đi kẻ liệt là cả một sự vất vả. Chỉ dám đón cha khi nào mà kẻ liệt gần chết, thật là cần cha mới dám đón. Thế thì một lần có hai người đến xin tôi đi kẻ liệt nửa đêm. Tôi có hỏi các ông:

— Thế kẻ liệt có nặng lắm không?

Họ bảo:

— Thưa cha, nặng lắm. Nó đã thượng thổ hạ tả rồi, nó đang nằm dưới đất.

Đây là dấu kẻ liệt đã gần chết. Thế thì tôi đi với họ. Đến nơi thì

thấy kẻ liệt không nằm ở dưới đất mà đang nằm ở trên giường. Hai ông kia có vẻ hãi tôi quá. Nhưng tôi cứ cho kẻ liệt chịu hết các phép rồi họ đưa tôi về.

Về đến nhà xứ thì cũng đã đến giờ lễ nhất, tôi chẳng nghĩ được. Xong lễ hai, lúc đi vào nhà xứ thì thấy có hai cái bóng theo sau. Một quá, tôi chẳng buồn ngoái lại xem là ai. Tới khi vào nhà xứ thì hai cái bóng cũng theo vào. Tôi nhận ra ngay là hai người đêm qua đưa tôi đi kẻ liệt. Một ông bưng một quả đu đủ, một ông bưng một đĩa hột cà phê đến để tạ cha. Tôi hỏi:

— Thế kẻ liệt hôm qua thế nào?

Họ thưa:

— Lay cha, may quá nó chết rồi!

Tôi đang lấy làm lạ vì sao kẻ liệt chết rồi mà họ cho là “may quá” thì họ bảo:

— Lúc chúng con đi đón cha thì rõ là nó nặng lắm, nó đang nằm dưới đất. Lúc cha đến nơi thì nó lại nằm trên giường là dấu chưa nặng nên chúng con hãi cha quá. Hồi trước có lần chúng con cũng đón một cha đi kẻ liệt. Khi đến nơi, thấy nó còn nằm trên giường, cha tức quá đặt Mình Thánh Chúa lên bàn, bắt chúng con nằm xuống đánh cho mỗi đứa ba roi!

Tôi phì cười vì câu chuyện lạ nhưng cha lại trở dáng đăm chiêu khi ngài tiếp:

— Đây, thế thì thầy xem tôi truyền giáo cho họ hay họ truyền giáo cho tôi? Họ đến để đón tôi và về nhà kẻ liệt là hai lần đường, rồi lại đưa tôi về nhà xứ xong mới giờ về là bốn lần đường, trong khi tôi chỉ đi có hai lần đường. Như vậy thì ai giảng sự hy sinh cho ai?

Cha vẫn ngồi trong dáng đăm chiêu, với những ngón tay đan ngang mặt. Khuôn mặt cha gầy nhô ra hết mọi gò xương, cái cần cổ chỉ còn lớp da bọc mấy sợi gân nổi xuống cái thân người xẹp lép dưới lớp áo chùng đen. Tôi nhớ có lần cha cho tôi thấy nửa cái bao tử của cha bị cắt đựng trong một chiếc lọ làm kỷ niệm. Tôi bỗng thấy cha không sống như chúng tôi. Cha đã cắt bỏ quá nhiều những dính bén vào cuộc đời này. Cả một đời tận hiến, phục vụ, hy sinh mà vẫn còn ưu tư sợ mình hy sinh chưa đủ. Tôi vẫn nhớ trong một cuốn sách nguyện gắm nào đó nói về người thánh chân thực và người thánh giả hình như thế này: người thánh giả là người lúc khởi đầu khó vừa với mình vừa với tha nhân nhưng rồi sau đó chỉ khó với tha nhân còn dễ dãi với chính mình; trong khi người thánh thật là người khó với mình còn dễ với tha nhân.

Từ khi chấm dứt lời khấn ở nhà dòng cũ, tôi đã trải qua biết bao ưu tư, dằn vặt, tiếc xót về ơn gọi. Không thiếu những đêm vắng tôi chảy nước mắt trong tâm trạng nghĩ mình bị Chúa bỏ quên, đầy đọa. Thời gian với những công việc hàng ngày, những biến chuyển thời thế làm tôi nguôi ngoai dần. Có lẽ đây là lần đầu tiên sau ba năm phiêu bạt trong đời tu, tôi vừa thoáng thấy những tia sáng bi hùng của ơn gọi loé lên và tôi chiêm ngưỡng với một tâm trạng quân bình. Tôi thấy trong đó một sự thánh thiện chan hoà tươi mát nhân sinh một lòng khiêm tốn tinh bạch đang mời gọi tôi bước tới. Tôi thấy chỉ có sự tươi mát và tinh bạch này mới nảy sinh ra được muôn hoa lá tươi tốt bắt kể từ những cây con hay những gốc già cỗi, dù nơi đất tốt hay hoang địa. □

thơ nguyên tư

bến xưa

*chim về mỗi cánh trầm luân
thấy em trong mắt nhân quần tiếc thương
niềm vui gầy giữa thiên đường
tóc em dài sợi, vô thường bay qua...*

trên đồi domain

*trên đồi nắng tắt chiều hôm,
nghe mùi cỏ dại vàng, thơm đất trời
nguyên xưa, dù có phai lời,
con buồn úp mặt, toi bời dấu xa.
em đi, áo khép đôi tà
vang vang tiếng guốc buồn, qua phố chiều.*





Chén Trương Chi

Ngô Nguyên Dũng

*bạn ơi, tôi vẫn đi tìm nguyệt
rớt xuống ao đừng mức đổ đi
để tôi nhẹ nhẹ nương tay vớt
rót đầy vơi một chén Trương Chi.*

Trong kho tàng chuyện dân gian Việt Nam có nhiều chuyện tình đẹp. Nhưng đẹp nhất theo ý tôi, là mối tình tuyệt vọng bi thảm của Trương Chi. Không ai có thể lấy lý để suy xét cho cạn ráo những dần vật cảm tính của chàng lái đò Trương Chi và cô tiểu thư My Nương, mà chỉ dùng tình mới có hy vọng phanh cho ra lẽ.

Một cô gái con nhà quan chột phải lòng tiếng sáo và giọng hát đa tình của một gã trai nghèo. Tiếng sáo ấy hay thế nào, giọng ca ấy truyền cảm ra sao, không thấy nhắc tới. Chỉ biết là lời cuốn quyến rũ lắm, tuyệt vời đến độ khiến nàng My Nương nhuốm tương tư. Cơn bệnh ngặt nghèo, thập tử nhất sinh, vì lẽ đó mà nàng được phép gặp chàng lái đò có tiếng hát ru hồn kia. Thấy được diện mạo người thổi sáo, My Nương thất vọng, khỏi bệnh. Tiếng nhạc nỉ non hàng đêm trên sông không còn mê cảm nàng nữa. Bấy giờ đến lượt chàng Trương tương tư... Hai người,

hai khối tương tư, cái trước cái sau, tuy cùng nói lên tâm trạng khát khao say đắm, nhưng nguyên nhân xui khiến có khác, khác rất nhiều. Một đằng mãi cảm trước cái đẹp tâm hồn qua tiếng sáo, giọng ca, nhưng vẫn coi cái đẹp thân xác là trọng. Một đằng mê mãi vì vẻ đẹp bề ngoài. Cả hai đều chuông cái đẹp. Nếu như chàng Trương Chi có diện mạo khá hơn sách xưa thuật lại, thậm kịch đã không xảy ra. Và cũng không đáng cho nhân gian truyền khẩu. Chỉ vì cái xấu của chàng mà sinh chuyện.

Suy cho cùng, trong cái tâm thường của Trương Chi và My Nương đều tiềm ẩn tính phi thường. Không phi thường sao, khi người này ngơ ngẩn mất hồn chỉ vì tiếng sáo du dương của người kia? Và người kia quyết định tự trầm chỉ vì biết mình không thể chiếm được trái tim người đẹp? Đã đành người xưa đa sầu đa cảm hơn người nay, nhưng một chuyện tình đã đi vào văn học sử dân

tộc hàng bao thế kỷ hẳn phải mang tính vượt bậc!

Tôi yêu chất phi thường đầy huyền thoại tính trong phần kết: Nhiều năm sau, thân xác chàng lái đò xấu xí tuy đã rửa nát, nhưng trái tim đã hoá ngọc một khối. Cha nàng My Nương thương cảm, cho đem về chuốt thành chén nước. Một hôm, rót trà ra chén, My Nương rưng rưng nhận ra dưới đáy nước lung linh chân diện chàng lái đò năm xưa. Nàng xúc động nhỏ xuống chén nước vài giọt lệ. Như một phản ứng hoá học, hình bóng cũ đột ngột tan biến và chén ngọc vỡ tan. Điều này cho thấy, hương linh chàng Trương Chi nơi chín suối đã mãn nguyện. Cái đẹp tâm hồn đã khắc phục được cái đẹp thân xác. Bền vững và có giá trị muôn thuở, thời nào cũng thế, vẫn là cái đẹp nội tâm.

Trong bài viết này, tôi không có ý định phân tích phần nội tâm phức tạp một cách rất tự nhiên của hai

nhân vật tình sử ấy. Điều làm tôi đặc biệt chú ý là chất lối đã tạo nên câu chuyện: âm nhạc. Chính âm nhạc đã xui My Nương mê đắm Trương Chi. Chính âm nhạc đã thúc đẩy chàng lái dò quyền sinh. Cũng chính âm nhạc đã nén chặt trái tim chàng thành chén ngọc chung tình. Âm nhạc, một ngành nghệ thuật trừu tượng, lại có sức mạnh siêu phàm, vượt lên những cảm tính hữu cơ tầm thường. Vì vậy tôi chú tâm tới lòng rung động khi thưởng thức một giai điệu, một bài ca. Qua nhãn quan của nhà nhạc học, có bài ca hay có bài ca kém, có những giai điệu và những giọng hát còn vương lối kỹ thuật. Nhưng trái tim cảm tính hoàn toàn không có những phân biệt đó. Một ca khúc hay hoặc dở chỉ khác nhau ở mức độ truyền cảm.

Tôi vẫn còn nhớ rõ, như mới hôm qua, tôi là đứa trẻ thích cái lương và nhạc thời thượng, một trưa nóng đập xe tới tiệm tạp hoá mua một cuốn vở ca-rô nhỏ bìa màu đỏ cam để đem về chép bài hát. Thời ấy, giữa thập niên 60, ra rả ngày đêm trên đài phát thanh là các giọng ca Hoàng Oanh, Phương Dung, Minh Hiếu, Nhật Trường, Trung Chính... Những bài thời thịnh là *Những đôi hoa sim*, *Lâu đài tình ái*, *Nỗi lòng người đi...* Tôi là

những trang giấy trắng nội hoá được âm nhạc kẻ chữ tô màu rực rỡ. Không như các chị có nhiều tiền để mua bài hát in sẵn, tôi nấy ý chép lời ca qua máy phát thanh. Làm sao chép kịp? Chẳng hề gì. tôi chờ trống các đoạn thiếu, chờ dịp khác sẽ chép tiếp vì nghĩ rằng không có bài hát nào chỉ được phát thanh một lần. Vậy mà có những bài mới ra lò, tôi chỉ nghe qua đôi lần rồi thôi. Bài hát ghi dở dang trông vô duyên như những dòng chữ bị kiểm duyệt nhiều đoạn. Tới một lúc, tôi đâm chán, bỏ xó đó, chỉ giữ lại những ca khúc nguyên vẹn. Ôi, dễ yêu biết chừng nào cái lòng mở nhận âm nhạc vô tư của tôi thuở đó. Tôi yêu tiếng hát Phương Tâm, Phương Mai qua các giai điệu sống động trong chương trình *Sóng nhạc* lúc nửa đêm. Tim tôi thổn thức theo giọng ca náo nức của Bạch Yến qua bài *Đêm đông*. Tôi lặng người theo dõi Phương Dung trong tà áo trắng đơn giản trình bày bản *Đố ai*, *Những đôi hoa sim*, *Tình Bắc duyên Nam* trong các buổi đại nhạc hội Kim Cương. Tôi áp tai vào máy phát thanh chạy bằng pin lắng nghe Hoàng Oanh nức nở mời gọi *Ai ra xứ Huế*, cũng như đã để hồn mình bàng bạc trôi theo giọng thổ mộ hoặc của Thanh Thúy, Lệ Thanh trong bài

Đêm tàn bến Ngự hay *Tiến em...* Sở thích tôi lúc bấy giờ dễ dàng như một tờ giấy thấm, sẵn sàng ngấm tẩm tất cả dòng mực âm thanh. Trái tim xúc cảm của tôi lúc ấy không chia ngăn. Trí óc tôi hoàn toàn không biết phân tích. Thính giác tôi không có vách chắn những tấm lòng vị nghệ thuật.

Cho tới năm tôi học lớp đệ ngũ, sở thích tôi đã bắt đầu thay đổi. Tuy vẫn còn thích xem cải lương và nghe tân nhạc, nhưng cảm tính của tôi đã dành rất nhiều cho những bài hát Tây phương. Thật ra loại nhạc này đối với tôi không xa lạ gì, vì đó là loại âm nhạc được anh tôi ưa chuộng trước khi anh lên đường sang Pháp du học. Những cái tên như Elvis Presley, Paul Anka, Neil Sedaka, Ricky Nelson, Connie Francis, Brenda Lee đã quá quen thuộc, nhưng chưa chiếm một chỗ cố định trong góc tim âm nhạc của riêng tôi. Sau khi sang Paris, thỉnh thoảng anh tôi lại gửi về đôi ba đĩa nhạc cho chị tôi. Chị lớn hơn tôi ba tuổi, chớm lớn, yêu nhạc Pháp hơn nhạc Anh, nhạc Mỹ, đặc biệt là hai giọng ca Sylvie Vartan và Francois Hardy. Chị mẹ Sylvie Vartan tới độ bắt chước cô ca sĩ này từ cách ăn mặc cho tới lối chải tóc. Chị sưu tầm ảnh ca sĩ Pháp bằng cách kêu anh tôi gửi về đều đặn tờ báo nhạc trẻ *Salut les Copains*. Chị chép lại các bài nhạc Pháp vào tập, nhờ người bạn có hoa tay kẻ tựa bằng bút chì màu, trông mỹ thuật, người lớn và... trí thức hơn tập nhạc của tôi nhiều lắm. Tôi hay ngồi chống cằm cạnh chị tôi và người bạn, chăm chú theo dõi nét bút tài hoa tô lên trang giấy trắng tinh hàng chữ *Je suis d'accord* hay *La plus belle pour aller danser*. Tôi thấy mình giang hồ vắn vơ theo những điệu nhạc mới cùng âm thanh lạ. Lúc nhạc rộn vui, hồn tôi hoá thành con bò câu sà xuống lối sỏi công viên Lục Xâm Bảo, hân hoan mổ những mẩu bánh mì vụn của khách nhàn du. Khi nhạc sầu, hồn tôi vẫn là con bò câu ấy, nhưng đầu trên vai tượng đá khoả thân, xù lông ngấm lá tháng mười rơi vàng bẽ nước cạn. Từ đó tôi yêu nhạc trẻ ngoại quốc.

chiếc cầu tre

*Cây xanh xanh núi vàng rạng rỡ,
Ta biết em tự thuở nằm nôi
Thấm thoát năm chục năm rồi
Nay gặp lại niềm vui nào sánh kịp.*

*Nước sông Trà êm xuôi
Cầu tre mình bắc nhịp
Khi chiếc lá thu rơi.*

*Đời chờ mùa xuân thắm nở,
Nhụy hoa vàng, ong bướm lá rơi bay.
Men tình nào ai nhấp cho say,
Trương Chi tiếng hát chơi vơi giữa dòng,
My Nương lệ thấm khăn hồng,
Ngàn năm ôm hận trong lòng vì ai?*

thúy sơn



Chỉ với bài *The end of the world* mà cô ca sĩ Skeete Davis đã chiếm được cảm tình của giới trẻ khắp thế giới với giọng hát hồn nhiên, không làm dáng, chẳng nũng nịu van xin, chỉ dùng dung chấp nhận, gần như bất cần.

Christophe đạt nhiều thành công hơn, khởi sự từ tiếng gào tuyệt vọng *Aline*, qua lời thú nhận lạnh lùng *Je ne t'aime plus*, cho tới âm gọi thắng thốt *Oh, mon amour*. Hầu hết các giọng ca Nam người Pháp đều mạnh, đầy tính biểu dương, lồ lộ hay tiềm ẩn. Từ những ca sĩ chuyên về nhạc thánh phòng như Jacques Brel, George Moustaki cho tới các ca sĩ nặng về loại nhạc thời thượng như Johnny Halliday, Claude Francois, Christophe, Hervé Villard, Julien Clerc... tất cả đều có giọng ca âm ước dục tính. Giọng George Moustaki dịu êm mà sôi nổi. Hơi ngân của Julien Clerc run rẩy như tiếng kêu đam mê, hứa hẹn những hoan lạc. Không giống các giọng ca nam bằng Anh ngữ sau thời cực thịnh của Elvis Presley và Pat Boone, The Beatles hay The Rolling Stones, Bob Dylan hay Donovan, Simon and Garfunkel ca thẳng tuột vào tâm hồn giới trẻ. Trong *She loves you, I want to hold your hand*, The Beatles đàn ca hồn nhiên như vài cậu học trò khoái âm nhạc, hợp lại giúp vui cho buổi khiêu vũ mãn khoá. Trong đó không tìm thấy những ray rứt về lẽ nhân sinh, vì sự có mặt của... chính mình, về những phiền toái không thể giải quyết của cuộc đời. Trong đó chỉ có những lời ngợi ca tình yêu chân thành, không nài nỉ, chỉ tung hô hoan hỉ, vì vậy giai điệu rất đơn giản, chỉ cần dăm ba nốt nhạc thẳng giáng rập rình là đủ gây nên chấn động trong lòng giới thanh niên đương thời. Tính hồn nhiên, bốc đồng, thích phá phách, vô tư giỡn hớt với tình yêu được phô trương trong nhạc trẻ ngoại quốc kéo dài từ đầu cho tới giữa thập niên 60 mới có những thay đổi.

Vào những năm cuối thập niên này, chiến tranh lạnh Mỹ Nga đạt tới tột đỉnh và bùng nổ dữ dội tại một quốc gia bé nhỏ vùng Đông Nam Á:

Việt Nam. Cả thế giới nín thở hướng về Việt Nam bằng ánh mắt ái ngại, cảm thông với nhiều thiên vị. Một cuộc xâm lăng và một số lãnh tụ đã được biểu tình hoan hô tại Hoa Thịnh Đốn, Ba Lê, Bá Linh... Tuổi trẻ đòi *make love, not war*, đốt giấy trưng binh phản đối chiến tranh. Chủ nghĩa cộng sản trở thành một thứ triết lý thời thượng. Âm nhạc cũng bị ảnh hưởng. Ở phương tây, The Beatles sang Ấn Độ tìm thầy học đạo, Joan Baez rên rỉ lời ca phản chiến trong tiếng bom oanh tạc của Hoa kỳ; Jimi Hendrix, Janis Joplin và rất nhiều ban nhạc cũng như ca sĩ Mỹ tìm quên thực trạng bằng âm thanh ma túy. Phong trào *hippy* ra đời. Chưa khi nào tuổi trẻ Tây phương bùng bột đáng yêu đến thế! Họ ngợi ca thiên nhiên, tình dục, âm nhạc, phản đối bất bạo động chiến tranh Việt Nam, không cần tìm hiểu nguyên nhân sâu xa. Trong bối cảnh đó, Scott McKenzie ru hồn giới trẻ bằng bài hát *San Francisco*.

Cụ Kim Sơn, thành phố ven bờ bên kia Thái bình dương, nắm trên vết thương chưa lành của trái đất chực chờ toé máu nham thạch, chỉ qua một khúc hát đã khuấy động tâm hồn cậu học trò mười bảy tuổi Sống tại một nơi nhiều bất trắc. Lòng tôi mọc lên những giấc mơ xa. Tim tôi bứt rứt khó tả khi ngắm bức ảnh chụp cầu Kim Môn giăng rực đèn trong đêm. Dòng nhạc dấy trong tôi những ảo tưởng. Tiếng xe điện kéo chuông cuối con dốc dựng đứng. Chiếc cầu treo bập bênh trong biển sương. Bóng mát nghiêng lệch của toà nhà xuyên mây. Dây tường nhà nhiều màu xây thoải thoải ven đường dốc ngược. Nhưng đậm nét nhất vẫn là những đốm sáng đèn đêm. Ôi, biển sao sáng của một thành phố từ trên cao nhìn xuống bằng hai mắt hải âu, đã làm tôi rạo rực bao lần. Tất cả chỉ vì một bài hát.

Tôi thấy lại mình là một thanh niên được may mắn sinh trưởng trong một gia đình trung lưu, với tâm hồn nhiều mơ mộng và đam mê, giữa khuya thức dậy, rón rén vặn máy phát thanh theo dõi chương trình xếp

hạng của đài quân đội Hoa kỳ. Tôi chấp chờn đắm đuối rơi vào tiếng đàn điện, tiếng kèn đồng, tiếng trống bập bùng. *Sounds of silence* của Simon and Garfunkel đẹp như một vệt nắng chiều. *Mondays and rainy days* của The Carpenters là tiếng nấc đau đời não nuột. *Just a little bit better* của Herman's Hermits tươi trẻ như viên sỏi ném lướt trên mặt nước tĩnh. *California dreamin'* của Mama's and Papa's ghi thêm trong giấc viễn mộng tôi một chuyến du hành xa. *I've got you babe* của Sonny and Cher là chuỗi cười rộn ràng vô tư... khướt giắc. Như hương bếp nồng nàn chiều hè Đà Lạt năm nào ngậy mùi thịt bò xào bông cải và hơi thuốc đắng ngất choáng váng đêm mưa Sài Gòn cũ đã bám chết vào ký ức tôi. Tôi bầu lấy âm nhạc như một cứu rỗi. Bảy giờ tôi mới thực sự cảm thấu cái não lòng trong *Tombe la neige* mà Adamo đã than van, cũng như rộn người bài hoải thấy ra nỗi mất mát lớn khi nghe Peter, Paul and Mary thăm thì *Leaving on a jetplane*. Tới một nơi không hề mơ tưởng, xa một chốn lúc còn quá trẻ, tôi bối rối với nhiều nghi vấn về bản mệnh mình. Âm nhạc xoa dịu tâm hồn tôi nhiều lắm, lúc lòng bi lụy. Sở thích của tôi vẫn chỉ quanh quẩn trong loại nhạc thời thịnh. Có những ban nhạc, ca sĩ, bài hát đột ngột xuất hiện trên bảng xếp hạng hàng tuần, gây tiếng vang dăm ba tháng, nửa năm rồi biến mất... Thịnh thoảng tôi nhận được một cuộn băng nhạc từ bên nhà gởi qua. Lúc ấy là thời của Julie Quang với *Phượng yêu*, Thái Thanh với *Kỷ vật cho em*, Lê Uyên Phương với *Vũng lầy của chúng ta*, Ngọc Minh với *Cho người tình lỡ*... Vẫn những giọng hát mà tôi đã từng nghe qua và những bài ca phối hợp giữa kỹ thuật ký âm Tây phương và tâm hồn Đông phương, nhưng nghe tại xứ lạ, nhất là vào những đêm đông giá, một mình, tôi càng thấy thấm thía. Mảnh đất quê hương khốn khổ lại hiện ra trong trí, bất thành nỗi buồn xót cam, không biết tỏ bày cùng ai.

Một dịp nọ, tôi đi thăm bạn cũ ở tỉnh xa, được bạn mở nhạc cho nghe.

Tôi ngỡ ngàng. Đó là loại nhạc *boléro* dễ tính của tuổi ngây thơ, chưa biết chọn lựa. Những giọng ca ấy đâu có xa lạ gì đối với tôi. Là Hoàng Oanh, Thanh Huyền, Phương Hoài Tâm, Phương Hồng Quế, Phương Dung, Nhật Trường... mà tôi vẫn nghe hằng ngày trong máy phát thanh, hằng đêm trên vô tuyến truyền hình lúc còn ở quê nhà. Và bỗng dưng tôi xúc động, bàng hoàng nhận ra đó chính là loại nhạc đã đi vào niềm xúc cảm của đám đông. Tôi để tâm nghe Hoàng Oanh ca *Ai ra xứ Huế*, Hương Lan hát *Chuyện một* Tiếng hát Lệ Thu có tính nồng của quế, tính ngọt của cam thảo, và một chút man dại của than non ẩn trong hạt kim cương, không như giọng ca Khánh Ly là chất nhựa hoan lạc đọng lại trong dọc tấu. Khánh Ly sinh ra để hát nhạc Trịnh Công Sơn, cũng như tiếng hát Thái Thanh chỉ để kết duyên cùng âm nhạc Phạm Duy. Tuy nhiên, thời ấy tôi chưa thực sự phải lòng các giọng hát trên. Tôi đặc biệt mến thích các ca sĩ chuyên trình diễn nhạc ngoại quốc đang bắt đầu hát tân nhạc Việt Nam. Có hai giọng hát đẹp là Julie Quang và Cathy Huệ. Dường như không ai ca *Mùa thu chết* đạt hơn hai ca sĩ này. Cái chết đã được đề cập nhiều trong âm nhạc Việt Nam, cổ cũng như tân, nhưng chưa lần nào cái chết được gào van, tuyên dương đến thế. Muốn gây chấn động, phải có giọng ca khỏe, vững, cộng thêm một chút nhục cảm mới có thể chuốt nắn cái tàn tạ trong *Mùa thu chết* một cách hoàn chỉnh. Julie Quang có khả năng đó. Cathy Huệ còn đạt hơn một bậc với giọng khàn mạnh mẽ như lưỡi bào cứa lên thanh kim loại bật đường sáng loé.

Mỗi giọng ca tỏ lên trí tôi một âm sắc. Tiếng hát Thái Thanh có màu mạ non. Tiếng hát Quỳnh Giao là màu nắng sáng tinh khiết. Tiếng hát Thanh Lan là màu sữa dầy tây. Tiếng hát Lệ Thu có sắc cà phê nâu. Tiếng hát Khánh Ly là những đường xám kỹ hà ngoằn ngoèo. Còn giọng ca của Julie Quang và Cathy Huệ là những vệt huyết dụ tươi rói.

Cho tới cuối năm 1970, rời quê

hương sang Tây Đức du học, hành trang của tôi chỉ vồn vện gồm mảnh bằng tú tài, một tâm hồn chưa vương bụi và một trái tim đã biết thổn thức cùng âm nhạc, điện ảnh, hội họa và văn chương. Giấc viễn mộng của tôi đã thành. Nhưng không phải là Cựu Kim Sơn với cầu treo Kim Môn lênh đênh trong sương sớm, cũng không phải là vườn Lục Xâm Bảo với mùa thu lẻ loi hàng tượng đá khóa thân, mà là cơn mưa tuyết cuối năm và màu trời chì lạnh ám. Mùi không khí của thành phố đầu tiên tôi đặt chân lên nước Đức vẫn còn lung linh trong như tâm trạng tôi thuở ấy là đón nhận không chọn lựa. Tấm lòng tôi chưa có những khung cửa khép. Tôi là mặt đất tham lam hứng lấy trận mưa âm thanh tuổi trẻ dữ dội, ngấm no nê, chưa một lần lũ lụt.

Một hôm, không biết mượn được của ai, chị tôi mang về một cuộn băng nhạc Trịnh Công Sơn và Khánh Ly. Kỹ thuật thu băng kém, nhạc đệm thô sơ, chỉ đơn thuần một giọng hát và tiếng đàn tây ban cầm. Khánh

Ly ca những bản nhạc tình, Trịnh Công Sơn hát những bài phản chiến. Giọng ông không điêu luyện, nhưng ấm và truyền cảm. Khi lắng nghe tiếng đàn thùng đều đặn, buồn bã đệm theo lời ca kể lể: *"Đại bác đêm đêm dội về thành phố, người phu quét đường dừng chổi đứng nghe..."*, tôi đã xúc động, một nỗi xúc động không thể giải thích. Nghe thêm Khánh Ly rên van: *"Mưa vẫn mưa bay trên tầng tháp cổ..."*, lại thêm lần nữa, tôi nhận ra tính tuyệt diệu của âm nhạc Việt Nam. Lúc ấy tôi chưa biết con người chính trị thật của họ Trịnh, cũng không rành rẽ kỹ thuật ký âm, tôi chỉ thường thức âm nhạc bằng trọn vẹn trái tim rung cảm.

Sau một khoảng thời gian lắng đọng, tân nhạc Việt Nam chuyển mình rầm rộ với một loạt ca sĩ thời danh như Thái Thanh, Khánh Ly, Lệ Thu, Thanh Lan, Julie Quang, Duy Trác, Jo Marcel, Elvis Phương... Giọng ca Thanh Lan không khỏe, không vượt nhưng được cảm tình của giới sinh viên học sinh vì cách ngân



lấy nững nịu, gợi cảm. Sau lần vừa hát vừa khóc bài *Chiều tường nhớ* trong chương trình nhạc Phạm Mạnh Cương trên truyền hình, Thanh Lan càng lúc càng gây nhiều tiếng vang. Cô hát *Gọi người yêu dấu* thật tuyệt vời, vì đó là một ca khúc dễ trình bày, không có những điểm đối điểm nghịch lên xuống lắt léo, chỉ cần giọng hát ru lòng là đủ. Các ca khúc của Cung Tiến đòi hỏi nhiều kỹ thuật và tài năng hơn. Ca sĩ Lệ Thu hội đủ tài năng để diễn tả tính lênh đênh, u hoài, chịu nhiều ảnh hưởng của các ca khúc cổ điển Tây phương trong *Hoài cảm*, *Hương xưa*, *Nguyệt cầm*, *chiếc cầu đã gãy* hay Nhật Trường chuốt giọng trong *Hành trang già từ*, để rồi nhận ra cái thông điệp của âm nhạc: tính rung động. Một giọng ca, một khúc hát, dấu vương lối kỹ thuật phát và ký âm, nếu tạo được rung cảm trong lòng thính giả, đều là những tài năng và nhạc phẩm có giá trị. Suy cho cùng, tôi vẫn yêu nét thô sơ sần sượng của một hạt sỏi hơn là vẻ hào nhoáng rực rỡ của một viên kim cương đã được gọt dũa. Vì trong hạt sỏi đó là cả thiên nhiên còn nguyên vẹn những đối tính, tượng trưng cho đa số bình dân chân chất, hiền lành của xứ sở.

Chợt tôi rưng rưng thấy lại mình là đứa trẻ bình dị dễ tính ngồi nơi thềm nhà cạnh cây ổi lão trong mảnh vườn năm xưa, cất giọng say mê hát bài *Ai ra xứ Huế*. Nếu tôi có nhiều năng khiếu hơn nữa, nếu văn chương không níu tôi vào ngã rẽ khác, chắc chắn tôi đã trở thành một nghệ sĩ trình diễn... Mà không, tôi chỉ xem âm nhạc như một chiếc bóng thân cận, một người bạn không bao giờ thắc mắc hay trách cứ những chuyện tôi làm, mà chỉ biết vuốt ve an ủi mảnh tâm hồn mất cảm của tôi.

Theo thời gian, chiếc bóng ấy có nhiều thay đổi, để tới một lúc tôi bỗng khám phá ra rằng còn một vài loại âm nhạc mà tôi chưa tìm nghe, chẳng hạn như nhạc cổ điển Tây phương và dân ca cổ truyền Việt Nam. Đây là hai ngành âm nhạc tương đối khó thưởng thức, nhất là nhạc cổ điển Tây phương, cần phải

am tường đôi chút về nhạc lý mới có thể rung cảm trọn vẹn. Thật vậy, lần đầu tiên nghe khúc giao hưởng *Từ tận thế giới* của Dvorak, tôi chai cứng hoàn toàn. Nếu có thấy "hay" thì cũng chỉ là những đoạn khúc lừng danh như *Cho Elise* của Beethoven, các *Dạ khúc* của Schubert, Chopin hay *Mơ mộng* của Schumann. Cho tới lần tôi được xem cuốn phim *Maurice* phỏng theo một tiểu thuyết cùng tựa của nhà văn Anh E.M. Foster. Trong đó, khúc giao hưởng số 6 *Pathétique* của Tschaikowsky là giai điệu chính. Âm nhạc, điện ảnh và văn chương đồng loạt lấn vào hồn tôi, dẫn tôi về khung cảnh thơ mộng của Anh quốc hồi đầu thế kỷ. Tôi bắt được niềm rung động kỳ thú của nhạc cổ điển Tây phương từ đó. Hãy lắng nghe thiên nhiên đối tiết trong *Bốn mùa* của Vivaldi. Hãy đi theo bước lãng du thăng trầm của Edvard Grieg trong *Peer Gynt*. Hãy lắng nghe tiếng thiên nga đập cánh rã rượi trong vũ kịch *Hồ thiên nga* của Tschaikowsky. Hãy để tim hoà nhịp theo tiếng tây ban cầm réo rất thể lương, bất trắc trong *Tấu khúc Aranjuez* của Joaquin Rodrigo. Theo tôi, điểm tuyệt vời của nhạc giao hưởng là tính mới lạ. Mỗi khi nghe lại, tôi chợt khám phá ra thêm một tiếng nhạc cụ mới mà những lần nghe trước vì lý do nào đó, tôi không bắt được. Một tiếng gió xô mạnh vào tấm sáo che cửa có thể át đi tiếng tiêu đồng réo rất khê khàng. Hay tiếng động cơ xe lửa vọng lại từ xa có thể xoá mất một tấu đoạn thụ cảm gần gũi. Để tới giữa khuya, thật tịch mịch, tôi nghe lại và bồi hồi nhận ra những tấu âm của các loại nhạc cụ tương đối xa lạ với tân nhạc Việt Nam ấy. Nhưng, có lẽ gây ấn tượng mạnh mẽ trong tôi nhất là tiếng vĩ cầm. Nó có thể suốt suốt lê thê như tiếng ve sầu mùa hạ. Nó cũng có thể rướn lên chất ngất, âm ỉ, rồi tắt nghẹn, để lại cảm giác bứt rứt, mất mát, hụt hẫng rơi vào khoảng trống vô âm. Và tuyệt diệu thay, một khúc giao hưởng có thể bắt tôi bồn chồn chờ đợi...

"...Để ý nghe chương mở đầu

trong *Romeo và Julia* của Tschaikowsky, anh có thấy âm nhạc mang màu sắc u ám, nhưng trong cái u ám dường như có cái gì khuấy phục cộng thêm chất bất biến. Rồi âm nhạc dẫn dắt tâm lý người nghe càng lúc càng lo âu với nhịp độ tăng dần. Kế tiếp là đề tài chính xuất hiện một cách ào ạt, mạnh mẽ như vũ bão trong giai điệu gãy khúc, đứt đoạn, tạo sự tương phản rõ rệt nhờ những âm nghịch. Ta nhận ra cả sự căm thù, tính phi lý, cay độc... Rồi dòng nhạc tạm yên trong chốc lát. Chủ đề tình yêu được tác giả đưa ra một cách thận trọng, triu mến, thực ngọt ngào, tuy nhiên vẫn thấy có một cái gì đau thương và tuyệt vọng vây quanh giai điệu này.

"...Trong đoạn mở đầu khúc giao hưởng *Pathétique*, chủ đề toàn bài xuất hiện lơ mơ, u tối, nặng nề như bước vào từ một nơi sâu thẳm nào đó. Tiếp theo là đề tài chính của chương một hiện tới với dòng nhạc chứa chan, ấm áp, rạo rực... Âm nhạc lúc này đầy vẻ chờ đợi. Các nhạc cụ đang dò dẫm tìm chủ đề mới. Và cuối cùng, chủ đề mới hiện ra tuyệt vời như một giấc mơ. Trong những chương kế tiếp, tiếng nhạc rì rào đều đặn làm ta cảm thấy cuộc đời đang trôi theo những tất bật hằng ngày. Có một đoạn hành khúc diễn tả niềm hân hoan, say mê, nhưng vẫn có một cái gì đó ám chướng làm cho lòng người lơ mơ vương lo âu. Câu nhạc có khi thổn thức, nức nở; có khi căng thẳng đầy tuyệt vọng; có lúc làm cho ta liên tưởng đến cái chết. Sức sống cạn dần, chỉ còn lại những buồn thương và đau xót..."

Tôi không có được những cảm nhận tinh tế như của một người bạn đã viết gửi tôi khi bàn về hai khúc giao hưởng của Tschaikowsky. Nhưng tôi đã có cảm giác mong chờ, như các nhạc cụ nức nạo tới lượt để rót dòng âm thanh vào đời sống lặng lẽ thường ngày. Đó là loại âm thanh có hấp lực làm toé máu, tan băng, chẻ cảm giác thành nghìn đường sấm chớp. Và tôi hiểu tại sao Maurice tìm thấy ở Clive một người bạn tâm đắc, vua Ludwig đệ nhị mù

quáng nghe theo lời xu nịnh của Wagner, người lữ khách giữa đêm bất được tiếng từ bà nào lòng tìm tới người tri kỷ... Những phản ứng sinh hoá trên cơ thể được là nhờ chất xúc tác âm nhạc. nhưng tính cảm âm thường không giống nhau, chuyện tìm ra một kẻ tri âm trong bể người trùng trùng này không phải là điều đơn giản.

Vào thời buổi nhạc Madonna tung hoành, nếu có một cô hay cậu *teenager* nào đó tỏ ý yêu thích nhạc Mozart, Brahms hay Ravel, có lẽ mọi người sẽ nhìn họ bằng ánh mắt ái ngại. Cha mẹ chúng có thể vừa hãnh diện về trình độ thẩm âm của con, vừa lo lắng e chúng không hoà đồng được với bạn bè cùng trang lứa.

Tương tự như vậy, trong giai đoạn nhạc Việt thời thịnh ồn ào tràn lan tại hải ngoại, bỗng có người tuổi đôi mươi bảo rằng chỉ thích nghe nhạc dân ca ba miền, cải lương hay chèo cổ, người đó chắc chắn là một trường hợp ngoại lệ. Không chuộng các giọng ca, điệu hát thời thượng mà chỉ lưu luyến với tiếng hát Thái Thanh, Quỳnh Giao, Duy Trác... quả là điều lạ, quái quái. Không thể cho rằng cái thích này "hay" hơn cái thích kia. Cũng không thể thuyết phục một người đang say mê nghe Ngọc Lan, Khánh Hà, Thái Hiền, Trọng Nghĩa, Tuấn Ngọc, Ý Lan... đổi ý để nghe Thái Thanh, Quỳnh Giao, Mai Hương, Kim Tước... Hay

cực đoan hơn, bảo họ đáng lẽ phải mến chuộng cải lương vọng cổ mới đúng vì đó chính là loại nhạc thuần túy quê hương.

Gần đây, tôi có dịp đi xem Thái Thanh trình diễn. Tôi nghe Thái Thanh đã nhiều, nhưng đây là lần đầu tiên tôi được thưởng thức tiếng hát màu mỡ non này trên sân khấu. Tôi đã rưng rưng nước mắt khi Thái Thanh mềm giọng đưa hồn tôi về lại ruộng nương quê nhà qua Tình hoài hương của Phạm Duy: "Quê hương tôi có con sông đào xinh xắn, nước tuôn trên đồng ruộng vẫn, lúa thơm cho đủ hai mùa, dân trong làng, trời về khuya vắng tiếng sáo dè mê..." Tiếng hát Thái Thanh là một trường hợp độc đáo trong nền tân nhạc Việt. Giọng bà vô cùng gợi cảm, nhưng đây là thứ tình quê hương "làng tôi không xa kinh kỳ sáng chói, có những cánh đồng cát dài, có lũy tre còm tá toi...", tình gia đình "cho tôi lại ngày nào, trăng lên bằng ngọn cau, mẹ tôi ngồi khâu áo, bên cây đèn dầu hao...". Tiếng hát bà gắn liền với nhạc Phạm Duy, như cau thơm quyến trầu cay hoà cùng với nồng là ngữ nhạc Tây phương tạo thành một thứ được âm ma túy, đặc thù Việt tính.

Nếu giọng ca Thái Thanh là cánh đồng mạ non bát ngát tít tắp, thì tiếng hát Quỳnh Giao là một dòng suối, một vạt nắng trong lành. Quỳnh Giao

không phá kỷ âm, không ngắt lách để truyền cảm xúc, mà cất giọng như con chim ngựa cổ góp lời cùng thiên nhiên. Thoạt nghe tưởng hơi hợt, dừng dừng nhưng trong giây lát cảm nhận mới thấy ra chất keo nồng nàn khăng khít trong tiếng hát Quỳnh Giao với dòng nhạc Vũ Thành và Dương Thiệu Tước. Chưa có giọng hát nào hoà điệu tuyệt vời bằng giọng hát Quỳnh Giao với *Bóng chiều xưa*: "Một chiều ái ân, say hồn ta bao lần...", *Nhớ bạn*: "Xuân vương trên ngàn hoa nhác bao sầu nhớ mơ màng..." hay *Nhật cánh sao rơi*: "Chiều phai nắng rụng lá khô bên thềm. Chiều vương khói nhạt nắng buồn êm đêm..."

Chuyện thưởng thức một tác phẩm nghệ thuật không cần ai thuyết phục, vì điều này thuộc về cảm tính. Dem bản thân ra suy xét, tôi có thể cảm một bản nhạc thời thịnh hay cổ điển Tây phương, nhưng chưa bao giờ tôi xúc động tới ứa nước mắt như lúc tôi nghe lại một tuồng cải lương, một bài vọng cổ mùi rệu hay một ca khúc đầy âm hưởng dân tộc của Phạm Duy. Khi ấy, tuổi thơ đầm thấm sống cạnh má, bà ngoại ào ạt trở về trong hồi tưởng tôi. Tôi lớn lên vào thời cặp uyên ương cổ nhạc Út Bạch Lan và Út Trà Ôn đang quá thời thịnh mãn, nhường chỗ cho Thanh Nga và Thành Được, Bạch Tuyết và Hùng Cường. Không những họ có biệt tài ca diễn mà còn có diện mạo và cung cách rất bắt ánh đèn sân khấu. Hãy thử xét nét thưởng thức Thanh Nga và Thành Được đóng cặp trong tuồng hương xa Phù Tang *Tiếng hạc trong trăng*, hay Bạch Tuyết và Hùng Cường trong những vở cải lương tâm lý xã hội vào thời cực thịnh của gánh Dạ Lý Hương để thấy rằng, cải lương là một bộ môn ca diễn tuyệt vời. Ngoài đặc điểm tuồng tích và thể điệu đa dạng của các bài hát theo ngữ nhạc ngũ cung, cải lương còn gợi cảm ở cách biểu lộ ngôn ngữ. Chẳng hạn như lời nói: "Xin anh uống cạn chén đầy để tôi rót đầy chén cạn", ở ngoài đời, chắc chắn sẽ bị chọc ghẹo là "cải lương", nhưng sử dụng trên sân khấu lại rất

ca dao của mẹ

ầu ơ tiếng mẹ ru con
tiếng ru nào nuốt hơi mòn đêm đêm
"cái ngủ mày ngủ cho yên"
à ơ... ngủ cho hiền con ơ
đêm dài mưa lạnh lòng rơi
con thiêm thiếp ngủ trong lời mẹ ru
"vì dầu... cơn gió mùa thu"
lời ru cùng với cơn mưa đều buồn
"trời mưa bong bóng phập phồng
mẹ đi lấy chồng con ở với ai?"
vàng mười vào lửa nào phai
mẹ tôi nén tiếng thở dài thành thơ.

minh đạo



hợp tình hợp cảnh và tạo nên một không khí rất tường. Ăn khách là nhờ chỗ đó. Nằm được trái tim của đa số khán giả phụ nữ cũng là nhờ chỗ đó. Ngôn ngữ phải ướt sũng và đủ nhọn để châm thủng túi nước mắt của khán giả đang lâm le chéo khăn mù-soa trong tay. Không rung rung ngấn lệ sao được khi Thanh Nga trong vai Loan, tình cờ tái ngộ Thành Được vai Dũng tại nhà vợ chồng giáo Thảo vào một đêm mùa đông xứ Bắc trong tường *Đoạn tuyết*; trước khi xuống cầu, Loan đã tươm lệ cất giọng nói lời: "...Dũng, nợ nần ai anh cũng đều trang trải hết, còn nợ nần tôi, anh thiếu, anh không trả..." Rồi tiếng đàn cò kéo lên ừ ừ như tiếng nấc, khiến những trái tim đang rung động xốn xang ào ạt tiết ra những kích thích tố cảm tính chuyển vận khắp cơ thể, rồi tụ lại ở hai tuyến lệ. Làm gì có một loại âm nhạc nào khác khả dĩ thay thế được những bài bản diễn tả tâm trạng vui buồn, hờn giận, ghen tuông như trong một tường cái lương?

Tôi vẫn tự hỏi, Trương Chi đã thổi khúc nhạc nào mà khiến My Nương đắm đuối đến độ ngơ ngẩn như vậy? Một điệu hát thời thịnh lúc bấy giờ hay một bài cổ điển xa xưa trước? Tiếng hát, tiếng sáo trong khoang thuyền trên một dòng sông gợi cho tôi cảnh dòng Hương về đêm. Mà phải là một đêm trăng tròn để tạo tác từ tính si tình. Vì vậy, có lẽ chàng Trương Chi đã thổi một khúc Nam Ai, Hương Bình hay đã tức cảnh ngâm lên vài điệu hò Huế. Chắc hẳn đó phải là loại nhạc thời thượng thuở ấy, như loại nhạc của Trịnh Nam Sơn bây giờ, vì nàng My Nương là một *teenager*, khó lòng rung cảm khi nghe một tấu khúc cổ điển.

Bình tâm mà xét, dù tân hay cổ, lúc nào âm nhạc cũng gây tác động mạnh. Huyết cốt của Trương Chi sau khi chết đã hoá ngọc được gọt dũa thành chén âm nhạc. Chỉ khi giọt lệ xúc cảm của nàng My Nương nhỏ xuống, chén Trương Chi mới vỡ làm năm mảnh xừ xang xê cồng lú, tạo thành âm điệu ngũ cung thuần tính Đông phương.

□

Chết Là Hết

Eve-Lis Wuorio

Trương Mỹ-Vân

dịch



LTS: Trương Thị Mỹ Vân (tên thật) trước đây cộng-tác với *Làng Văn* qua bút hiệu Lê Tường Thụy và một số bút hiệu khác. Ngoài giờ soạn-thảo giáo-trình và giảng dạy tại đại-học Vancouver (BC, Gia-nã-đại), cô dành hết thì giờ còn lại để viết, tìm đọc và dịch các văn-phẩm ngoại-quốc. *Làng Văn* xin hân hạnh giới thiệu người bạn mới và loạt dịch phẩm "truyện thật ngắn" của cô.

LDG: Eva-Lis Wuorio sinh năm 1918 tại Phần Lan và di dân sang Gia Nã Đại lúc bà 11 tuổi. Những ký ức sống động của thời thơ ấu ở quê nhà đã giúp bà viết những tác phẩm phong phú, gợi lại sự kiện lịch sử, phong cảnh đất nước và nếp sống ở Phần Lan. Trong số các truyện của bà có hai tiểu thuyết viết về Đệ Nhị Thế Chiến là "Code Polonaise" với

bối cảnh Ba Lan, và "To Fight In Silence" về phong trào kháng chiến bí mật ở Hoà Lan.

Truyện "Chết Là Hết" được dịch từ nguyên tác "You Can't Take It With You", trích trong tuyển tập truyện ngắn "Escape If You Can" của bà. Cũng như hầu hết các truyện thật ngắn khác, truyện này kết thúc bằng một đoạn cuối bất ngờ nhưng hợp lý. Ông chú Basil, nhân vật chính, là người keo kiệt, biếng lận, không hề cho bà con ông một xu nhưng rốt cuộc lại cao mưu hơn đám thân quyến của ông.

Có hai điều hiển nhiên ai cũng phải công nhận là chú Basil vừa giàu vừa keo kiệt.

Mọi người trong gia đình đều đồng ý về điểm này và họ đã tận dụng kho từ ngữ liên quan đến tính biếng lận để ám chỉ ông mỗi khi họ cần tiền và tức giận vì ông không đáp ứng. Bà dì Clotilda vốn tánh dượng

đã gọi ông là lão Scrooge bủn xỉn khi bà cần tiền mua chuỗi hạt trai mới vì bà bảo chuỗi hạt của bà đã cũ rồi. Đứa cháu trai Percival sau khi đâm nát chiếc xe hơi thể thao mà hắn còn thiếu nợ ngân hàng, đã tuyên bố thẳng rằng chú Basil là một người hà tiện, keo kiệt, biển lận, bủn xỉn, rán sành ra mỡ và vô số những tính từ độc địa khác. Những người còn lại trong gia đình đều tận dụng các từ ngữ trong tự điển để ám chỉ ông chú Basil keo kiệt của họ.

Bà mẹ của Percival bảo con:

- Vẫn biết chú Basil giàu có và không cần phải hà tiện, nhưng con không nên quá lời, lỡ chú nghe được thì sao?

Chị của Percival là Letitia đang chải mái tóc vàng óng ả liền tiếp lời mẹ:

- Lúc chết chú có mang theo được gì đâu! Con cần cái áo lông xù, xin chú thì ông bảo mùa hè cần áo lông xù làm gì. Thật ông keo kiệt hết chỗ nói!

"Lúc chết ông có mang theo với ông được gì đâu!" là câu mọi người trong gia đình thường nói và lâu dần quen miệng, họ nói ngay trước mặt

chú Basil nữa.

Họ thường bảo ông:

- Chú Basil ạ, lúc chết chú có mang theo được của cải gì với chú đâu! Tại sao chú không mua một căn nhà khang trang hơn ở ngoại ô để tụi cháu có thể đến thăm chú? Có chuồng ngựa và hồ bơi nữa. Thử tưởng tượng chú sống ở đó có phải thích thú hơn không? Và dĩ nhiên là chú thừa sức mua rồi. Chết là hết chú ạ. Chẳng mang theo được gì đâu!

Thật ra chú Basil nghe hết những điều mọi người trong gia đình phê bình ông vì ông không đến nổi điếc như người ta tưởng, tuy ông vẫn già vờ lãng tai. Ông biết người ta bảo ông keo kiệt, biển lận, hà tiện, bủn xỉn, vắt cổ chày ra nước, và vô số những danh từ không được êm tai lắm. Thế nhưng ông không bực mình. Điều làm ông giận nhất là lũ cháu dám cả gan cảnh cáo ông: "Lúc chết chú không mang theo được gì đâu!" Tất cả tài sản của ông mà tụi nó dám bảo ông như vậy!

Thuở trước chú Basil sang quận Transvaal ở Nam Phi tìm vàng, vào thời còn nhiều mỏ vàng nếu có người biết khai thác. Và ông đã tìm được vàng. Mọi người còn bảo rằng ông đã

quá già, không còn sức hưởng thụ, nhưng họ biết gì mà dám tuyên bố như thế? Đối với ông, chỉ cần nắm tài sản trong tay là đủ và ông khoái chí mỗi khi từ chối những lời xin xỏ của bà con. Ông ví họ như những con thú đáng thương trong găng xiếc, suốt đời bị giam hãm trong cũi sắt là muôn vàn dục vọng ích kỷ của họ.

Lần duy nhất chú Basil chấp thuận lời yêu cầu của bà chị ông là lúc ông nhận nuôi Verner, người con trai trưởng khờ khạo của bà. Ban đầu, bà đề nghị Verner đến giúp ông về việc văn phòng nhưng vì Verner dễ bảo nên cuối cùng ông để hắn tự do làm mọi việc vặt trong nhà.

Chú Basil sống trong căn nhà nhỏ ngăn nắp ở vùng ngoại ô thuộc giới trung lưu, mặc lời xàm xì bàn tán của họ hàng. Căn nhà này vẫn y nguyên như hồi ông mới sinh, và hàng ngày Verner lo vun xới mảnh vườn nhỏ, ra tiệm thuốc lá mua nhật báo cho ông, hoặc khi rảnh rỗi thì hắn ta ngồi giữa móng tay. Không bao giờ Verner dám bảo ông: "Lúc chết chú không mang theo được gì đâu!" vì hắn ta chẳng hề nghĩ đến điều đó.

Chú Basil thường sai Verner mang thư từ của ông đến các luật sư, các nhà kinh doanh hay ngân hàng vì ông không tin vào hệ thống bưu điện hay điện thoại. Riết rồi Verner đâm ra quen và chẳng hề thắc mắc xem những bao thư dày cộm đó chứa gì bên trong. Ngay cả đến những luật sư, kế toán viên và giám đốc ngân hàng cũng quen với lối liên lạc thư từ khác thường của chú Basil. Họ biết ông giàu và tài sản ông càng ngày càng nhiều vì các món tiền đầu tư đang sinh sôi nảy nở, mà người giàu thường hay có những hành động khác thường nên họ cũng chẳng hề thắc mắc.

Một điều kỳ lạ nữa là tuy chú Basil còn tráng kiện, ông cũng bảo Verner đưa ông đến tiệm mộc để ông thuê làm một cái quan tài rộng rãi cho ông. Chủ tiệm mộc là một người cùng thế hệ và cũng khắc khổ như ông nên nhận lời ngay. Sau khi xem kỹ các loại gỗ và thỏa thuận giá cả, chú Basil quyết định làm một cái

một chút... hình như là tình yêu

tặng NT. Thanh Sa

*Khi bối rối tránh mắt người tha thiết
Máu nghe chừng quên hết ngả về tim
Ngàn động mạch căng phồng thân tượng đá
Tôi nhủ mình: tim nhỏ hãy nằm im*

*Khi lúng túng nắm tay người xiết chặt
Những bồi hồi như thể chẳng rời xa
Người hãy nói bằng mắt hồng rộn rã
Bằng trời xanh, bằng suối mát, nội hoa.*

*Khi cuống quýt hôn môi người vội vã
Cả bầu trời như thể bỗng xoay nghiêng
Chân đứng đó mà nghe chừng rạn vỡ
Đường mai sau chợt thẳng thốt lòng riêng.*

lê thụy vi



quan tài cỡ trung bình bằng một lớp gỗ vì làm hai lớp sẽ tốn gấp đôi. Ông bảo:

- Tôi sẽ tự tay lót thêm một lớp nữa hay Verner có thể giúp tôi vì chúng tôi thiếu gì thì giờ. Tôi đã chết ngay đầu. Làm như thế chỉ khiến đám thân quyến tôi thêm mừng mà thôi. Tôi còn sống để hưởng của cải của tôi chứ!

Thế rồi vào một buổi sáng, lúc tinh thần tỉnh táo và vui vẻ, chú Basil sai Verner đi mời luật sư của ông đến. Mặc cho đám thân quyến của ông bàn tán, cãi cọ với nhau về món tiền thừa tự và tò mò muốn biết ông sẽ để lại cho ai, chú Basil thản nhiên đáp rằng ông không thích chia năm xẻ bảy tài sản của ông ra nên đã quyết định sẽ để lại nguyên gia tài cho một người và từ nay ông không muốn ai làm phiền ông về vấn đề này nữa!

Mãi đến mười năm sau, một sáng nọ, lúc mang trà vào cho chú Basil, bà quản gia khám phá ra ông đã mất trong giấc ngủ đêm trước. Ông đã sống một thập niên thoải mái, sung túc vì đám thân quyến không dám quấy rầy ông và lợi tức do các món đầu tư mang lại càng gia tăng.

Chỉ có một mình đứa cháu trai tên Percival nhiều lần túng tiền đã hăm dọa bỏ độc dược vào nước trà của chú Basil, nhưng sau khi khám nghiệm, bác sĩ tuyên bố chú Basil đã mất trong giấc ngủ vì tuổi già. Đám họ hàng ông bảo nhau:

- Ông mất không đau đớn như vậy là quý lắm.

Họ thì nhau nhắc lại những hành động tử tế của họ đối với ông và cãi nhau ỏm tỏi vì chẳng ai chịu nhường ai. Người nào cũng cho rằng mình đã tận tình chăm sóc chú Basil và không hề biết ông đã nghe hết những điều họ bàn tán sau lưng ông cũng như những lời nịnh hót trước mặt ông. Ai cũng tin mình là kẻ cung quý chú Basil nhất và định ninh trọn vẹn gia tài sẽ thuộc về tay họ.

Họ tức tốc đi tìm vị luật sư và được biết theo di chúc chú Basil để lại khi ông còn hoàn toàn minh mẫn thì lễ hỏa táng sẽ được cử hành ngay

sau khi ông mất và Verner sẽ chỉ cho họ nơi cất chiếc quan tài của ông. Mọi người ngạc nhiên:

- Không còn gì trong chúc thư nữa sao?

Vị luật sư theo thói quen nghề nghiệp bình thản đáp:

- Ông có dặn sau lễ hỏa táng sẽ có một bữa tiệc thịnh soạn gồm các món cao lương mỹ vị như thịt nai, thịt ngỗng, gà tây, tôm hùm, sò huyết, cùng các loại rượu chất và rượu mạnh thượng hạng. Ông bảo mặc dầu mang tiếng keo kiệt nhưng lúc ra đi ông muốn đãi mọi người một bữa thỏa thuê.

Cả gia tộc hơi chột dạ khi nghe nhắc đến chữ "keo kiệt". "Làm sao chú Basil biết được điều này?", họ lo âu tự hỏi nhưng cảm thấy nhẹ nhõm ngay khi vị luật sư bảo chú Basil còn để lại một phong bì với bức thư ông sẽ đọc cho họ nghe vào bữa tiệc sau lễ hỏa táng.

Thế là mọi người thì nhau sắm tang phục đắt tiền, nhân thể vào năm đó màu đen lại là màu hợp thời trang nhất. Họ đồng ý với nhau rằng, kẻ nào may mắn được thừa hưởng nguyên gia tài sẽ chia cho những người khác trong gia tộc. Có như thế mới công bằng.

Chỉ một mình Verner đề nghị với họ là nên mua cho chú Basil một cái quan tài mới vì cái hòm cũ để lâu năm trong túp lều đã bị nước mưa nhỏ giọt gần mục rã. Thế nhưng chẳng ai thèm nghe lời hấn vì họ cho rằng rốt cuộc cũng đem đốt mà thôi, cần gì hòm mới hay cũ! Thế là chú Basil được hỏa táng theo đúng nghi thức cùng với vẻ luyến tiếc của đám thân quyến ông.

Mọi người trở về nhà sau tang lễ vừa đúng lúc gặp bà quản gia cũ của ông từ già họ để ra đi. Chú Basil đã để lại cho bà một số tiền khá lớn và căn dặn bà cách thức đầu tư để bà đủ tiền sống thoải mái trọn đời. Để tỏ lòng biết ơn chú Basil, bà đã chuẩn bị chu đáo bữa tiệc thịnh soạn cho đám thân quyến ông, nhưng bà không đại gì nấn ná lại để rửa dọn chén bát sau buổi tiệc này cho họ!

Mọi người hơi ngạc nhiên tuy

không đến nỗi sững sốt khi hay tin ngôi nhà chú Basil từ nay thuộc về tay Verner. Ông cũng để lại cho hấn một số tiền nhỏ và căn dặn hấn cách thức đầu tư. Thoạt tiên cả gia tộc xúm lại hạch hỏi, chỉ trích Verner nhưng về sau vì thấy món tiền không đáng kể, họ để Verner yên. Hấn đã có phần, sẽ không làm họ bận tâm nữa. Về phần Verner, hấn ta hơi buồn khi chú Basil mất vì lâu nay hấn đã quen sống cạnh ông và bằng lòng với số phận của hấn. Vốn tánh giản dị, hấn vui vẻ chấp nhận món tiền thừa kế và không đòi hỏi gì hơn.

Cuối cùng khi vị luật sư mở di chúc của chú Basil, mọi người đều sững sốt vì chỉ có một hàng chữ duy nhất do chính tay ông viết: "Ta đã mang theo tất cả với ta". Và dĩ nhiên ai cũng thắc mắc không hiểu ông đã làm gì với gia tài kếch sù trị giá hàng triệu bạc của ông.

Những nhà kinh doanh ông thường giao dịch trước đây, những kế toán viên và ngay đến các giám đốc ngân hàng đều công nhận chú Basil có một số vốn rất đồ sộ, tuy nhiên ông đã dần dà rút hết tiền trong trương mục của ông suốt mười năm qua. Vậy thì ông đã làm gì với số tiền đó? Điều này không ai biết, ngay cả những nhà kinh doanh, kế toán viên và giám đốc ngân hàng của ông. Vì thật ra đây là tiền của ông, không dính dáng gì đến họ cả!

Không ai tìm được dấu vết nào về gia tài kếch sù của ông.

Cũng không ai nghĩ đến việc hỏi Verner và hấn ta cũng không hề cho họ biết là suốt mười năm qua, chú Basil đã sai hấn lót cỗ quan tài của ông bằng những bì thư dày cộm do hấn mang từ ngân hàng về. Trước tiên hấn dùng những bì thư này lót một lớp chung quanh thành và dưới đáy hòm, xong xuôi hấn dùng vải nhựa màu xanh lót thêm một lớp nữa bên trong quan tài theo lời dặn của chú Basil.

Nếu Verner là một kẻ chậm chạp, thiếu thông minh thì ngược lại, hấn cũng là một người rất khéo tay.

Hấn đã hoàn tất công việc một cách gọn gàng, khéo léo. □

Xứ Mù

Nguyễn Minh Khánh

phóng-tác

(theo *The Country of the Blind*
của H.G.Wells)

Sau cơn mưa lớn buổi chiều, thành phố trở nên mát dịu. Sân trường Đại học Sư phạm thành Hồ rải rác những mảnh cây vụn, những chiếc lá xanh có, úa có, do cơn dông bất ngờ gây ra. Sau 6 giờ chiều, các lớp học đã tan, cổng trường đã đóng, trả lại sự yên tĩnh cho khuôn viên trường đầy bóng cây xanh mát.

Giờ này là giờ cơm chiều. Nhà nhà hẳn đang quây quần quanh mâm cơm gia đình, vừa ăn vừa bàn tán những chuyện xảy ra trong ngày.

Tại một xó tối nơi cuối dãy hành lang nhà trường nhìn ra phía đường An Dương Vương, dưới ngọn đèn vàng úa, một bữa cơm chiều cũng diễn ra nhưng hết sức đạm bạc. Bốn thân hình xanh xao, gầy gò, gồm hai nam, hai nữ đang quây quần quanh một mâm cơm. Gọi là mâm cơm cho ra vẻ, thực ra nó chỉ gồm một xô nhựa đựng cơm, một gà-mên đựng bí rợ xào với bốn miếng thịt heo, mỗi miếng bằng ngón tay út, và một gà-mên đựng canh *toàn quốc* (toàn... nước) lỏng bông mấy miếng bầu thái nhỏ nằm dưới đáy. Tất cả được đặt ngay dưới đất và bốn người đều đang ăn rất ngon lành.

Họ là bốn sinh viên năm thứ hai trường Đại học Sư phạm thành Hồ,



khoa ngoại ngữ, bạn Anh văn. Họ đang ở trong giai đoạn tìm hiểu nhau và đang có những quan hệ tình cảm trong sáng.

Cả bốn đều là những sinh viên tinh lẻ, con nhà nghèo, hiếu học, về Sài Gòn nội trú, ăn cơm ở nhà ăn tập thể. Mỗi ngày sau buổi học chiều, họ rủ nhau ở lại trường tự học nhóm cho đến 8 giờ tối mới về. Hàng ngày hai người nữ nhận trách nhiệm đem bốn phiếu vào nhà ăn, lãnh bốn phần cơm đựng vào gà-mên mang ra, quây quần với nhau ở xó xỉnh này, vừa ăn vừa thảo luận về bài học trong ngày.

Hôm nay họ cùng học nhóm môn Triết học Mác Lê-nin, một trong bốn môn chính để thi lên năm thứ ba. Minh Tâm nhập đề trước:

- Môn này sao khô khan, khó hiểu quá anh Dũng. Em ngán quá!

Người thanh niên nhỏ con, gầy gò, nét mặt đều đặn nhưng nước da đen sạm, trả lời:

- Em đừng nói như vậy mà mất quan điểm đoàn viên. Tại em chưa hiểu nên mới thấy chán chớ hiểu rồi

thì thấy thú vị lắm.

Tâm lườm người yêu:

- Anh hờ một chút là "mất quan điểm". Em không hiểu thì nói không hiểu chớ sao!

Dũng trợn mắt, nuốt trọn miếng cơm rồi trả lời:

- Em nên nhớ em đang là đối tượng đoàn, mà anh là người được tổ chức phân công đi sâu đi sát em để bồi dưỡng chính trị, cho nên nếu em có tư tưởng lệch lạc, mất quan điểm thì anh phải giáo dục em. Anh đồng ý với em, không hiểu thì nói không hiểu, chớ đừng có nói môn học khô khan...

Đến lúc này Sinh, người thanh niên ốm nhom, khô đét như con mắm, mới chen vào:

- Để anh nói cho Minh Tâm, Ngọc Hạnh nghe. Không phải tại anh ỷ vào đoàn trước mấy em rồi lên mặt dạy đời, nhưng mấy em còn nhớ thầy Khánh dạy chính trị tại mình giảng không? "Triết học Mác Lê-nin là khoa học của tất cả các môn khoa học". Tại tư tưởng của mấy em chưa

thông cho nên chưa quán triệt được môn học. Để lát nữa tụi anh đã thông tư tưởng cho mấy em là sẽ hiểu ngay.

Minh Tâm có vẻ còn giận dỗi, nói dăm dăm:

- Thôi được, lát nữa hai anh giảng cho tụi em nghe. Thiệt, môn học gì mà...

Ngọc Hạnh ngắt lời Tâm:

- Thôi đừng nói nữa, mấy anh lại nói tụi mình mất quan điểm!

Dù vừa ăn vừa nói nhưng đôi tay và bao tử của họ vẫn làm việc chăm chỉ, cho nên chỉ 15 phút sau, các thức ăn và cơm đã biến mất hết, còn chống đỡ cái xô không và hai gămên đã được vét sạch sẽ như chùi. Ăn xong, hai chàng trai thản nhiên bỏ hai cái chén nhựa và hai đôi đũa đã được chắt ngán vào hai chiếc túi xách nhà binh đeo bên mình, khỏi cần rửa. Khi về ký túc xá, họ mới lấy ra tráng sơ, thế là xong. Ăn như tu, ở như tù, nói như lãnh tụ. Ai đó đã định nghĩa người sinh viên dưới mái trường xã hội chủ nghĩa một cách ngắn gọn nhưng vô cùng chính xác.

Dũng xé một tờ giấy nháp vò nát, dùng làm khăn chùi miệng, rồi móc trong túi ra một bịch thuốc rê, vắn một điếu:

- Rồi, bây giờ tụi mình bắt đầu thảo luận bài học. Vừa rồi mình đã học xong phần "các cấp phạm trù cơ bản" rồi phải không? À, mà mấy em đã học thuộc nghị quyết của Đảng chưa? Nhớ phải học thuộc đấy nhé, vì đề thi bao giờ cũng có câu hỏi "Đảng ta đã vận dụng triết học Mác Lê vào tình hình thực tiễn trong nước như thế nào?"

Hạnh nói:

- Mấy anh giảng cho tụi em phần "chuyên chính vô sản" đi.

Sinh cười:

- Dễ ợt. Nhưng trước hết mấy em phải thuộc lòng nghị quyết đại hội Đảng lần thứ tư thì mới triển khai bài làm được....

Rồi Sinh nhắm mắt lại, hai tay khoanh trước ngực, đọc lầ lầ một đoạn nghị quyết bằng một giọng hết sức kính cẩn như một tín đồ Hồi giáo đang đọc kinh Coran:

- Năm vững chuyên chính vô sản,

phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng; cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật, cách mạng văn hoá tư tưởng, mà trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt. công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ, tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, không kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa...

Hạnh và Tâm cùng vỗ tay reo:

- Hay quá! Anh Sinh thuộc bài quá! Sao anh nhớ được hay vậy?

Sinh vênh mặt tự hào:

- Tư tưởng không thông thì sợi lông cũng nặng. Một khi anh đã giác ngộ rồi thì cho dù bài học có khó tới đâu anh cũng nhớ được. Còn mấy em không thuộc nghị quyết là vì chưa giác ngộ giai cấp!

Tâm cầm quyển triết học Mác Lê-nin dày cộm đưa cho Dũng:

- Em trả lại anh quyển này. Khó hiểu quá! Mấy anh giảng bài họa may em còn hiểu, chớ đọc sách thì em buồn ngủ muốn chết luôn...

Dũng nhăn mặt, chỉ tay vào bìa sách:

- Em đừng nói mất quan điểm! Em biết tác giả quyển này là ai không?

Không đợi người yêu trả lời, Dũng tiếp luôn:

- Tác giả là tiến sĩ Nguyễn Xuân Oánh, giáo viên chính trị nổi tiếng của trường Đại học Sư phạm Hà Nội đó!

Tâm vẫn cần nhần:

- Tiến sĩ gì mà viết khó hiểu quá trời!

Sinh giảng hòa:

- Tại trình độ em thấp, tại em chưa quán triệt tư tưởng...

Bỗng như sực nhớ ra điều gì, Sinh quay sang hỏi Dũng:

- À, hình như ông này hết dạy rồi phải không?

Dũng phà một hơi thuốc rê, đáp:

- Nghe nói ông bị kỷ luật vì phát biểu mất quan điểm gì đó. Sau đó ông tự ý nghỉ việc.

Hạnh thắc mắc:

- Ủa, tiến sĩ mà cũng mất quan

điểm sao anh?

Dũng cười:

- Em không nhớ bác đã dạy rằng phải luôn luôn rèn luyện bản thân, tích cực đấu tranh chống sai trái hay sao? Thiếu đấu tranh và rèn luyện thì sẽ bị thoái hoá, biến chất ngay!

Bỗng một giọng ồm ồm cất lên từ phía cầu thang, ngắt ngang lời Dũng:

- Này các cậu, còn gì ăn không? Tớ đói bụng quá!

Cả bốn người cùng quay về phía tiếng nói. À thì ra là Hạnh khát Đại hiệp! Người đàn ông trạc ngũ tuần, đầu sói, râu ria tua tủa, quần áo lôi thôi lếch thếch, vai đeo túi vải, chân mang đôi giày bata há mồm lòi ngón, đang tiến về phía họ. Hạnh khát Đại hiệp là hỗn danh các sinh viên đặt cho người đàn ông này vì ông ta khát khủng, suốt ngày lang thang trong thành phố, nói năng lảm nhảm. Thỉnh thoảng ông ghé nhà ăn tập thể trong trường xin cơm cháy và thức ăn thừa của sinh viên. Buổi tối ông nằm ngủ ngay tại hành lang nhà trường. Tuy bị Bảo vệ đuổi nhiều lần nhưng nhờ khủng và chai lì, cuối cùng ông đã thắng và được "đăng ký hộ khẩu" tại hành lang trường Đại học Sư phạm.

Dũng giơ tay chào:

- Chào bác! Sao bữa nay bác về trễ vậy? Tụi cháu vừa mới ăn xong.

Hạnh khát Đại hiệp lão đảo bước đến, ngồi phịch xuống kế bên, lưng dựa vào tường:

- Hôm nay tớ mãi xem bóng đá, quên cả ăn. Về đến đây mới sực nhớ, đói bụng quá!

Hạnh nhanh nhẩu lôi trong túi vải của mình ra bốn trái chuối, món tráng miệng của bốn người:

- Thôi bác ăn tạm bốn trái chuối này vậy. Bác về trễ quá, tụi cháu ăn hết cơm rồi.

Hạnh khát Đại hiệp chộp ngay bốn quả chuối, bóc vỏ ăn ngon lành. Ăn xong ông thản nhiên với tay lấy gói thuốc rê của Dũng:

- Để tớ làm một điếu xong, tớ kể cho các cậu nghe chuyện này hay lắm...

Cả bọn hơi ngạc nhiên vì thái độ cởi mở của Hạnh khát Đại hiệp.

Mọi ngày ông ta chỉ âm thầm ngồi trong xó tối, thì thầm nói chuyện với chính mình, cho đến khi mệt nhoài thì lăn ra ngủ, ngáy như sấm, bất kể đàn muỗi nhiều như trấu tăn công ông tới tấp.

Dũng hỏi:

- Chuyện gì vậy bác? Có hay không?

Sinh dè dặt:

- Tụi cháu đang học thi, cực quá bác ơi!

Hành khất Đại hiệp nhe ham răng câu bựa ra cười:

- Ấy, vừa rồi tớ nghe các cậu thảo luận về triết học Mác Lê, tớ sực nhớ ra câu chuyện này, để tớ kể cho các cậu nghe chơi...

Sau khi phà một hơi khói dài sảng khoái, Hành khất Đại hiệp bắt đầu kể:

- Tớ có một đam mê hồi còn trẻ, ấy là tính thích phiêu lưu mạo hiểm. Hồi du học ở Liên xô, cứ đến kỳ hè là tớ một mình vào rừng, ở trong ấy có khi cả tuần mới về. Mãi thành quen, tớ đam ra nghiện rừng rú. Nó có một cái gì huyền bí và lôi cuốn lắm, không tài nào bỏ được. Chính vì thế mà khi về nước, mỗi khi được nghỉ phép, tớ lại một mình vào rừng, thám hiểm. Tớ đi khắp cả, từ biên giới Việt Trung cho đến rừng Trường Sơn, đâu cũng có vết chân tớ. Nhưng có một kỷ niệm không bao giờ quên, đó là lúc tớ lên vùng Chapa gần biên giới Việt Hoa để thám hiểm.

Năm ấy là năm 79. Sau khi xin giấy phép của viện Nghiên Cứu Khoa Học xong, tớ khăn gói lên Chapa, ở trọ nhà người bạn là chủ tịch huyện ở đây. Ngay hôm sau tớ đeo ba-lô, cầm gậy, bắt đầu đi thám hiểm vùng rừng núi cao nguyên Việt Hoa. Năm ấy trời rét lạ lùng, có cả tuyết các cậu ạ. Tuyết phủ khắp nơi, trắng xóa. Tớ thích quá, leo lên một đỉnh núi cao để quan sát cho thỏa chí. Khi trèo lên đỉnh, nhìn sang bên kia, tớ ngạc nhiên quá, vì bên ấy là một thung lũng bao la, dày đặc những tuyết, khí hậu có vẻ lạnh hơn bên này gấp bội phần. Tớ bèn lấy máy ảnh ra chụp, đồng thời tu một hớp rượu lớn cho ấm. Bỗng nhiên tớ

thấy mặt mây xám xịt, trời đất quay cuồng như đang động đất. Tớ cố trụ chân đứng cho vững, lòng nhủ thầm: "Chưa say, mình chưa say", thế nhưng cuối cùng tớ vẫn ngã bổ nhào, lăn lông lốc xuống sườn núi... Có lẽ tớ ngất đi khá lâu, bởi vì khi tỉnh dậy thì trời quang tạnh, tuyết đã ngừng rơi. Nhìn lại xung quanh, tớ thấy mình nằm ở chân núi, chiếc ba-lô và cây gậy đã văng đâu mất. Sờ nắn khắp người, thì thấy còn nguyên vẹn, chỉ có bàn chân phải là hơi đau, có lẽ bị sai khớp. Trước mặt tớ là một thung lũng cây cối tươi tốt và một dòng suối trắng xóa lượn quanh. Tớ khập khiễng đi về phía ấy, hy vọng gặp được xóm làng nào đó, nhờ họ giúp đỡ.

Phải mất hơn hai tiếng đồng hồ tớ mới thấy xa xa có một ngôi làng nhỏ và một toán người đang sắp hàng một đi, tay cầm nông cụ như cuốc, xẻng, liềm gặt... có vẻ như họ mới từ ngoài đồng về. Mừng quá, tớ la lớn và giơ tay vẫy gọi họ. Cả toán người đồng loạt dừng lại, quay mặt hướng về phía tớ, đầu nghiêng nghiêng như nghe ngóng. Tớ lại la lớn một lần nữa nhưng dường như họ không trông thấy tớ mặc dầu lúc ấy khoảng cách chỉ độ trăm thước. Tớ đành cố gắng khập khiễng chạy lại.

Đến gần, tớ thật ngạc nhiên trước lối kiến trúc kỳ quặc của những ngôi nhà quanh đây. Nhà xây bằng gạch hần hoi nhưng màu sắc thì hết sức quái dị, xanh đỏ lam nham và không hề có cửa sổ. Tớ đang nghĩ thầm: "Chỉ có mấy thằng mù mới xây nhà kiểu này thôi!" thì khi gặp họ, trời ạ, những điều tớ đoán đều đúng cả: mù cả một lũ. Từ người đi đầu cho đến kẻ đi chót, hai mắt đều nhắm tịt lại như bị ai khâu lúc mới sinh ra vậy!

Người có vẻ già nhất bọn lên tiếng hỏi:

- Anh là ai? Từ đâu đến?

Tớ đáp:

- Tôi ở Chapa bên kia núi, bị tai nạn ngã xuống đây. Tôi bị sai khớp chân và đói lắm, xin các anh giúp tôi.

Gã mù có vẻ không hiểu mặc dù gã cũng nói tiếng Việt như tớ:

- Chapa là gì? Bên kia núi là thế

nào? Anh nói nhầm quá...

Một gã khác xía vào:

- Thôi ta hãy đưa hần về gặp các cụ đi đã. Tên này chắc ở trong núi chui ra đây mà...

Vừa nói hần vừa đi về phía tớ, nắm tay kéo đi:

- Đi theo tôi về gặp các cụ.

Tớ dang tay ra:

- Không cần anh dắt, tôi thấy đường mà!

Cả bọn mù bỗng phá lên cười, vây quanh tớ:

- Ái chà, thằng này chắc bị điên, nó nói gì kỳ quặc quá, "thấy" là cái gì?

Bị chạm tự ái, tớ bực quá nói văng mạng:

- Các anh bị mù nên không thấy đường, tôi sáng mắt, hiểu chưa?

Cả bọn mù lại càng cười lớn hơn nữa. Một tên còn nhại tớ, giọng chế giễu:

- Ha ha ha... "mù", "sáng mắt" là cái quái gì... ha ha ha...

Sau đó cả bọn xúm vào sờ mó khắp người tớ. Một tên ra vẻ hiểu biết, giải thích cho cả bọn nghe:

- Thằng này cũng là người giống như mình, chỉ có đôi mắt của nó bị hỏng, mi mắt cứ di động lên xuống liên tục, có lẽ vì thế mà thần kinh của nó hỏng, sinh ra nói nhầm.

Nghe giải thích, lũ mù còn lại đua nhau lấy tay sờ vào mắt tớ, thậm chí có tên còn ấn mạnh vào khiến tớ phải la lớn:

- Sờ khế chứ, mù mắt tôi bây giờ!

Cả bọn lại cười rộ lên khi nghe đến chữ "mù". Hình như bọn này không hề có khái niệm gì về "mù" trong đầu họ cả. Tên già nhất bọn đến nắm tay tớ, nói bằng giọng thương hại:

- Nay anh bạn bất hạnh, anh hãy theo ta về gặp các cụ, đừng nói nhầm nữa.

Biết không còn cách nào khác, tớ đành để hần nắm tay dắt đi, đưa đến một căn nhà rộng lớn, phòng ốc tối om và nói:

- Anh hãy vái các cụ đi!

Khốn nạn, căn phòng tối như hũ nút, giơ bàn tay trước mặt cũng không thấy, biết các cụ ở đâu mà vái!

Tôi đưa tay sờ soạng như... thằng mù thì bỗng vấp phải một vật gì đó, ngã bổ chửng. Một tràng cười lại rộ lên, lần này tớ nghe có cả giọng đàn bà con gái và tiếng trẻ con nữa. Một tên nào đó đến đỡ tớ dậy rồi kính cẩn nói:

- Trình các cụ, chúng cháu gặp thằng này ở ngoài đồng. Nó bị điên nên nói nhảm lảm.

Một giọng già nua, từ tốn cất lên:

- Anh tên gì? ở đâu tới?

- Trình cụ, cháu tên Oánh ở Chapa, phía bên kia dãy núi...

Giọng già nua ngắt lời:

- Thôi được, để ta giảng cho anh rõ: Anh là người ở trong đá chui ra. Vì mới chào đời nên anh yếu đuối như một đứa trẻ, đi không vững, hay bị vấp ngã. Thế giới của chúng ta được núi bao bọc xung quanh, phía trên đầu ta là vòm trời bóng láng, có

thể rờ được. Khí âm dương tích lũy lâu ngày sẽ khai sinh ra con người trong đá. Nhiều lần nóng lạnh sẽ làm đá nứt ra và anh từ trong đó chui ra. Trước đây thỉnh thoảng cũng có người đá như anh xuất hiện nhưng sau đó họ lại trở về với đá. Nếu anh muốn ở lại đây luôn, ta sẵn sàng nhận anh làm con của "thế giới". Nếu anh muốn trở về với đá, ta cũng không giữ. Bây giờ các thanh niên sẽ dẫn anh đi ăn uống, nghỉ ngơi rồi trời lạnh thì đi làm...

Nghe cụ bô lão dạy bảo láo lếu như thế tớ bực lảm, toan cãi lại nhưng ngay lúc ấy một gã mù đã đến nắm tay tớ lôi đi. Vì ở trong bóng tối nên tớ đành chịu, mặc cho gã muốn dắt đi đâu thì dắt. Gã mù dắt tớ sang phòng bên cạnh, dọn thức ăn cho tớ xong bảo:

- Ăn đi, ngủ đi. Trời lạnh đi làm.

Đang đói bụng, tớ chén sạch nồi cơm và soong cá kho. Bọn mù cũng nấu ăn ngon ra phết! No nê rồi, tớ mới tò mò dò dẫm ra ngoài quan sát.

Toàn bộ ngôi làng - mà bọn mù gọi là "thế giới" - chỉ độ trăm nóc gia. Như vậy dân số "thế giới" chỉ độ trăm thằng mù là cùng. Thoạt tiên tớ rất ngạc nhiên vì lúc này chỉ khoảng 4 giờ chiều mà ngoài đường vắng ngắt, hình như họ đang ngủ cả. Tuy nhiên càng ngắm nghĩ tớ càng phát hiện ra nhiều điều thú vị. Bọn này khác hẳn ta, ban đêm trời lạnh thì chúng đi làm, ban ngày trời ấm thì chúng ngủ. Chúng không hề có khái niệm "ngày, đêm" như ta, thay vào đó, chúng dùng từ "trời lạnh" để chỉ ban đêm và "trời nóng" để chỉ ban ngày.

Tớ vào nhà nằm, nhớ đến lời dạy khôn của bọn mù mà bực mình. Đã dốt còn ưa dạy đời! Tớ tự nhủ: "Trong đám mù kẻ chột làm vua. Thằng chột còn làm vua được huống chi ông nội chúng mày đây còn đủ cả hai mắt. Để rồi ông sẽ dạy chúng mày một bài học!"

Những ngày sau đó đi làm và sinh hoạt chung với bọn mù, tớ thấy những điều mình đoán đều đúng cả. Dân số "thế giới" chỉ vón vện khoảng 300 người, tất cả đều mù. Không biết cái bộ lạc này có từ bao giờ nhưng chắc phải từ lâu lắm rồi và sống hoàn toàn biệt lập, không hề tiếp xúc với thế giới bên ngoài, cộng thêm với tật mù bẩm sinh di truyền khiến họ có một số nhận thức khác hẳn ta. Tất cả các đứa bé sinh ra đều mù, hai mắt dính tịt lại. Tuy vậy thỉnh thoảng cũng có đứa sinh ra được sáng mắt. gặp trường hợp này, bọn mù phải "chữa bệnh" cho đứa bé bằng cách nung đỏ một thanh sắt dùi vào mắt đứa bé, sau đó dùng kim chỉ khâu hai mí mắt lại. Sau một thời gian, hai mí mắt thành sẹo và đứa bé chính thức thành công dân của thế giới người mù. Họ quan niệm rằng mí mắt ai mà di động lên xuống được - như mắt tớ chẳng hạn - là bị chạm thần kinh, sinh ra nói nhảm! Chính vì thế mà tớ bị coi là người điên, dốt nát; còn họ là những người thông thái, hiểu biết!



Vì muốn bảo cho họ biết thế giới đích thực như thế nào nên một hôm tớ xin được gặp cụ bô lão trưởng làng vào lúc "trời nóng" để nhìn cụ cho rõ. Cụ thật tốt tướng, trạc 70, râu tóc rậm rạp, bạc trắng, đầu sới, trông y hệt cụ Các Mác nhà mình vậy!

Tớ nói cho cụ biết thế giới không chỉ vồn vện có mấy trăm người sống trong thung lũng này. Thế giới gồm có 4 tỉ người, có năm châu bốn bể, có trên 162 quốc gia. Ngoài thế giới trên địa cầu này còn nhiều thế giới ở các hành tinh khác. Địa cầu nằm trong vũ trụ bao gồm hàng tỉ các ngôi sao, trong đó mặt trời và mặt trăng có ảnh hưởng rất lớn đến địa cầu.

Tớ cũng nói cho cụ biết sự khác biệt giữa người mù và người sáng mắt. Người mù là người không thể thấy, trong khi đó người sáng mắt là người có thể thấy, nhìn được những vật ở thật xa như mặt trời, mặt trăng, ngôi sao; gần hơn như cây cối, chim bay... Người sáng mắt còn nhận thức được cái đẹp, cái xấu và các màu sắc khác nhau...

Tớ cố nói bằng giọng thật hùng hồn, thỉnh thoảng còn chêm vài câu tiếng Nga cho có vẻ trí thức hầu thuyết phục các cụ bô lão. Nhưng không ngờ mặt cụ cứ ngệt ra, có vẻ không hiểu gì cả rồi bất thành linh cụ vỗ bàn, quát lớn:

- Thằng điên đừng có láo! Mới nứt mắt mà đòi dạy người già! Không muốn ở thì cút về hòn đá của mày đi!

Tuy thấy cụ tức giận nhưng tớ

vẫn cố thuyết phục:

- Nếu không tin, cụ cứ cho các thanh niên theo cháu lên núi. Cháu sẽ đứng trên núi mô tả ngôi làng này. Nếu tả không được cháu xin chịu phạt.

Cụ bô lão suy nghĩ một hồi rồi đồng ý:

- Được, ta đồng ý. Nếu mày làm không được như lời thì đừng trách...

Thế là tớ cùng một toán thanh niên leo lên sườn núi, đứng quay mặt về phía làng. Một tên mù hỏi:

- Ở đầu làng có cái gì?

Tớ trả lời:

- Có hai cây đa rất lớn.

Lại hỏi:

- Có bao nhiêu nhà lớn, bao nhiêu nhà nhỏ?

- Nhà lớn nhiều bằng những ngón tay trên bàn tay, nhà nhỏ nhiều bằng tóc ở trên đầu.

Tớ phải trả lời theo cách của bọn mù vì bọn chúng chỉ biết đếm từ một đến mười.

- Nhà cụ bô lão ở đâu?

- Ở chính giữa "thế giới".

- Trong nhà có cái gì?

Câu hỏi bất ngờ này làm tớ lúng túng. Tớ đành trả lời:

- Tôi chỉ thấy ở bên ngoài thôi, bên trong làm sao thấy được?

Cả đám mù cùng phá lên cười. Chúng giễu cợt:

- Trả lời đi! "Thấy" nữa đi!

Tớ bực quá, hét lớn:

- Đờ đui mù không biết gì cả mà đòi dạy người sáng mắt!

Một tên mù xia tay vào mặt tớ:

- Mày chỉ là thằng láo khoét. Đi về nhà, chúng tao sẽ trị tội!

Sau vụ này, tớ bị cụ bô lão trưởng làng tuyên bố cho toàn "thế giới" biết: tớ là người đá sơ sinh, chân tay yếu đuối, trí óc non kém, bị điên nhẹ, phạm tội nói láo nên bị phạt đi lao động ngoài đồng.

Những ngày đầu đi lao động đúng vào lúc không trăng, trời tối thui, thật vất vả hết sức. Tớ không thấy đường nên cứ bị vấp ngã hoài đến nỗi một cô gái thương hại đưa cho tớ cầm một đầu gậy để cô dắt đi. Vì là trẻ sơ sinh nên khi ra đồng trông ngô tớ được phân công việc nhẹ: ôm thúng ngô, bỏ vào mỗi lỗ đã cuốc sẵn ba hạt rồi lấp đất lại. Công việc "sơ sinh" như thế mà tớ cũng đếch làm được! Có thấy gì đâu mà làm! Trời tối đứng cách nhau ba bước còn không thấy rõ mặt thì làm sao thấy lỗ mà bỏ hạt! Thoạt tiên tớ tính chuyện gian lận, cứ bỏ thối hạt xuống đất, trúng trật không cần biết, rồi lấp đất lại, có trời mà biết! Nhưng tớ đã làm. Một tên mù đứng cạnh găm ghè bảo tớ:

- Này, đừng có làm dối nhé! Tại sao có lỗ anh chỉ bỏ một hạt, có lỗ hai hạt, có lỗ không có hạt nào?.. Đấy đấy, anh lại bỏ ba hạt ra ngoài miệng lỗ rồi!

Tớ ngồi xuống đưa tay sờ soạng kiểm tra lại thì quả đúng như lời hắn nói. Tớ toát mồ hôi lạnh. Như vậy là đôi tai bọn này thay cho cặp mắt. Bọn chúng nghe thính có lẽ còn hơn cả chó!

Sau buổi gieo hạt, tớ bị khiển trách là làm dối trá, lười biếng dù đã được giao phó công việc nhẹ. Tớ giận lắm nhưng vẫn không làm sao cho bọn chúng hiểu mình. Tuy vậy tớ vẫn nuôi ý tưởng "thằng chột làm vua" và nung chí báo thù. Tớ nhủ thầm: "Đợi đến ngày rằm trăng sáng, bọn mày sẽ biết tay ông".

Đến hôm rằm, trăng sáng vàng vạc, tớ bắt đầu giờ quẻ. Sau khi làm một lúc, đến giờ giải lao, tớ cũng ngồi ăn khoai, uống trà, hút thuốc với bọn chúng. Hết giờ, cả bọn kéo nhau đi làm, riêng tớ vẫn ngồi lại. Tên mù đội trưởng bèn hỏi:

vọng tưởng

*Đêm huyền chải tóc nguyên sơ
Giật mình thoảng mộng nghe thơ gọi hồn
Giấc nồng xóa nỗi cô đơn
Nhớ xưa những bận buồn hơn vô cùng
Ừ thôi lấy tiếng thủy chung
Làm lời đáp lại mê cung ta bà
Với tay nắm lấy chung trà
Quên miền cực lạc sa đà tình ai.*

lại sinh



- Thằng sơ sinh không đi làm à?
Tớ khiêu khích:
- Tao không làm...
- À hay nhỉ! Muốn gì đây? Muốn ăn bánh vụn không thì bảo!

Tớ đứng dậy ưỡn ngực:
- Ủ tao không làm đấy! Đứa nào đụng đến ông, ông nện cho bỏ mẹ!

Sở dĩ tớ dám thách vì đêm ấy trăng sáng, nếu có đánh nhau thì tớ sẽ chiếm ưu thế. Nghe to tiếng, lũ mù kéo lại, đứng vây quanh. Gã đội trưởng tức giận quát:

- A, thằng này láo! Tao sẽ cho mày biết tay!

Tớ khích:

- Mày dám đánh nhau với tao không?

Gã mù có vẻ ngạc nhiên lắm, hần cười khà ố:

- Đánh nhau với mày? Đánh nhau với một thằng sơ sinh? Ha ha ha... Tao chấp mày cây cuốc đấy, tao chỉ cần hai tay không thôi!

Những tên mù đứng xung quanh hò reo tán thưởng:

- Phải rồi, nó là đứa sơ sinh, anh chấp nó cây cuốc là công bằng.

Tớ giao hẹn:

- Nếu tao thắng thì cả thế giới của bọn mày phải tôn tao làm vua.

- Còn nếu mày thua?

- Bọn mày muốn làm gì tao thì làm.

Gã mù đội trưởng nói với đám mù xung quanh:

- Các bạn nhớ nhé, nhớ lời can đảm của nó nhé...

Tớ hét to, thề độc:

- Tao giữ lời hứa. Nếu sai lời thì trời sẽ sập đè tao chết.

Bọn mù rất sợ trời sập. Chúng tin rằng vòm trời là một vật rắn, láng bóng, có thể sờ mó được, cao bằng ngọn núi và bao phủ cả "thế giới". Chỉ khi nào có chuyện hệ trọng lắm chúng mới dám thề... trời sập! Nghe tớ thề độc, cả bọn tin ngay và trận đấu bắt đầu.

Tin chắc mình sẽ thắng nên thoát tiên tớ chưa thềm tấn công, chỉ chống cuốc nhìn xem hần định giờ trò gì. Tên mù cũng đứng yên, có vẻ như nhường tớ tấn công trước. Hần cười khanh khách:

- Thằng bé có vẻ hồi hộp lắm nhỉ! Tim mày đập mạnh quá!

Tớ nhủ thầm: "Ghe thật! Đứng cách xa năm sáu bước mà hần còn nghe được nhịp tim của mình; vậy nếu mình cầm cuốc vụt, chắc chắn hần nghe hơi gió mà tránh được hết". Nghĩ thế, tớ cầm cuốc xông tới, bỏ một nhát chí mạng vào đầu gã đội trưởng. Nhanh như cắt, gã nhảy tránh sang một bên, né tránh dễ dàng. Tớ vụt ngang, vụt dọc, vụt chéo năm sáu nhát liên tiếp nhưng tên mù như một võ sĩ nhà nghề, đều né tránh được cả. "Thấy" tớ đánh không trúng, những tên mù vây quanh cười lớn, đầy vẻ chế giễu. Tự ái nổi lên, đầu nóng ran vì tức, tớ nhủ thầm: "Thằng sáng mà đánh không trúng thằng mù thì nhục quá!" Tớ lại nhào tới vụt lia vụt lia nhưng tất cả chỉ là đánh vào khoảng không, càng đánh càng mỏi tay, đuối sức. Khi đã thấm mệt, tớ bắt đầu sợ. Rõ ràng là đám mù này quá sức lợi hại chứ không tầm thường như tớ tưởng bở, vậy thì phải tìm cách thoát thân ngay, nếu không lát nữa mình đuối sức, hần chỉ cần xô nhẹ là ngã nhào, lúc ấy tha hồ ồm đòn...

Nghĩ là làm, tớ giả vờ lùi lại thủ thế rồi bất thành linh xoay ngang người, vụt một cuốc vào tên mù đứng gần nhất. Bị đánh bất ngờ, hần lãnh nguyên một cuốc vào bụng, lăn quay ra đất, rống lên đau đớn. Thuận tay, tớ phóng luôn chiếc cuốc vào những tên đứng kế bên rồi co giò chạy thực mạng về phía chân núi. Bọn mù thấy bạn bị thương, xúm lại lo cứu chữa nên không đuổi theo. Tớ chạy một quãng xa, thấy không bị đuổi theo, trong bụng đã mừng thầm. Đến chân núi thì tớ mệt gần đứt hơi, phải dừng lại để thở. Vừa lúc ấy bọn mù đã kịp dàn hàng ngang chạy đuổi về phía tớ. Sợ quá, tớ lại chạy tiếp, leo lên sườn núi, thấy một hang đá, bèn chui vào trốn trong ấy. Một lát sau, tớ nghe tiếng bọn mù láo nháo bên ngoài. Một tên la lớn:

- Nó trốn trong cái hang này đây. Người thấy mùi nó rồi!

Sau đó, bốn năm tên đồng loạt lom khom chui vào hang tìm kiếm. Tớ nấp trong khe đá nhìn ra. Dưới

ánh trăng vàng vạc, những tên mù đang khom người trong tư thế gần như bò, đầu cúi xuống đất, đánh hơi như chó.

Tớ thua thật sự. Bọn này quá sức lợi hại. Nhờ sống bằng bản năng thuần túy nên hai lỗ tai dơi và cái mũi chó của chúng hơn hần đôi mắt của ta.

Cuối cùng chúng tóm được tớ, trói gô lại và dẫn về trình diện vị bô lão. Một tên báo cáo:

- Trình cụ, thằng này quá sức xác láo. Nó đã dám thách đánh nhau với anh đội trưởng rồi còn dùng cuốc đánh một anh trai bị thương...

Cụ bô lão phán:

- Đem nhốt nó lại, ta sẽ xử sau.

Tớ bị nhốt ba ngày trong nhà giam. Sang ngày thứ tư, tớ được giải ra nghe vị bô lão phán quyết:

- Này thằng sơ sinh, đáng lẽ mày bị phạt 100 roi về tội côn đồ, nhưng xét thấy mày còn bé nên tao tha tội cho. Trước khi tha, tao phải hỏi mày vài điều...

- Vâng, xin cụ cứ hỏi.

- Mày có nhận những điều mày nói là nhằm nhí không?

- Thưa cụ, điều gì ạ?

- Chẳng hạn mày nói cái gì mà năm châu bốn bể, mặt trăng, ngôi sao, đẹp xấu, màu sắc...

- Vâng, thưa cụ, đó là những điều nhằm nhí.

- Vậy ta dạy mày thế giới là gì, có nhớ không?

- Bẩm cụ, thế giới là nơi ta đang ở, chung quanh có núi bao bọc, phía trên là vòm trời láng bóng, nếu leo lên ngọn núi, có thể sờ được vòm trời...

Vị bô lão gật đầu hài lòng. Ngài khoan thai đưa tay vuốt chòm râu. Các Mác, khen ngợi:

- Đúng, khá lắm! Ta đã dạy mày từ đâu ra, còn nhớ không?

- Bẩm cụ, cháu từ trong đá chui ra ạ.

- Ai đã tạo ra mày?

- Bẩm cụ, khí âm dương của trời đất.

Vị bô lão vỗ tay:

- Khá lắm! Hôm nay mày đã tiến bộ. Bây giờ ta hỏi một câu chốt: Mày

muốn ở thế giới này luôn không, hay muốn trở về với đá?

- Bầm cụ, cháu muốn ở đây.

- Vậy thì mày phải lấy vợ.

Ngày hôm sau, hai tên mù an ninh đến dẫn tớ tới khu thanh nữ để kén vợ. Dưới ánh trăng, một bày vài chục cô gái mơn mớn đang giặt áo quần bên bờ suối, cười nói ríu rít. Hai tên mù bảo tớ:

- Cứ lại gần nghe cho rõ.

Tớ biết bọn mù này không hề có khái niệm "đẹp xấu". Tiêu chuẩn kén vợ của chúng căn cứ trên giọng nói. Hễ giọng nói thanh tao là hoa hậu, còn giọng cao chua hoặc trầm đục là "Thị Nở"!

Hình như cả đám con gái này không có ai là hoa hậu theo tiêu chuẩn của bọn mù. Họ là những người "xấu", bị ế chồng vì không có giọng nói thanh tao trời phú cho. Thì chỉ những đồ ma chê quỷ hờn, không ai thèm lấy nên chúng mới gán cho tớ đây chứ chẳng phải tốt đẹp gì! Nhưng không sao, tớ chọn vợ căn cứ trên khuôn mặt và thân hình. Mình là người mắt sáng mà lị!

Tớ mon men đến ngồi trên một tảng đá gần đó, tha hồ nhìn ngắm, chọn lựa. Cuối cùng tớ chấm một cô đẹp nhất trong đám. Cô này có khuôn mặt trái xoan, xinh đẹp tựa trăng rằm và mái tóc mượt mà như dòng suối. Tớ rón rén lại gần, khẽ gọi:

- Này, cô gì... đó... ời!

Các cô đồng loạt lên tiếng:

- Ai, ai đấy?

Một cô bỗng nói ngay:

- A... thằng sơ sinh!

Chắc các cô đã ngủi được mùi và nhận ra tiếng của tớ. Mừng quá, tớ vội đáp:

- Phải, tôi đây, sơ sinh đây.

Nói xong, tớ đánh bạo chạy đến nắm tay người vợ tương lai của mình. Cô gái sợ hãi thét lên:

- Buông tôi ra...

Đến lúc này hai tên an ninh mới lại gần, phán:

- Cô Hồng, theo lệnh của cụ, kể từ nay cô là vợ của thằng sơ sinh.

Cô gái sững sờ một lúc rồi bỗng ôm mặt khóc nức nở:

- Em vô phúc có giọng nói trầm như đàn ông nên không ai lấy. Em đã ở vá mười mùa gặt rồi, hôm nay mới được làm vợ anh!

Tớ an ủi:

- Em đừng lo! Dù em có "xấu" tới đâu, anh cũng thương em như thường.

Thế là từ đó nghiêm nhiên tớ có một cô vợ xinh đẹp như tiên. Nhưng hỡi ơi, cuộc đời chẳng mấy khi bình yên mãi! Hôm ấy, theo thói quen, tớ ôm vợ trong tay và thủ thỉ những điều... bên ngoài thế giới:

- Em ạ, ở trên đời có vô số những điều kỳ diệu mà em không hề biết. Em mù nên không biết gì về thế giới bên ngoài. "Thế giới" các cụ dạy cho em chẳng qua chỉ là cái đáy giếng mà em là con cóc ngồi trong đó. Một ngày nào đó anh sẽ đưa em vượt qua dãy núi đến Chapa, từ đó mình sẽ về Hà Nội, thủ đô của nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Anh sẽ đưa em đi ngoạn cảnh Hồ Gươm, đi mua sắm ở chợ Đồng Xuân và đi viếng lăng Bác...

Vợ tớ áp mặt vào ngực tớ, bàn tay bầu chập vào vai tớ, giọng run run:

- Anh à, em lo quá...

- Lo gì?

- Bệnh của anh càng ngày càng nặng...

- Ủa, anh có bệnh gì đâu?

- Anh hay nói những điều nhảm nhí...

Tớ thở dài buồn bã:

- Biết nói sao cho em hiểu! Cả làng này điên chứ không phải anh. Hỡi ơi, họ mù mà họ không biết, cứ đòi dạy khôn người khác!

Hôm sau, hai tên mù đến dẫn tôi đi bệnh viện. Bác sĩ là một cụ già, râu tóc bạc phơ. Sau khi sờ nắn kỹ mắt tớ, cụ nói:

- Vợ anh cho tôi biết là anh hay nói năng lắm nhảm, bệnh ấy do đôi mắt anh mà ra, phải chữa ngay, nếu không sẽ càng ngày càng nặng, nguy hiểm lắm!

Nói xong, cụ vỗ tay ba cái. Một tên mù bung từ sau nhà ra một lò than cháy rừng rực, trong đó có một thanh sắt nhọn đã nung đỏ hồng. Thấy thế, tớ hốt hoảng toan bỏ chạy

thì hai tên mù lực lưỡng đã ôm chặt lấy tớ, đè ngửa xuống đất. Tớ kinh hoàng, vùng vẫy cố thoát nhưng những cánh tay của hai tên mù như những gọng sắt kèm tớ nằm cứng xuống đất vô phương cựa cựa. Vừa lúc ấy tên thứ ba đặt chiếc lò than gần đó, rút thanh sắt đã được nung đỏ ra, chuẩn bị "chữa bệnh" dùi vào mắt tớ. Thu hết sức bình sinh, tớ co giò đạp mạnh vào chiếc lò than. Lò đổ lật nhào, than hồng bắn ra tung toé. Hai tên mù hoảng hốt buông tớ ra, thế là nhanh như cắt, tớ phóng mình ra cửa, chạy bán sống bán chết về phía chân núi.

Nhờ sáng trăng, tớ thấy rõ đường, không bị vấp ngã. Rút kinh nghiệm bị truy đuổi lần trước, tớ lội qua một con suối, ngâm nước cho bay hết mùi hơi người để bọn mù không thể đánh hơi đuổi theo được. Cơn sợ hãi kích thích quá mạnh khiến tớ leo núi không biết mệt. Mãi đến khi trăng lên khá cao thì tớ cũng đã ở lưng chừng núi. Tớ chọn một tảng đá ngồi nghỉ và nhìn lại thiên đường mù một lần cuối. Cả ngôi làng chìm ngập trong ánh trăng, trông nên thơ lạ lùng. Xa xa là đồng ruộng, nơi đó lơ nhố những người mù đang làm việc. Tớ nhìn về căn nhà của tớ, nơi người vợ thân yêu đang chăm chỉ dệt vải, chờ tớ đi bệnh viện về. Tớ nhủ thầm: "Hồng ơi, vĩnh biệt em! Anh biết em thương anh lắm nhưng anh quý tự do hơn tình yêu. Anh không muốn trở thành kẻ mù quáng, chôn vùi cuộc đời nơi đáy giếng được. Thôi vĩnh biệt!"

Sau đó tớ cật lực leo núi suốt đêm, không kể gì đến sương gió, tuyết lạnh cắt da cắt thịt. Sáng hôm sau, lên tới đỉnh nhìn xuống thì chỉ thấy toàn tuyết trắng và sương mù dày đặc, "thế giới" đã hoàn toàn biến mất...

Khi về đến Hà Nội, tớ kể lại câu chuyện nhưng không ai tin cả, thậm chí họ còn bảo tớ điên! Bực quá tớ xin phép vào Nam một chuyến chơi cho biết và cho khuấy khoả tinh thần sau những ngày gian khổ. Phải thành thật mà nói, nhờ vào Nam mà tớ đã

khám phá ra nhiều điều thú vị... thú vị lắm các cậu ạ... ha ha ha ha...

Hành khất Đại hiệp buông một tràng cười sảng sặc, cười thoả thuê, cười thích chí như chưa bao giờ được cười. Cả bọn ngồi nghe thấy gã cười đâm ra chung hứng, không hiểu tại sao. Bổng Ngọc Hạnh chỉ tay:

- Kia, ông ta đã ngủ khò.

Hành khất Đại hiệp đã nằm thẳng người, đầu ngoẻo qua một bên, hai tay lót dưới gáy, ngủ ngon lành. Minh Tâm nhận xét:

- Ông ta sướng quá há, muốn ngủ là ngủ.

Dũng thực tế:

- Thôi, để mình cho ông mấy đồng mua bánh mì ăn kéo tội nghiệp! Anh móc túi quần lấy ra 5 đồng,

lúng túng chưa biết bỏ tiền vào chỗ nào cho Hành khất Đại hiệp thì Sinh nói:

- Mở nút túi áo ngực ông ta bỏ vô.

Quanh năm suốt tháng, Hành khất Đại hiệp chỉ mặc duy nhất một chiếc áo bộ đội cũ mềm và hơi rình. Túi áo phía ngực trái của ông lúc nào cũng căng phồng và được cài nút rất cẩn thận. Dũng nhẹ nhàng thò tay mở nút thì thấy bên trong có một chiếc ví da với vô số giấy tờ. Anh khẽ lôi chiếc ví ra để bỏ năm đồng vào. Khi mở ví, anh thấy một tấm thẻ bọc nhựa in nền đỏ chữ vàng. Tò mò, anh lôi thẻ ra xem thì thấy có in dòng chữ:

"Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa VN

"Độc Lập Tự Do Hạnh Phúc

"Thẻ Hội Viên

"Viện Nghiên cứu triết học Mác Lê

"Chứng Nhận:

"Đồng chí Tiến sĩ Nguyễn Xuân Oánh

"Sinh năm: 1940 tại Hà Nam Ninh

"Nghề nghiệp: Giáo sư Triết học

"là hội viên thường trực của Viện Nghiên cứu Triết học Mác Lê.

"Thẻ hội viên này được cấp để dùng vào việc nghiên cứu khoa học.

"Hà Nội ngày 2 tháng 9 năm 1978

"Viện trưởng Viện Mác Lê

"Giáo sư Tiến sĩ

"ký tên

"Cao Minh Sáng."

Tấm thẻ có dán ảnh và đóng dấu nổi hẳn hoi. □

nỗi buồn trên trang sách

Nỗi buồn vui trên trang sách
Chữ loang từng tiếng thở dài
Cổ nhân buông lời thống trách
Sống là ngẩng mặt làm trai

Biết đời hư hư thực thực
Biết còn một khối mang mang
Sao đành héo hon tâm thức
Nghìn trang vô tự chẳng màng

Người xưa treo thân tuyết cốc
Bên rơm phũ nhẹ công hầu
Đời nay miệt mài khô róc
Đêm nằm trần trọc canh thâu.

Chữ có vì ta tri kỷ?
Giải muôn đáp số của sầu
Có giúp ta rèn tâm trí?
Cản dòng nghịch lũ trầm đau.

Phải chi chữ như ngọn giáo
Tô hồng trang sử máu tươi
Điểm ngay những tên tà đạo
Ngang nhiên ngẩng mặt làm người

Chúng nâng niu lòng nhân thế
Bán luôn những tấm thẻ bài
Đời người qua bao thế hệ
Bổng thành ngọn cỏ, nhành mai.

Máu ta phải đòi bằng máu
Đầu phơi phải lấy lại đầu
Nhạc chiều kên kên hoà tấu
Nghe là phải thấu niềm đau.

Tay phù phũ đi hạnh ngộ
Khước từ lúc đôi hôn mê
Chủ nghĩa thép gai nở rộ
Khép vòng cản lối chân đi

Sử sách còn chi phải giấu?
Chữ vẫn thành thang trải dài
Lệnh truyền của tên tà đạo
Sống hồi thôi thúc bi ai.

Hỏi nay ai người đốt sách?
Tô hồng chủ nghĩa ngoại lai
Chữ mù những từ bức bách
Nên còn nỗi khổ trần ai.

Đốt trăm khấn nguyện tiên tổ
Trở về chữ mẹ cưu mang
Bút lông, mực hoà nghiên tỏ
Chữ vang tiếng hét bạt ngàn.

phạm quang ngọc



xóm cũ

LTS.—Để gọi lại, chia-sẻ và giữ-gìn những kỷ-niệm của đời người bên cạnh nét đẹp quê-hương, tòa-soạn xin mở mục "Xóm Cũ" để chào-đón các bài viết về phong-thổ, con người, phong-tục tập-quán, đất nước quê-hương. Hãy ghi-chép lại, trước khi kỷ-niệm chìm

sâu. Hãy phơi trải, trước khi lớp bụi thời-gian phủ mờ ký-ức. Viết về một lượm lúa, một cánh vạc, một câu hò, một ngôi miếu, một cảnh chùa, một dòng sông, một trái núi, một bờ kênh nơi bạn đã ra đời, lớn lên hay đã thất chặt một mối tình đậm-ihắm. Hãy sỏi chia, để được gìn-giữ. Các bài viết trong mục này sẽ được chọn-lọc và lần-lượt in thành sách, lưu lại đời sau.

Xin mời bạn lên đường, đưa ngòi bút trở về Xóm Cũ...

Khu Phù Kỳ

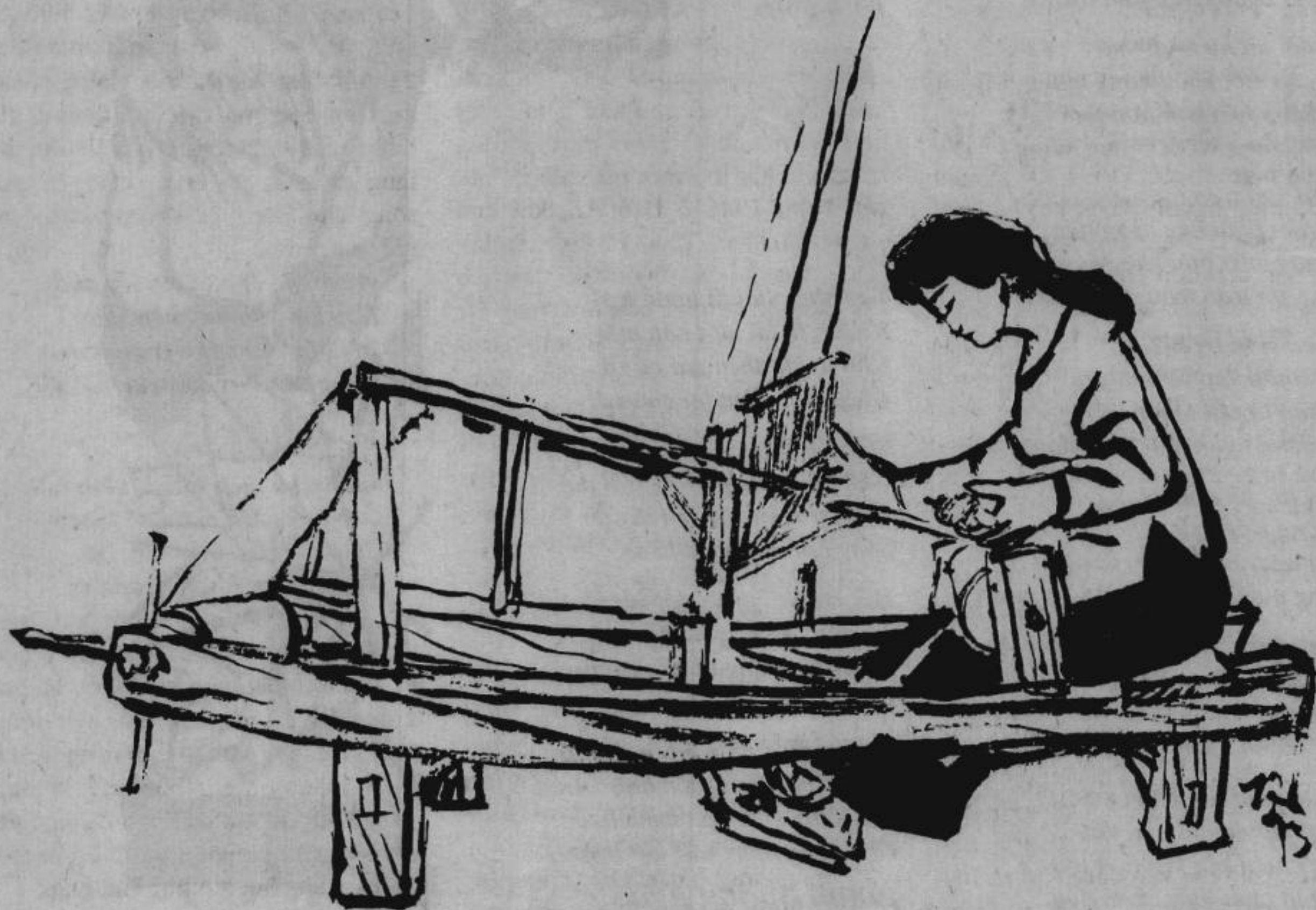
Trung Nhân

Sông Thu Bồn, từ nguồn đổ về đến làng Giao Thủy rẽ ra làm hai nhánh, một dòng về Kỳ Lam, một dòng về Kiêm Lâm, La Thấp (quê hương Bùi Giáng), tạo ra một vùng gò nổi hình cái thoi, bắt đầu từ làng La Kham đến chót dải đất là làng Hà Mật. Từ đó hai dòng sông nhập chung lại, chảy về cửa Đới, qua thành phố Hội An, tỉnh lỵ Quảng Nam.

Vùng đất hình thoi này xưa kia dân chúng gọi là Gò Nổi, thuộc quận Điện Bàn. Đến năm 1953, toà hành chánh tỉnh Quảng Nam lập ra khu hành chánh, ông Phan Vỹ là khu trưởng, đặt tên vùng gò nổi này là khu Phù Kỳ, và địa danh ấy vẫn giữ nguyên đến bây giờ.

Dân số Phù Kỳ khoảng chừng hai chục ngàn, sản sinh ra nhiều nhà cách mạng, văn hoá và khoa bảng.

Từ làng La Kham, một con đường đất rộng xuyên qua các làng Bảo An, Xuân Đài, Đông Bàn, Bàn Lãnh,



Cẩm Lầu, Phú Bông, Thi Lai, An Trường và Hà Mật, dân chúng trồng dâu, nuôi tằm, dệt lụa, dệt vải. Một số ít trồng mía làm đường ở Bảo An. Thuở ấy, Phù Kỳ còn sản xuất một loại hàng tơ may âu phục nổi tiếng trong nước là hàng tít-so bằng tơ tằm sợi lớn, càng cũ càng sáng nước ra, thanh niên Tây học ai cũng yêu thích. Khoảng thập niên 30, dân Nam kỳ lục tỉnh ăn mặc đơn giản, đa số dùng lãnh đen hay lãnh Mỹ a, nhuộm mặc nửa. Loại lãnh này dệt bằng tơ tằm ở hai quận Duy Xuyên và Điện Bàn mà khu Phù Kỳ là đông dân làm nghề dệt hơn cả. Tuy là nơi sản xuất, nhưng loại hàng này dệt ra không dùng ngay được mà phải đưa vào Hốc Môn, Tân Châu nhuộm, xong mới tung ra thị trường tiêu thụ là lục tỉnh Nam kỳ, sau đó là Nam Vang, Cao Miên. Nhờ vào nguồn tiêu thụ rộng lớn đó, dân Phù Kỳ làm ăn phát đạt, giàu có và ngành dệt phồn thịnh nhất Quảng Nam. Năm 1940 đã có nhiều nhà cất theo kiểu Tây, ở Thi Lai, ông Võ Dẩn sắm xe Traction 11.

Nguyên do khiến tiểu công nghệ dệt phát triển là một sự việc khá lý thú. Trước kia dân chúng dệt lụa bằng tay, chân đạp, tay phóng thoi; ba hay bốn ngày mới được một cây lụa hai mươi thước. Đến khoảng năm 1927, một người Pháp muốn kinh doanh ngành dệt, mua một máy dệt bằng sắt, chở đến Hội An, nhưng vì nhiều lý do phức tạp đã không dùng được. Tình cờ ông Võ Dẩn (tức Cửu Diển) xuống Hội An chơi, thấy cái khung dệt này. Tuy xuất thân chỉ là thợ dệt, học hành chẳng bao nhiêu nhưng ông rất thông minh, chỉ nhìn qua khung dệt một lần, về nhà ông lấy gỗ mít đóng một khung cử hoạt động tương tự như cái khung cử sắt đó. Ông phối hợp cả gốc tre (làm tay đánh cái thoi), quai guốc da bò, niền thép. Thay vì máy sắt chạy bằng điện, ông chế ra đạp bằng chân. Dệt tay mất ba, bốn ngày mới được một cây lụa, dệt đạp bằng chân chỉ tốn có một ngày. Làm thành công, sợ người bắt chước, ông lấy thùng thiếc đựng đầu hồi, cắt từng tấm đóng kín khung dệt, chỉ chừa những bộ phận không

thể che đậy được. Thế mà có ông thợ mộc Nguyễn Thống, chuyên đóng khung dệt bán cho bà con, đến xem, và chỉ kê tai nghe tiếng máy chạy đều, vài tháng sau ông đã sản xuất ra hàng loạt khung dệt để bán. Từ đó tiểu công nghệ dệt phát triển nhanh chóng, đến nỗi tơ tằm địa phương sản xuất không đủ cung cấp cho khung dệt, phải mua ra Bắc vào Nam mua thêm tơ sợi.

Thời gian các ông Võ Dẩn và Nguyễn Thống sáng chế ra cái *trục quì* để dệt hàng cẩm tự (ô vuông âm dương) và hàng có bông nổi, Phù Kỳ rất trù phú, tuy vùng quê nhưng nhà ngói nhiều hơn nhà tranh; Đà Nẵng, Hội An tuy thành thị cũng không bằng được!

Đến năm 1945, chiến tranh bùng nổ, nhà cháy, dân chúng phải tản cư, khung cử tan tành. Một số chạy vào Sài Gòn, ngụ cư tại vùng Ngã Tư Bảy Hiền, dựng lại nghề dệt. Lúc bấy giờ Ngã Tư Bảy Hiền còn là một vùng sinh, lần hồi dân Phù Kỳ tập hợp lại khá đông. Có thể nói, Ngã Tư Bảy Hiền là khu Phù Kỳ thứ hai vậy.

Trên cuộc đất gò nổi Phù Kỳ này, nhiều anh tài lỗi lạc đã được sản sinh. Làng Bảo An có cụ Phan Khôi, một nhà báo nổi danh cương trực và cũng là tác giả bài thơ mới nổi tiếng: *Tình già*. Năm 1946 ở Bảo An, khi con trai cụ là Phan Thao ra ứng cử dân biểu khoá I của Việt Minh, cụ lên diễn đàn tại trường tiểu học Bảo An nói với đồng bào rằng: "Thằng Thao là con tui, tui biết nó hơn đồng bào. Nó là đứa con bất hiếu thì làm sao nó tận trung với đồng bào được!" Cụ đi luôn ra Vĩnh Điện để chửi Phan Thao và Lê Thị Xuyên (vợ Phan Thanh, em dâu của cụ). Hồ Chí Minh bèn sai Phan Bội (Hoàng Hữu Nam, em thúc bá với cụ) vào Quảng Nam mời cụ ra Bắc và giữ luôn không cho về.

Phan Thanh cũng ở Bảo An, là nghị viên Hà Nội, nổi tiếng hùng biện, bênh vực dân quyền, chống thực dân nên bị đầu độc chết rất trẻ. Đám tang ông ta rất lớn, thanh niên đương thời ai cũng tiếc thương.

Xuống làng Xuân Đài, chúng ta có anh hùng Hoàng Diệu, trấn thủ

Thăng Long và đã tuần tiết khi mất thành. Lăn theo con đường đất đến làng Đông Bàn, là nơi sinh trưởng của cụ Thượng Phạm Phú Thứ, nội tổ hoa tiêu anh hùng Phạm Phú Quốc. Đến làng Phú Bông có gia đình bà Tú Kinh, ông Tú mất sớm, để lại năm người con trai. Con cả là ông Trương Xuân Mai làm thượng thư, hai ông kế: Trương Xuân Ngô và Trương Xuân Thọ đỗ bác sĩ y khoa tại Pháp, ông Trương Xuân Nam là dược sĩ. Làng Hà Mật cũng có hai ông bác sĩ nữa. Trong một vùng gò nổi, so với tỉ lệ dân số không bao nhiêu mà có nhiều người đỗ đạt thành danh như vậy, Phù Kỳ quả là vùng địa linh nhân kiệt.

Khi còn đi học ở trường Bảo An, tôi được nghe kể về nhà cách mạng bị bỏ quên là cụ Phan Thành Tài.

Hưởng ứng phong trào Cần Vương, cụ cùng các cụ Nguyễn Thành, Nguyễn Huy Hiệu, Trần Quý Cáp lên Hà Tân, Hà Dục lập chiến khu Tam Tỉnh (Quảng Nam, Thừa Thiên, Quảng Trị). Toà sứ Quảng Nam xuất trát cho lý trưởng Bảo An biết, nếu trong vòng một tháng, cụ Phan không về đầu thú, chúng sẽ đốt rụi làng Bảo An. Có lẽ vì thương dân làng, cụ đã về hàng. Ngày từ biệt dân làng ra tỉnh, tại bến Đường (thuộc sông Thu Bồn), cụ đã ứng khẩu đọc bài thơ:

*Nay nói với anh em lớn nhỏ
Có chịu khó mới nên khôn
Phải lo cho hết việc nước non
Đừng để tiếng dã man mà xấu hổ*

*Tiến bộ hề tiến bộ
Mau mau theo trái đất lăn tròn
Dẫn anh, dẫn cháu, dẫn con
Còn trời còn nước còn non
Nước Nam là nước Nam ta*

Lúc ấy cụ đã có hai con trai. Anh cả là ông Phan Bá Lân, sau này làm hiệu trưởng tiểu học nên thiên hạ gọi là ông Đốc Lân. Ông này mất sớm, để lại tại làng Bảo An một ngôi nhà đồ sộ nhưng vắng hoe. Kế là ông Phan Thuyết, sau đi Pháp du học đỗ cử nhân văn chương, về Sài Gòn mở trường trung học tư thục Đạt Đức.

Khi cụ Phan Thành Tài từ già gia

đình xuống tỉnh lãnh án tử, cụ bà đang mang thai người con út (sau đặt tên là Phan Út). Cụ cảm cảnh thế thì cũng ứng khẩu đọc bài thơ:

*Con còn bụng mẹ cha đã chết
Con bước ra đời nước đã suy
Thù nhà nhục nước con nên biết
Hoà máu con ra tắm nước non.*

Giải về tỉnh, cụ lãnh án yêu trầm (chém ngang lưng). Các nhà cách mạng đương thời vận động hai ông Phan Thuyết và Phan Út qua Pháp du học, cả hai đều đỗ cử nhân văn chương. Ông Phan Út về nước sớm, mở trường tư thục Tân Thanh ở Ngã Sáu Sài Gòn, không hề hoạt động chính trị. Ông Phan Thiết về nước sau em, cũng mở trường tư thục Đạt Đức như đã nói ở trên.

Dân làng Bảo An ai cũng thương tiếc cụ Phan Thành Tài, nhưng không rõ tại sao các nhà cách mạng đương thời và hậu thế, không một ai nhắc đến tên cụ Phan? Tuy cụ tự ý về hàng giặc để lãnh án yêu trầm, nhưng đối với phong trào Cần Vương cụ không hề phản. Ông Phan Thuyết hiện định cư tại Pháp và con cháu ông Phan Út tại sao không làm việc này?

Bên Duy Xuyên có làng Cù Bàn, La Tháp, đối diện bên này là làng La Kham, hai bên bờ sông là bãi dâu trải dài xanh ngắt. Giáp ranh La Kham với Bảo An là một khu nghĩa địa hình mũi viết. Từ ngày Bảo An lập chợ, dân đi chợ đi tất làm thành đường mòn cắt cái mũi viết đó đi,

khiến dân Bảo An, tuy học hành đỗ đạt nhiều mà làm quan không bền, đúng như ông Phan Khôi đã viết trong truyện *Ông Năm Chuột*. Trước kia làng Bảo An không có chợ, phải đi chợ Bến Đèn, bị lũ ăn mày phá quá, tức lòng bèn lập chợ. Thiếu đất, dân làng kéo hết trai tráng ra lấp cái bầu nước gần trường học để lập chợ, hai làng tranh chấp nhau vài năm mới xong.

Viết về khu Phù Kỳ mà quên nói về làng Bến Đèn là một thiếu sót lớn. Nguyên lai từ ngày ba ông tiên hiền Phan, Nguyễn, Ngô từ ngoài Bắc vào Nam lập làng Bảo An, có một người ăn mày đến xin trú tạm. Sát bờ sông có một khoảnh đất bùn lầy không trồng trọt được, ba ông tiên hiền bằng lòng cho ông lão ở đó và trồng rau giền. Làn hồi đất lở sông bồi, miếng đất đó lớn dần thành làng. Ông lão ăn mày tụ tập ăn mày tứ xứ về đó cho cất nhà xây chợ và lập ra làng Bến Giền, sau này đổi thành Bến Đèn. Dân làng này làm ăn phát đạt, cũng dặt củi, ương tơ. Tuy nhiên để nhớ tổ nghiệp, mỗi năm đến ngày cúng kỵ, dân làng đều bận áo rách đi xin. Tế tổ đình mặc đầu làm heo làm bò nhưng trên bàn tổ, các món vật thực đều do dân làng đi xin về cúng.

Dọc theo con đường chánh của khu Phù Kỳ là các nhà thờ của tộc Phan, tộc Nguyễn, tộc Ngô,... Cứ cách khoảng vài trăm thước là một ngôi đồ sộ. Từ Bảo An đến Xuân Đài, quê hương của cụ Hoàng Diệu, leo lên một dốc cao là con đường xe lửa, từ cầu Chiêm Sơn chạy qua ga Kỳ Lam. Trên khoảng đường sắt này có một ga tạm mà hành khách đi Sài Gòn đông hơn các ga chánh, chỉ thua ga Trà Kiệu mà thôi. Qua con dốc là đến Đông Bàn (quê hương Phạm Phú Quốc), nơi có hai cây đa cổ thụ, cành lá sum sê che mát trọn con đường, khách bộ hành thường nghỉ chân ở đây.

Rời Đông Bàn, Bàn Lậu, Cẩm Lậu, chúng ta sẽ đến chợ Phú Bông. Nơi đây có một đồn binh Pháp lớn, kiểm soát trọn khu Phù Kỳ. Về chiến thuật, cái đồn này nằm chơ vơ giữa đồng. Về tiếp tế, cả hai bên đồn đều

bị con sông Thu Bồn ngăn cách. Từ Vĩnh Điện vào Phú Bông phải qua phà Hoa Trà; từ Phú Bông qua đồn Trà Kiệu phải qua sông và một khoảng đường dài kém an ninh. Thế mà đồn Phú Bông không mấy khi bị Việt Minh tập kích. Lý do giản dị: chỉ vì dân làng làm ăn giàu có, không chấp chứa, nuôi dưỡng du kích.

Phú Bông có một món ăn độc đáo mà bất cứ ai là dân Phù Kỳ đều ưa thích, đó là món *ram bà Thiều*. Ram là món ăn chơi đặc biệt của xứ Quảng, tương tự như món chả giò, chỉ khác là nhân làm bằng một con tôm, một lát thịt ba chỉ, một củ hành lá, cuốn tròn đem rán mỡ. Khi ăn, trải miếng bánh tráng mỏng, thêm một miếng bánh tráng nướng và rau thơm, đặt cuốn ram lên, hai tay nhẹ nhàng cuốn tròn lại, túm đầu túm đuôi cho cuốn bánh được gọn gàng. Cầm gọn cuốn bánh trong lòng bàn tay và bóp mạnh. Miếng bánh tráng nướng rệu kêu giòn, nhiên hậu mới chấm nước mắm ớt đưa vào miệng. Cái bánh tráng loại này mỏng vừa phải, nhúng nước vẫn bền nên dù bóp mạnh mà không rách. Cái món ăn cầu kỳ quê mùa này, nhắc để mấy lão già xa xứ còn sót lại tưởng niệm mà thôi, con cháu của mình, dù là gốc Phù Kỳ, mấy đứa còn nhớ!

Rời Phú Bông, xuống Thi Lai, Hà Mật là làng cuối cùng của khu Phù Kỳ. Vùng này có một nhân vật khá kỳ lạ, đó là ông H.A. Ông nguyên là một công an xuyên sơn của Việt Minh (1947). Bởi mối thù du kích Hà Mật giết cha, ông giận dữ bỏ về đồn Phú Bông đầu thú. Từ 12 người hương vệ và một khẩu mứt-cơ-tông, vài quả lựu đạn, H.A. đã phát triển lực lượng này thành Tổng vệ rồi Cảnh vệ thuộc tỉnh Quảng Nam, cuối năm 1952 có quân số khoảng 1000 binh sĩ, đổi tên thành Nghĩa Dũng đoàn, sau gia nhập Bảo An đoàn. Lúc này ông mang lon thiếu tá. Năm 1953 ông là tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 34 Địa phương quân trong chiến dịch Atland (Qui Nhơn).

Con gái làng Hà Mật trắng da dài tóc, giỏi tài dặt lụa ương tơ, nổi tiếng đẹp nhất khu Phù Kỳ. □

tứ tuyệt

*rời em sẽ lác đầu
thôi
người trong mộng tưởng
là người chiêm bao
đến đây
vuốt mắt lệ trào
giọt rơi
giọt rớt
giọt nào thành thơ?*

trần mênh mông

quay trong con lốc



TRUYỆN DÀI

Nguyễn Ngọc Ngạn

(tiếp theo)

CHƯƠNG 5

Từ giã triều đình vua Hùng

Vương, Hoàng Tiến lái xe loanh quanh mấy con phố quen thuộc, giả vờ hoà mình vào sự nhộn nhịp của

thiên hạ để quên đi những ray rứt đang trĩu nặng trong lòng. Nhưng ông quên không nổi, dù chỉ là trong chốc lát. Đời người, ai cũng buồn nhiều hơn vui, nhưng trong cái buồn trùng điệp đến với ông từ thuở thiếu thời cho tới nay, có lẽ, chưa bao giờ ông thấy ê chề bằng lúc này. Quan ông, hình như mọi người thân đều ngoảnh mặt. Cả những người sơ giao hình như cũng đang nhìn ông cười cợt, chế nhạo sự khờ khạo của một kẻ vốn tự cho mình là sành sỏi, học rộng hiểu nhiều. Đến ngay như Cồn, gã đàn em thân tín cuối cùng, rồi nay mai chắc chắn cũng tập vào bên khác chỉ vì ông không còn khả năng tài chánh để ban phát thường xuyên, và nhất là vì không còn cái hào quang của một lãnh tụ dẫn thân "làm việc nước"!

Hoàng Tiến thở dài, quẹo xe vào một khu thương xá nhỏ. Ông ghé quán giải khát, gọi một ly cà phê sữa và chiếc bánh croissant, nao nao nhớ lại những ngày huy hoàng ở Sài gòn, vùng tiền qua cửa sổ, vừa hưởng thú xác thịt, vừa tự đánh lừa mình là "đang cố gắng làm một cái gì cho quê hương"! Mỹ Đào, người tình cán bộ ý hiệp tâm đầu đã cho ông những tháng ngày nồng cháy nhất trong cuộc đời, đến nỗi hôm nay, tuy cảm giận mà đôi lúc ông vẫn thấy rạo rức mỗi khi nghĩ đến. Loại trí thức nửa mùa như ông, lớn lên trong cái khuôn đúc của xã hội miền Nam nặng tình cảm cá nhân; lý luận và kinh nghiệm chính trị hoàn toàn không có, thế mà dám tính chuyện đánh du với Cộng sản thì quả thực cuộc đời chẳng bao giờ thiếu những kẻ thích làm hề cho thiên hạ! Nhớ một ngày cuối tuần cách đây hai năm, ông đến dự buổi hội thảo do sinh viên tổ chức về viễn ảnh đất nước. Ông phát biểu một ý kiến rất nhu nhược rằng, nếu không lật đổ được Cộng sản thì chỉ còn cách duy nhất là hợp tác để cải tổ đối phương! Lúc ấy ông đang hăm hở áo gấm về làng cho nên không hề nhìn thấy sự ngây ngô trong cái lý luận tiêu cực đó, không hề đặt ngược một câu hỏi cho chính mình rằng: dùng kế hoạch nào, căn cứ vào cái gì để

những đảng viên Cộng sản nổi tiếng xảo quyệt ấy phải nghe theo ông? Hôm ấy, một sinh viên còn rất trẻ, cắt ngang lời ông và nói như mắng vào mặt ông: "Không loại bỏ được chế độ Cộng sản, thì thà giữ lấy tiết tháo chứ không thể hợp tác được, bởi như thế là đầu hàng!" Bấy giờ ngồi đây, sau gần hai năm vừa tranh đấu vừa... ăn chơi trong nước, ông mới mang máng nhận ra mình sai lầm, cái sai lầm đang đưa ông đến trắng tay về mọi mặt.

Hoàng Tiến khoáng cà phê và lại thở dài. Một bàn tay bất ngờ đặt lên vai, khiến ông giật mình quay ngoắt lại. Mấy giọt cà phê còn đọng trong chiếc muỗng nhỏ, theo cánh tay, văng tung toé xuống sàn. Hoàng Tiến nhận ra người bạn cũ mới qua theo diện H.O., vội gượng cười đứng dậy bắt tay nhưng không mời ngồi. Người bạn đứng sững một lúc, nói dăm ba câu vô thưởng vô phạt rồi len vào chiếc bàn nhỏ sâu trong góc, ngồi một mình. Chẳng phải Hoàng Tiến lạnh nhạt với bạn, nhất là đối với một người mới sang vốn mang nhiều mặc cảm. Ông không rủ ngồi chung chỉ vì ông không chắc món tiền nhỏ nhoi trong túi còn đủ để trang trải cho cả hai người. Ông nhấp ngụm cà phê, xé miếng *croissant*, lơ đãng đưa lên miệng, vừa chậm chạp nhai vừa mết mòi lơ đãng ngó ra ngoài. Chênh chênh phía bên kia hành lang là tiệm bán quần áo phụ nữ, người vào thì đông mà ông để ý thấy ai cũng ra tay không! Một người đàn bà thân hình mảnh mai vừa từ ngoài bước vào, tiến thẳng đến nói chuyện với chủ nhân đứng sau quầy tính tiền. Hoàng Tiến bất chợt nghĩ đến Hồng và cơn giận vụt trở về. Ông nâng tách cà phê, toan uống thêm một hớp nữa rồi ra về thì người bạn H.O. từ góc phòng bùng ly nước tiến sang, tự động kéo ghế ngồi đối diện. Nước da anh vẫn đen xạm, một năm ở Mỹ chưa nhạt đi chút nào, khuôn mặt xương xẩu và già nua, dấu tích còn sót lại của những tháng năm lao động thiếu dinh dưỡng, những ngón tay sần sùi ám khói, vàng như nghệ, xoay xoay chiếc ly cao, nước

lạnh thấm ướt cả ra ngoài. Hoàng Tiến miễn cưỡng hỏi cho có chuyện:

- Ông vẫn ở chỗ cũ hay dọn nhà rồi?

Hỏi thế, nhưng thật ra chính Hoàng Tiến cũng không biết "chỗ cũ" là chỗ nào, bởi ông chưa bao giờ quan tâm đến những người bạn "trâu chặm uống nước đục" này. Gặp thì giờ tay chào theo thủ tục, rồi thôi! Ông thường cho rằng người cũ, người mới chưa hiểu nhau, rất khó nói chuyện, cho nên tốt hơn hết là tránh né.

Người bạn không trả lời thẳng câu hỏi của Hoàng Tiến mà đột ngột hỏi lớn:

- Hôm rồi nghe nói toa về Sài Gòn dự Hội nghị Việt kiều, phải không?

Hoàng Tiến giật mình lăm lét nhìn quanh. Rất may, quán chỉ có vài người ngồi ở bàn khá xa, nên không ai chú ý đến thái độ của Hoàng Tiến. Ông hạ giọng đáp nhỏ:

- Ai nói với ông vậy? Từ Noel đến giờ tôi đâu có về! Ăn Tết ở bên này mà. Hôm chợ Tết, tôi gặp cả đồng người quen...

Người bạn gật gù:

- Tưởng toa về thì hỏi thăm cho biết... Cái đó phải gọi là "Hội nghị Việt gian" mới đúng! Báo chí tường thuật là Võ Văn Kiệt đến dự và kêu gọi mọi người quên quá khứ, xoá bỏ



phiên khúc

*bên kia dòng sông, ta nghe gió hát
lời nhả ca xanh, hồng mắt ai đưa
một mình giữa thảo nguyên đời bội bạc
nhớ xa xăm, thương người mấy cho vừa!*

hồ đặc vũ

phiêu lãng

*mắc vông càn khôn chia nhật nguyệt
hai đầu sáng tối... thoáng chiêm bao
đong đưa mộng ước xa biên biệt
kéo kẹt đời trôi, lạc chốn nào!*

vì vì

*chúng ta mất hết chỉ còn nhau**

*gặp nhau
từ một chặng đời
buồn tênh trước mặt
rã rời sau lưng
"có nhau"
sau cuộc phé hưng
còn chẳng...
chút nắng
lưng chừng cuối tây.
đoàn nam phong*

** thơ Vũ Hoàng Chương.*

hận thù! Đúng là Việt cộng. Không thấy mẹ! Cướp nhà người ta, xong rồi kêu người ta xoá bỏ hận thù, trong khi nó cứ giữ căn nhà đó! Suốt đời nó vẫn muốn làm cha mình!

Hoàng Tiến chỉ nhếch mép cười buồn, không nói. Ông biết những người mới từ Việt Nam qua, lòng còn nặng trĩu tình non nước, lúc nào cũng bám sát thời sự và ngồi đầu cũng chỉ bàn chuyện chính trị. Họ là lớp khách hàng mới của sách báo và băng nhạc, vì gắn bó với quê hương, vì hiếu kỳ, vì nhàn rỗi và nhất là vì còn nghèo, cho nên không nghĩ đến việc để dành tiền! Qui luật ở hải ngoại là, hễ càng giàu thì mua sắm càng đần đo, càng nghèo thì càng hào phóng!

Người bạn đốt điếu thuốc rít mạnh một hơi rồi đưa ra nhận xét:

- Thế mà vẫn khối đứa bị lừa!

Câu nói trách móc, không biết có phải để mắng khéo Hoàng Tiến hay không, nhưng tự nhiên làm ông ngượng ngịu nên vội vàng bào chữa:

- Chưa chắc những người chủ trương hợp tác với Việt cộng đã bị lừa! Mỗi người có một cách suy nghĩ, một cách giải quyết vấn đề...

Ông bỏ dở câu nói vì thấy chẳng nên tranh luận vào lúc này, khi tâm thần đang bất ổn và nhất là tranh luận với một người vừa ở tù mười năm dưới chế độ Cộng sản. Người bạn đối diện còn đang hăng nên lắc đầu bảo Hoàng Tiến:

- Dù suy nghĩ cách nào đi nữa mà xin làm tay sai cho địch thì vẫn là những thằng hèn!

Dứt lời ông ta đứng dậy trở về bàn của mình. Hoàng Tiến lắc đầu nhìn theo mấy giây rồi cúi xuống. Giá cứ như bình thường thì thái độ hỗn xược ấy đã làm ông nổi nóng. Nhưng hôm nay ông đứng đưng không buồn, không giận. Giữa lúc tang gia bối rối, lòng dạ ngổn ngang, chuyện đời chung quanh chẳng còn nghĩa lý gì với ông nữa. Ông đứng dậy lại quầy trả tiền rồi bước nhanh ra cửa. Ông chui vào xe, ngồi trầm ngâm một lúc rồi phóng về.

Biết vợ có nhà vì thấy chiếc xe

đậu ngoài sân, nhưng Hoàng Tiến im lặng. Ông mở cửa, quăng xâu chìa khoá trên mặt bàn, mệt mỏi ngồi phịch xuống sofa. Hồng vừa ở tiệm uốn tóc về, đang loay hoay trong bếp. Khá lâu Hoàng Tiến mới liếc mắt nhìn vào và bắt gặp mái tóc ngắn rất trẻ trung của vợ. Con giận bỗng ứ lên cổ, Hoàng Tiến hàm hàm đứng dậy tiến vào. Nhưng ông vẫn chưa nói gì, chỉ rót ly nước và lại lặng lẽ bung ra, ngồi xuống chỗ cũ. Hồng lên tiếng hỏi hai ba lần, Hoàng Tiến không thèm trả lời. Bàn tay ông run run như sắp bóp nát cái ly cho hả cơn giận.

Hồng biết Hoàng Tiến đang ứ hận, nhưng nàng rất thần nhiên bởi chính nàng cũng đang hận Hoàng Tiến. Nàng mở học tủ ở quầy bếp, lấy một xấp thư, phần lớn là các loại *bill*, mang ra cho chồng. Nàng chưa kịp ngồi xuống thì Hoàng Tiến đứng phắt dậy, ném mạnh cái ly vào góc nhà, mảnh thủy tinh bể vụn, văng tung toé làm Hồng vội đưa tay che mặt và kêu thét lên. Đó là phát súng khai chiến mà từ ngày lấy nhau, Hoàng Tiến chưa bao giờ phải dùng đến. Mặt ông tái nhợt, mắt đỏ ngầu, tay run rẩy. Ông muốn gào lên, dùng hết vốn liếng ngữ vựng để xỉ vả, trước khi bóp cổ con vợ lẳng lơ cho nó trợn mắt lên mà chết, rồi muốn ra sao thì ra! Nhưng vì giận quá, ông không nói được, chỉ hỗn hển thở như người kiệt sức sau khi leo một con dốc thật cao.

Trái lại, Hồng điềm tĩnh lắm. Nàng quăng xấp giấy nợ xuống bàn rồi lạnh lùng bảo chồng bằng giọng hết sức khiêu khích:

- Cái ly ấy có 99 *cents*, đập làm gì! Vào lựa thứ gì đắt mà đập!

Hoàng Tiến chỉ vào mặt vợ, gào lên:

- Mày là một con đĩ! Mày ngủ với một đứa con nít chỉ đáng tuổi con mày! Không biết xấu hổ!

Hồng đứng yên nhìn Hoàng Tiến. Những điều Hoàng Tiến vừa nói đều đúng cả, chẳng có gì để nàng phản đối. Khang thua nàng mười lăm tuổi. Giá nàng sống vào thời trước, lấy chồng từ thuở mười ba thì nàng có

thể đẻ ra đứa con bằng tuổi Khang thật! Nàng đã bàn tính rất kỹ với Khang và hai người đều đồng ý rằng sớm muộn gì Hoàng Tiến cũng biết, mà dù Hoàng Tiến không biết thì Hồng cũng sẽ cho chồng biết bằng cách này hay cách khác. Bởi dù có muốn giấu mãi cũng không được. Mấy hôm nay Hồng đã bàn tính với Khang và thấy đã đến lúc nàng cần công khai xuất hiện với Khang trước đám đông, không thể cứ lén lút mãi trong bóng tối như thế này. Từ thâm sau, Hồng vẫn tin chắc một điều rằng, chuyện tình của nàng với Khang là một chuyện tình chân chính, không có gì phải bận tâm. Yêu nhau ai tính tuổi bao giờ! Liz Taylor lấy anh chồng thợ nề vừa trẻ vừa nghèo, có ai thắc mắc đâu! Thái tử Charles lơ là lady Di để theo đuổi một con mẹ vừa già vừa xấu! Xã hội này chẳng có thứ qui luật nào trói buộc tình cảm. Cái đích cuối cùng vẫn là hạnh phúc cá nhân mà thôi. Cho nên việc nàng yêu Khang cũng bình thường như bất cứ cặp tình nhân nào khác. Huống chi trong vụ này, Hoàng Tiến là kẻ có lỗi chứ không phải nàng. Chỉ có điều Hồng ngạc nhiên là lần đầu tiên trong đời, Hoàng Tiến dám gọi nàng bằng "mày", nghe lạ tai quá! Nàng điềm tĩnh bảo Hoàng Tiến:

- Giữa tôi và anh, ai đáng xấu hổ hơn? Anh nên soi gương nhìn lại con người thật của anh xem anh có còn đủ tư cách để mắng tôi hay không? Gần một trăm ngàn đô, anh ôm về Việt Nam để đầu tư, đầu hết rồi? Dâng cho con Việt cộng Mỹ Đào, mua nhà cho nó ở quận ba để lập tổ uyên ương, mua xe hơi cho nó, sắm nữ trang cho nó, rồi bây giờ trắng tay anh mới quay về với tôi chứ gì!...

Đến lượt Hoàng Tiến cũng sờ ngạc nhiên. Từ hôm trở lại Mỹ, mỗi khi xa gần hỏi Hồng về Khang, nàng đều chối phắt và tỏ vẻ sợ sệt. Hôm nay nàng đổi hẳn thái độ, ngang nhiên khiêu khích và lấn át cả Hoàng Tiến. Ông choáng váng ngồi phịch xuống và hải hùng tự hỏi sao Hồng biết những chuyện bí mật này, ai cung cấp nguồn tin? Tuy vậy ông

cũng gắng gượng cãi lại một cách yếu ớt:

- Chỉ đoán già đoán non! Làm ăn thì cũng có khi may khi rủi, chứ đem tiền cho ai!

Hồng cười nhạt:

- Cái gì có bằng chứng tôi mới nói, anh đừng có cãi, vô ích! Anh ngu thì anh rần chịu. Thả mồi bắt bóng, để rồi xem ai khổ!

Rồi nàng lui về dĩ vãng, "tổ khổ thêm:

- Ngày mẹ con tôi chưa qua, anh sống với những ai, anh tưởng tôi không biết hay sao? Tôi dành dụm, vay mượn cho anh vượt biên, qua đến Mỹ, anh lấy vợ khác, có nhớ gì đến mẹ con tôi đói khổ ở trong nước đâu! Những chuyện cũ ấy, tôi bỏ qua. Tôi tưởng anh là người khá, vì dù sao cũng mang gốc nhà giáo, không ngờ anh đối trá đủ điều!

Hoàng Tiến phản công lại, nhưng không gọi Hồng bằng "mày" nữa, bởi ông biết mình đang mất thế chủ động:

- Cô thì tử tế gì! Tôi vừa đi khỏi, cô đã mê ngay thằng con nít mười mấy tuổi, không biết nhục!

Câu này Hoàng Tiến nói đại, vì thật sự ông vẫn tưởng Hồng và Khang chỉ mới đan dứ từ khoảng hai năm nay.

Hồng không bận tâm đến lời kết án của chồng, tiếp tục nói cho hết ý:

- Lúc nào anh cũng cho mình là người khôn ngoan. Hoá ra lừa người ngoài thì không đủ khả năng, quay về lừa vợ con, ôm tiền đi dâng cho gái!

Hoàng Tiến đau nhói vì Hồng cứ khơi mãi vết thương trong lòng ông, dù vậy ông vẫn phải chống chế:

- Đừng có nói láo! Đầu tư không may thì thất bại, lại gặp lũ công an chặn cho nên mất tiền, chứ dâng cho ai! Chỉ giỏi nghe tin đồn láo lếu!

Hồng lắc đầu cắt ngang lời chồng:

- Chẳng có tin đồn nào cả! Chính đàn em thân tín của anh là ông Cồn khai ra hết từ lâu mà tôi không thêm nói! Đầu tư vào túi con Mỹ Đào thì bao nhiêu cho đủ! Hai năm nay anh đi đi về về, nói dối tôi là mở nhà máy

nước đá, mở nông trại nuôi bò giống. Hoá ra là nuôi con cán bộ Việt cộng! Tôi tưởng anh đi luôn mới phải chứ. Không ngờ anh còn dám vác mặt về đây hạch sách tôi!

Hoàng Tiến vẫn cố nói cứng, dù hết sức đuối lý, bởi chính miệng Cồn đã "thành khẩn khai báo" hết, còn chối làm sao được! Ông nắm chặt bàn tay, nghiến răng đấm mạnh xuống nệm ghế vì không ngờ Cồn lại là kẻ nội thù. Mà điều này thì Hồng nói thật. Một dạo Hoàng Tiến vắng nhà khá lâu, Cồn đã tưởng rằng có thể chinh phục được Hồng để thay thế bà vợ vừa khăn gói ra đi, cho nên gã mở cả một chiến dịch tấn công Hoàng Tiến, kể ra vanh vách những uẩn khúc tình cảm mà trong lúc bùng bột, Hoàng Tiến đã tâm sự với Cồn. Thậm chí Cồn còn lên lấy cả bức hình chụp Hoàng Tiến ngồi trên bãi biển Vũng Tàu, phơi cái bụng phệ ra bên cạnh Mỹ Đào, để làm bằng chứng cho Hồng thấy những điều gã nói hoàn toàn đúng sự thật. Rồi sau khi đã tố khổ đàn anh cạn tàu ráo máng và biết chắc rằng Hồng rất xao xuyến, Cồn mới trấn an bằng giọng điệu "nhân nghĩa bà Tú Đẽ": "Theo tôi thì anh Tiến chẳng có tình ý gì với con nhỏ đó đâu! Chẳng qua vì cần móc nối để kiếm đường làm ăn thôi! Căn nhà ở quận ba anh ấy mua để làm chỗ liên lạc, chứ anh ấy đâu có đại mà cho con bé đó đứng tên". Nhưng mọi âm mưu của Cồn để chinh phục Hồng đều vô ích, vì trong tim Hồng đã mang nặng hình ảnh của Khang.

Hoàng Tiến tạm quên mối hận thằng đàn em để hỏi Hồng một câu quan trọng:

- Đầu tư thì ai dám bảo đảm lúc nào cũng trúng! Cái hồi đầu tư địa ốc cách đây mấy năm, tôi không nhanh tay thì làm gì có căn nhà này! Nhưng tôi hỏi cô, cô ngủ với thằng Khang, phải không?

Hồng bướng bỉnh nhắc lại:

- Anh có đủ bốn phạm với tôi hay không mà anh hỏi tôi? Anh nên hỏi anh trước đã! Nói đến căn nhà này tôi mới hỏi tội anh. Nhà đứng tên chung, lúc mua lại của ông Cồn, chỉ

vay ngân hàng có năm chục ngàn, tại sao bây giờ lại nợ đến một trăm ba mươi ngàn? Anh giả mạo chữ ký của tôi, lấy *second mortgage*, rồi *third mortgage*, tổng cộng tám mươi ngàn. Số tiền đó bây giờ đi đâu? Tôi chưa đưa anh ra toà về tội giả mạo chữ ký là may phúc cho anh lắm rồi! Anh còn nói lời thôi gì nữa!

Như kẻ ăn vụng bị bắt quả tang, Hoàng Tiến lặng người không nói được nữa. Hồng cúi xuống lượm xấp thư, ném sang *sofa*, ngay bên cạnh Hoàng Tiến và thêm:

- Một loạt *bill* mới về, liệu mà thanh toán đi! *American Express*, *Mastercard*, *Visa*, thứ nào anh cũng xài quá lỗ rồi, không còn chỗ mà cà nữa đâu!

Hoàng Tiến yếu ớt:

- Để đó rồi tôi sẽ thanh toán!

Ông nói cho qua trong giây lát mà thôi. Chính ông cũng biết rằng những ngày sắp tới, đời ông rất đen tối. Hồng chưa buông tha:

- Đã đi khám bác sĩ, đi thử máu chưa? Đàn ông du lịch Việt Nam một ngày trở về cũng phải thử máu. Tôi không muốn trong nhà này có vi trùng bệnh lậu, bệnh AIDS!

Hồng vừa dứt lời thì ấm nước sôi trong bếp kêu rít lên. Nàng quay vội vào, tắt lò và pha trà Tisane, thứ trà hoa cúc mà từ lâu nàng vẫn tin là có khả năng làm nàng dễ ngủ và giúp cho da mặt tươi nhuận. Đã dứt khoát sẽ ly dị Hoàng Tiến để chung sống với Khang, nên Hồng không úp mở gì nữa. Hai mươi năm làm vợ Hoàng Tiến, chưa bao giờ nàng ăn nói mạnh dạn như hôm nay. Hồng cũng biết chắc một điều là Hoàng Tiến đã hết thời, sắp lâm vào bước đường cùng, ít ra là về mặt tài chánh. Sống trên đất Mỹ này, làm ngày làm đêm còn sợ không gây nổi sự nghiệp, huống chi còn rong chơi và đem tiền cho gái!

Ngồi lại một mình, Hoàng Tiến khổ sở vô đầu, bứt tóc, dù rằng mái tóc vốn đã quá thưa thớt mà thường ngày ông không dám gội, không dám chải, chỉ lùa bàn tay vuốt thật nhẹ cho đỡ rụng. Đời người sao có những lúc khốn khổ như thế này! Du lịch Việt Nam, cái bẫy sắp làm bao nhiêu

gia đình tan nát. Có những cặp vợ chồng chung sức làm ăn, cơ sở thương mại phát triển tốt đẹp, bỗng một ngày thấy đóng cửa, vì chồng về quê lấy vợ bé! Hoàng Tiến cay đắng nhớ lại những ngày sống bên Mỹ Đào, trên đầu dù đã hai thứ tóc mà vẫn cuồng nhiệt, nhõng nhẽo, y như chưa bao giờ được yêu, y như tuổi mới lớn. Con bé rất khéo chiều chuộng, từ những cử chỉ lật vạt cho đến những câu nói ngọt ngào, ân cần, tạo cho Hoàng Tiến cái cảm giác trẻ trung, sống lại thuở mới lớn, bắt đầu yêu để cùng Mỹ Đào "biến cuộc đời thành những tối tân hôn".

Bây giờ, mỗi lúc nghĩ đến Mỹ Đào, ông vẫn còn cảm thấy gai người vì hối hận. Và bất chợt lúc nào nhớ tới Hoàng Tân, thằng em thiếu tá công an, ông lại càng run lên vì xấu hổ. Ông căm thù Mỹ Đào, nhưng mỗi thù ấy ngàn đời sẽ không trả nổi bởi bóng chim tăm cá, biết đâu mà tìm! Ông oán hận Cồn, nhưng biết sẽ chẳng làm gì được Cồn dù gã ở ngay bên cạnh. Rồi ông lại nhớ đến Khang, thằng phản đồ đáng tru di tam tộc! Riêng đối với Hồng, thật sự

trong lòng ông tình yêu chẳng còn bao nhiêu, dù nàng có bỏ đi, ông cũng không tiếc lắm. Nhưng, cũng giống như mọi người đàn ông khác, việc vợ ngoại tình làm người ta bị chạm tự ái và cảm thấy bị sỉ nhục chứ không phải vì yêu thương, hay vì luyến lưu một cuộc tình! Và cũng chính vì sợ nhục, sợ xấu hổ, cho nên dù trên đầu mọc hàng trăm cái sừng, nhiều ông chồng vẫn cắn răng im lặng, không dám lớn chuyện vì tin rằng thiên hạ chưa ai biết, tội gì mà khai ra!

Pha xong bình trà, Hồng vào phòng thay quần áo. Khá lâu, nàng cầm bóp bước ra vì có hẹn với Khang đi thu băng nhạc. Ngang qua phòng khách, thấy Hoàng Tiến vẫn ngồi yên như pho tượng, nàng đứng lại lạnh lùng bảo:

- Bà Nhân phôn lại cả chục lần đòi nợ. Anh hốt hụi non rồi không chịu đóng tiền cả năm nay! Đã tính giục hụi thì ở luôn bên Việt nam, còn quay về đây làm gì nữa!

Hoàng Tiến trừng mắt nhìn Hồng. Hoá ra con vợ mất nết này không hề thương nhớ ông chút nào

cả, chỉ mong ông đi luôn! Xã hội bây giờ kỳ quái thật! Ông nhớ thuở xưa trong nước, đàn ông năm thế bảy thiệp, dù có rong chơi mèo mả đến đâu đi nữa thì người vợ cũng vẫn kiên nhẫn đợi chờ, bởi vì cuối cùng rồi thằng chồng cũng sẽ lê tấm thân tàn ma dại trở về! Lá rụng về cội chứ đi đâu! Cha ông ngày xưa sống nề nếp như vậy mà bây giờ con cháu đổi thay nhanh quá. Ông mới lằng nhằng có hai năm trời, vợ ông đã dám mắng ông và đi ngủ với đứa khác! Ông muốn chồm lên, vả vào cái mặt ngang ngược của Hồng, nhưng toàn thân ông bủn rủn như mất hết sinh lực. Hồng lại cay đắng tiếp:

- Tôi không thể cặng đáng nổi tiền nhà cho anh được nữa! Hồi đó mortgage chỉ có năm chục ngàn, tháng trả vài trăm; bây giờ lên đến một trăm ba. Tiền này tiền kia mỗi tháng một ngàn rưỡi. Nửa năm nay anh ôm tiền đi cho gái, tôi nai lưng ra trả tiền nhà. Từ nay tôi giao lại cho anh. Nhắm không trả nổi thì cứ việc để cho ngân hàng kéo, tôi đi mượn chỗ khác! Con cái vào nội trú cả rồi, tôi ở đâu cũng được, không cần nhà rộng!

Hoàng Tiến buột miệng:

- Không trả nổi thì treo bảng bán chứ việc gì phải để ngân hàng tịch thu!

Hồng gắt lên:

- Anh nhắm bán được bao nhiêu? Kinh tế suy thoái, nhà đất xuống giá vùn vụt. Ông Lập treo bảng hơn một năm nay, không có ai thèm đến coi! Giỏi lắm anh bán được trăm tư, trả nhà băng trăm ba. Tiền giấy tờ với commission vừa hết mà lại mất thì giờ! Thà giao quách cho ngân hàng cho nhẹ người!

Hoàng Tiến chống chế:

- Để ngân hàng lôi, mất hết credit! Mai kia cần vay mượn đâu có được nữa! Phải biết tính xa...

Hồng hứ một tiếng, nhếch mép cười khinh bỉ:

- Anh biết tính xa, biết nghĩ đến tương lai thì đâu có ôm mấy chục ngàn về nước ăn chơi! Tôi nói dứt khoát là ngày mai anh phải xoay tiền, bỏ vào account để trả tiền nhà. Sắp

đời có vui gì sau tháng tư

cù lao em ở tên gì nhỉ
em chở dừa đi bán chợ nào?
khuya, nước Tiền giang theo triều xuống
huyền hoặc u hoài những ánh sao.

em đẩy thuyền đi tay có mối
sào dài em khuấy đáy ưu tư
hỡi người con gái quê Đồng Khởi
đời có gì vui sau tháng tư?

em vẫn chở dừa ra chợ bán
theo dòng sông lạnh trước hừng đông
đời em có đổi qua năm, tháng
hay vẫn miệt mài như nhánh sông?

sông, nước Tiền giang tha thiết quá
như lòng thiếu nữ dưới sao thưa
nếu ta mai một không về lại
lòng chắc khô như những vỏ dừa!

nguyễn bá dĩnh



hết tháng rồi. Anh không có tiền, tôi sẽ phôn báo cho ngân hàng biết, giao nhà cho họ!

Hoàng Tiến vót vát:

- Từ từ rồi tính! Làm cái gì mà cuống lên như vậy!

Hồng chua chát:

- Sáu tháng nay tôi không có tiền thì họ đã lời nhà lâu rồi, còn từ từ cái gì nữa! Họa may anh đi kiếm việc làm ngay... Mà anh thì làm cái gì! Ăn chơi quen rồi, chịu cực làm sao được!

Hồng bỏ dở câu nói, chậm chạp bước ra cửa. Nàng xoay nắm cửa, đứng tần ngần một lúc rồi lại quay đầu vào bảo Hoàng Tiến:

- Cái ly anh đập, lấy chổi quét, hút đi! Quét thật kỹ, rồi mang máy hút bụi ra mà hút! Lật tấm thảm lên, hút cho sạch, đừng có để sót, dẫm vào mà khổ!

Hoàng Tiến cúi đầu không đáp. Chờ tiếng máy xe ngoài hiên nhỏ dần, biết Hồng đã đi khỏi, ông mới nắm vật ra sofa, mắt mở trừng trừng nhìn lên trần nhà. Lúc này ngồi ở quán nước, ông cứ định ninh sẽ chửi vợ một trận toí bời và nếu cần thì tát cho mấy cái để hả giận. Ông hình dung trước vợ ông sẽ cúi đầu nhận tội và ngược đôi mắt đầm lệ nhìn ông van xin tha thứ. Nhưng thực tế lại diễn ra trái ngược. Vợ ông hoàn toàn nắm thế chủ động, bởi tội của ông còn chồng chất cao gấp mấy lần Hồng. Trí óc ông rối bời, không biết phải giải quyết chuyện gì trước. Từ nỗi sầu mọc sùng chuyển nhanh sang nỗi lo tài chánh, thứ nào cũng nặng trĩu, thứ nào cũng bế tắc như nhau! Ông uể oải ngồi dậy, lững thững bước vào phòng tắm, lấy khăn nhúng nước rửa mặt. Ông nhìn mình trong gương, thấy nhan sắc hình như vừa giảm đi 50%, nếp nhăn trên trán và hai bên khoé mắt hiện rõ hơn, trũng sâu hơn, và nhất là, mái tóc vốn đã xác xơ, hôm nay dường như vừa rụng nhiều hơn, nom tiêu tụy như một ngọn đời trọc. Ông thở mạnh, máng cái khăn ướt lên và bất chợt chú ý đến cái gạt tàn thuốc đặt bên cạnh bồn rửa mặt. Ông nghĩ ngay đến Khang và từ đó lại liên tưởng tới Cồn làm tim ông thất lại. Ông ngẫm nghĩ

một lúc rồi quay ra, định phóng xe lại nhà Nguyễn Bản Hùng Vương để trị tội thằng đàn em phản bội, đã phôi bày mọi tội lỗi của ông cho Hồng biết. Nhưng nổ máy rồi, ông lại dần do, ngồi yên. Chuyện đã đổ vỡ rồi, chửi Cồn cũng chẳng gỡ lại được! Hướng chi, cũng chính nhờ Cồn, ông mới biết vợ ông ngoại tình, chứ nếu không thì trên đầu đang mọc hàng trăm cái sừng mà ông vẫn thơ thới hân hoan vì ngu muội! Nói chung, đã giao dịch với Cồn thì phải chấp nhận cái đòn xóc hai đầu, con dao hai lưỡi, vốn là đặc điểm nổi bật của Cồn mà bạn bè ai cũng nhìn ra. Hoàng Tiến chán nản tắt máy xe, uể oải bước vào nhà và lại nắm vật xuống sofa như cái xác không hồn.

Hồng đến phòng thâu băng đã thấy chiếc BMW của Khang đậu sẵn trước sân. Thấy Hồng, Khang ở cửa chui ra và chăm chú nhìn mái tóc mới uốn của Hồng. Trên đời này, không có mái tóc nào mới uốn hoặc mới cắt mà đẹp ngay. Phải chờ ít nhất một tuần lễ trông mới tự nhiên. Dù vậy, Khang cũng khen một câu rồi mở tấm poster từ nãy vẫn cuộn tròn trong tay, chỉ cho Hồng và nói:

- Design một bức như thế này, ông ấy đòi ngàn rưởi, chưa kể tiền in!

Hồng dễ dãi:

- Miễn là phải đẹp. Đã lỡ tốn, cho tốn luôn! Bức hình hôm qua Khang đưa cho Hồng coi, hơi mập. Mặt tròn quá, trông không có vẻ nghệ sĩ. Nhớ bảo họ retouch trên computer cho ốm bớt.

Khang gật đầu, cuộn tấm poster lại rồi hai người sánh vai vào phòng thu. Đi bên nhau, nhìn thoáng qua thì thấy cũng đẹp đôi vì Hồng có dáng người nhỏ nhắn, lại biết cách ăn mặc và trang điểm kỹ lưỡng, tạo cho mình cái bề ngoài lúc nào cũng tươi mát. Nhưng khi son phấn nhạt nhòa, những nếp nhăn, vết nám của tuổi bốn mươi hiện ra lồ lộ, người ta sẽ thấy ngay sự chênh lệch giữa Hồng và Khang, dù rằng chính Khang cũng đang tự bắt mình già trước tuổi để tương xứng với người tình mà trước đây chàng vẫn gọi là "cô", xưng

"em".

Tối trước phòng thu, Hồng đưa tay gõ nhẹ nhẹ mấy tiếng, nhưng không ai ra mở cửa. Khang đứng bên cạnh, chăm chú nhìn tấm bảng nhỏ khắc bằng gỗ thông, ghi hai chữ "Hieu's Studio" gắn trên vách tường bên phải và hời hợt hình dung quang cảnh trong phòng thu chắc phải vĩ đại và tân kỳ lắm. Chờ thêm một lúc, Hồng tự động mở hé cánh cửa nhìn vào. Tiếng nhạc, tiếng hát, âm âm vọng ra. Hiếu ngồi bệ vệ trước dàn máy 24 tracks, quay đầu ngó Hồng và khẽ đưa tay vẫy chào. Vì đã gặp nhau vài lần để mượn Hiếu làm hòa âm, Hồng cảm thấy thân quen, thân nhiên bước vào đứng bên cạnh Hiếu. Khang khép nép theo sau và hơi thất vọng vì không ngờ một phòng thu thanh nổi tiếng của Cali mà lại quá sơ xài, không đúng với sự tưởng tượng của chàng. Chung quanh chỗ Hiếu ngồi, ngổn ngang những nhạc cụ và máy móc, khiến căn phòng đã nhỏ, lại càng chật chội vướng víu. Trong buồng kiếng trước mặt, một cô ca sĩ mằm non, mặc bộ đồ jogging, đeo cái headphone khá lớn, đứng trước micro, há mồm, nhắm mắt, cố tập trung cảm xúc để diễn tả một bài tình ca quen thuộc. Hồng cúi xuống hỏi Hiếu:

- Còn lâu không, anh Hiếu?

- Chừng nửa giờ nữa.

- Tụi này ngồi đợi ngoài xe. Khi nào xong, anh kêu bọn này một tiếng.

Hồng lui ra, khép cửa studio lại. Khang bảo:

- Có mỗi một bài mà bà ấy thâu hơn ba tiếng đồng hồ chưa xong.

Hồng gật đầu:

- Phải vậy mới được! Em nghe nói có người thu một bài nửa ngày mới xong. Lát nữa thâu Khang cũng phải kiên nhẫn như thế. Là vì, hát lần đầu không thể nào có cảm xúc được. Cho nên càng hát càng hay. Hát nhanh quá nhiều khi giống như trả bài thôi!

Vừa nói Hồng vừa kéo Khang trở lại chỗ đậu xe và bảo:

- Vào ngồi cho đỡ mỏi chân. chắc cũng còn lâu!

Hai người chui vô băng sau, bàn chuyện hoàn thành cuốn *cassette* và C.D. đầu tiên, do một mình Khang hát từ đầu đến cuối. Giới nghệ sĩ ở Cali có câu: ghét ai thì xúi người đó ra băng nhạc! Câu nói đùa cay đắng ấy phản ánh một thực tế là thị trường băng nhạc mấy năm gần đây xuống dốc thê thảm vì kinh tế suy thoái, vì sản xuất lạm phát, vì phát hành phá giá và vì ở thời điểm này, *video* mới là sở thích hợp thời của quần chúng. Người ta muốn vừa nghe vừa nhìn. Biết thế, nhưng bao nhiêu người yêu văn nghệ vẫn tự bỏ tiền thực hiện băng *cassette* và C.D. Có những ca sĩ địa phương, quanh năm đi làm vất vả, dành dụm được số vốn trên dưới mười ngàn, du hành sang Cali một chuyến, dốc hết hầu bao, quyết làm cho bằng được một cuốn băng để đời. Hoàn thành xong, lại phải lục trí nhớ, tìm những người quen biết để gửi tặng, hoặc giao cho các tiệm tạp hoá làm quà bán *sale*! Một thằng bạn thân của Khang nghe tin chàng sắp ra băng, hóm hỉnh bảo:

- Hồi đó tao cũng thực hiện một cuốn băng *cassette* tiếng hát của tao. Điều đình mãi siêu thị Hoa Việt mới mua một trăm cuốn với giá lỗ vốn. Tao cũng đành phải bán chứ chẳng lẽ đem đổ đi! Tao khuôn băng ra đưa cho họ thì thấy họ vẽ cái băng thật lớn treo ở cửa: "Mua hàng 30\$ thì được tặng một cuốn băng nhạc miễn phí". Vậy mà cả mấy tháng sau, đồng băng vẫn chưa với bao nhiêu. Thằng chủ siêu thị bảo tao: "Tôi phải gỡ cái băng tặng băng miễn phí ấy xuống, là vì để cái băng ấy, người ta chỉ mua hàng của tôi tới đúng 29 đồng thôi, nhất định không ai chịu mua tới 30 đồng".

Kể xong câu chuyện khôi hài đen, thằng bạn nhìn Khang cười tội nghiệp. Chính Khang cũng thấy lòng bứt rứt vì mới đi một vòng khảo giá, chàng đã ước lượng chi phí phải quăng ra sẽ xấp xỉ mười ngàn mỹ kim. Nhưng đó là ước muốn của Hồng, tiền bạc của Hồng, và nàng hăm hở hối thúc Khang dấn thân vào nghiệp ca hát đến nỗi Khang không dám bàn ra, sợ làm Hồng thất vọng.

điệp khúc

Tháng tư
chim lạ bên rừng
gọi mưa, gọi nắng, gọi từng xốt xa

Tháng tư
trí nhớ mù loà
tàng kinh tâm thức bóng ta lạc loài

Tháng tư
trời đất thở dài
hồn lên cơn trốt, mưa mai cuối đường.

Tháng tư
nắng nhạt, chiều sương
ở trong nỗi nhớ còn vương nỗi sầu

Tháng tư
đi lễ nguyện cầu
ra về lòng vẫn cỗi sâu bao la.

Tháng tư
đêm niệm Di Đà
soi gương buổi sáng nhìn ta bạc đầu.

Tháng tư
mượn rượu say nhầu
qua đêm tỉnh giấc khối sầu còn nguyên.
trần thiện hiệp



Khang biết tiếng hát của mình không có gì đặc sắc, chưa đủ sức lôi cuốn người nghe. Đã thế, kỹ thuật lại còn non kém, chưa đủ thời gian luyện tập. Nhưng Hồng thì thấy ở Khang một giọng ca tuyệt vời, không trở thành ca sĩ chuyên nghiệp là một phí phạm thiên tư trời phú cho. Vì tiếc tiền, có lần Khang từ chối khéo:

- Hát *karaoke* thì được, chứ thu băng thì chắc... phải chờ một thời gian nữa. Hai thứ ấy khác nhau xa lắm!

Chàng nói đúng. Hệ thống *karaoke* sử dụng tối đa xảo thuật âm thanh, mở *echo* thật nhiều, mục đích để che lấp khuyết điểm của người hát và để người hát không còn nhận ra chính giọng mình nữa. Cho nên những ca sĩ "nghiệp dư" cũng dễ dàng có cảm tưởng là mình chuyên nghiệp. Hướng chi, *karaoke* còn

khôn ngoan hơn, cho chiếu trên màn ảnh những cảnh trí thật thơ mộng, những khúc phim bản giết sắt máu và đôi khi những màn tình ái rất *sexy*, để khán giả chung quanh say mê theo dõi, có thể quên luôn cả người đang gân cổ đứng hát gần đó! Khang biết như thế bởi từ gần hai năm nay, chàng làm thuê cho một tiệm cà phê *karaoke*, phụ trách chương trình và là giọng ca cột trụ của quán này. Chính Khang đã khuyến khích và dạy Hồng tập hát, rồi đưa nàng lại đây, ra mắt khán giả. Một lần còn ngượng ngáp, hai ba lần thành thói quen, Hồng đâm ra say mê lúc nào không biết. Rồi người này rủ người kia, dần dà những bữa tiệc sinh nhật, những họp mặt cuối tuần tại các tư gia và thậm chí cả những đám cưới tại nhà hàng, cũng đều kết thúc bằng chương trình *karaoke* tới quá nửa đêm mới tàn

cuộc. Có cặp vợ chồng ăn đầy thán con cũng tổ chức *karaoke*. Bà vợ mới đẻ, bụng còn lớn, hông còn nở, mà đã say mê hát liên tục, quên cả đứa bé nằm khóc oe oe trong nôi! Vui thì vui thật, nhưng cũng lắm hệ lụy. Người ta hát và người ta bình phẩm, chê nhiều hơn khen. Rồi đến tai nhau, bạn bè có người không còn nhìn mặt nhau chỉ vì *karaoke*! Ấy là chưa kể thiếu gì cuộc tình ngang trái đã từ *karaoke* mà nảy sinh!

Những ngày Hoàng Tiến vắng nhà, hầu như tuần nào Hồng cũng ghé quán, nghe Khang hát và lâu lâu chính nàng cũng hát theo lời thúc giục của Khang. Có lẽ vì tình yêu mãnh liệt quá, cho nên đối với Hồng hiện nay, dưới gầm trời này ít có ai hát hay bằng Khang. Và nàng nhất quyết phải đưa Khang ra vùng ánh sáng bao la, chứ không thể cứ mãi chôn vùi tài năng nơi cái sân khấu nhỏ hẹp chưa đầy một trăm người thưởng thức. Lần đầu nghe Hồng đề nghị thực hiện băng nhạc, Khang ngần ngại bảo:

- Tốn tiền lắm! Mà bán không được đâu! Mười đồng ba cuốn *cassette*, đổ đầy ngoài chợ, chả ai mua! Ca sĩ thật còn ế như vậy, huống chi là mình!

Hồng quả quyết:

- Tiền bạc không thành vấn đề! Không phải ai cũng có giọng hát như Khang. Khang cứ để em lo! Mình điều đình với các trung tâm, bán *master tape* cho họ, khỏi lo việc phát hành!

Thấy Hồng hăng say quá, Khang không dám nói ra một sự thật là đã có những người tặng không *master tape* mà chẳng có trung tâm nào nhận, nói chi đến chuyện gả bán! Họ không nhận là vì, có *master tape* rồi, họ sẽ phải xuất tiền sang băng, in bìa, quảng cáo và phát hành mà chưa chắc món hàng đã được quần chúng chiếu cố. Giấc mơ văn nghệ thật ra là còn đường gian truân hơn tất cả mọi thứ nghề nghiệp khác trong xã hội, bởi nó đòi hỏi cả hai mặt là tài năng và may mắn! Biết bao nhiêu mầm non từ những nơi xa xăm đổ về Cali, đi loanh quanh xin hát miễn phí ở

các phòng trà, bỏ tiền thực hiện một hai băng nhạc, miệt mài cho đến khi cạn láng mà vẫn chẳng dứt nổi cái nợ văn nghệ. Khang nhớ lại lời nhận xét của thằng bạn thân: "Đua nhau ra băng, rút cuộc chỉ có mấy tay *design* bìa và nhà in là nắm chắc phần thắng!" Chàng thấy áy náy trong lòng bởi biết Hồng không có tiền mà chàng thì không thể phụ giúp gì được vì chính Khang cũng chẳng có cái nghề nào mang lại lợi tức vững vàng. Huống chi Khang vẫn tự biết giọng hát của mình không đặc sắc như Hồng ca ngợi. Chàng tìm cách làm cho Hồng nản chí:

- Khang nghe nói lúc này muốn để được người ta biết phải dùng *video*, chứ băng *cassette* với lại C.D. không ăn thua gì đâu! Mà thu *video*

thì đắt lắm!

Hồng gật đầu ngay:

- Ra băng trước. Nếu cần thì bỏ tiền quay *video* sau!

Khang không cãi được nữa. Hồng tiến hành việc chọn bài, mượn người hòa âm, ban nhạc và phòng thu. Mọi việc tuần tự diễn ra với một nhịp độ rất nhanh. Hôm nay là giai đoạn cuối cùng, nàng đưa Khang lại *studio* để thu tiếng hát. Chiều hôm qua, nàng đã điện thoại cho Khang, cẩn thận dặn chàng phải đi ngủ sớm và ngủ thật nhiều để chuẩn bị cho giây phút quan trọng này.

Ngồi một lúc khá lâu, Hồng sốt ruột mở cửa xe chạy vào phòng thu. Cô ca sĩ vẫn chưa xong. Hiếu mệt mỏi đứng dậy vươn vai và làm vài động tác thể dục cho đỡ mỏi rồi đưa



mắt nhìn Hồng phân bua. Hồng trở ra, chui vào chỗ cũ, quàng tay qua ôm lấy vai Khang, kéo đầu chàng tựa sát vào ngực mình. Nàng đổi đề tài, thủ thủ nói:

- Anh Tiến với em vừa cãi nhau một trận!

Khang giật mình ngồi thẳng lên, lo lắng hỏi:

- Thầy Tiến biết chuyện hai đứa chúng mình chưa?

Hồng gật đầu:

- Dĩ nhiên. Không biết, em cũng nói cho biết...

Khang hồi hộp ngắt lời:

- Chết! Có sao không? Biết mà thầy không có phản ứng gì sao?

- Phản ứng gì? Bao nhiêu tội lỗi của ông ấy, em lòi ra hết! Ngồi chết cứng mà nghe chứ nói gì bây giờ!

Rồi nàng đập bàn tay lên đùi Khang, khúc khích cười:

- Cũng nhờ ông Cồn, em mới biết ông ấy về Việt Nam đem tiền cho gái, chứ hồi đó cứ tưởng là ông ấy làm ăn thật!

Khang chớp mắt ngó ra cửa. Chàng hơi ngạc nhiên là, cứ theo Hồng kể, thì hai năm qua, Hoàng Tiến đã phung phí một món tiền khá lớn, thế mà Hồng có vẻ không tiếc xót lắm. Dường như nàng còn mừng vì nhân cơ hội này, nàng mới có cơ hội để lên án và từ giã chồng. Trong khoảnh khắc, Khang mừng tượng lại hình ảnh của Hoàng Tiến những ngày còn đứng trên bục giảng, là thần tượng của bao nhiêu học trò về sự hiểu biết và phong thái nghiêm trang tiêu biểu của một nhà giáo khả kính. Từ tác phong mẫu mực ấy, chuyển sang một khúc rẽ bất ngờ để trở thành gã đàn ông đại gái, là một điều mà Khang khó hình dung nổi, nhất là khi ông thầy của chàng đã đến cái tuổi ngũ thập! Khang hỏi lại:

- Có chắc không? Ông Cồn nói thì đâu có gì đáng tin! Khang nghe đồn thầy Tiến về nước để hoạt động chính trị chứ không phải để đầu tư. Ông Cồn hay bịa chuyện lắm!

Hồng cười:

- Lần này thì ông ấy nói đúng!

Khang im lặng dăm chiêu, mấy ngón tay lơ đãng nhịp lên nhịp xuống

trên đùi Hồng. Hồng xoay người lại, nghiêm trang bàn chuyện tương lai:

- Em tính thế này. Em không trả tiền nhà nữa, bỏ cho nhà băng lòi. Hôm trong năm, em đã phải bán cái nhẫn hột xoàn, tiêu gần hết rồi. Chỉ nội tháng này hoặc trễ lắm là tháng tới, ngân hàng sẽ kéo nhà. Em dọn sang ở với anh, còn ông ấy muốn đi đâu thì đi.

Như vậy là Khang đoán đúng. Hồng chỉ chờ dịp để xa thầy Tiến. Khang thấy có cái gì bất ổn trong lòng. Căn nhà đẹp như thế mà để ngân hàng tịch thu thì quả là một vết thương ngàn đời không xóa nổi. Chàng tự cảm thấy mình có lỗi trong vụ này nên thiết tha bảo Hồng:

- Không trả nổi tiền nhà thì ngưng làm cuốn băng đi đã! Lúc nào thu băng chả được. Để từ từ...

Hồng lắc đầu cắt ngang câu nói của Khang:

- Khang không hiểu ý định của em. Tự dưng em bỏ nhà, dọn sang ở với anh thì kỳ quá. Cho nên chỉ có cơ hội này mới thuận tiện để em và ông Tiến chia tay, đường ai nấy đi! Có tiền em cũng không trả. Em cố tình để cho nhà băng tịch thu mà! Bộ Khang không muốn sống với em hay sao?

Sợ Hồng giận, Khang vội xua tay:

- Khang muốn lắm chứ. Nhưng mà... biết đâu thầy Tiến có tiền. Hồng không trả thì thầy ấy trả?

Hồng hứ một tiếng rồi nhấn mạnh:

- Nợ ngập đầu rồi! Đi đâu bây giờ cũng lắm lết chỉ sợ người ta xông ra đòi nợ! Tiền đồ xăng còn không có, hôm qua phải xin em mấy chục, lấy đâu mà trả nổi tiền nhà!

Ngẫm nghĩ một lúc, Khang lại đề nghị:

- Kiểm người quen nào, bán rẻ cho họ. Tội gì giao cho ngân hàng?

Hồng gạt đi:

- Lỗi thôi lắm! Em chỉ muốn ra khỏi căn nhà ấy để về chung sống với anh thôi. Còn bán cho ai, tặng cho ai, em cũng chẳng quan tâm!

- Đồ đạc thì sao?

- Em sẽ bàn với ông ấy, chia đôi, ai khuôn được cái gì thì khuôn. Mà

giá như ông ấy có đòi lấy hết, em cũng cho luôn! Em chỉ cần được sống với anh thôi!

Nghe Hồng nói, Khang thấy nổi bản khoăn trong lòng mình chẳng những không tan biến được, mà dường như cứ mỗi lúc một gia tăng đến độ làm chàng ray rứt! Phải chăng vì chàng mà một gia đình sắp tan nát và ông thầy cũ của chàng nay mai sẽ lang thang không biết tấp về đâu! Chàng thần thờ nói:

- Ngân hàng lấy nhà thì thầy Tiến ở đâu? Tội nghiệp!

Hồng cười mỉa mai:

- Đường cùng thì về Việt Nam làm... thủ tướng! Khang biết không, ông Cồn còn kể là ông Tiến giả mạo biết bao nhiêu là giấy tờ, định về lừa bịp Việt cộng. Ông ấy hứa khi làm thủ tướng sẽ cưới con Mỹ Đào, cho làm đệ nhất phu nhân! Nhưng cuối cùng rơi mặt nạ!

Khang nhăn mặt:

- Thầy Tiến mà cũng tệ như thế sao?

Hồng bĩu môi:

- Đàn ông mà! Danh với gái, chẳng ai thoát được!

Có tiếng gọi từ cửa phòng thâu. Hồng và Khang cùng ngoái đầu nhìn. Hiểu giờ tay ngoắc hai người lại. Hồng đẩy cửa xe và ân cần dặn:

- Khang cứ bình tĩnh hát, đừng có sốt ruột. Chừng nào thật hài lòng mới thôi. Đẳng nào mình cũng trả tiền rồi.

Khang gạt đầu ôm tập nhạc đi bên cạnh Hồng. Chàng bản khoăn tự hỏi, nay mai thế nào cũng có lúc phải giáp mặt Hoàng Tiến. Chừng đó, không hiểu chàng sẽ ăn nói làm sao với ông thầy của mình?

Hiểu đứng chờ ở cửa phòng thâu, vén tay áo nhìn đồng hồ rồi bảo Hồng:

- Khoảng một tiếng nữa tôi phải ra phi trường đón thằng bạn từ Texas qua. Thâu như vậy gấp gấp quá, sợ không thoải mái. Hay là sáng mai anh chị trở lại. Ngày mai tôi không có hẹn với ai, anh chị thâu nguyên một ngày, tôi làm thật kỹ cho anh chị...

Hồng đưa mắt nhìn Khang rồi cúi

đầu ngẫm nghĩ. Chủ phòng thu nói sao thì đành phải nghe như vậy, bởi sự thành công của một băng nhạc tùy thuộc rất nhiều ở ông ta. Chỉ có một trở ngại là sáng mai Hồng phải đi làm, năm giờ chiều mới ra khỏi sở. Để Khang đến đây một mình, Hồng không yên tâm, bởi nàng biết Khang quá dễ tính và lúc nào cũng ngại làm phiền người khác. Nàng cần có mặt bên cạnh để bắt Khang thâu tới thâu lui cho đến khi thật hoàn hảo mới thôi. Hơn thế nữa, nàng có cái tâm lý thích chủ động, muốn mọi việc diễn ra chung quanh Khang, dù nhỏ dù lớn, cũng phải do nàng đạo diễn. Mai kia khi tên tuổi Khang lên cao trên vòm trời âm nhạc, nàng sẽ hãnh diện nói với mọi người rằng, đó là công lao của nàng, và cuốn *cassette* đầu tiên giới thiệu tiếng hát của Khang là do chính tay nàng thực hiện từ đầu đến cuối. Nàng cũng dự định sẽ ghi mấy chữ: "*Producer: Ngọc Hồng*" trên bìa băng, nhưng muốn như thế, nàng phải ly dị hẳn với Hoàng Tiến đã.

Thấy hai người có vẻ thất vọng, Hiếu phân trần:

- Cô ấy thâu có một bài mà mất bốn tiếng đồng hồ! Hát tới hát lui mãi vẫn không hài lòng. Cô ấy hỏi tôi: "Anh thâu cho Khánh Hà hay, mà tại sao thâu cho em nghe kỳ quá!" Hỏi thiệt là ngu! Tại giọng Khánh Hà tự nó đã hay rồi!

Khang nhếch mép cười rồi quay sang Hồng:

- Đành vậy thôi! Ngày mai Hồng cứ đi làm đi. Một mình Khang đến đây cũng được!

Chủ phòng thu mừng rỡ vỗ vai Khang. Kinh nghiệm mấy năm nay đã khiến ông chán ngấy cái cảnh chồng hát, vợ làm *manager* - hoặc ngược lại - đòi hỏi ông nhiều điều rất vô lý. Đã có lần ông cãi nhau với một cặp vợ chồng và cuối cùng trả lại tiền, để họ đi kiếm *studio* khác. Ông hân hoan bảo Khang:

- Tôi sẽ làm thật kỹ cho anh. Anh muốn thâu tới lúc nào cũng được! Với lại, thu kỹ thì lúc *mix* đỡ mất công!

Hồng miễn cưỡng chấp thuận:

- Thôi được rồi. Ngày mai anh cứ đến thu trước đi. Tan sở, em sẽ chạy thẳng lại đây.

Và nàng dặn Hiếu:

- Anh nhớ làm cẩn thận cho tôi. Cuốn băng đầu tiên...

Hiếu gật đầu:

- Cái đó là nghề của tôi. Chị cứ yên trí!

Hai người chào Hiếu rồi quay ra sân. Hồng đi nép sát vào Khang, vòng một cánh tay quàng ngang lưng người tình. *Yêu anh, yêu lại từ đầu*. Giữa hai người, Hồng luôn luôn cuồng nhiệt và lãng mạn hơn Khang, dường như muốn níu kéo thời gian

bởi đã phí phạm quá nhiều. Khang giật mình toan gỡ tay Hồng ra nhưng không dám. Chàng quay đầu lại theo phản ứng tự nhiên, vì có cảm tưởng Hiếu đang từ phòng thâu nhìn ra theo dõi. Từ trước đến nay, hai người tuy có đi với nhau, nhưng luôn luôn giữ một khoảng cách và nếu cần thì Hồng giới thiệu Khang là bà con. Hôm nay Hồng tiến xa quá, trắng trợn ôm Khang mà chẳng cần để ý gì đến chung quanh. Nàng âu yếm bảo Khang:

- Về nhà anh nhé? Em muốn nắm bên anh một lúc!

Khang lưỡng lự:



- Thầy Tiến biết số phận của Khang. Cách đây hai hôm, thầy ấy phôn qua. Khang nhận ra giọng nên Khang cúp máy, không trả lời. Hình như thầy Tiến biết cả địa chỉ của Khang nữa. Rủi thầy ấy bất ngờ xông vào, bắt gặp Hồng trong nhà Khang thì khó ăn khó nói quá!

Hồng bướng bỉnh:

- Đã sao! Em dứt khoát rồi mà!

- Nhưng đã giải quyết xong đâu?

Im lặng một lúc, Hồng lại đề nghị:

- Hay là mình ra ngoại ô, kiếm cái quán nào thật vắng...

Nói xong, chính nàng vén tay áo nhìn đồng hồ rồi đổi ý:

- Hay là thôi. Anh về nghỉ cho khoẻ. Nhớ là phải ngủ nhiều, hát mới hay. Bây giờ em chạy lại bà Liễu, điều đình với bà ấy ngày mai làm thay cho em để em đi thu băng với anh. Không chắc bà ấy đã bằng lòng, nhưng cứ thử hỏi xem sao.

Khang gật đầu. Hồng hôn lên má Khang rồi mở cửa xe chui vào.. Khang cũng lên xe, chờ Hồng phóng đi trước, chàng mới ra đường và rẽ hướng ngược chiều.

Buổi tối, Hồng về nhà thấy Hoàng Tiến vẫn ngồi ủ rũ trên sofa, bên cạnh đồng *bill* xếp ngay ngắn trước mặt. Nàng ngó vào góc phòng khách và hài lòng nhận ra Hoàng Tiến đã quét sạch những mảnh thủy tinh tung toé trên sàn. Hồng nhìn thật nhanh khuôn mặt sầu đời của Hoàng Tiến rồi đi thẳng vào trong, thay quần áo. Ngang qua bàn ăn, nàng thấy tô mì gói mới vơi đi một nửa, chứng tỏ Hoàng Tiến ghen hòng nuốt không trôi. Hồng rẽ vào phòng ngủ, khép cửa lại. Nàng cởi sơ-mi và quần tây quăng lên giường rồi theo thói quen, đứng lên bàn cân trước tấm gương lớn xem cơ thể có thay đổi gì không. Mới ưu tư thường nhật của Hồng lúc này là giữ sao cho thân hình thon nhỏ, nhất là ở tuổi nàng, người ta dễ phát phì. Ngày mới sang Mỹ, theo Hoàng Tiến đi dự một buổi tiệc tại nhà người bạn, Hồng nghe mấy ông bảo nhau:

- Ở hải ngoại, gặp đàn bà không

cần phải khen đẹp, mà chỉ cần khen người ta... gầy!

Càng ngày nàng càng nhận ra câu nói đùa ấy hữu lý. Chính nàng bây giờ ngày nào cũng phải đạp xe và tập nhiều động tác cho hông nhỏ lại. Nàng cũng nhìn ra một điều là đàn bà Việt Nam không nên mặc *jupe*, bởi đa số bắp chân đều cong, nên mặc quần để che cái khuyết điểm ấy. Nhưng mặc quần thì đôi khi lại khổ sở vì cái bụng nhiều mỡ!

Hồng cúi xuống nhìn con số ghi trên bàn cân và hài lòng vì sức nặng của mình vẫn giữ nguyên từ mấy tháng nay. Nàng mặc bộ đồ thun trắng, tháo bông tai cất vào chiếc hộp gỗ nhỏ ở góc bàn trang điểm. Hoàng Tiến đứng bên ngoài, ho lên một tiếng rồi nhẹ nhàng đẩy cánh cửa mở hé, bước vào. Ông chậm chạp ngồi xuống mép giường, run run nói:

- Mấy cái *bill* thì em để từ từ, anh sẽ tìm cách trả. Chỉ riêng tiền nhà thì em cố giúp anh vài tháng nữa. Anh sẽ kiếm việc gì làm. Nghe nói văn phòng luật sư Anderson đang thiếu người phụ tá pháp lý. Ngày mai anh sẽ ra hỏi thử xem sao...

Giọng nói nhũn mềm của kẻ thất thế, mất hết phong thái của một chính khách từng nghênh ngang xách *samsonite* ra vào gấp gờ các đồng chí cao cấp trong nước để ba hoa phết lác về vai trò của mình trong chính phủ Hoa kỳ! Hồng cắt ngang lời van xin của chồng, gay gắt nói:

- Mấy chục người vừa bị công tay vì dàn cảnh dựng xe, anh không thấy hay sao mà còn đòi làm phụ tá pháp lý? Nhưng anh muốn làm gì mặc kệ anh. Tôi chỉ nói dứt khoát là tôi không trả tiền nhà nữa!

Hoàng Tiến khổ sở đọc điều vãn:

- Vợ chồng ăn ở với nhau, chia sẻ những ngày vui, những lúc buồn. Tạm thời anh không làm ra tiền, anh mới phải nhờ đến em. Bỏ nhà cho ngân hàng lấy, rồi anh với em dọn đi đâu?

- Anh đi đâu thì đi, đừng bận tâm đến tôi!

Câu nói dứt tình của Hồng, lần thứ hai nàng lặp lại, Hoàng Tiến vẫn không nghĩ là vợ nói thật, mà chỉ coi

đó là lời hờn dỗi bình thường của bất cứ người đàn bà nào trong lúc đang giận chồng, nói ra để chờ chồng năn nỉ. Cho nên ông tiếp tục phản trần:

- Buông căn nhà, chẳng những mình không có chỗ ở đang hoàng mà còn mất hết cả thể diện với mọi người! Và quan trọng nhất là gây ảnh hưởng xấu đến tâm lý con cái. Em nên nghĩ đến uy tín của anh và tương lai các con. Anh hứa chỉ vài tháng nữa, anh sẽ gây dựng lại!

- Anh làm gì có thể diện mà sợ mất! Nếu anh biết giữ uy tín cho anh và cho các con, anh đâu có đem tiền bạc về Việt nam cho gái! Tôi nói rồi, một mình tôi không thể nào trả nổi tiền nhà!

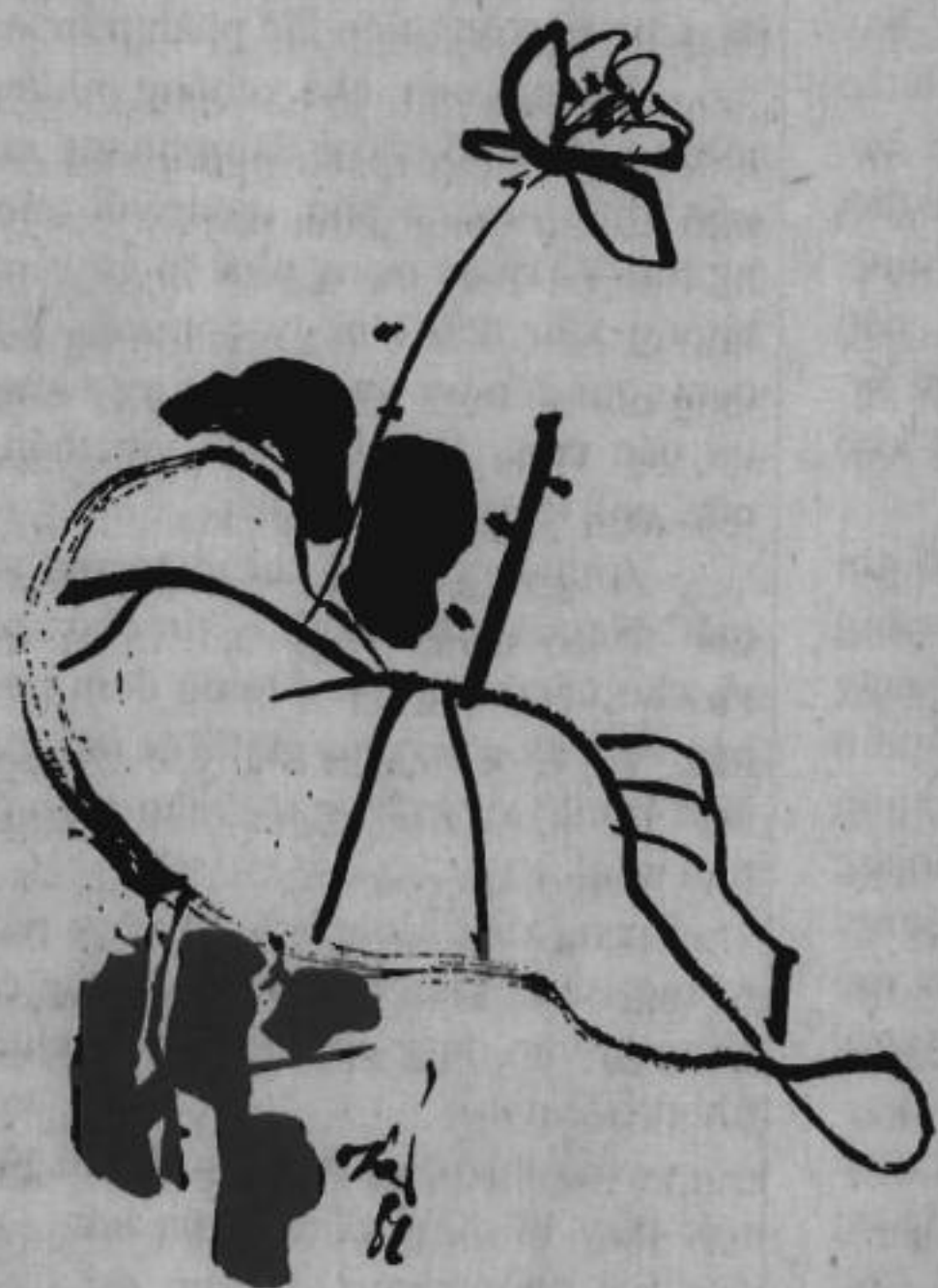
Trong đầu Hoàng Tiến chợt nảy ra một sáng kiến mà ông hy vọng có thể cứu vãn được tình thế. Ông khẩn khoản đề nghị:

- Nhà thì rộng mà con cái đi hết rồi. Hay là mình cho mượn bớt. Dư đến hai phòng ngủ, để làm gì? Cho thuê, phụ tiền nhà với em, rồi chừng nào anh có việc làm, thì mình khỏi cho mượn nữa!

Hồng bước ra quầy bếp, mở tủ lạnh lấy gói rau, chuẩn bị bữa cơm chiều. Những đợt đậu hoà lan thật non, màu xanh óng mượt như vẫn còn trên cây. Nàng vừa làm vừa ngẫm nghĩ. Đã dứt khoát với lòng mình là sẽ ra đi, mà nhìn nét mặt phờ phạc của Hoàng Tiến, nghe giọng nói thiết tha của người chồng thất thế, nàng lại cảm thấy chạnh lòng, chưa nỡ dứt. Hoàng Tiến bước ra, đứng sau lưng, tiếp tục năn nỉ. Hồng yên lặng khá lâu, vợ vẫn nghĩ đến Khang. Một lúc, nàng quay lại, đưa ra một đề nghị hết sức táo bạo:

- Nhà trong thành phố bây giờ trống nhiều lắm, để gì cho thuê được ngay... Nhưng mà hôm nọ nghe ông Cồn nói là chú Khang, học trò của anh, đang cần mượn phòng. Hay là cho chú ấy thuê, chia tiền nhà. Phòng của con Dung bỏ không mấy tháng nay cũng phí. Dù sao Khang nó cũng là người quen, tiện hơn là đón người lạ vào ở chung với mình!

(còn tiếp)



ngọc sáng trong hoa sen

John Blofeld
Nguyễn Phong
phóng-tác

(tiếp theo)

Một trong những nghi lễ quan trọng của những ngày hội này là việc cúng dường diễn ra trong ngày cuối. Sau một buổi lễ hết sức long trọng, những người hành hương xếp hàng dài trước mặt vị chủ lễ Lạt ma Kushog, họ đưa ra những túi đựng tiền bạc hoặc đồ trang sức như vòng ngọc, kiềng vàng để cúng vào tu viện. Một người bình thường chắc hẳn sẽ phải chóa mắt trước tài sản lớn lao thu tập được trong những buổi lễ như thế. Sau lễ cúng dường, các tu sĩ mang ra một bình nước khá lớn. Họ thông thả đến trước mặt từng người, rót vào lòng bàn tay mỗi người một vài giọt nước. Những người này vội vã xoa lên đầu, lên trán họ một cách vô cùng cung kính và thành khẩn. Tôi được giải thích rằng nước đó tượng trưng cho phước báu, có giá trị tương đương với những phẩm vật mà họ dâng cúng. Điều họ dâng cúng hay cho ra ngoài không hề mất đi

nhưng luôn luôn trở lại với họ dưới một hình thức khác.

Sơ sánh các chùa chiền, tu viện trong rừng Ngũ Đài này, tôi thấy có một khác biệt rõ rệt giữa chùa chiền của người Tây Tạng, Mông Cổ và Trung Hoa. Hầu hết các tu viện của người Tây Tạng và Mông Cổ đều xây cất một cách to lớn, vĩ đại với những đồ đạc hết sức quý báu, sang trọng không thua kém gì cung điện các vua chúa. Trong khi đó, tu viện Trung Hoa thường bé nhỏ hơn và đồ đạc cũng giản dị hơn nhiều. Điều này phản ánh rõ rệt hai quan niệm khác nhau: Đa số người Tây Tạng và Mông Cổ sống du mục, giản dị nếu không nói là họ không để ý đến những tiện nghi vật chất bao nhiêu. Có lẽ vì thế nên quan niệm về giải thoát được họ giải thích là tìm sự giải thoát ngay trong đời sống hiện tại, tìm cái đẹp ngay trong lối sống hàng ngày, do đó các tu viện tượng trưng cho chân lý, được xây cất một cách lộng lẫy, đẹp đẽ và các tu sĩ Tây Tạng, Mông Cổ thường mặc các y

phục diêm dúa. Trong khi đó người Trung Hoa chú trọng nhiều đến các tiện nghi của đời sống, việc sở hữu và tích lũy tài sản đã trở nên một lối sống, một giá trị cần thiết nên quan niệm về giải thoát của họ được giải thích như sự từ bỏ các tiện nghi, các ràng buộc vật chất, do đó các chùa chiền thường được xây cất một cách giản dị, sơ sài.

Ngoài những tu viện to lớn, lộng lẫy với hàng ngàn tu sĩ như Pusa Ting, Ngũ Đài Sơn còn có nhiều am thất của các tu sĩ sống ẩn dật đơn độc. Hầu hết những người này ít tiếp xúc với khách hàng hương. Họ sống tự túc bằng cách trồng trọt hoặc trông nhờ vào sự giúp đỡ của các thí chủ. Đa số dựng am thất ở những nơi hoang vắng, ít người qua lại, có người sống hẳn trong các hang động thiên nhiên. Trong thời gian sống tại Ngũ Đài Sơn, tôi đã tìm cách liên lạc với họ nhưng đa số đều từ chối không tiếp người lạ. Thỉnh thoảng cũng có người bằng lòng nói chuyện với tôi nhưng họ tỏ ra dè dặt không nói gì nhiều. Hầu hết những người sống ẩn dật này đều quan niệm rằng kiến thức thu tập được trong tu viện hay qua sách vở chỉ giúp người ta một căn bản giới hạn nào đó thôi. Muốn có kinh nghiệm tâm linh, người tu còn phải đi xa hơn nữa qua các công phu tu tập có tính cách cá nhân. Hầu hết các phương pháp này đều chú trọng vào việc khai mở trí tuệ qua việc nghiên cứu, quan sát, thiền định, quán tưởng về một đề tài nào đó, không phải chỉ trong vài ngày, vài tháng hay một thời khoá nhất định, mà nỗ lực ngày đêm không ngừng nghỉ. Qua việc tiếp xúc với những người này, tôi thấy họ thường khiêm tốn và phủ nhận rằng họ đã có kinh nghiệm tâm linh hoặc chứng đắc điều gì. Đôi khi không muốn bị quấy rầy, nhiều người còn tỏ ra khờ khạo, ngây thơ hoặc có những cử chỉ như điên khùng, nhưng theo sự nhận xét của tôi, phần lớn đều đã ít nhiều đạt được những trình độ tâm linh khá cao. Tôi ghi nhận lại đây buổi tiếp xúc với một ẩn sĩ sống trong một am thất nhỏ. Sau câu

chuyện xã giao, vị ẩn sĩ đã hỏi tôi:

- Tiên sinh có thấy phong cảnh Ngũ Đài Sơn đẹp không?

- Hiển nhiên phong cảnh Ngũ Đài Sơn đẹp tuyệt vời rồi, nhưng so sánh với cảnh đẹp của các cảnh giới khác thì sao?

Ẩn sĩ ngạc nhiên:

- Làm gì còn cảnh giới nào nữa?

- Tôi nghe nói khi chứng ngộ, không còn bị các vọng tưởng mê hoặc thì người ta sẽ đến được các cảnh giới đẹp tuyệt vời...

- Ha ha ha... Tiên sinh làm rồi! Làm gì có những cảnh giới như vậy! Đó là những lời đồn đãi vô căn cứ. Cảnh đẹp tuyệt vời là đây, ngay ở đây, trong giây phút thực tại này.

- Nhưng... nhưng đây là cõi vô minh, đây ảo vọng xấu xa với những ảo ảnh của nhị nguyên như đẹp và xấu, có và không, tốt và không tốt...

- Vậy ư? Thế sao tiên sinh không cho rằng việc có một cảnh giới nào khác biệt với cảnh giới hiện tại cũng là một ảo vọng của tâm thức, cũng tùy thuộc vào đối đãi nhị nguyên?

- Nhưng nếu vậy thì cõi Niết Bàn ra sao?

- Này tiên sinh, hãy nhìn những rừng núi, những con suối chảy, những rừng cây xanh ngắt đẹp tuyệt vời kia. Khi biết nhìn mọi vật với một nhãn quan mới, một nhãn quan không bị chi phối bởi tham, sân, si, bởi vọng tưởng thì cảnh đẹp kia chính là Niết Bàn đó! Niết Bàn không phải một nơi chốn nào khác biệt với thế gian, một cảnh giới nào mà người ta có thể tìm đến. Niết Bàn chính là đây. Vô minh chính là Niết Bàn. Thay vì phải tìm kiếm ở đâu xa hay phải đến một cõi giới nào đó, chúng ta hãy tìm nó ngay tại đây, hãy ý thức rằng chính vì vô minh mà chúng ta cứ mãi miết tìm kiếm một cái gì ở đâu xa mà quên rằng điều chúng ta tìm kiếm vốn có sẵn nơi đây. Khi biết khai mở trí tuệ, biết nhìn mọi vật một cách đúng đắn thì chúng ta sẽ thấy rằng từ trước đến nay chúng ta đã tìm kiếm trong vọng tưởng, như người ngủ say đầu hay biết rằng mình đang mê ngủ. Phải chăng phong cảnh thiên nhiên đẹp

tuyệt vời đang nhắc nhở cho chúng ta rằng đừng mê vọng nữa, hãy ý thức rằng Niết Bàn chính là đây.

Ẩn sĩ nhìn tôi một lúc rồi nhẹ nhàng:

- Phùng tiên sinh, khi trở về với đời sống quay cuồng điên đảo nơi chốn thị thành, ông có thể tập thói quen đặt lên bàn làm việc một bình hoa nhỏ để nhắc nhở chính mình về cái đẹp sẵn có lúc nào cũng chờ đợi giây phút tỉnh thức.

Tôi đã ghi nhận lời khuyên bảo quý báu này, và từ đó lúc nào trên bàn làm việc của tôi cũng luôn luôn có một bình hoa tươi.

Hiển nhiên không phải tu sĩ nào sống ở Ngũ Đài Sơn cũng đều là bậc chân tu, đạo hạnh. Có rất nhiều tu sĩ chỉ chú trọng đến các hình thức bề ngoài hoặc những vật phẩm dâng cúng của các tín đồ. Có thể vì thành kiến cá nhân qua việc giao tiếp với một số tu sĩ, tôi không mấy có cảm tình với những tu sĩ có danh xưng trọng vọng. Tôi thấy hình như những tu sĩ chức tước lớn, sống trong những tu viện sang trọng đều có một cái gì không được thánh thiện, trong sạch cho lắm. Tuy sống tại Pusa Ting nhưng tôi không có cảm tình với Lạt ma Kushog bao nhiêu. Lần đầu gặp ngày, tôi tuân theo đúng các lễ nghi của người Tây Tạng, quỳ xuống dâng lên một cái khăn quàng và ngài đỡ lấy quàng nhẹ vào cổ tôi, sau đó chúng tôi trao đổi với nhau vài câu xã giao rồi ngài phát tay ra hiệu cho tôi lui ra để đến phiên người khác. Tôi đứng lên lui vào góc nhà theo dõi hàng trăm người được ngài đón tiếp một cách máy móc như vậy, vài câu nói xã giao, vài mẫu chuyện nhỏ rồi thôi. Không có gì đặc biệt khác thường. Càng quan sát tôi càng thấy có một cái gì giả tạo, gượng ép, máy móc và chú trọng đến bề ngoài nhiều quá. Các câu nói chỉ có tính cách xã giao, các lời khen tặng có vẻ hơi hợt và luôn luôn kèm thêm những hứa hẹn viễn vông không thực tế.

Không riêng gì Lạt ma Kushog mà vị Hoạt Phật người Mông Cổ sống tại tu viện gần đó cũng có tác phong bề ngoài như thế. Theo tôi,

danh từ "Hoạt Phật" đã bị sử dụng bừa bãi và được giảng giải như là một vị Phật tái sinh. Theo đúng ý nghĩa, Phật là quả vị cao tốt, là người đã chấm dứt sinh tử luân hồi, đâu còn tái sinh nữa, nhưng nhiều người vẫn cứ mập mờ sử dụng danh từ này với lý do riêng. Theo tôi, có lẽ đó chỉ là một vị Hoá Thân mặc dù không có bằng chứng đích xác rằng đó là một vị Hoá Thân đúng với ý nghĩa cao đẹp nhất. Danh nghĩa "Hoá Thân" cũng bị lạm dụng nhiều vì tôi được biết đã có trường hợp các tu sĩ tự phong mình lên chức "Hoá Thân" hoặc tìm một đứa bé nào đó phong cho nó làm "Hoá Thân", lợi dụng lòng sùng kính của tín đồ để trục lợi. Hôm đó tôi đến ngôi chùa Mông Cổ thì gặp vị "Hoạt Phật" đang ngồi đánh bài với hai người Trung Hoa. Đó là một cậu bé trạc 18, 20 tuổi, khuôn mặt tròn như trăng rằm, đôi mắt nhỏ xúu và luôn luôn liếc ngang liếc dọc. Theo đúng lễ nghi, tôi quỳ xuống đất lạy ba lần. Vị "Hoạt Phật" không đáp lễ mà bật lên cười:

- Ha ha... Một Phật tử người da trắng... Tốt lắm, tốt lắm... Người có muốn uống rượu không?

Vừa nói vị "Hoạt Phật" vừa chỉ vào chai rượu để gần đó nhưng thấy tôi vẫn đứng yên không nhúc nhích, cậu khoát tay:

- Rượu này của Phật, người uống đi để lấy phước.

Tôi nói vài câu lễ phép để từ chối nhưng vị "Hoạt Phật" lắc đầu thương hại:

- Một người da trắng mà không biết uống rượu! Kém quá! Kém quá!. Thôi được, để ta uống giùm người vậy!

Vừa nói vị "Hoạt Phật" vừa rót một chén lớn, uống cạn rồi tiếp tục ván bài đang chơi dở, không chú ý gì đến tôi đứng gần đó. Nhìn một người danh xưng trọng vọng đang chúi mũi vào ván bài đen đỏ, tôi cảm thấy vừa thất vọng vừa khó chịu nên đành nói vài câu xã giao xin kiếu từ. Cậu bé gạt đầu xua tay:

- Được rồi, người cứ lui ra đi để chúng ta còn làm những việc quan trọng.

Tôi phải cố gắng lắm mới khâu đầu đúng ba lần theo lễ nghi mặc đầu trong bụng vô cùng khó chịu về cử chỉ ngạo mạn, bất lịch sự kia. Có lẽ về những kinh nghiệm không đẹp này nên tôi không thích gặp những tu sĩ có danh xưng, chức tước mà chỉ muốn giao thiệp với những tu sĩ vô danh sống khiêm tốn trong các am thất nhỏ bé. Tiếc thay, những người này không chịu tiếp tôi và thường tỏ ra khó chịu khi tôi làm phiền sự thanh tu của họ.

Một hôm người ta rủ tôi đến thăm hoà thượng Ninh Hải, một tu sĩ nổi tiếng đang trụ trì một tu viện gần đó. Tôi không hào hứng mấy về chuyến đi này vì hình ảnh các tu sĩ danh xưng trọng vọng, tước hiệu đầy người không gây cho tôi một cảm tình gì, nhưng nề nhóm người hành hương Trung Hoa, tôi đành phải đi theo. Hoà thượng Ninh Hải là một người gầy gò bé nhỏ, khuôn mặt khắc khổ, đầy vết nhăn. Tuy là người Trung Hoa nhưng ngài ăn mặc giống như các Lạt ma Tây Tạng vì ngài tu theo Kim Cương Thừa. Hôm đó chúng tôi đến đúng vào lúc ngài vừa thuyết pháp xong nên trông ngài có vẻ mệt. Ngài tiếp phái đoàn một cách lễ phép nhưng có phần hờ hững hay gượng ép. Ngài chỉ cho mọi người một vài nơi chốn để đến thăm, các đèn đài để đến lễ, phát cho mỗi người một pho tượng nhỏ để làm quà rồi xua tay ra hiệu cho mọi người lui ra. Dĩ nhiên tôi không hào hứng gì trước những cử chỉ máy móc như vậy. Tuy nhiên ít lâu sau có dịp gặp lại ngài tại một ngôi chùa nhỏ, ngài nhận ra tôi là người đã có mặt trong phái đoàn lần trước và hỏi thăm tôi một cách ân cần. Câu chuyện trở nên thân mật hơn. Càng gần Hoà thượng, tôi càng thấy cái thành kiến khi trước của tôi về ngài càng sai lầm. Ít lâu sau tôi thường đến thăm ngài để học hỏi thêm về Kim Cương Thừa. Vì biết Hoà thượng đã từng tu Thiền sau lại đổi qua tu Mật nên tôi hỏi:

- Xin Hoà thượng cho biết vì sao một người xuất thân từ Thiền Tông (Đại Thừa) lại giảng dạy về Mật Tông (Kim Cương Thừa) như vậy?

- Mặc dầu Đại Thừa và Kim Cương Thừa đều cùng truyền vào Trung Hoa một lúc nhưng tư tưởng Đại Thừa thích hợp với phong hoá nơi đây hơn nên dần dần được phổ biến mạnh mẽ và chiếm ưu thế, do đó ít ai chịu học hỏi thêm về Kim Cương Thừa. Khi còn nhỏ ta chuyên tu Thiền nhưng vào tuổi trung niên có dịp sống tại Thanh Hải, ta gặp một vị thầy người Tây Tạng chỉ dẫn nên về sau ta chuyên tu về Mật Tông. Dù tu theo pháp môn nào thì cũng đều là giáo pháp của Đức Thế Tôn cả, tùy theo căn cơ mà lựa chọn con đường thích hợp.

Biết tôi muốn tìm hiểu thêm về Kim Cương Thừa, ngài lấy ra một cây bút vừa vẽ vừa giải thích:

- Có nhiều cách giải thích khác nhau, để ta giải thích bằng biểu tượng cho dễ hiểu. Tất cả thế gian này có thể tượng trưng như một vòng xoáy mà trung tâm điểm là chân lý tuyệt đối hay "Không", chung quanh đó là những xáo trộn luôn luôn thay đổi biến dịch hay "vô minh". Có người phân biệt mức độ cao thấp của vòng xoáy này như những bậc thang tiến hoá dần về trung tâm hay thoái hoá khi rời xa trung tâm. Có người coi đó là một vòng tròn xoay chuyển không ngừng, không có khởi đầu mà cũng không có chấm dứt với trung tâm là chân lý tuyệt đối không hề xoay chuyển. Mọi vật ở tại trung tâm vốn không có tự tính hay "Không" nhưng vì vô minh mà đắm ra phân biệt và bị lôi cuốn vào vòng sinh tử luân hồi ở phía bên ngoài kia. Theo Dịch học thì chân lý tuyệt đối là Thái Cực hay một, sau biến thành hai hay lưỡng Nghi, rồi cứ thế sinh bốn, sinh tám, sinh sáu mươi bốn, v.v.. Tất cả chỉ là những biểu tượng hàm chứa một sự thay đổi biến dịch không ngừng. Cũng như thế, Kim Cương Thừa sử dụng những biểu tượng gọi là Mandala để nói về sự thay đổi biến dịch từ chân lý tuyệt đối ở trung tâm chuyển biến ra phía ngoài qua các màu sắc của ngọn lửa như xanh, đỏ, vàng, và xanh lục. Càng đi xa trung tâm, ngọn lửa càng chập chùng biến thành đủ các màu sắc khác nhau, lúc

màu này khi màu khác, trong khi gần trung tâm ngọn lửa có màu sắc rõ rệt và ít thay đổi hơn. Vấn đề chính là làm sao ý thức được sự kiện này để quay về với bản thể, trở về với cái chân lý tuyệt đối, với cái trung tâm điểm kia. Đối với người tu Thiền thì phải công phu tập luyện làm sao để một người đang đứng từ bên ngoài có thể nhảy vọt vào trung tâm, trong chớp mắt có thể đón ngộ giải thoát. Hiển nhiên đã có người thành công trong việc này nhưng điều này không dễ. Phải là người có căn cơ thế nào mới có thể hoàn tất được điều trên. Trong khi đó, thay vì trực chỉ chân tâm, giải thoát tức khắc, các bậc thầy về Kim Cương Thừa đã nghiên cứu những động lực biến thiên chuyển hoá và sử dụng nó như phương tiện đưa người ta vào trung tâm. Bí quyết của Kim Cương Thừa hay Mật Tông chính là sự hiểu biết rõ ràng về các



động lực chuyển hoá và sử dụng chúng để giải thoát khỏi vòng kiềm tỏa của luân hồi. Vì các động lực này rất mãnh liệt và nguy hiểm nên phương pháp này chỉ thích hợp với căn cơ một thiểu số người, do đó các vị thầy Kim Cương Thừa rất cẩn thận và chỉ truyền dạy nó trong phạm vi bí mật hay khẩu truyền. Việc sử dụng các mãnh lực này rất nguy hiểm nếu người ta không biết cách hoặc không luyện tập đến nơi đến chốn nên con đường tu Mật khó khăn và nguy hiểm hơn các con đường khác.

Ninh Hải hoà thượng ngưng lại, ném cây bút xuống bàn rồi mỉm cười:

- Phùng tiên sinh có thấy không, chân lý chỉ có một nhưng con đường đưa đến chân lý biến hoá không biết bao nhiêu mà kể! Cũng vì thế mà nhân loại có nhiều tôn giáo hay sự tin tưởng khác nhau. Ta đã sống tại Thanh Hải trong nhiều năm, đã có dịp tiếp xúc với các tu sĩ của nhiều tôn giáo, ta đã đàm đạo với các tu sĩ người Âu đi truyền giáo, các giáo sĩ người Hồi cũng như Do Thái, ta thấy đã có nhiều người đạt đến những trình độ tâm linh rất cao, phải chăng vì họ đã tiến gần đến cái trung tâm hay chân lý tuyệt đối? Phải chăng cái mà ta gọi là "trung tâm" hay chân lý tuyệt đối đó thường được các tôn giáo khác gọi bằng những danh từ khác nhau như "Thượng đế" hay "Thần linh"? Hiển nhiên danh từ không quan trọng và không đáng để ý nhiều vì nó thường gây nên sự phân biệt, chia rẽ. Biết bao nhiêu kẻ xưng là Phật tử nhưng còn xấu xa, tội lỗi hơn những người theo Thiên Chúa giáo hay Hồi giáo nữa. Trong khi đó có những tu sĩ người Hồi nhưng sự hiểu biết và cách cư xử của họ có khác gì một bậc Bồ Tát đâu! Nhờ có dịp giao thiệp, tiếp xúc với các tu sĩ của các tôn giáo khác nên quan niệm về chân lý của ta cũng phóng khoáng hơn trước nhiều. Thí dụ như người Mông Cổ coi đức Văn Thù như một vị thần, người Trung Hoa coi ngài như một vị Bồ Tát. Điều này đâu khác gì nhau. Tất cả chỉ là những danh xưng hay sự nhân cách hoá một chân lý tối cao nào đó. Cũng như thế,

người Thiên Chúa giáo đã nhân cách hoá các biểu tượng của chân lý như những vị thiên thần. Danh từ thật ra không có ý nghĩa gì cả vì mục đích của con đường đạo là giải thoát, là làm sao bước vào được cái trung tâm hay hoà nhập vào cái chân lý tuyệt đối kia. Khi đã đạt đến một trình độ nào đó thì tất cả mọi danh xưng đều trở thành vô nghĩa. Khi đã bước vào được trung tâm tĩnh lặng, đã ý thức được chân lý tuyệt đối thì người ta sẽ thấy tất cả những gì đang xoay chuyển bên ngoài đều chỉ là những sự náo động vô ích mà thôi. Do đó ta khuyên anh hãy cố gắng giữ tâm bình thản, không chê bai, không phê phán mà ý thức rõ rệt rằng chỉ khi nào người ta có thể phá tan được sự kiềm tỏa của sinh tử luân hồi, của những động năng lôi kéo con người trong vòng thị phi thì khi đó người ta sẽ hiểu biết một cách thấu đáo mọi sự. Chỉ khi đó thôi người ta mới thực sự hiểu biết, trước khi đó mọi sự giải thích chỉ có tính cách tương đối và gượng ép. Sở dĩ ta tu theo Kim Cương Thừa vì các vị thầy phái này đã vạch rõ cho ta một bản đồ chỉ dẫn rõ ràng, từng chi tiết để đưa đến con đường giải thoát.

Ninh Hải hoà thượng chăm chú nhìn tôi một lúc:

- Hình như tiên sinh đã từng tu theo Kim Cương Thừa?

Tôi gật đầu và kể cho Hoà thượng về việc được Kim Cương trưởng lão thu nhận và chỉ dạy như thế nào. Hoà thượng Ninh Hải yên lặng lắng nghe một lúc rồi thở dài lắc đầu:

- Làm sao tiên sinh có thể sơ xuất đến như thế được? Một cơ hội tốt đẹp hiếm có như thế mà tiên sinh lại bỏ qua! Tiên sinh nên biết việc gặp được một vị thầy như vậy quả là một nhân duyên lớn. Thật đáng tiếc! Thật đáng tiếc! Nhưng dù sao thì hạt giống mà Kim Cương trưởng lão đã gieo sẽ không mất đâu, tiên sinh chỉ cần chăm nom vun xới thì nó sẽ đâm chồi nảy lộc.

Sau khi ngừng lại nhìn tôi một lúc nữa, hoà thượng Ninh Hải tiếp tục:

- Phùng tiên sinh có một nhân

duyên hết sức hãn hữu nhưng tôi vẫn không hiểu tại sao tiên sinh lại đến trễ trong buổi lễ điểm đạo quan trọng như vậy? Tôi không biết tiên sinh có ý thức được phần đầu buổi lễ đó quan trọng như thế nào không?

- Thưa không, xin Hoà thượng chỉ dẫn cho.

Ninh Hải hoà thượng nói ngay:

- Phần đầu chính là cái bản đồ chỉ dẫn mà tiên sinh đang cần đó.

- Nhưng... nhưng tôi đã được ngài truyền riêng cho một câu thần chú.

- Đúng thế, đúng thế! Nhưng đó chỉ là cái chìa khoá để mở cửa mà thôi. Cửa đã mở nhưng thiếu bản đồ chỉ dẫn thì tiên sinh khó tiến xa được. Phải chăng chính vì thế mà từ đó đến nay tiên sinh cứ lang thang tìm kiếm mà không ý thức rõ rệt mình đang tìm kiếm gì? Phải chăng sau khi tu học theo phương pháp của Kim Cương trưởng lão một thời gian, tiên sinh vẫn cảm thấy thiếu thốn, chưa nắm bắt được cái mà tiên sinh muốn biết nên tiên sinh cứ lang thang tìm kiếm? Tôi thành thật lấy làm tiếc cho tiên sinh.

Thấy tôi choáng váng ngồi ngơ người ra, hoà thượng Ninh Hải lắc đầu:

- Tôi chưa thấy ai có một nhân duyên kỳ lạ như vậy! Âu đó cũng là nghiệp quả của tiên sinh mà thôi, nhưng rồi cũng có lúc tiên sinh sẽ hiểu được sự bí mật của màu xanh lục.

- Hoà thượng nói cái gì? Màu xanh lục?

- Đúng thế, màu xanh của cây cối, của khí hậu miền bắc.

- Xin ngài giải thích rõ hơn.

Hoà thượng Ninh Hải mỉm cười một cách bí mật:

- Hiển nhiên bây giờ tiên sinh chưa hiểu đâu, nhưng đến khi đủ duyên thì tiên sinh sẽ hiểu điều tôi nói.

Hoà thượng Ninh Hải đứng dậy bỏ đi, mặc tôi ngồi thừ ra đó một lúc khá lâu để suy nghĩ về công án lạ lùng mà biết bao năm sau tôi mới hiểu.

(còn tiếp)

xếp al capone IV

TRUYỆN DÀI

Trường Sơn
Lê Xuân Nhị



(tiếp theo)

Còn lại Collen ở nhà một mình, dù khéo léo và khôn ngoan đến đâu, nàng cũng đâu thể ngờ được âm mưu của thằng anh rể dâm dục. Nàng quyết định thưởng cho mình một buổi chiều nghỉ ngơi nhàn nhã mà từ lúc rời miền quê đến nay nàng chưa có được.

Collen pha nước ấm, rồi vào phòng tắm, khóa cửa, cởi hết quần áo chun vào bồn.

Thật là một buổi chiều tuyệt vời, một buổi chiều vàng của cuộc đời. Tứ bề vắng lặng không một tiếng động, không một tiếng nói, không một tiếng cười làm Collen cảm thấy thích thú vô cùng.

Collen ngả người ra sau, mắt nhắm lại, vừa kỳ cọ vừa ca hát nhỏ nhỏ một điệu nhạc đồng quê.

Bỗng nhiên, cánh cửa phòng tắm mở bật tung ra. Tiếng bật cửa đi trước, tiếng cười sảng sặc của kẻ đắc thắng... đi theo sau.

Collen giật mình hốt hoảng mở mắt quay lui và nhìn thấy một thân thể đàn ông trần truồng to lớn, lông lá đầy mình như một con dã nhân.

Collen co rúm người lại, rú lên một tiếng và cũng đồng thời nhận ra ngay cái con dã nhân mình mấy đây lông lá này chẳng phải ai xa lạ mà chính là thằng chồng của bà chị mình...

Chứ còn ai vào đây nữa. Eddie vừa cười hì hì vừa nói "Cho anh tắm chung với" vừa tự động nhảy xổ vào bồn tắm...

Thằng chồng bà chị ra tay bất ngờ và táo bạo quá, đến nỗi nổi tiếng là một người đàn bà quyền biến như Collen mà cũng không biết phải phản ứng như thế nào.

Sau giây phút ngạc nhiên ban đầu, Collen tỉnh hồn, lẹ làng đưa tay đẩy thằng mất dạy ra, đồng thời đảo mắt tìm kiếm một món vũ khí hộ thân.

Chẳng có gì trong tầm tay để mà chụp làm vũ khí cả.

Thằng dâm dục chuẩn bị kỹ quá, ngoài cục xà phòng, chung quanh đó chẳng có cái gì... cứng cứng để có thể tự vệ được.

Làm sao có cái gì cứng cứng được, vì anh Eddie phải mất cả tuần lễ mới chuẩn bị để thực hiện được một "buổi chiều vàng" cụp lạt như thế này. Vốn có kinh nghiệm về... cái tát tối hôm nào, cộng thêm câu chuyện "cái chân đèn đêm đám cưới" do vợ kể, Eddie đã thận trọng bố trí mọi chuyện như ý mình muốn. Gái đồng quê khoẻ mạnh thì mình xử theo cách khoẻ mạnh, dữ tợn thì xử theo cách dữ tợn.

Cũng vì nghe tiếng và sợ bóng sợ gió con em vợ nên Eddie đã lột... tuốt quần áo ra trước khi xông vào phòng tắm. Kinh nghiệm cho Eddie biết, nhiều khi miếng mỡ treo lơ lửng gần miệng con mèo rồi mà vì chỉ kẹt tí quần không cởi ra kịp, đành để nó vuột đi mất...

Những chuyện gì xảy ra trong phòng tắm sau đó đúng như kế hoạch và sự toan tính của thằng dâm tặc chồng bà chị.

Dưới một tay chim gái chuyên nghiệp, trên một chiến trường bất lợi như vậy, trong một hoàn cảnh hoàn toàn bất ngờ như vậy, Collen dù mạnh đến cỡ nào, dù có ba đầu sáu tay cũng không thể cự lại Eddie.

Chỉ trong vài phút đồng hồ vùng vẫy, Eddie đã đề cứng được con em vợ nằm phía dưới trong bồn tắm.

Sau đó thì có còn gì để mà nói? Nghề của nó mà, nó đã tính kỹ thì làm sao trật được?...

Hai tiếng đồng hồ sau, lúc mọi người chưa ai về cả thì Collen nằm khóc tẩm tức trên giường mình. Lần đầu tiên trong đời, nàng để thể xác mình bị xâm phạm mà không cưỡng lại được. Buổi chiều vàng mà nàng dự định nghỉ ngơi đã trở thành buổi chiều kinh hoàng đau khổ nhất đời nàng. Một buổi chiều mà nàng biết, cho đến ngày chết nàng vẫn không thể nào quên được. Chuyện xác thân bị dày vò không làm cho nàng đau đớn bằng chuyện bị làm nhục. Giọng nói đắc thắng của thằng khốn nạn khi nó còn đang nằm trên bụng nàng dường như vẫn còn vang vọng bên tai: "Con đi... vú bự này, hì hì, sao mày không tát nữa đi. Mày còn dờ dờ hăm dọa sẽ nói cho con chị mày biết à? Đấy, mày chờ nó về rồi cứ nói cho nó nghe hết đi, tao thách đấy. Trước hết, nó sẽ không bao giờ tin mày, một con đi từ nhà quê mới lên. Không chừng, nó còn có thể nghi là chính mày đã dụ tao để làm xì-căng-đan kiếm tiền. Thứ hai, nếu nó biết và nó có tin mày đi nữa thì thứ đàn bà vô dụng như nó sẽ làm được gì tao nào, mày nghĩ thử xem? Đánh tao hả? Còn lâu! Giết tao hả? Nó chả dám! Ly dị hả? Càng tốt! Tao còn cảm ơn và thưởng tiền cho nó nữa vì tao sẽ lấy được vợ mới. Cái cửa hàng đó làm sao một mình nó quán xuyến nổi, tao mà buông nó ra thì nó chết. Nó chỉ một giải pháp duy nhất là đuổi cổ mày đi thôi... Mày nghe rõ chưa con đi, nó chỉ còn có

nước là tổng cổ mày ra khỏi nhà thôi. Nào... nhắc chân lên một chút coi, làm cái gì mà khép kín vậy? Dù mẹ đồ đi thoả mà bày đặt làm khó hoai..."

Collen lại bật khóc. Nàng co người lại, chúi đầu vào đồng gối chần như không muốn nhìn, không muốn nghe, không muốn cảm thấy cái hiện tại khắc nghiệt ở chung quanh nàng.

Cái giọng nhừa nhựa hơi men đây về đắc thắng của Eddie như lại vang vọng bên tai: "Mà tao hỏi thiệt, mày muốn ở đây làm bồi hay muốn khăn gói trở về nhà quê để sống hết cuộc đời còn lại của mày với thằng chồng cả quỳnh của mày? Hề hề, tao chỉ cần nói một tiếng là con vợ tao nó tổng mày ra khỏi nhà ngay như đuổi một con chó. Mày nhớ cho kỹ những gì tao nói. Tao chỉ cần nói một tiếng là nó sẽ đuổi mày ra khỏi nhà như đuổi một con chó cái. Mày không phải là người đầu tiên đã được tao chiều cổ, bàn tay tao đã qua cả mấy chục đứa rồi... Thôi ngoan ngoan đi thì tao thương, cứ coi như đây là một thứ phần thưởng đặc biệt của ông chủ thưởng cho riêng người làm công giỏi vậy mà... hì hì... Mày phải rán mà tập hưởng thụ cuộc đời trong những trường hợp như vậy cho quen!"

Collen xoay người, nước mắt lại trào ra.

Thằng khốn nạn ăn nói tuy tàn nhẫn đau đớn nhưng có vài điều không phải là không đúng. Bà chị sẽ không ngần ngại đuổi mình ra khỏi nhà như đuổi một con chó. Mình là thân gái bơ vợ, không tiền không bạc, không quen biết ai, lại có thằng chồng ngu dốt và ham rượu chè như vậy thì làm sao mà sống được ở đất Chicago gạo châu củi quế này nếu vô phúc bị đuổi ra khỏi nhà? Chỗ này là nơi nương tựa duy nhất và cuối cùng của mình. Nếu bỏ đây đi thì chỉ còn nước trở về nhà quê. Mà chưa chắc trở về nhà quê người ta sẽ chấp nhận mình. Có tí của nào ở nhà quê đã bán tháo bán đổ để mà đi, giờ

trở về lại, biết sống bằng nghề gì đây?

Nghĩ đến đó, tủi thân, nàng lại khóc...

Collen cứ nằm khóc như vậy cho đến khi nghe tiếng lục đục ở nhà ngoài. Phái đoàn do bà chị hướng dẫn đi chơi đã trở về.

Collen đang khóc sụt sùi nước mắt nín bật. Nàng ngồi bật dậy, cặp mắt bỗng nhiên ráo hoảnh, cắn răng suy nghĩ. Nếu nàng quyết định nói cho bà chị biết chuyện làm bĩ ối của thằng chồng khốn nạn, đây là lúc nàng phải nói liền.

Lời thách thức của thằng khốn nạn lại bỗng trở về trong trí nàng: "Con đi này, nói cho nó nghe hết đi, tao thách đấy. Nó sẽ không bao giờ tin mày... Thứ hai, nếu nó biết và nó có tin mày đi nữa thì nó sẽ làm được gì tao nào?..."

Collen đứng dậy, bước lê từng bước một ra khỏi giường. Nàng đứng trước gương soi, nhìn vào khuôn mặt tang thương hốc hác của mình rồi nghiêng rằng quyết định phải trở ra nói cho bà chị biết. Nàng không phải là hạng người hèn nhát, nhất định phải nói, phải lớn chuyện này ra mới được. Phải nói cho bà chị biết, phải nói cho chồng mình biết, phải làm tới nơi tới chốn dù hậu quả như thế nào cũng được.

Quyết định được như vậy, nàng thấy lòng trở nên nhẹ nhàng thư thái hơn. Collen thay vội quần áo, chải tóc và sửa sang dung nhan lại đại khái rồi quyết liệt mở cửa phòng bước ra ngoài...

Dù quyết liệt như vậy nhưng khi bước ra ngoài, cái hình ảnh đầu tiên Collen nhìn thấy làm nàng khựng người lại. Ngay nơi bàn ăn, nàng nhìn thấy thằng anh rể khốn nạn và bà chị đang ôm nhau hôn hít công khai giữa nhà.

Eddie nhìn thấy nàng thì liền buông mẹ vợ ra và quay lại liếc nhìn Collen nheo một con mắt mỉm cười rất mất dạy.

Collen tức muốn lộn gan lên đầu vì nụ cười đều cang này.

Thằng chồng đã vậy nhưng bà chị nàng thì cứ một hai nũng nịu nín kéo. Nó đã quay mặt đi mà bà còn với theo, ráng hun vớt nó thêm một cái nữa, lại rên rỉ một thứ tiếng ư ư nghe rất là tục tĩu và ngứa tai.

Nhìn thấy phản ứng của bà chị như vậy thì Collen quay mặt đi ngay. Bà chị mình quả coi sự xuất hiện của đứa em họ không bằng một cái hôn gõ gạc với thằng dâm tặc.

Là một người thông minh bén nhạy từ lúc nhỏ, Collen thấy ngay là mình đã tính lầm. Không thể nào mong chờ gì được nơi một người đàn bà hèn yếu như vậy. Nàng đau đớn nhận ra hồi chiều thằng Eddie đã nói đúng. Nếu nàng nói cho bà chị biết, dù tin là chuyện có thật bà cũng chẳng dám có phản ứng gì. Cứ nhìn cái hôn gõ gạc và cặp mắt như van lơn thì biết. Trong nhà này, mọi chuyện đều do thằng Eddie nắm hết.

Nghĩ vậy là Collen thay đổi quyết định liền. Việc đã như thế này thì thôi đành chờ chồng mình về mà nói cho nó nghe vậy. Dù sao, chồng mình cũng là... chồng mình, người gần gũi mình hơn. Hơn nữa, là đàn ông, biết đau chừng, Ben sẽ tìm thấy một phương pháp quyết liệt để giải quyết vấn đề...

Thật ra, bà chị nàng Collen rất quý đứa em gái, không bao giờ có ý muốn khinh rẻ nàng, nhưng bà không để ý tới Collen được ngay lúc đó chẳng qua bởi vì đã bị chồng "bỏ đói" quá lâu. Chiều nay đi chơi xa về, đang chuẩn bị cho một đêm ngủ "lạnh lùng" thì tự nhiên bỗng được chồng vồn vã sẵn đón thì bà đâm ra sung sướng, rần hết sức mà tận hưởng những cái hôn, những cái sờ mó của nó trước khi nó... mất hứng đổi ý kiến. Cả bốn tháng nay, nó có thêm ngó ngang gì đến bà đâu?

Nhưng cuối cùng, khi nhìn thấy Collen cứ đứng lạng nơi cửa có vẻ hơi lạ lùng thì bà cũng ngừng... hun hít, đưa tay lên vuốt tóc, thò

tay vô trong áo sửa lại cái cộc-xê và nhẹ nhàng hỏi:

- Gì đấy em, chị tưởng em ngủ rồi chứ? Ở nhà có vui không?

Một câu hỏi thật là vô tình nhưng đau lòng vô cùng. Vui con khi! Collen không biết trả lời ra sao, cứ đứng im nơi cửa nhìn hai người bằng một cặp mắt lạnh lùng. Nàng xúc động lắm, không nói được nên lời, nước mắt chỉ chực trào ra nhưng cố gắng giấu được cảm nghĩ của mình, đè nó nằm sâu trong trái tim.

Thấy con em vợ đứng chết sững như vậy thì Eddie khoan khoái ngả người ra sau, một tay thò ra tiếp tục mơn trớn... cặp vú của vợ, tay kia nó nâng ly rượu lên làm một miếng rồi nhẹ nhàng hỏi tiếp:

- Sao em, bà chị hỏi sao em không trả lời? Em ở nhà có vui không, nói cho bà chị em nghe đi. Tưởng em đi ngủ rồi chớ, giờ này còn mò ra đây làm gì?

Tiếp theo câu hỏi đó là một tràng cười dài. Tiếng cười của một kẻ tiểu nhân vừa được một lần đắc chí.

Lúc này, ngay từ lúc nhìn thấy Collen xuất hiện nơi cửa rồi đứng yên một đống như trời trồng, Eddie biết ngay là mình vừa thắng được trận đòn cân não đầu tiên. Quả đúng như nó nghĩ, chém chết cái con nhà quê này cũng không dám mở miệng tố cáo chuyện tời bại của nó với bà chị. Tố cáo để hai vợ chồng cùng bị tống ra khỏi nhà à? Mà nghĩ cho cùng thì nó tính cũng phải. Chẳng thà cứ ở nán lại đây, lâu lâu chiều anh Eddie một lần mà mọi chuyện đều được suông sẽ còn hơn phải khăn gói ra đi. Nghĩ đến đó, Eddie lại thấy khoái trong bụng. Thế này là từ đây trở đi, hễ ngày nào nó còn ở trong nhà này thì một nửa... cái thân hình rực lửa kia sẽ thuộc về mình. Một nửa còn lại thuộc về thằng chồng nó.

Mỗi một tiếng cười của Eddie là một nhát dao đâm thấu vào đầu Collen. Nàng có cảm giác như vừa bị hiếp dâm một lần nữa ngay trước mặt bà chị mình. Nàng nghĩ, có lẽ

lúc bị nó hiếp cũng không thấy đau đớn bằng nhục nhã cho bằng đứng đây để nghe cái giọng cười mát dạn của nó.

Collen chưa kịp nói gì thì như đổ thêm dầu vào lửa, thằng khốn nạn bỗng cười to hơn nữa. Lần này tiếng cười của nó phát ra rõ ràng như những tiếng súng nổ. Rồi nó buông ra luôn một câu nói tục tĩu, chẳng kể gì đến mẹ vợ đang ngồi bên cạnh:

- Hay là hồi nãy nằm ngủ mơ em thấy được hân hạnh làm tình với... anh, tỉnh dậy thì mới đâm ra bần thần mê mẩn? Hì hì... Nói thật với em, anh đây không ngon lành gì nhưng đàn bà đã qua tay anh một lần thì không thể nào buông anh ra được. Nhớ đến chết. Hì hì... Em không tin cứ hỏi bà chị em đây thì biết liền...hì hì... Có phải thế không cưng? Nếu em muốn, tối nay, em có thể qua bên phòng anh chị ngủ chung cho nó vui. Hì hì..., cái vụ này người Pháp nó gọi là "*manage à trois*...."

Cho là mình đã nói được một câu khôi hài hay, Eddie gia-tăng cường-độ tràng cười sau câu nói.

Bà chị của Collen có vẻ hơi khó chịu vì sự tục tĩu của chồng nhưng đành cắn răng lờ đi, không dám phản ứng. Bà không dại gì làm mất lòng chồng trong lúc này. Mở miệng bậy bạ, chẳng những nó sẽ không làm tình với bà tối nay mà còn rất có thể bị ăn đòn bất tử.

Đã bị thằng khốn làm nhục hồi chiều, giờ còn phải nghe những lời giễu cợt tục tĩu nữa, Collen đau xót vô cùng. Nhưng quái lạ, Collen thấy mình tuy đau xót trong lòng nhưng thần trí rất tỉnh táo, không hốt hoảng như lúc chiều. Đau đó trong đáy trái tim, nàng nghe vọng lên mấy tiếng nói: "*Mày phải trả cái giá này đêch đáng. Mày phải chết!..*"

Collen cứ đứng yên bình thản như vậy nơi cánh cửa nhìn và nghe những gì thằng chồng bà chị nói và không hề lộ một chút phản ứng, một chút cảm giác gì cả.

Tiếng cười dĩ hoà của Eddie đang tuôn ra ào ào bỗng tự nhiên nhỏ lại rồi im bật.

Tuy Collen giữ được bộ mặt mình lạnh như tiền, không hề lộ chút phản ứng nào cả nhưng ở con người, có một thứ mà mình khó có thể giấu thiên hạ, đó là ánh mắt.

Eddie đang cười rữ rượu ra như

vậy bỗng nhiên phải im bật vì nó vừa nhận trong ánh mắt của Collen có toát ra một cái gì ghê gớm lắm. Ghê gớm đến độ Eddie không dám cười nữa. Không hiểu sao, ánh mắt đó làm cho Eddie chợt nhớ tới cái tát nẩy lửa mà Collen đã tặng nó ngày nào. Con nhỏ này không phải là một thứ dễ bị ăn hiếp. Nó mơ hồ

nghĩ rằng, nếu nó tiếp tục cười nữa, không chừng con nhỏ sẽ xông tới chụp con dao bàn mà đâm nó chết liền tại chỗ.

Eddie nín cười và thấy lạnh lạnh đàng sau gáy. Lần đầu tiên kể từ khi hăm hiếp được Collen, Eddie thấy con đàn bà này coi vậy mà không phải vậy. Người nó có cái gì lạ lùng hay một sức mạnh gì đó ghê gớm lắm mà nó chưa hiểu được. Chưa hiểu được nhưng làm cho Eddie thấy lo lo trong bụng.

Bà chị Collen lợi dụng tiếng cười vừa ngừng liền nắm bàn tay thô tục của Eddie đang sờ soạng trong lớp xú- chiêng của mình kéo ra và lên tiếng ngọt ngào hỏi cô em:

- Em Collen, chị có thể giúp gì được cho em không? Em cần gì?

Collen nhún vai, trả lời bằng một giọng rất tự nhiên và bình thản làm cả Eddie cũng không ngờ.

- Thưa chị không? Em tính ra hỏi chị coi cuộc viếng thăm bên nhà ra sao thôi mà, thấy chị đang bận chuyện riêng nên không biết có nên hỏi hay là không...

Rồi nàng bật cười lên:

- Em thật lẩn thẩn quá, em xin lỗi chị, chúc chị ngủ ngon. Cả anh nữa anh Eddie, chúc anh ngủ ngon.

Nói xong, chẳng để bà chị nói thêm, Collen quay gót bước vào buồng ngủ mình. Eddie nhìn theo, tủm tủm cười. Bà chị Collen chỉ chờ có vậy, sà vào lòng thằng chồng, một tay vít đầu nó xuống, tay kia lần mở cởi hàng nút chiếc áo sơ mi.

Collen đóng cửa phòng mình lại, ngồi xuống giường và tự hỏi không biết chừng nào Ben mới về. Nàng suy nghĩ một lúc rồi lắc đầu, nước mắt lại ứa ra. Thằng khốn nạn Eddie chắc đã chỉ thị cho đám bạn của nó phục rượu cho Ben uống đến say mềm. Nàng biết, người mẹ rượu như Ben thì khỏi cần ai phục cũng luôn luôn muốn say trước thiên hạ. Được say rượu mà không phải trả tiền xưa nay vẫn là một... thú vui của Ben.

(còn tiếp)

trương phu

Tiết tháo trăm năm

Bổng hư không vào một buổi

Trương phu ừ, màng chi lên xe xuống ngựa

Tráng sĩ ừ, sao quên thuở giáo giương!

Bạc tóc thuở lao lung,

Buồn tha phương, luân lạc

Nhớ rằng,

Có buổi chỉ tay thề dựng lại ngọn cờ xưa.

Xích quý ừ, vàng sao còn đó!

Quốc gia ừ, nặng mấy ưu tư!

Gươm không mài, mười năm rỉ sét

Chí không bền, thu đông lãng phai.

Chiến mã không dùng, vó câu ngăn ngại

Tiết tháo không còn, xã tắc ngã về không.

Tâm sự cùng ai ngày tha phương luân lạc

Nhắn gửi về đâu mà thổ lộ tác lòng.

Hoàng kỳ ừ, mơ bay khung trời cũ

Trương phu ừ, đau xót phận lưu vong.

Cớ sao say mà quên người cố lý

Cớ sao vui đành quên buổi phong ba

Cười khua ngọc bên quê nhà heo hút

Nói khua chuông bên vận nước điêu tàn

Khúc ruột này tuy xa ngàn dặm

Nhưng tác lòng này vẫn mãi trung trinh.

Hoàng kỳ ừ, mơ bay khung trời cũ

Dấu cho,

Trương phu ừ, đau xót phận lưu vong.

Bóng ngã về đâu tâm tình thế tử

Theo nẻo mê nào một thoáng liễu trai

Khinh trọng ừ, dẫn đo cân nhắc

Tổ quốc ừ, nặng gánh trên vai

Thao thức vẫn khác lời than vãn

Ưu tư nào phải thoáng chau mày

Run rẩy chi sậy buồn than thở

Đắm say chi mấy mối si tình.

Chinh phu ừ, xưa năm gai nếm mật

Chinh phụ ừ, xưa khếp cửa chờ mong

Điên đảo người lòng nào lay chuyển

Khó khăn ta không khuất tất cho xong!

phan thịnh





BÚT CHÌ phụ-trách

Mục "Độc Giả Thắc Mắc" được mở để bạn đọc nêu ra những nghi vấn về mọi lãnh vực: văn học, nghệ thuật, khoa học, xã hội, chính trị, v.v..

Vì khuôn khổ hạn hẹp của một tiểu mục, xin vui lòng hạn chế mỗi lần hỏi tối đa 3 câu. Đa tạ.

TÚ-LO-KHO

Hỏi: Đọc sách VC, cháu thấy bộ-đội của họ ưa chơi bài "tú-lơ-khơ" hay "tấn-lơ-khơ", không biết đó là bài tây hay bài ta, và tại sao lại có cái tên lai-căng này?

Hà Thị Xuyên
Oslo, Na-uy

Đáp: Lối chơi bài "tú-lơ-khơ" xuất-xứ từ Nga, gọi là bài *durak* (thằng khờ), chơi bằng bài tây (cơ rô chuồng bích). Lối chơi này truyền sang Trung-hoa. Tiếng Trung-hoa không có âm /d/ và /r/. Âm /d/ họ đọc là /t/ và âm /r/ đọc là /l/. /Đuy-ra-kơ/ đọc trại thành /tuy-la-khơ/.

Cán-bộ Việt-nam quốc-dân đảng sang Trung-hoa học trường võ-bị Hoàng-phổ và cán-bộ Việt Minh lưu-lạc sang Hoa-nam mang lối chơi này về nước, nói trại lần nữa thành "tú-lơ-khơ."

VÔ VI

Hỏi: Một vị đại thiên sư danh tiếng đích thân rút ruột dạy tôi rằng "vì vô vi, sự vô sự, vị vô vị, đại tiểu đa thiếu, dĩ đức báo oán."

Tôi cảm cái ý "vô vi" của ngài, nhưng thấy nếu sống trên đời mà không làm gì cả thì sống thật thừa thãi. Sự mà không phải sự, mùi vị không ra mùi vị, nhiều ít lớn nhỏ không phân biệt thì tôi cũng không chịu. Tôi chỉ chịu câu "dĩ đức báo oán", vì đúng lời đức Phật dạy rằng, "lấy đức báo oán, oán ấy tiêu-tan, lấy oán báo oán, oán ấy chấp-chồng".

Tôi nghĩ người quốc-gia cực-đoan như mấy ông Làng Văn nên theo đạo vô-vi, dĩ đức báo oán với tội cộng-sản thì oán ấy tiêu-tan; mấy ông cứ lấy oán báo oán hoài thì chiến-tranh còn hoài. Thưa có phải vậy không?

Trương Văn Bách
Paris, Pháp

Đáp: Mấy câu:

"Vi vô vi
Sự vô sự
Vị vô vị
Đại tiểu đa thiếu
Báo oán dĩ đức"

thực ra không phải rút từ giáo-lý nhà Phật, mà nằm trong Đạo-đức kinh của Lão giáo (chương 63).

Không hiểu nghiêm-sư giải-thích thế nào, nhưng cách hiểu của ông không theo sát ý cổ-nhân đâu. Nhiều người thường cho rằng "vô vi" có nghĩa là "không làm gì cả", là sai. Lão tử bảo "phải làm": hãy làm cái "vô vi", nghĩa là hãy làm cái không làm. "Vô vi" là một phương pháp làm việc, gần với phép "bất tranh" cũng do chính Lão tử đề ra trước đó.

Vi vô vi, là làm theo cách vô-vi, tức là không vì tư tâm, tư-lợi mà can-thiệp vào việc người.

Vi vô vi còn có nghĩa là làm mà như không làm gì cả. Nghĩa là làm điều gì cũng hết sức kín-đáo, tự-nhiên, không khiên-cưỡng, không dụng-tâm. Việc làm của người theo đạo giáo tự-nhiên như ánh sáng mặt trời. Cỏ cây đơm chồi nảy lộc mà không biết rằng nhờ có mặt trời tỏa nắng. Dĩ phụ vạn vật chi tự-nhiên, nhi bất cảm vi. Cái đức sáng của thái-dương chính là hành-động

vô-vi. Mình làm việc tốt cho người khác mà như không hay không biết.

Làm vì làm, vì kết-quả tự-nhiên của nó chứ không phải để đổi lấy lợi-lộc, lời khen hay ân-nghĩa. Cái làm đó chính là *hữu nhi chi đạo*. Vì vô vi, còn có nghĩa là làm mà không vướng mắc vào kết-quả của việc làm.

Sự vô sự: "sự" đây là lo-lắng. Vô-sự là không vướng mắc vào trong nỗi lo-lắng. Sự vô sự có nghĩa là lo mà như không lo; lo cái không lo; lo mà không bị cuốn hút vào nỗi lo.

Người đạt đạo vẫn làm, vẫn lo, nhưng làm việc gì cũng với một tư-thái thoải-mái tự-nhiên, không vướng mắc vào nỗi lo-nghĩ riêng-tư.

Vị (động-từ) là ném; vô vị (vị sau là danh-từ): không mùi. Vị vô vị là ném cái không ném được; ném mà như không ném (im-lặng thường-thức); và không vướng mắc trong sự ném của mình, không nô-lệ sự ưa-thích của mình.

Đại tiểu đa thiếu (lớn nhỏ, nhiều ít) đều xem như nhau, theo tinh-thần "tề vật" của Lão giáo. Trang tử nói: hễ cái này lớn, thì có cái khác lớn hơn, cái lớn trước đó thành ra nhỏ; còn nhỏ cũng có cái nhỏ hơn, thành ra lớn. Nhiều ít cũng vậy. Hễ nhiều thì có cái nhiều hơn, thành ít; ít có cái ít hơn, thành nhiều. Cho nên lớn nhỏ, nhiều ít gì cũng đều có giá-trị tương-đối của nó, tất cả đều như nhau dưới nhãn quan của Lão-giáo.

Báo oán dĩ đức (không phải là dĩ đức báo oán), đúng như lời ông giảng nôm: "lấy đức báo oán, oán ấy tiêu-tan; lấy oán báo oán, oán ấy chấp-chồng" theo tinh thần bất tranh nhi thiên thắng của Lão giáo.

Về lời khuyên của ông, "những người quốc-gia cực-đoan" như Bút Chì xin thành tâm bái lĩnh. Nhưng nên phân-biệt đôi điều. Vô vi (của Lão giáo) không phải là xuất trần xuất thế, ẩn dật hưởng nhàn không thiết gì đến nhân tâm thế đạo. Đạo vô-vi của Lão giáo không tĩnh mà

động. Sự tĩnh lặng bên ngoài chứa đựng một sự hoạt-động không ngừng bên trong; vừa trị nước lo đời một cách kín-đáo, tự-nhiên, vừa giữ cho thân tâm thanh-thản. Vô vi không phải là khoanh tay ngồi ngó, bó gối qui hàng. Cho nên, muốn khuyên "những người quốc-gia cực-đoan" hãy ngoảnh mặt làm ngơ, xin dùng nhóm từ khác, hai chữ "vô-vi" áp-dụng vào trường-hợp này có phần bất diệu.

Điều thứ hai, phần lớn người ta không chống cộng để báo oán, trả thù. Nếu có "oán" cũng là cái "oán" chung; có "thù", cũng là mối "thù" chung. Mối "oán thù" không đặt vào một người (Hồ Chí Minh, Đỗ Mười,...), một nhóm người (Chính-trị bộ) hay một đảng (Cộng-sản). Cuộc chiến-đấu hôm nay nhằm tiêu-diệt chủ-nghĩa cộng-sản, không phải để giết người cộng-sản. Khi chủ-nghĩa và chế-độ phi-nhân này tàn-lụi, cuộc chiến-đấu sẽ ngưng, người Việt-nam thuộc mọi tầng-lớp sẽ chung sức kiến-tạo hoà-bình, thịnh-vượng cho quê-hương.

Điều thứ ba, thực-tế hơn, CSVN dù yếu thế, vẫn còn 2 triệu bộ-đội, công-an, hơn nghìn trại tù, vẫn tiếp tục "dĩ oán báo oán" đồng-bào vô tội; còn BC chỉ trợ mỗi cây ...bút chì, cùng đồng-bào chạy sang tận xứ tuyết lạnh này để lánh nạn. Ai mạnh ai yếu, ai có thể "dĩ đức" với ai, nó rõ-ràng quá! Sao ông bạn

không "can khéo" kẻ thống-trị, mà lại cứ níu chân níu tay thành-phần bị trị (trong nước) và lưu-vong (hải-ngoại), khuyên họ buông bút đầu hàng?

ĐĂNG-BỘ TÁC-QUYỀN

Hỏi: Xin cụ vui lòng mách giúp nơi đâu tôi có thể đăng-bộ tác-quyền (copyrights) cho tác-phẩm của mình.

GS Lê Văn Thông
California

Đáp: Ông có thể liên-lạc:
Copyrights Clearance Center
27 Congress St.
Salem, MA 01970
U.S.A.
Điện-thoại: (508) 744-3350.

THƠ VÀ TỪ

Hỏi : Hồi còn trẻ, cháu nghe ông nội cháu nói, quê-hương Bình-định của cháu có cụ Đào Tấn rất giỏi thơ và từ. Thơ thì cháu biết rồi, nhưng từ là gì, cháu không kịp hỏi lại thì ông đã qua đời mất rồi. Nếu tiện, xin bác giải-thích hộ cháu và cho một vài thí-dụ.

Trương Ngọc Văn
Montréal

Đáp: Từ là lời ca, viết cho một điệu hát có sẵn, sao cho hợp với câu dài ngắn, âm cao thấp mà hát.

Các điệu hát thịnh-hành thời Đào Tấn, có các bài:

- Mãn giang hồng
- Nhất lạc sách
- Ngự phủ từ
- Quá Kim-long dịch
- Thu oán
- Lâm giang tiên
- Trường tương-tư
- Ý la hương
- Ngụ mỹ-nhân
- Tiểu trùng sơn
- Hương thủy đạo trung
- Lưu xuân
- Tống xuân
- Bồ-tát-man
- Như mộng lệnh

- Điệp luyện hoa
- Chuyển ứng khúc,...

Lấy một thí-dụ, một trong những lời ca Đào Tấn soạn cho điệu Như mộng lệnh, như sau:

Như mộng lệnh

Sáp biến môn tiền dương liễu
Hựu thị thanh minh thời hậu
Tuế nguyệt bất nhiên nhơn
Mấn ánh tinh tinh tri phủ
Tri phủ
Tri phủ
Thả tận nhất bôi xuân tửu

Dịch nghĩa:

Điệu hát "Như mộng lệnh"

Dương liễu cắm đầy trước cửa
Tiết thanh minh lại đến
Thời gian cứ trôi qua, chẳng
buông tha cho con người
Tóc đã điểm sương rồi biết chưa?
Biết chưa?
Biết chưa?
Thôi hãy cạn đi chén rượu xuân!

Dịch theo điệu hát:

Dương liễu cắm đầy trước cửa
Lại tiết Thanh-minh đến nữa
Năm tháng chẳng tha người
Mái tóc điểm sương biết chưa?
Biết chưa?
Biết chưa?
Cạn chén rượu xuân đi chứ.

(Bản dịch của Yến Lan)

gôm

Làng Văn số 103, trang 75 cột 3, dòng 6 và 7, vài "25 năm vinh-nhục trong nghề báo trước 75", xin gôm và sửa lại là cô Song Thi, thay vì "Song Nhi."

Xin tạ lỗi cùng quý độc-giả, tác-giả và nữ-sĩ Song Thi.



diễn đàn



HIỆN TRẠNG BI THẢM CỦA CỤU TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VN Ở CÁC TRẠI TỊ NẠN VÙNG ĐÔNG NAM Á

Thời gian gần đây, một phong trào đấu tranh cho tù nhân chính trị ở VN được phát động rầm rộ. Phong trào được triển khai khắp nơi, gây ảnh hưởng sâu rộng và được sự ủng hộ của mọi giới. Đó là tín hiệu đáng mừng cho tất cả những người Việt nào còn chút ưu tư đến vận mệnh đất nước, đến số phận của gần 70 triệu đồng bào đang bị kềm kẹp dưới gông cùm Cộng sản, nhất là số phận của những nạn nhân thời đại mà thế giới mệnh danh là "tù nhân chính trị", "tù nhân của lương tâm"...

Kể viết bài này cũng là một tù nhân chính trị, vượt thoát khỏi Việt Nam từ năm 1987 và mới định cư tại Úc từ tháng 8.92. Trong khoảng thời gian 5 năm đằng đẳng ấy, người viết đã lưu lạc từ địa ngục đỏ của xứ Chùa Tháp, đến hết trại tị nạn nay sang trại tị nạn khác ở Thái Lan, do đó đã có dịp tiếp cận với đủ mọi thành phần, mọi giới của hàng hàng lớp lớp người Việt tị nạn, trong đó có những người được vinh dự mang danh là "tù nhân chính trị".

Không phải bây giờ mà ngay từ những năm tháng còn ở trại tị nạn, người viết đã vô cùng ngạc nhiên khi thấy thế giới bên ngoài đã bỏ quên những tù nhân chính trị bị kẹt thế thảm ở các trại tị nạn vùng Đông Nam Á. Nói thế cũng không đúng hẳn. Thực sự trong thời gian qua, đã có một số những tổ chức hải ngoại lưu tâm đến số phận những tù nhân

chính trị ở đảo, ở trại, như hội Tương trợ Tù nhân Chính trị của ông Nguyễn Hậu ở Nam Cali, Hoa kỳ, đã nỗ lực can thiệp với các viên chức thuộc giới hành pháp, lập pháp ở Mỹ. Trên lý thuyết, các hoạt động ấy đã gây được một số kết quả, nghĩa là đã được các giới chức có thẩm quyền lưu tâm; nhưng thực tế, số phận của những tù nhân chính trị Việt Nam ở các trại tị nạn vùng Đông Nam Á vẫn mịt mù đen tối.

Một danh sách những người còn đang bị giam hãm trong những nhà tù kiểu trung cổ ở Việt Nam vừa được Mặt trận Quốc gia Thống nhất Giải phóng VN phổ biến. Dù chưa hoàn toàn đầy đủ nhưng đó cũng là một kết quả đáng khích lệ. Tuy nhiên, một lần nữa, người viết lại phải nêu lên câu hỏi: Tại sao thế giới vẫn cố tình bỏ quên những tù nhân chính trị đang bị giam hãm ở các trại trong vùng Đông Nam Á?

Chúng tôi không hề có ý so sánh hay phân biệt tù nhân chính trị đang bị giam ở Việt Nam với những tù nhân chính trị đang kẹt ở các trại tị nạn. Tất cả đều là chiến hữu. Tất cả đều vì nước vì dân mà phải chịu cảnh đọa đầy, nguy hiểm. Thực vậy, những tù nhân chính trị đã vượt thoát đến các trại, các đảo vùng Đông Nam Á không phải đã an toàn hay đã thoát được gian truân. Thực tế, sau khi vượt thoát khỏi ngục tù Cộng sản Việt Nam, họ lại bị giam hãm trong những nhà tù trá hình mà các quốc gia cha đẻ của Chương trình Hành động Toàn diện (CPA) gọi là trại tị nạn.

Ai đã từng ở đảo ở trại tị nạn thì

sẽ thấy người viết không hề ngoa ngôn khi ví trại tị nạn là những nhà tù trá hình. Ở đó cảnh giam cầm, đánh đập, đọa đầy thể xác; khủng bố, đe dọa tinh thần vẫn luôn luôn xảy ra, và cuối cùng vẫn là con đường hầm bỏ ngõ dẫn về Bắc bộ phủ Hà Nội. Những tù nhân chính trị đáng thương ấy đã bị cái gọi là "thế giới tự do", là "đồng minh" phủ nhận và mang ra làm trò hề, thậm chí làm món hàng trao đổi trong âm mưu mua bán đen tối giữa một bên là chế độ cộng sản Hà Nội, một bên là Cộng đồng Âu châu.

Cái chính sách mà quái thai CPA đang tiến hành dưới danh từ hoa mỹ "thanh lọc" chỉ là một hình thức mị dân giả tạo, che đậy âm mưu sát nhân hàng loạt đối với những người khao khát tự do, trốn tránh chế độ cộng sản. Thử làm một con số kiểm kê giai đoạn thực thi Chương trình Hành động Toàn diện (CPA) của Cộng đồng Âu châu và các nước tạm dung vùng Đông Nam Á, chúng ta sẽ thấy gì? Gần 80% trong tổng số 160.000 thuyền nhân Việt Nam bị từ chối quyền tị nạn. Trong đó có đến 60% là cựu Quân Cán Chính Việt Nam Cộng Hoà và tù nhân chính trị. Con số đó đủ nói lên thực chất của cái gọi là CPA và lộ trình âm mưu đen tối của Cộng đồng Âu châu đối với thuyền nhân Việt Nam.

Tìm mọi giải pháp tranh đấu cho tù nhân chính trị ở Việt Nam là điều không thể phủ nhận và phải hành động tích cực, gấp rút. Tuy nhiên chúng ta cũng không thể làm ngơ trước thảm cảnh của hơn 1200 tù nhân chính trị (con số thống kê chưa đầy đủ) đang bị đọa đầy trong các trại tị nạn vùng Đông Nam Á, sống trong tình trạng bị đe dọa cưỡng bức trả về với địa ngục cộng sản mà họ đã phải hy sinh biết bao mồ hôi, nước mắt, kể cả xương máu và danh dự mới vượt thoát ra được.

Chúng tôi đề nghị: bên cạnh việc phát động phong trào đấu tranh cho tù nhân chính trị ở VN, xin hãy phát động một phong trào cứu nguy các tù nhân chính trị còn kẹt tại các trại tị nạn vùng Đông Nam Á. Một mặt

chúng ta tiếp sức cho họ (bằng nhiều hình thức) để họ có thể kiên trì, tự lực đấu tranh; một mặt chúng ta cần có phản ứng cương quyết, những biện pháp hữu hiệu để cứu họ.

Tất cả những tù nhân chính trị, dù ở VN hay trại tị nạn, đều cùng chung một hoàn cảnh, một xuất xứ và một lập trường chống cộng. Tất cả đều xứng đáng để nhân loại yêu chuộng tự do, tôn trọng nhân quyền và nhất là cộng đồng người Việt hải ngoại lưu tâm tới.

Hãy phát động một phong trào giải cứu những tù nhân chính trị đang còn kẹt ở các trại tị nạn vùng Đông Nam Á. Hãy vinh danh tù nhân chính trị Việt Nam!

*Phan Tuấn Sơn
Hobart, Úc-đại-lợi*

NÊN HAY KHÔNG NÊN: ỦNG HỘ CẤM VẬN VÀ BANG GIAO MỸ - VC?

Việc hủy bỏ lệnh cấm vận và bang giao giữa Mỹ với Cộng sản Việt Nam là chuyện của người Mỹ, chúng ta có muốn hay không cũng chẳng được. Nếu Mỹ cảm thấy có lợi, họ sẽ làm, còn không thì thôi. Chuyện họ muốn trở lại Việt Nam thì cũng như chuyện họ bỏ ngang ra đi lúc trước vậy, có kéo chân họ lại cũng không được.

Vào năm 1972-1973, chính phủ Việt Nam Cộng Hoà đã biết Hiệp định Paris là một vở kịch rẻ tiền đầy cam bẫy, ký cũng chết, không ký cũng chết, thôi thì ký quách cho rồi, may ra họ sẽ tôn trọng lời hứa. Thế nhưng kết quả cho thấy, những lời hứa, những lá thư ấy có giá trị gì đâu! Người Mỹ qua truyền thanh, truyền hình, báo chí còn hứa nhau chôn sống miền Nam cho mau! Nay trên đường trở lại, chúng ta cũng có thể yêu cầu Mỹ điều này điều nọ. Chắc hẳn họ sẽ hứa và CSVN cũng sẽ hứa, nhưng họ có thực hiện lời hứa hay không lại là chuyện khác!

Sau khi Mỹ và CSVN bang giao, CSVN có thể phục hồi sức lực.

Nhưng sau khi phục hồi, CSVN có để cho nhân dân Việt thật sự được ấm no hạnh phúc hay không? Hay dùng đồng tiền đó đàn áp dân chúng hơn nữa? Và nếu tình trạng tệ hại như trên xảy ra, Mỹ có can thiệp không hay để sống chết mặc bay?

Chúng ta, những người tị nạn ăn nhờ ở đậu trên xứ người, khó có thể làm gì được như lòng chúng ta mong muốn, nhưng ít nhất chúng ta có quyền bày tỏ thái độ. Chúng ta phải lên tiếng ủng hộ hay chống đối.

Trước khi lên tiếng, chúng ta phải suy ngẫm để hiểu rằng ai là người thiết tha mong muốn Mỹ hủy bỏ lệnh cấm vận để tiến đến bang giao, đảng Cộng sản Việt Nam hay nhân dân Việt Nam? Câu trả lời chắc chắn phải là đảng Cộng sản Việt Nam. Tại sao?

Nếu Nga giàu mạnh, vẫn theo đuổi chủ nghĩa cộng sản và tiếp tục chi viện cho CSVN, thì nhà cầm quyền VN hiện tại có vì nhân dân đói khổ mà lay lục Mỹ xin bang giao hay không? Và nếu không đứng trước tình thế thập tử nhất sinh cần tiền và víu cho một chủ nghĩa đã về chiều thì CSVN có thông cảm cho lòng thương nhớ quê hương của người Việt tị nạn không? Chúng ta có được o bế gọi là Việt kiều yêu nước không, hay vẫn bị CS rượt đuổi về tội tay sai đế quốc và trốn tránh nghĩa vụ lao động cho nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam? Hỏi tức là trả lời vậy!

Nếu nghĩ việc ủng hộ lệnh bãi bỏ cấm vận để tiến tới bang giao, lấy kinh tế cải hoá cộng sản là đúng, thì nhân dân trong nước đã làm từ lâu rồi chứ không ngu dại gì chịu đói khổ chọn thế bất hợp tác kinh tế để chống Đảng.

Đất nước Việt Nam 18 năm qua không bị chiến tranh cản trở việc kiến thiết. Với một địa thế trước là biển, trong là đồng bằng trù phú mà nhân dân VN vẫn thiếu ăn, đói khổ là một điều vô lý khó chấp nhận. Thế nhưng, nếu đói khổ là vì chính quyền CS và nhân dân hận thù nhau, không chấp nhận nhau, không thể chung sức cùng lòng thì đó là điều hợp lý và cũng là bằng chứng rõ ràng cho thấy

toàn dân Việt đang dùng cái võ khí còn lại là bất hợp tác kinh tế để đánh CS.

Nhân dân Việt đã nhất định không chấp nhận CS là chính quyền của dân vì họ biết rõ đảng Cộng sản chưa bao giờ và cũng sẽ không bao giờ vì quốc gia dân tộc. Ngày nào hồ sâu ngăn cách giữa chính quyền CS và nhân dân chưa khoả lấp thì ngày đó chưa thể đem tiền bạc đổ vào.

Triệt hạ chính quyền CS là một việc làm khó khăn, gian khổ; phải tấn công chúng trên mọi bình diện chính trị, kinh tế, văn hoá... Người dân VN trong nước 18 năm qua chịu đựng nghèo đói, không có điều kiện quân sự cũng như chính trị để đánh chúng nó. Họ chỉ có cái thế bất hợp tác kinh tế. Nay nếu bên ngoài tiếp viện cho CSVN thì có khác chi tước đoạt nốt cái võ khí duy nhất còn lại của nhân dân?

Đối với những người Việt hờ hào bãi bỏ lệnh cấm vận, họ phải hiểu hai điều:

- Nhân dân miền Bắc và những người miền Nam trước 1975 nuôi cán bộ CS trong nhà, tiếp tế cho CS nằm vùng, nay là những chiến sĩ đặc lực góp phần vào cuộc chiến của toàn dân.

- Dù Mỹ có bang giao hay không, nhân dân vẫn tiếp tục chiến đấu. Cuộc chiến này không phải là cuộc chiến kỳ thị, hận thù Nam Bắc hay của ý thức hệ Tư bản - Cộng sản, mà là một cuộc chiến cho lẽ phải, cho sự công bằng, hay đúng hơn, là cho chính nghĩa quốc gia dân tộc chống lại bè lũ tà đạo phi nhân.

Cuộc chiến này chỉ có thể chấm dứt khi nào bè lũ cầm quyền thật tâm, thật lòng đặt quyền lợi quốc dân lên trên tất cả; dứt khoát vứt cờ, vứt đảng để quay về với cội nguồn dân tộc.

Lời kêu gọi xoá bỏ hận thù, thiết lập bang giao với VC của một số người Việt từng nắm giữ những chức vụ lãnh đạo trong nước ngày xưa hay trong cộng đồng hiện nay làm tôi nhớ lại phong trào phản chiến ở miền Nam trước 75. Nhóm phản chiến chống chiến tranh, kêu gọi hòa bình,

yêu cầu chính phủ miền Nam buông súng. Nhưng khi cộng sản miền Bắc tiếp tục nhận thêm súng đạn từ Nga, Tàu, xua quân vào Nam gây chiến thì bọn người đó làm như điếc, mù, không làm gì hay nói lên được lời nào đối với quân xâm lăng.

Sau 1975, Cộng sản chiếm trọn miền Nam. Bọn phản chiến đó làm được gì cho quốc gia dân tộc? Hay kẻ thì co giò đông tuốt ra nước ngoài, đứa hiện nguyên hình là cán bộ CS nằm vùng, người cúi đầu sống hèn, sống nhục? Điển hình là nhạc sĩ Trịnh Công Sơn. Lời nhạc của anh từng bi thiết, thương khóc dân lành chết vì đạn lạc, hùng hồn đòi hỏi: *"Chính chúng ta phải nói hoà bình, khi đất này địa ngục dựng lên"*; thế nhưng hiện tại anh đang sống ở địa ngục hay thiên đàng? Anh có lời nào cho những người dân lành chết trên vùng kinh tế mới, trong nhà tù, trên biển từ sau 1975 đến nay chưa? Người con gái Việt Nam da vàng bỏ trốn thiên đàng CS bị hải tặc Thái Lan chặn đường cướp hiếp giết, anh có thấy buồn nhục không? Sao anh không có được lời nào cho họ?

Kêu gọi bang giao, xoá bỏ hận thù mà không có một kế hoạch nào cho ngày tàn của CSVN thì lời kêu gọi đó chẳng khác nào hành động của bọn phản chiến trước kia.

Vì quốc gia dân tộc, vì chán ghét chiến tranh, dân Việt đã hơn một lần không cần biết Cộng sản là gì, Hồ Chí Minh là ai, để chấp nhận họ. Ngày họ mang đại pháo, xe tăng, súng đạn tràn vào, nhân dân đã ra mừng đón họ như mừng đón một ngọn gió mát lành của hạnh phúc, ấm no.

Nhưng ngọn gió ấy là một ngọn gió độc, đã thui chấy tất cả những hy vọng, tin tưởng tội nghiệp của người dân và cuốn thổi từng đoàn người vào cõi chết khổ nhục tại các trại cải tạo, vùng kinh tế mới và trên biển cả. Ngọn gió đó cũng không ngừng thổi tung từng mái ngói, nền nhà, lửa vào tận khe kẽ của đời sống từng người để tịch thu, kiểm thảo, lấy đi tất cả mọi giá trị, từ vật chất đến tinh thần. Dân Việt còn gì? Từ Nam chí Bắc, kẻ

trước người sau, là nạn nhân lòng hận thù của chúng nó thì lấy gì mà xóa bỏ?

Điều căn bản là để xây dựng lại một mái nhà, một quốc gia, người ta không thể xây trên rác rưởi, gạch vỡ, ngói nát được! Phải dọn sạch và làm nền tảng mới.

Đành rằng nhân loại cần nương tựa nhau mà sống, nhưng trong công việc xây dựng lại nhà Việt Nam, chúng ta phải cố gắng bằng mọi giá để nhà VN là của người Việt, đừng để mái của Mỹ, nền của Nhật, vách của Tàu, cột kèo của Pháp của Anh... lúc nào cũng nơm nớp lo sợ họ áp lực đòi gỡ vật liệu mang về hay tranh nhau, đánh nhau trên đất nước mình. Đó mới là mục đích chúng ta phải theo đuổi.

*Nguyễn Trọng Đức
California, Hoa kỳ*

BÁN RẺ LƯƠNG TÂM

Sau ngày 30.4.75, hàng ngàn, hàng trăm ngàn, hàng triệu người dân Việt đã liều mình bỏ nước ra đi tị nạn. Họ ra đi với hai bàn tay trắng, với ý chí sắt đá là thà chết chứ không sống với cộng sản vô lương. Họ đã được thế giới khâm phục, hoan nghênh và sẵn sàng tiếp đón.

Ra đi với niềm uất hận, họ đã thề hoặc tâm niệm nhất quyết không quay về với cộng sản dù thế nào chăng nữa. Hàng trăm ngàn người đã bỏ thây nơi lòng đại dương. Bao nhiêu người khác đã tan nát gia đình, cha mất con, vợ mất chồng, anh em mất nhau... Họ đã trả một giá quá đắt để đạt được tự do. Nỗi đau đớn, nhục nhằn, uất hận đối với chế độ phi nhân ấy tưởng không bao giờ có thể xóa nhòa đi được!

Thế mà chỉ hơn 10 năm sau, được ăn bơ thừa uống sữa cận (danh từ cộng sản dùng để mật sát thuyền nhân), một thiểu số những thuyền nhân nói trên đã quên hết để trở về Việt Nam ăn chơi, khoe khoang và tiếp sức cho cái chính thể phi nhân mà họ đã từ bỏ không lâu trước đó.

Họ quên vì ai mà họ phải bỏ nhà bỏ nước, bỏ mồ mả ông cha và những người thân thích ruột thịt để ra đi. Họ phản bội luôn cả chính nghĩa tị nạn chính trị mà nhờ nó họ mới được các quốc gia tự do thu nhận.

Những người ấy đang tâm bán rẻ lương tâm, bán rẻ linh hồn cho quỷ. Chẳng những thế họ còn làm tay sai cho cái chế độ phi nhân ấy bằng cách tuyên truyền, dụ khị người khác có những hành động như họ. Họ đưa ra đủ mọi lý lẽ, nào là còn cha mẹ già, nào là còn mồ mả ông cha, còn các em nhỏ, v.v. và v.v..

Họ quên rằng khi ra đi họ đã chấp nhận bỏ lại tất cả. Nếu còn luyến tiếc sao họ không ở lại cho rồi? Hành động của họ đã gây khó khăn rất nhiều cho đồng bào chúng ta hiện còn đang kẹt trong các trại tị nạn. Họ đã làm mất đi ý nghĩa của danh từ tị nạn chính trị. Vì hành động của họ mà các nước tự do đã vin vào đó để từ chối tiếp nhận những đồng bào này.

Danh từ "du lịch VN" thật quái dị. Người Việt Nam mà du lịch Việt Nam cái nỗi gì! Chẳng qua chỉ là cách bòn rút tiền của dân tị nạn chúng ta khi Việt cộng đã quá kiệt quệ về kinh tế chứ nào phải chúng thương yêu, lo lắng gì chúng ta! Mà ngay cả VC cũng chẳng ưa gì những người bội bạc. Mai đây khi chúng đã no nê, hể hả rồi thì một màn lưới sẽ chụp xuống những kẻ ấy, và danh từ êm ái gọi họ là "khúc ruột ngoài ngàn dặm" sẽ lại đổi thành "bọn trộm cắp, đi điểm" ngay thôi. Đến lúc ấy có hối hận thì đã muộn! Cộng đồng chúng ta còn có những kẻ như vậy thì ngày về vinh quang chắc còn xa vời.

Để tóm tắt, chúng tôi thiết tha mong mỗi cộng đồng người Việt tị nạn chúng ta hãy tẩy chay, không lui tới, giao thiệp, mua bán gì với bọn người kể trên. Một cái liếc xéo, một cử chỉ lạnh nhạt, thờ ơ cũng đủ tỏ thái độ đối với những kẻ đó rồi!

*Một người già
Calgary, Gia nã đại*



nhắn tin tị-nạn

Giá biểu: 15 mỹ-kim (20 gia-kim) mỗi mẫu nhắn tin không quá 50 chữ; có ảnh giá gấp đôi.

Miễn-phí cho đồng-bào tại các trại tị-nạn.

Thanh-niên Việt-nam, sinh năm 1959, tâm thường về mọi phương-diện, thích du-lịch, âm-nhạc, bơi-lội, nghệ-thuật, muốn kết bạn những ai cùng sở-thích, không phân-biệt nam nữ, tuổi-tác, tôn-giáo. Ai mến xin thư về: **Nguyễn**, 5813 St-Vallier, Montréal, Québec, H2S 2P4, có ảnh sẽ tặng lại, hoặc có thể điện-thoại số (514) 276-5938. Không nhận collect-call.

Cựu học-sinh **Nguyễn Bình Khiêm** (76-80), **Trung Vương** (80-83), đến Galang tháng 10.90, đang chờ kết-quả thanh-lọc, rất mong tin các bạn: **Phạm Hoàng Phương Tùng**, nhà ở quận 4, xuất-cảnh sang Gia-nã-đại năm 1985; **Trần Minh Nhựt**, nhà ở Dakao, quận I, vượt biên năm 1980 đến Gia-nã-đại; **Phan Văn Hy**, nhà ở Phú-nhuận, vượt biên năm 1978; **Nguyễn Châu Hiệp**, nhà ở Tân-bình, xuất-cảnh sang Mỹ năm 1991. Hãy liên-lạc với **Trương Cảnh Dũng**, AS #377050, Galang I, Boat #TR0930-90 Puskopal Armabar, P.O. Box 7 Tanjung Pinang 29112, Indonesia.

Tìm **Tạ Trung Hiếu**, trước ở số 20 Cao Đạt, quận 5, Sài-gòn, hiện định-cư tại Gia-nã-đại; tìm các bạn **Nhảy Dù**, tiểu-đoàn Yểm-trợ, Đại-đội Kỹ-thuật, Trung-đội Tiếp-tế thả dù. Xin liên-lạc: **Phạm Văn Sửu**, 43 tuổi, PST 10920, House A5, Sikiew

Camp, Thai Red Cross Society, P.O. Box 1302 Bangkok 10501 Thailand.

Cựu Trung-tá TQLC **Phạm Nhã**, Phi-luật-tân (vừa bị bác đơn tái-xét thanh-lọc), xin liên-lạc gấp với ông **Nguyễn Văn Ba**, Hội Người Việt Tự-Do Manitoba: 100-458 Balmoral St., Winnipeg, MB R3B 2P8, Canada.

Tìm các bạn Gia Long ngày xưa: **Phạm Kim Lê Trinh**, **Doãn Thanh Thủy** (lớp 6⁹; **Bùi Dung**, **Mỹ Dung** và các bạn 10^{B1}; riêng **Hoàng Oanh** (Đức): đã viết thư nhưng không được tin bạn. Xin thư về: **Hoàng Thúy Linh**, #101 - 1823 E. Georgia, Vancouver, BC V5L 2B5, Canada.

Mong được cụ **Lê Văn Trung**, năm nay trên 80, trước 1954 làm công-chức sở Thị-chính Hà-nội, nhà ở phố Hàng Gai, có anh rể là cụ **Nguyễn Đình Tùng**, phố Cầu Gỗ. Mong bằng-hữu quyến-thuộc cho chúng tôi biết tin-tức dù cụ còn nay mất. Đa tạ. **Trần Đức**, 50 rue du Disque, Apt. 4PA/14, 75013 Paris, France.

Anh là **Hoàng Văn Lực**, 87 tuổi, quê ở thôn Hợp-hòa, xã Tân-châu, huyện Khoái-châu, tỉnh Hưng-yên, nay là huyện Châu-giang tỉnh Hải-Hung, tìm em là **Hoàng Văn Tuấn**, 75 tuổi, nghe nói đang ở Pháp, xin liên lạc về cho cháu là **Hoàng Văn Dung** ở số 22A đường Bạch Vân, quận 5, Sài-gòn hoặc 45 Oakmount Rd., #1514, Toronto, Ontario M6P 2M4, Canada; điện-thoại: (416) 762-5883.

Tìm hai anh em **Môn**, **Nê**, học chung lớp 1 trường Thanh-bình, nhà ở gần nhà thờ Thanh-bình, Đà-nẵng, cha người Phi-luật-tân, mẹ Việt, hiện ở đâu xin liên-lạc: **Nguyễn Minh Hùng** VRD 558/91, F/N 12041, Hut A3, U-34 Sekkong Camp, Hongkong.

Tìm **Hồ Ngọc Phương** sinh năm 1968, trước kia ở phường Tam-thuận,

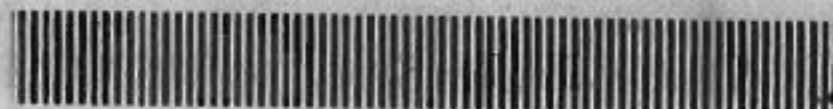
quận III, Đà-nẵng, đã đi theo thành-phần con lai, xin liên-lạc **Nguyễn Minh Hùng**, địa-chỉ trên.

Tìm chồng chưa cưới **Nguyễn Minh Hà**, sinh năm 1957, trước ở 418/88 Trần Phú, quận 5, Sài-gòn, hiện định-cư ở Cali. Vì hôn-thê của anh là **Lưu Kim Ánh** trung-thành và mòn-mỏi chờ-đợi ngày đoàn-tụ với anh. Xin liên-lạc: PST 078, House B2, Sikiew Camp, Thai Red Cross Society, P.O. Box 4302, Bangkok, Thailand.

Tìm bạn **Đặng thị Lê Thủy** trước ở Ngũ Phúc, Hối Nai 3, vượt biên năm 1990, nay ở đâu, xin liên-lạc về: **Nguyễn Hương Nam**, Friedrich Ebert Str. 14, 7180 Crailsheim, Germany. Quý vị nào biết xin chỉ giùm, đa tạ.

Lê Thị Thu Cúc, con của cố GS Lê Tá, Trung-học Mạc Đĩnh Chi, nghe nói hiện ở Olympia, tiểu-bang Washington, Hoa-kỳ, xin liên-lạc về **Trần Thanh Nhân**, 229 Collingwood Dr., Bristol, TN 37620, điện-thoại: (615) 968-4115 hoặc (615) 968-3512, ai biết xin chỉ giùm. Mong.

Tìm chị **Nguyễn thị Hồng Hoa** (con lai), sinh năm 1970, con của cô Hường, cư-ngụ tại nhà cô Nga, xóm Rẫy, hẻm 90 phường 12, quận Tân Bình, cùng mẹ rời Việt-nam đi theo thành-phần con lai ngày 12.9.1988, nay ở đâu, liên lạc với **Nguyễn thị Kiều Vân** (em của Ánh, Vi): MC: 382019, ID: 161464, Sungei Besi Camp, MRSC/TMS, Kuala Lumpur, Malaysia.; Tìm bạn **Võ thị Hoài Châu**, sinh năm 1975, con của cô Miên, trước ở hẻm 90/191 phường 12 quận Tân-bình, vượt biên năm 1988 cùng chị **Phương Thùy**, sang Phi, ở Group 50/327 Mary Peac, 5300 Palawan, Phillipines, nay ở đâu, xin liên-lạc với **Kiều Vân**, địa-chỉ trên.



giới-thiệu

BẢNG NHẠC HUẾ, TRĂM NHỚ NGÀN THƯƠNG

Giáng Ngọc 169, *Huế, Trăm nhớ ngàn thương*, giọng hát Thanh Hiền và Trương Sỹ Lương, hòa-âm Lê Văn Thiện. Các ca-khúc: *Giòng sông tuổi ngọc, Thương tà áo bay, Huế mùa sương, Cầu sương điểm cỏ, Dấu vết ngày xưa, Mưa trên phố Huế, Nhớ Huế, Tâm tình gửi Huế, Tiếng sông Hương và Quê tôi.*

BÓNG MÂY

Tập truyện ngắn của Lê Thao Chuyên, Xuân Thu xuất-bản, 304 trang, giá 13 mỹ-kim.

Liên-lạc: Xuân Thu

LE FÉMINISME AU VIETNAM AVANT 1950

Luận-án tiến-sĩ của Phạm Thị Quế, Nắng Mới (Scarborough, Gia-nã-đại) xuất-bản.

Luận-án này đã đệ-trình tại Paris năm 1973, viết về phong-trào phụ-nữ tại Việt-nam trước 1950, thân-phận, số kiếp, cuộc đời người con gái khi lấy chồng, làm dâu, có con, chồng chết,... bị hà-hiếp, chà đạp, khinh rẻ.

Tác-giả hiện là giáo-sư Đại-học Laval, Montréal, Gia-nã-đại.

Sách dày 302 trang, giá 30\$. Liên-lạc: Nắng Mới, 1214 Warden Ave., Scarborough, ON M1R 2R3, Canada.

SOI LÒNG

Tập bút của Trần Tùng Nguyên, tranh bìa Trần Trung Hiếu, Hưng Đạo (Florida) xuất-bản.

Sách chia làm hai phần: *Tâm cảm* và *Tâm hương*, viết về những suy

nghĩ của tác-giả trước thời-cuộc và đời sống: chính-trị, kháng-chiến, nhiệm-vụ của tráng-sinh Hướng-đạo. Sách dày 132 trang không đề giá. Liên-lạc: Hưng Đạo, P.O. Box 580822 Orlando, FL 32858-0822, USA.

SHAKESPEARE, CUỘC ĐỜI VÀ TÁC-PHẨM

Đỗ Khánh Hoan viết về thân-thể và văn-nghiệp của thi-sĩ kiêm kịch-tác-gia Anh-quốc, William Sakespeare.

Sách dày 272 trang giá 20 mỹ-kim (25 gia-kim cộng 7% GST, nếu độc-giả sống tại Gia-nã-đại). Liên-lạc: Làng Văn.

TẮM MÁU ĐEN

Bút-ký 1981-1991 của chiến-sĩ Võ Đại Tôn, viết về đường về quê-hương và 10 năm chiến-đấu âm-thầm, cô-đơn trong ngục-tù cộng-sản Hà-nội, tác-giả xuất-bản.

Sách dày 428 trang không đề giá. Liên-lạc: Võ Đại Tôn, 79 Tempe St., Greenacre, NSW 2190, Australia.

TUYỂN TẬP TRUYỆN NGẮN THẾ UYÊN

Tuyển tập 11 truyện ngắn của Thế Uyên, Xuân Thu xuất-bản.

Sách dày 250 trang, giá 10 mỹ-kim. Liên-lạc: Xuân Thu.

TINH-THẦN LÝ TỐNG

Gồm ba phần: tin-tức, tuyên ngôn và thơ văn viết về Lý Tống, do Ủy ban Phát-huy Tinh-thần Lý Tống (San Jose) xuất-bản.

Sách dày 198 trang không đề giá. Liên-lạc: P.O. Box 51269 San Jose, CA 95151, USA.

ĐƯỜNG NÀO CÓ HOA ĐÀO

Thơ Dương Huệ Anh, Phương Đông xuất-bản.

Sách dày 122 trang, giá 8 mỹ-kim. Liên-lạc: 2516 Brenford Drive,

San Jose, CA 95122, USA.

HUYỀN CA, ĐIỂM ẢNH

Thơ Dương Huệ Anh, Trung-tâm Nghiên-cứu Học-thuật Đông-y xuất-bản.

Sách dày 96 trang không đề giá. Liên-lạc địa-chỉ trên.

NGUYỄN CHÍ THIỆN ECHO AUS DEM ABGRUND

Tài-liệu, bài viết, thơ và bản dịch (song-ngữ) Việt-Đức của Bùi Hạnh Nghi, về thơ văn và trường-hợp Nguyễn Chí Thiện.

Dịch-giả tốt-nghiệp tiến-sĩ Văn-chương Đức trước 1975, hiện hành nghề giám-đọc ngân-hàng tại Đức.

Sách dày 300 trang không đề giá.

VẾT THƯƠNG

Tuyển tập 13 truyện ngắn của Sơn Tùng, Alpha xuất-bản.

Vết thương là ấn-phẩm thứ hai của Sơn Tùng, sau *Trùng phật* (tập truyện ngắn). Tác-giả, cựu luật-sư, hiện là phó chủ-tịch Trung-tâm Văn Bút Miền Đông Hoa-kỳ. Ông từng là thư-ký tòa-soạn *Văn-nghệ tiền-phong*, bút hiệu Sương Lam, hiện là một trong những cây bút chính của tạp-chí *Ngày nay* (Wichita, Hoa-kỳ).

Vết thương dày 184 trang, giá 10 mỹ-kim (13,50 gia-kim). Liên-lạc: Làng Văn.

NGÀY XƯA QUÊ MẸ

Tập truyện ngắn của Phạm Việt Quý, Nam Phương xuất-bản.

Sách dày 192 trang giá 10 mỹ-kim. Liên-lạc: Nam Phương, P.O. Box 72604, Davis, CA 95617, USA.

ĐƯỜNG XƯA MÂY TRẮNG (THEO GÓT CHÂN BỤT)

Truyện kể của thiền-sư Nhất Hạnh về cuộc đời hành đạo của đức Phật.

Sách dày 624 trang, in đẹp, giá 28 mỹ-kim (38 gia-kim). Liên-lạc: Làng Văn

Mua báo dài hạn nhanh . rẻ . nhiều quyền-lợi khác

Độc-giả mua báo dài hạn nhận báo gửi về tận nhà, được bớt 10% khi mua sách do *Làng Văn* phát-hành.

Xin điền phiếu mua báo, gửi kèm ngân, chi hoặc bưu-phiếu về tòa-soạn.

Độc-giả tại Gia-nã-đại, Hoa-kỳ và Anh-quốc có thể trả bằng chi-phiếu (cheque/check).

Độc-giả tại các nước khác xin trả bằng bưu-phiếu (postal money-order/mandat) mua tại bưu-diện, hoặc ngân-phiếu (money-order) mua tại ngân-hàng. Cũng có thể trả bằng chi-phiếu, theo giá tiền địa-phương, cho đại-diện của *Làng Văn* tại quốc-gia bạn đang cư-trú (xem danh-sách và giá tiền bên dưới).

GIÁ BÁO DÀI HẠN

(1 năm 12 số, kể cả báo Xuân)

Báo gửi trong nội-địa Gia-nã-đại:..... 50 gia-kim (cả thuế)

Gửi đi Hoa-kỳ:..... đường bộ: 50 mỹ-kim (65 GK)

đường hàng không: 70 mỹ-kim (91 GK)

Các nước khác:..... đường thủy: 50 mỹ-kim (65 GK)

đường hàng-không: 80 mỹ-kim (104 GK)

Ghi-chú:

- Gia-kim: CA\$ (tiền Gia-nã-đại); mỹ-kim: US\$: (tiền Mỹ)

- Nếu trả bằng chi-phiếu / tiền địa-phương, xin theo giá sau:
tại Đức: đường thủy 95 đức mã / hàng không 150 đức mã.

Hòa-lan: đường thủy 105 gulden / hàng-không 170 gulden.

Na-uy: đường thủy 400 krone / hàng-không 620 krone.

Anh: đường thủy 40 anh-kim / hàng-không 65 anh-kim.

Pháp: đường thủy 300 quan / hàng-không 500 quan.

Úc: đường thủy 85 úc-kim / hàng-không 140 úc kim.

Nhật-bản: đường thủy 7500 yen / hàng-không 12000 yen

- Chi-phiếu đề và gửi về các địa-chỉ đại-diện *Làng Văn* địa-phương:

Pháp:

Hội *Làng Văn*

(Bạch Thái Hà)

7 B-1 rue de Rethondes

95100 Argenteuil

(Điện-thoại: 34-10-26-46)

Đức:

Ngô Việt Dũng

Postfach 104122

4600 Dortmund 1

(ĐT: 656-949)

Hòa-lan:

Hồ Thị Chiến

Lyster 77

1628 Am-Hoorn-NH

(ĐT: 290-31666)

Anh:

Hoài Châu

19 Abdale Rd., London W12 7ER

Na-uy:

Dương Kim

Kalbakkvn 17

0953 Oslo 9

(ĐT: 216-5607)

Úc-đại-lợi:

P.O. Box 198, Lakemba, NSW 2195

(ĐT: 758-2331)

Nhật-bản:

Đỗ Thông Minh

T 140 Tokyo-To, Shinagawa-Ku

Yashio 5-12-69-115

(ĐT: 799-1763)

Quý vị sẽ nhận được số báo đầu-tiên trong vòng 4 tuần (nếu mua báo gửi bằng máy bay) hoặc 10 tuần (nếu mua báo gửi bằng đường thủy) sau ngày đặt mua. Sau thời-hạn này, nếu chưa nhận được, xin thông-báo cho tòa-soạn biết để xem lại.

Mỗi độc-giả sẽ có một mã-số riêng, in ở hàng đầu trên nhãn địa-chỉ của bạn ngoài phong-bì gửi báo. Xin vui lòng cắt nhãn này để dành. Khi cần giao-dịch với tòa-soạn (khiếu-nại, mua sách, gia-hạn báo, đổi địa-chỉ, v.v.), xin gửi kèm mã-số để tránh nhầm lẫn. Mã-số này gồm ba nhóm số và chữ. Nhóm thứ nhất là mã-số riêng, không bao giờ thay-đổi. Nhóm thứ hai là hạn báo của quý vị, ghi số báo chót sẽ nhận được. Nhóm chữ cuối cùng (nếu có), là cách gửi báo (máy bay, đường bộ,...).

Quý độc-giả mới, hoặc vừa tái hạn, trong vòng 90 ngày, xin vui lòng kiểm-soát lại nhóm số thứ hai (hạn báo). Nếu thấy không đúng với con số do quý vị tính, xin thông-báo ngay cho tòa-soạn.

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ, tên đệm, tên:.....

Địa chỉ:.....

mua:.....năm; từ số:.....; kèm chi-phiếu:.....\$

Ngân, chi-phiếu xin đề và gửi về:

LÀNG VĂN

P.O. Box 218, Station "U", Toronto, Ontario M8Z 5P1, Canada

PHIẾU TẶNG BÁO

Tôi muốn mua.....năm báo, kể từ số:.....

để tặng cho:.....

Địa-chỉ:.....

Xin đề: "Do.....tặng

kèm theo ngân, chi-phiếu:.....\$

PHIẾU ĐỔI ĐỊA-CHỈ:

Họ tên và mã-số độc-giả:.....

Địa-chỉ cũ:.....

Địa-chỉ mới:.....

Nếu không muốn cắt trang báo, xin chụp lại mẫu này, hoặc cắt nhãn địa-chỉ cũ, gửi kèm theo địa-chỉ mới về tòa-soạn

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO, CHIA BUỒN, CHÚC MỪNG, BỐ-CÁO VIỆC RIÊNG...

▼ Chỉ đăng trên ấn-bản Toronto:

bìa sau (2 màu):	400 gia-kim
bìa trong, (trước hoặc sau).....	300 gia-kim
trang trong:	100 gia-kim
nửa trang:	60 gia-kim
1/4 trang:	40 gia-kim
1/8 trang:	25 gia-kim

đăng dài hạn từ 3 kỳ trở lên, được hưởng giá đặc-biệt

▼ Ấn-bản toàn quốc Gia-nã-đại và quốc-tế:

Nguyên trang trong:	200 mỹ-kim (250 gia-kim)
Nửa trang:	110 mỹ-kim (135 gia-kim)
1/4 trang:	60 mỹ-kim (75 gia-kim)

độc-giả dài hạn được bớt 10% khi đăng cáo-phó, chúc mừng, chia buồn

Nhắn tin ti-nạn

(tiếp theo trang 112)

Tìm chị **Trần thị Kim Thanh** tự Gái Lớn, chồng tên Nguyễn Q. Cảnh, vượt biên năm 1978, định cư tại Toronto, Gia-nã-đại; chị **Trần thị Kim Anh** tự Gái Nhỏ, chồng tên Quí (Không-quân), vượt biên năm 1978, định cư tại Úc-đại-lợi. Trước 1975, cả nhà làm Steam Bath & Massage Fuji, nay ở đâu, xin liên-lạc với em: Phan Văn Quới, tự Hạnh, trước ở Sài-gòn, nay ở: Central Prison, Chonburi City, 20000 Thailand. Rất mong tin.

Tìm vợ là **Lê thị Thanh Thảo**. Anh đi cải tạo được 2 năm thì được tin em vượt biên rồi biệt tin từ năm 1977, nghe nói đang ở Oregon, Hoa-kỳ. Nếu em chưa lập gia-đình khác, hoặc cho phép anh được gặp các con, xin viết cho mấy chữ về **Trương Văn Tuấn**, 156/12/2A Nguyễn Thiện Thuật, Sài-gòn. Anh đã có danh-sách HO, sẽ sang Mỹ trong năm nay. Các con Tự, Hoàng, Trương, Chung, Hiền, Hồng và Thu xin phép má viết thư cho ba. Ba nhớ thương các con vô cùng suốt 16 năm nay.

Tìm ông là **Nguyễn Văn Lữ**, con ông Nguyễn Văn Lưu, có con trai là Nguyễn Văn Phương, con gái là Nguyễn Thị Oanh, trước 1980 ở quận I Sài-gòn. xin liên-lạc với cháu là **Trương Thị Phương**, số 54580, Hut 11-B, Whitehead Detention Camp, Section 7, Shatin, Hongkong.

Tìm chị **Lê Thị Hậu** cùng đứa con trai, trước ở Pulau Bidong, Mã-lai, định-cư tại Gia-nã-đại từ tháng 3.1990. Xin liên-lạc em **Nguyễn Minh Trường**, MC: 476034, ID: 164-964, Sungei Besi Camp, MRCS/TMS, Kuala Lumpur, Malaysia.

thư đi tin lại

● Nguyễn Hương phụ-trách



Nhà văn An Khê, Paris: Đã gồm, sửa theo yêu cầu của sư ca. Sách *Từ khám lớn tới Côn đảo* đã in xong ruột, đang chờ bìa. Về vụ ông HNC, NH không giữ địa chỉ nên không giúp sư ca liên lạc được. Nếu vì nhiệt tình quốc gia mà hiểu lầm nhau, trước sau gì cũng có dịp "đả thông" để giữ tình đoàn-kết. Kính.

Anh Nguyễn Hồng Hoàng, Galang: Rất mừng khi thấy anh vẫn nhận được báo đều, không bị thất lạc. Chúc anh và gia-đình may mắn hơn, sau ba năm bị chôn chân tại đảo. Kính.

Anh Võ Công Gương, Galang: NH tán thành đề nghị anh nêu trong thư. Được như vậy thì quý lắm.

Thi sĩ Tô Giang, Vancouver: Đã nhận được các bài thơ, cảm ơn ông. Tòa soạn chưa thấy mặt mũi *Thời nay* ra sao. Nếu tiện, xin ông "phát" cho một tờ để vô sổ bộ, làm tổng kết cuối năm. Đã ghi địa chỉ anh NMAD cho ông. Kính.

Nhà văn Vĩnh Hảo, California: Xin gửi cho đĩa chữ khác. Đĩa bài cũ bị hỏng, không đọc được. Thân.

Nhà văn Đặng Văn Nhâm, Đan Mạch: Đã nhận được tiền mặt. Đã gửi báo và thư riêng. Mong tin ông.

Thi-sĩ Nguyễn Hữu Nhật, Na Uy: Đã gửi sách và thư mục sang cho anh chị. Thân chúc Novib phát đạt. Kính.

Anh Lê Minh Tuấn, Anaheim: Bà HTD chưa tái hạn. Sau khi anh tái

hạm giùm từ số 103, mã số mới của bà sẽ là 2100-114.

Em Bé Bay, Miền đất vĩnh hằng: Về sách, tòa soạn "nhường" các đại lý tại Nam và Bắc California cho các nhà Đại Nam, Văn Nghệ và Thế Giới. Ngay đợt đầu tiên, ba nhà đã chia nhau 400 cuốn. Ai bảo Em Bé là sách của NND "không thấy bày bán tại Cali?" Các nhà phát hành đâu đại gì ngâm ...tiền của mình trong kho! Tại Paris, ngoài nhà Nam Á còn có các em Hảo, Trâm chăm sóc hộ. NH sẽ "thăm chừng" xem.

Về đĩa dữ kiện, in bài xong, tòa soạn tiếp tục dùng vào việc khác, có vất đi đâu mà uống! Chờ đọc loạt bài về ông Mít ...si-ma của Em Bé. Làm việc vừa vừa thôi, coi chừng ...mập ra đó! Hè này, sang chơi chứ? Thân.

Đại đức Nguyễn Đạt, Sungei Besi: NH sẽ gửi báo theo cách Đại đức bày cho, mong đến tay đồng bào đều đặn hơn. Kính.

Ông Võ Văn Châu, Thụy Điển: Làng Văn không có đại lý, đại diện ở Thụy Điển. Ông cho biết, sau khi rời trại Hương Cảng sang Thụy Điển định cư, đã cố lòng mua tờ báo "cố tri" để "giúp làm tan biến đi cái giá lạnh quê người" và "làm đẹp thêm những cảm nghĩ của những người từng nhìn nhau quý mến". Nay sau hai năm mới bắt lại được liên lạc, kể cũng chưa muộn lắm. Đã gửi sách và báo cho ông. Báo bây giờ cũng như xưa (về lập trường), mong ông vừa ý, Kính.

Ông Nguyễn Văn Ba, MB: Tòa soạn không có số MC và ID của ông Phạm Nhã, không thể chuyển thư giúp ông, sợ lạc. NH xin đăng vào mục nhấn tin tị-nạn, mong ông Nhã sẽ đọc được. Kính.

Anh Hàn Lê Nhân, Pháp: Cảm ơn anh đã gửi cho đĩa mẫu, giới thiệu bộ chữ Việt "ThinArt", dùng cho McIntosh và IBM. Xin mách cùng quý bạn đọc và thân hữu để liên lạc: VN-ThinArt, 2 Avenue de la Convention, 77184 Emerainville, France.

Ông Nguyễn Quang Thanh, Sikiew: Báo vẫn gửi đều, địa chỉ không đổi. Nếu các "đầu cầu" khác có báo mà anh vẫn không có, xin cho biết ngay. Mong tin.

Anh Lương Quốc Thắng, Nam Dương: Đã ghi danh Đoàn Thanh-niên Công-giáo Galang II vào danh sách gửi báo, theo yêu cầu. Mong quý anh sớm nhận được.

Thi-sĩ Nguyễn Thơ, LA: Cảm ơn hai bài thơ lãng đãng của ông. Tiếc vì nét chữ của thi sĩ "phiêu bồng" quá, NH mắt kém, đọc không ra. Hôm nào nắng đẹp, mong thi sĩ chịu khó chép thêm thơ (và chép cẩn thận) cho đọc. Kính.

Ông Quốc Chí, Scarborough: Cảm ơn bài góp ý kiến về Phong trào "Đại phản tỉnh". Bếp đọc xong báo, "bài có nhiều ý hay, nhưng viết gay gắt quá, e làm mất đoàn kết." NH nghe sao bảo vậy, không dám cãi, lại sợ ...mất đoàn kết. Xin ông xem lại. Kính.

Ông Dương V.K., Macquarie Fields, Úc Đại Lợi: Báo của ông và của bạn ông gửi cùng lúc bằng đường thủy, dò lại địa chỉ, đúng y như ông viết trong thư. Nếu bạn ông vẫn chưa nhận được, xin xem lại coi địa chỉ ông cho có chính xác không. Mong tin.

Ông Nguyễn Đình Thi, Cali:

Bài *Đi tảo mộ* ông gửi, đã thấy đăng trên một tờ báo biểu ở Toronto (chi nhánh của một tờ báo biểu khác ở Cali), không tiện đăng trùng.

Câu hỏi về sao hôm, sao mai của ông, đã trả lời trên số 100, mục *Độc giả thắc mắc*. Kính.

Ông Ngô Thanh Tâm, Na Uy: Đã chuyển thư ông cho học giả Thái Văn Kiểm. Cảm ơn lời chúc thực tế của ông. Rất quan tâm về những điều ông viết trong thư: *"Tình hình VN chuyển biến đến chóng mặt. Một nước nhỏ và xa xôi như Na Uy mà cũng nhào vào làm ăn lớn. Lòng người lung lay, quên hết chính nghĩa, đạo đức. Bốn không thành bốn có, 'cao bồi con' thành điệu đóm, công lưng già lòn kẻ thù cũ. Chúng tôi chỉ còn một niềm an ủi, một chỗ tựa tinh thần là Làng Văn. Xin đừng bao giờ phản bội chúng tôi như bọn kia nhé."*

Ông có thể an tâm. "Bọn Làng Văn" lấy độc giả làm gốc, sẽ không bao giờ có chuyện thay lòng đổi dạ, vì phản bội độc giả là phản bội chính mình. Kính.

Ông Hồng Huy, Winnipeg: Cảm ơn ông về bài phân tích *"Đôi điều về tiếng Việt"*. Tiếc là những chữ viết mà ông nêu ra, độc giả Làng Văn đã đọc và đã sửa lại cho đúng từ lâu rồi: yếu điểm / nhược điểm; tiêu thụ / tiêu dùng; chúng cư (thay vì chung cư); đại bàng (thay vì đại bàng); xán lạn (thay vì sáng lạng), v.v. Xin ông tùy nghi chuyển cho các báo khác.

Về câu hỏi gợi ý: "chúng ta có nên sửa lại cho đúng (trong cách viết lẫn cách nói) hay là chấp nhận *nghĩa* mới của *chữ*?" NH xin nêu ý riêng của mình, vắn tắt như sau: Ngôn ngữ có sức sống, nghĩa là có sự thay đổi, phát triển. Ta ghi nhận sự phát triển đó, nhưng vẫn phải tìm cách sửa chữa những chỗ sai, vụng của nó. Trong khi viết, ta nên viết cho đúng. Nếu dễ dãi, thì châm chước phần nào trong "ngôn ngữ đời thường" hay trong văn đối thoại mà thôi. Kính.

Ông Trần Kim Long, PT Nhân quyền Sungei Besi: Cảm ơn ông về

các bản tin và lời khích lệ *"Làng Văn quả là món ăn tinh thần tuyệt vời."* Bếp làng hứa sẽ cố gắng nấu nướng, bày biện đẹp mắt, ngon miệng để cả làng cùng... mập như Bếp. Kính.

Bà Hồ Phổ Lại, Gatineau: Bà "thủ thế" kỹ quá, gửi truyện đăng một vòng các báo văn học dưới nhiều bút hiệu khác nhau để "đo lường" tài năng của mình rồi mới chịu "nộp" bài cho làng! Coi chừng cái tựa truyện, *"Ba sao giữa trời"*. NH nhớ mang máng nhà văn Bình Nguyên Lộc có một truyện ngắn cùng tên, nhưng không dám chắc. Nếu có thể, xin đánh máy cho dễ đọc. Kính.

Anh Đỗ Ngọc, Đức: Đã chỉnh lại địa chỉ mới cho *Cánh én*. Vậy là anh thôi không làm "bếp" cho tờ báo nữa, mà bàn giao cho một người khác, ...mập hơn? Làm chim mà nặng ký quá, chỉ khổ đôi cánh! Mong ông bạn mới sẽ mang lại đủ bốn mùa xuân cho bạn bè bên đó. Riêng anh, chúc anh luôn giữ được eo trong công tác mới.

Anh Võ Việt Minh, Tai A Chau: Đã nhận được bài thơ ...bê hoa. Không đăng được, sợ các cụ phiền. Mong sáng tác mới.

Anh Ngân Khánh, Mã Lai: Đã nhận được bài viết cho tù nhân chính trị của. Cảm ơn anh, xin tiếp tục.

Điều khắc gia Phạm Thế Trung, Toronto: Đã nhận được bài và ảnh, cảm ơn anh. Hoan hô dự định của anh, mời họa sĩ Hiếu Đệ sang bày tranh và nói chuyện.

Mùa xuân này có hội làng, mời anh chị đến xem lại cái... thủ cấp Bếp mập do anh nặn và mang đi triển lãm năm nọ. Thân.

Anh Văn Phú Bình, Nam Dương: Đã nhận được bài thơ, cảm ơn anh. Đọc thư anh, NH thấy đồng bào ở Nam Dương nên đoàn ngũ hóa trước hết. Không có tập thể, không có đồng đội, không có sức mạnh để đấu tranh.

Anh Việt, Estonia: Máy hôm trước, tòa soạn nhận được điện tín, ghi vắn tắt: "*gửi tặng thêm lượng báo.*" Bức điện không ký tên, không ghi nơi gửi, kể cả tên quốc gia. Nay nhận thư, mới biết em là tác giả bức điện vắn... đơn giản đó! Sao hà tiện lời thế, phí tiền!

Đồng ý sẽ gửi thêm báo cho em, để tùy nghi sử dụng. Bài hát em hỏi là *Hoài cảm* của Cung Tiến, không phải của Cung Vũ như em viết trong thư. Ông Cung... Mập cũng viết nhạc, nhưng thỉnh thoảng mới ...cảm. Thân.

Ông Võ Văn Quán, Galang: Tòa soạn rất thông cảm với tình hình bi thảm tại Galang, và của ông. Tiếc là không đủ phương tiện tài chính để giúp được gì nhiều hơn, ngoài số sách báo gửi đều hàng tháng cho 18 trại và khoảng 200 cá-nhân, một phần do độc giả đóng góp, một phần trích từ quỹ làng. Kính.

Anh chị Nguyễn Văn Thông, MA: Tuyết Boston cao tới gối thì tuyết Toronto cũng quá bụng chân. Lạnh thì có lạnh mà lòng vẫn ấm, vì bạn bè xa (như anh chị) nhìn trời đổ tuyết mà nghĩ tới nhau. Đã nhận được tiền báo và *Con mèo xấu xí*. Truyện cảm động lắm, nó nhắc NH nhớ đến con mèo của mình vừa mới qua đời.

Không mở tiệm sách nữa thì hè này sang chơi, nhé? Thân.

Sông Xanh, Galang: Đã nhận được các bài thơ. Phải thú nhận là khó đọc quá. Sông Xanh viết trên giấy mỏng, viết cả hai mặt, lộn qua hai bên, đọc chữ nọ xọ chữ kia. Chịu thôi! Chúc Sông Xanh sớm rời đảo.

Ông Lương Duyên Nam, Cali: Vừa nhận được bằng hình thì dọn nhà, máy móc vô thùng hết, không xem được. Dọn nhà xong, cắm đầu vào làm báo liên tiếp hết tờ này tới tờ khác để rút lại thời-gian chậm trễ. Bây giờ mới khui thùng lấy máy ra xem và làm bản phụ tặng cho Hội

Con Rối. Nhìn chung, NH học thêm được rất nhiều điều ở ông, về con rối. Xin đa tạ. Kịch thơ *Thị lộ* cũng đã đọc xong. Ông soạn rất công phu. NH đã chuyển cho Hội Thi Ca Kịch Nhạc. Kính.

Ông Lê Nguyên, Kokomo: Đã gửi bù và giải thích trong gói báo. Hy vọng ông nhận đủ. Kính.

Bà Lâm Thu, Kamloops: Nghe bà tả cảnh nhà: "trên núi cao, gọi là *Lac Le Jeune* (Thanh xuân hồ?), cách thị-trấn Kamloops 38 cây số, chỉ có độ bốn, năm mươi nóc gia...", NH đã động lòng xuất thế, muốn tới thăm liền.

Về phiếu mua báo, NH sẽ lưu ý không để nó chung lưng đấu cật với mục *Độc giả thắc mắc*, khiến bà chùn tay không dám cắt.

Thực ra phiếu ấy chỉ in ra để nhắc độc giả mới ghi đủ chi-tiết (họ trước tên sau, địa chỉ, khu bưu chính v.v.). Không có phiếu vẫn mua báo được. Kính.

Ông bà Nguyễn Minh Thiện, Na Uy: Vì dọn làng, báo ra trễ, NH mới được đọc những đoạn thư cảm động như thư ông bà: "*Sáng nay, nhận được số báo tháng 3, tôi hết sức vui mừng vì biết rằng Làng Văn vẫn phát hành bình thường, không gián đoạn vì lý do nào đó. Suốt tháng qua, vợ chồng tôi cứ lo ngại, liệu có chuyện gì không... Nếu có gì thì thật buồn cho những người yêu văn chương...*"

Xin tạ lòng nhị vị. NH xin hứa là từ nay về sau không...dọn nhà nữa. Kính.

Lưu Kim Ánh, Thái Lan: Đã theo thư viết lại và đăng mẫu nhắn tin cho em. Chúc gương vỡ lại lành.

Anh Phạm Văn Duyệt, Panat: Mừng anh trúng số... thanh lọc. Chúc anh sớm lên đường, làm lại cuộc đời. Đi Úc được lắm. Khí hậu ấm áp, không khí trong lành, cộng đồng đông vui không khác VN thời trước. Kính.

Nhà văn Diệu Tần, Monterey: Truyện đã đánh máy sẵn nhưng không có dấu (hay tra dấu tay), vẫn phải đánh máy lại từ đầu. Dùng chữ VNI hay VN Lab, tốt hơn cả. Sẽ gửi bản chiết tính sang ông sớm để tiến hành công việc. Kính.

Quách Ngọc Trân, Lethbridge: Truyện đăng trên các báo *bạn Làng Văn*, có cái thích là một truyện được "quyền" gửi đăng nhiều báo cùng một lúc. Truyện đăng trên *Làng Văn* có cái không thích là phải chờ lâu sốt ruột, làng đăng xong phải đợi thêm vài tháng rồi mới có thể gửi cho các báo khác. Đã nhận được *Dế mèn*, cảm ơn anh. Truyện rất có ý. Xin tiếp tục.

Nguyễn Liên Hương, Nhật Bản: Cảm ơn cho biết tin về "*Quà tặng những kẻ yêu nhau*" gửi dư. Nếu gửi lại, tiền cước vô đó cũng hết; mà giữ thì không tìm đâu ra *những kẻ yêu nhau* mà tặng. Thôi thì cô gửi cho đại diện làng tại Nhật vậy (Đỗ Thông Minh, địa chỉ ở trang mua báo dài hạn). Cước nội-địa rẻ hơn. Ghi hộ vài chữ: "Tòa soạn *Làng Văn*, Gia-nã-đại nhờ gửi". Thân.

Dương Kim, Na Uy: Đã nhận được phiếu gửi báo cho ông Lê văn Ngộ. Kim quên ghi là gửi bằng máy bay hay đường thủy. Trong khi chờ đợi, cô gửi tạm bằng đường thủy. Báo cho bà Kiều Hạnh, đã gửi. Thân.

Ông Hoàng Giáo, Red Deer: Cảm ơn ông luôn luôn để ý giúp đỡ. Tòa soạn có món quà nhỏ để tạ tình. Kính.

Nhà văn Vũ Đình Kh., Vancouver: Cảm ơn anh báo tin về vụ các đại lý ở BC tự ý tăng giá sách của làng. Về sách, anh gửi tạm 30 cuốn *Dốc ké* (có trả tiền), để NH giới thiệu với các đại lý trước đã. Chúc anh viết đều.

Anh Lê Khắc Vĩnh, Saikung: Đã nhận được các bài thơ. Cảm ơn

anh về sự đóng góp và tin cậy. Chúc anh may mắn.

Nguyễn Thị Mỹ, Québec: Sách hư (đóng thiếu trang), đã gửi cho em cuốn khác. Về cuốn hư, chỉ cần xé bìa gửi về (để tòa soạn trả lại cho nhà xuất-bản) là đủ. Thân.

Thi sĩ Việt Phương, TX: Cảm ơn em đã cho tin về đại lý ấy. NH rất ngạc nhiên về các tiệm sách ở Texas. Trong 10 năm kinh doanh, trong 9 đại lý "chạy làng", đã có tới 5 đại lý ở Texas: Văn Hữu, Liên Hương, Mỹ Linh. Hiện làng đang giao cho hãng đòi nợ kiện hai đại lý khác: Ngọc Hà và Ngày Nay.

Gửi ảnh chụp một số tranh của em về làng. Có chỗ dùng được đấy, ông em đa tài! Thân.

Anh Trương Hồng Sơn, Arizona: Anh về Túc-sơn, Arizona thì cũng "ấm cúng" thua gì Mã Lai! Chúc may mắn và chóng ổn định

việc tư để lo việc công.

Thi sĩ Nguyễn Tư, Sydney: Trong xấp thơ anh gửi, có vài bài đã đăng trên... *Làng Văn* rồi. Từ nay về sau xin cẩn thận, đừng gửi bài đã đăng báo (hay bài gửi cho nhiều báo) về làng. Chúc anh viết đều.

Ông Nguyễn Văn Thảo, Hương Cảng: Đọc thư, biết anh nghĩ sâu và sẽ viết được về loại tùy bút. Thử xem. Mong.

Ông Trần Đăng Hồ, Shatin: NH không có địa chỉ BS Nguyễn Quốc Quân, nhưng sẽ nhờ văn-phòng *Chiến-sĩ Tự-Do* Montréal chuyển bài thơ của ông tới một người anh khác của BS Nguyễn Đan Quế, là BS Nguyễn Thế Huy (Montreal). Chúc anh sớm liên lạc được với những người đồng tâm chí. Kính.

Thi sĩ Minh Quang, Toronto: Đã chuyển các bài thơ của ông sang *Chiến-sĩ Tự-Do*, rất hợp. Mong ông

hài lòng. Kính.

Ông Trần Văn Nam, San Gabriel: Đề nghị tách khoa học và thi ca ra hai phần khác nhau, tiện hơn, và hợp lý hơn. Kính.

Cụ Võ Thanh, Richland: Các cuốn cụ hỏi đều có trong thư mục Làng Văn phát hành, 8 cuốn tất cả do cùng một dịch giả. Nhà văn Nguyễn Phong chưa tới tuổi "cụ", và hiện ở cùng tiểu bang với cụ. Kính.

Ông Ngô Văn Hậu, Nantes: Đã gửi *Đêm* cùng với các cuốn sách ông đặt mua. Kỳ sau, làng sẽ gửi kèm thư mục mới tới quý độc giả. Xin ông đón xem. Kính.

Nguyễn Thị Thúy, Sikiew: Em làm được nhiều điều tốt đẹp, cầu xin ơn trên gia hộ cho hai mẹ con bình yên. NH thăm tin rằng, một ngày nào đó chị em mình sẽ gặp nhau, trong một hoàn cảnh sáng sủa hơn. Có dịp

CHIA BUỒN

Vừa được tin:

Ông LÂM VĂN HƠN

thân phụ của hai thi hữu Lâm Hảo Dũng
và Lâm Hảo Khôi,

đã tạ thế ngày 3 tháng 3 năm 1993 (nhằm
ngày 11 tháng 2 năm Quý Dậu) tại Sóc Trăng,
Việt-nam, hưởng thọ 73 tuổi,

Thành thật phân ưu cùng gia đình các thi hữu
và quý tang quyến, xin cầu nguyện cho hương
linh người quá cố được phiêu diêu miền Cực Lạc.

Trung Tâm Văn Bút VN/Ontario
Tòa-soạn Làng Văn
Văn-phòng Tự-Do, Montréal
Nguyễn Văn Ba
Hồ Trường An

CHIA BUỒN

Nhận được tin buồn,

Bà NGUYỄN HỮU HOAN

khuê-danh BÙI THỊ LỘC
ngoại tổ-mẫu của anh Chử Bá Anh

đã qua đời ngày 23.3.1993 tại bệnh viện Fairfax,
Virginia, Hoa kỳ, hưởng thọ 93 tuổi.

Xin thành kính phân ưu cùng anh chị Chử Bá Anh &
Vị Khuê cùng quý tang quyến. Kính chúc hương hồn cụ
bà sớm về nơi an nghỉ.

Gia-đình Nguyễn Ngọc Ngạn
Gia-đình Trần Trung Lương
Gia-đình Nguyễn Nghĩa
Gia-đình Lê Kim Sơn
Ngô Nguyên Dũng
Hồ Trường An
Nguyễn Bá Đình & Thủy Trang
Nguyễn Hương & Nguyễn Hữu Nghĩa

thì viết thư đều. NH luôn luôn nóng lòng đón nhận những tin vui nho nhỏ như trong thư ngày 19.3 của em. Thân.

Anh Phạm Thanh An, Hương Cảng: Đã nhận được truyện dài. Đang đọc. Chúc anh luôn khỏe và vững lòng.

Anh Phan Tài Phú, NM: Đã nhận được phần đầu bản thảo cuốn sách. Sẽ có thư riêng.

BÁO BỊ TRẢ VỀ

Trong tháng qua, tòa-soạn nhận được các số báo bị trả về như sau. Xin quý độc-giả vui lòng thông-báo địa-chỉ mới. Tòa-soạn sẽ không gửi bù các số báo bị trả lại:

Phương Trần, Lawrenceville, NJ;
Đông Vũ, Santa Clara; Hoàng Hiền

Thục, Hamilton; Mai Ngọc Lân, Vancouver; Lê Việt Tri, Peterborough.

BÀI NHẬN ĐƯỢC

Văn: Phạm Vũ Dũng, Trần Văn Tích, Vy Sao (3), Ngân Khánh, Đông Vũ, Trương thị Mỹ Vân, Trương Nhân, Quách Ngọc Trân, Nguyễn Văn Thảo, Trần Đăng Hồ, Trần Văn Nam, Hồ Phổ Lại, T.T. Mây Trên Ngàn, Lữ Tùng Anh, Nguyễn Văn Thông, Thanh An.

Thơ: Trần Đăng Hồ, Vạn Giả, Ngô Nguyên Dũng, Lâm Hào Dũng (3), Nguyễn Mạnh An Dân, T.T. Mây Trên Ngàn (3), Minh Tuấn (3), Nguyễn Hải Hà (2), Đặng thị Quế Phượng, Văn Thanh, Huỳnh Liễu Ngạn (3), Đông Vũ (5), Phạm văn Duyệt (4), Nguyễn Văn Thảo (3), Việt Cường (2), Nguyễn Văn Ngọc, Thúy Sơn, Minh Quang (4). Việt Phương,

Nguyễn Thơ (2), Như Thanh, Sông Xanh (3), Lê Khắc Vĩnh (6).

Tranh: Ba Bui

Nhạc: Hoàng Xuân Lộc.

BÀI SẼ ĐĂNG

Văn: Lối qua nghĩa địa (TTMV), Dưa mạn thuyền rồng (TVT), Hình ảnh mẹ Theresa (VS), Dế mèn (QNT), Con mèo xấu xí (NVT), Ba sao giữa trời (HPL).

Thơ: Đôi khi sâu tới rồi đi (NND), Ta và em, Hối, Nụ hôn, Đêm, Tự bạch (ĐV), Thơ NVN, Không tên (NHH), Tiếp thêm nhánh củi (MT), Mùa ơn phước quê người, Dấu yêu (TTMTN), Thơ ĐTQP, Bản khoán là lúc, Hạnh bờ tát, Gã tỳ kheo đau yếu (LHD), Lạc dòng (VG), Chút thân huyền mộng, Tiền kiếp (HLN), Mồ phần (VP).

Tranh: Ba búi.

CHIA BUỒN

Được tin trẻ:

Cụ NGUYỄN VĂN PHƯỚC

nhạc-phụ của văn-hữu Hoàng Chính

đã từ trần ngày 6 tháng 3 năm 1993
tại Kitchener, Ontario, Gia-nã-đại, hưởng thọ
63 tuổi.

Xin thành thật chia buồn cùng anh
chị Hoàng Chính; kính chúc hương linh cụ
ông sớm về lạc cảnh.

Văn Bút Việt Nam/Ontario
Tòa-soạn Làng Văn
Văn-phòng Tự-Do Montréal

CHIA BUỒN

Được tin trẻ:

Anh NGUYỄN THANH VÂN

bút danh Trần Quang

hội viên Văn Bút Việt Nam/Ontario

đã từ trần hôm 19 tháng 3 năm 1993 (nhằm
ngày 27 tháng 2 năm Quý Dậu) tại Toronto,
hưởng thọ 67 tuổi,

Thành thật phân ưu cùng chị Nguyễn
Thanh Vân và quý tang quyến, xin cầu nguyện
cho hương linh người quá cố được siêu thoát
miền Cực Lạc.

Văn Bút Việt Nam/Ontario

CẢM TẠ

Chúng tôi chân thành cảm tạ:

- Hòa-thượng Thích Tâm Châu
và chư vị Đại-đức Tổ-đình Từ Quang
- Ông Hội-trưởng Hội Phật-giáo Liên-Hoa
- Hội Phật-giáo Liên-Hoa
- Ban Pháp-hoa chùa Liên Hoa
- Ban Hộ-niệm chùa Liên Hoa
- Hội Cao-niên thân-hữu
- Hội Ái-hữu Dược-sĩ Việt-nam tại Québec
- Liên-đoàn Hướng-dạo Việt-nam (Montréal)
- Tòa-soạn *Làng Vãn*

cùng toàn-thể thân bằng quyến-thuộc đã tận-tình giúp-đỡ, phân-ưu, thăm viếng, an-ủi, tụng-niệm, cầu-siêu và tiễn-đưa đến nơi an-ủi cuối cùng

vợ, chị, mẹ, nội, ngoại chúng tôi là

Cụ Bà NGUYỄN ĐỨC KIM
khê-danh ĐỖ THỊ HIỂN
Pháp-danh DIỆU MỸ

tạ thế ngày mùng 01 tháng 3 năm 1993
(nhằm ngày mùng 9 tháng 2 năm Quý Dậu) tại
Montréal, hưởng thọ 70 tuổi.

Trong lúc tang-gia bối-rối, có nhiều điều sơ-xuất, kính xin quý vị niệm tình tha thứ.

TANG GIA ĐỒNG BẢY TẠ:

Chồng: Nguyễn Đức Kim

Em chồng: Nguyễn Đức Chung

Các con:

- Nguyễn Đức Khánh, vợ và các con
- Nguyễn Đức Thanh và vợ
- Nguyễn Đức Kính, vợ và các con
- Nguyễn thị Kim Loan, chồng và các con
- Nguyễn Đức Minh và vợ
- Nguyễn thị Cẩm Vân và chồng.

CẢM TẠ

Chúng tôi chân-thành cảm tạ:

- Ông Nguyễn Trung Thoại
- Dòng Nữ tu Đức Mẹ, London
- Sư-cô Chơn Thành và quý vị trong
ban Hộ-niệm, Niệm Phật Đường London
- Hội Thánh Tin Lành Việt-nam, Toronto
- Hội Thánh Tin Lành Việt-nam, Scarborough
- Hội Thánh Tin Lành VN, Đông Nam Toronto
- Hội Thánh Tin Lành Việt-nam, Downsview
- Hội Thánh Tin Lành Việt-nam, London
- Nhóm cầu-nguyện Malton
- Hội Ái-hữu cựu Sinh-viên
Quốc-gia Hành-chánh Montréal
- Hội Người Việt London
- Nhân-viên Bệnh-viện St. Joseph, London
- Nhân-viên Bệnh-viện Nhi-đông, Toronto
- Nhân-viên John Robert Research Institute London
- Nhân-viên Pratt & Whitney, Montréal
- Nhân-viên Pratt & Whitney, Toronto
- Tạp-chí *Làng Vãn*

cùng quý thân-hữu, thân bằng quyến-thuộc đã cầu-nguyện, giúp-đỡ, phúng-điếu: bằng thư, bằng điện-thoại, an-ủi và chia buồn cho:

chồng, cha, nội chúng tôi là

Ông DƯƠNG QUANG HƯỜNG
(ĐỐC-SỰ HÀNH-CHÁNH)

đã tạ-thế ngày 22 tháng 03 năm 1993 (tức
ngày 02 tháng 2 năm Quý Dậu) tại London, Ontario,
Canada, hưởng thọ 66 tuổi.

Trong lúc tang-gia bối-rối có điều gì sơ-xuất
xin niệm tình tha-thứ.

TANG-GIA ĐỒNG CẢM TẠ:

- Vợ, bà quả-phụ: Dương Quang Hường
khê-danh Nguyễn thị San San
- Trưởng nam: Dương Quang Lộc, vợ Trần thị
Thanh Hằng và con Dương Bội Trân (Montréal)
- Thứ nam: Dương Quang Phúc (Ottawa)
- Thứ nam: Dương Quang Hạnh, vợ Nguyễn thị
Tuyết Vân và con Dương Nguyễn Vivi Ân (Toronto)
- Thứ nam: Dương Quang Đức (Montréal)
- Thứ nam: Dương Quang Hảo (Montréal)
- Thứ nam: Dương Đức Hiền và vợ Đoàn Bích Vân
(Toronto)
- Thứ nữ: Dương thị Đài Trang (London, Ontario)

Xem một lần rồi sẽ yêu thích mãi mãi...

tuyệt-phẩm
PARIS
BYNIGHT
20

Điều-khiển chương-trình:
Nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn
Ca-sĩ Diễm Châu

Giá 22\$ / 1bộ 2 cuốn
luôn cước-phí

xin liên-lạc: **THUY NGÀ**
Mỹ & Canada:
P.O. Box 2174
Westminster, CA 92683, USA
Tel. (714) 893-2860
Fax (714) 891-9673

Âu-châu:
44 Ave. D'Ivry
75013 Paris, France
Tel. 45 83 34 30

Úc:
323 Chapel Rd.
Bankstown, NSW 2200
Australia
Tel. (02) 796-7227

- . Nhiều mục trình-diễn mới lạ, dân ca, tình ca, song ca, tam ca, tứ ca.
- . Ánh-sáng tuyệt-vời muôn màu muôn sắc
- . Cảnh trí đặc-biệt thay-đổi mới
- . Một sự góp mặt ngàn năm một thuở của hàng chục ca-sĩ thượng-thặng, danh tiếng lẫy-lừng

DUY TRÁC (lần đầu-tiên) - **KHÁNH HÀ**

ái vân - ý lan - hương lan - dalena -
phi khanh - lưu bích - như mai -
phương hồng quế - trang thanh lan -
mỹ lan - ái thanh - duy quang - elvis
phương - tuần ngọc - chế linh - don
hồ - anh khoa - quang bình - thái châu
magic band - anh tuần - quốc sĩ - quốc
tuần - lê hoàng ý nhi - kymberley

NGÀY XƯA, Ở
QUÊ-HƯƠNG TÔI
Sách song-ngữ Việt Anh,
Trần Văn Điền
8MK - 11GK

NGÀY XƯA QUÊ MẸ
Tuyển tập truyện ngắn
Phạm Việt Quý
10MK - 13,50GK

NGHỆ-THUẬT PHA NẤU
MÓN ĂN TRUNG-HOA
Sách gia-chánh,
Quỳnh Bích Châu
8.50MK - 12GK

NGƯỜI CON TRAI TRƯỚC
TUỔI THÀNH NHÂN
5,50MK - 7,50GK

NGƯỜI VỀ
Tập truyện ngắn,
Trần Thị Diệu Tâm
12MK - 16GK

NHÂN-TƯỚNG HỌC
Kiến-thức phổ-thông
16MK - 21,50GK

NHỮNG NGÀY MUỐN QUÊN
Ghi-nhận thời-sự chính-trị của
Đoàn Thêm
18MK - 24,50GK

NƯỚC SINH-TỐ TƯƠI VÀ
SỨC KHOẺ
Kiến-thức phổ-thông
12MK - 16GK

OPPOSITES
Sách thiếu-nhi, song-ngữ Anh
Việt, Kaiti Teague
6MK - 8GK

PEACE AT LAST
Sách song-ngữ Anh Việt,
Jill Murphy
18MK - 24,50GK

PHẠM QUỲNH, TUYỂN-TẬP
VÀ DI-CẢO
17MK - 23GK

QUÊ
Võ Phiến
6MK - 8GK

SA-TÀNG DIỆU-DÀNG
Truyện dài, Lệ Hằng
14MK - 19GK

SA-TÀNG VẪN CÒN SỐNG
12MK - 16GK

SÓNG BẠC ĐẦU
Đào Văn Bình
10MK - 13,50GK

STREAMLINE
Sách kèm băng học Anh-văn,
trộn bộ 16 cuốn và 12 băng
120MK - 162GK

SỰ TÍCH CON CHIM
BÌM BỊP
Sách song-ngữ Anh Việt, Trần
Văn Điền
8MK - 11GK

TÀI-NĂNG CỦA CHÚ RỪA
Sách song-ngữ Anh Việt
12MK - 16GK

TÀI NÓI TIẾNG ANH
Đỗ Văn
5,50MK - 7,50GK

TẮM CẨM
Truyện thiếu-nhi của Nguyễn
Thị Nhuận, Nguyễn Thị Hợp
minh-họa
8MK - 11GK

TIẾNG ANH THỰC-DỤNG
Nguyễn Tế Thế
6MK - 8GK

TÌM HIỂU MẶT TRĂNG
Kiến-thức phổ-thông
6MK - 8GK

TÌM VỀ GẶP-GỠ
Tuyển tập truyện ngắn của Hoàng
Quý
7MK - 9,50GK

TÌNH NGHĨA THẦY TRÒ
Tập truyện ngắn, Sĩ Liêm
12MK - 16GK

TÌNH NGƯỜI
Tuyển-tập 16 truyện ngắn hay
nhất của 15 tác-giả danh-tiếng
Na-uy, Dương Kim dịch
10MK - 13,50GK

TÌNH YÊU
Sách tâm-lý giáo-dục,
Nguyễn Thi
10MK - 13,50GK

THẠCH-KIỆM I, II, III, IV
Truyện dài thiền-học kiếm-đạo
Nhật-bản của Tự Tĩnh
Mỗi cuốn 15MK - 20GK
(Trộn bộ 56MK - 76GK)

THEO NHỊP DÒNG ĐỜI
Tập truyện ngắn, Hà Bình Trung
10MK - 13,50GK

TRĂNG MUỐI SÁU
Truyện dài của Nhã Ca
12MK - 16GK

TỰ HỌC TIẾNG ANH
CẤP-TỐC
Sách và băng học tiếng Anh,
Nguyễn Văn Khôn
20MK - 27GK

TỰ HỌC TIẾNG PHỔ-THÔNG
TRUNG-HOA
Dương Hồng
7MK - 9.50GK

TUYẾT KHA
Truyện dài của Quỳnh Dao
12MK - 16GK

TỰ TRUYỀN
ĐỨC ĐẠT-LAI LẠT-MA
Sách Phật-học
14MK - 19GK

TỪ KHÁM LỚN TỚI CÔN-
ĐẢO
Hồi-ký lao-tù của An Khê
10MK - 13,50GK

TỬ-VI DƯỚI MẮT
KHOA-HỌC
Biên-khảo, Vũ Thiên
11MK - 15GK

VẦN VIỆT-NGŨ LỚP I
Sách học tiếng Việt
6,50MK - 9GK

VĂN-PHẠM ANH-NGŨ
THỰC-HÀNH
Trần Văn Điền
13MK - 17,50GK

VẦN VIỆT-NGŨ LỚP II
Sách học tiếng Việt
7MK - 9,50GK

VẾT THƯƠNG
Tuyển tập truyện ngắn
Sơn Tùng
10MK - 13,50GK

VẾT THƯƠNG VẪN MỞ
Tuyển tập truyện ngắn
Phùng Nhân
12MK - 16GK

VIẾT CHO NGƯỜI TÌNH
Thơ Thúy Trúc
9MK - 12GK

VIỆT-NAM CHÍNH SỬ
Nhận-dịnh
Nguyễn Văn Chức
20MK - 27GK

VĨNH BIỆT TÌNH EM
Tuyển tập truyện ngắn
Bùi Tĩnh
10MK - 13,50GK

VỤ ĐÔNG XUÂN
Bút-ký của Triệu Phổ
8MK - 11GK

VUI BUỒN NGHỀ-NGHIỆP
Tập bút của Phạm Thăng
và nhiều tác-giả
14MK - 19GK

XÓM CŨ
Tuyển truyện quê-hương
Phạm Thăng
12MK - 16GK

Quyền-lợi của độc- giả dài hạn Làng Văn (có mã-số):

- Mua dưới 100 mỹ-kim
(135 gia-kim): được bớt 10%.
- Mua trên 100 mỹ-kim
(135 gia-kim): được bớt 15%.
- Mua trên 500 mỹ-kim
(675 gia-kim): được bớt 30%.

Giá sách trên đây bao
gồm cước phí (đường thủy,
bộ) và thuế dịch-vật (cho
độc-giả cư-ngụ tại Gia-nã-
đại).

Thư-từ, chi-phiếu xin đề:
LÀNG VĂN
P.O. Box 218, Station "U"
Toronto, Ont. M8Z-5P1
Canada

* Lưu-ý: Riêng độc-giả
tại Đức có thể gửi thư đặt
mua sách và chi-phiếu (bằng
tiền Đức) về văn-phòng Làng
Văn tại Đức, và nhận sách
gửi trực-tiếp từ Gia-nã-đại.
Thư và chi-phiếu xin đề:
Ngô Việt Dũng
Postfach 104122
4600 Dortmund 1
(Điện-thoại: 656-949)

Về cách tính thành tiền
Đức, xin lấy giá mỹ-kim,
nhân cho 1.5 (bao gồm cả
cước-phí, đóng gói, v.v.)

TRƯỜNG THI KIM ANH
NORWAY

Đã phát-hành khắp nơi

Trọn bộ 4 cuốn, tổng-cộng 1412 trang

**TIỂU-THUYẾT THIỀN-HỌC KIẾM-ĐẠO NHẬT-BẢN
VIẾT VỀ CUỘC ĐỜI ĐẠI KIẾM-KHÁCH
MIYAMOTO MUSASHI**

*Thạch kiếm vạch ra con đường cam-go của thiền-đạo,
khuyến-khích trau-giỏi nghị-lực nội-tâm bằng sự tiết dục,
phát-huy tình-yêu thiên-nhiên.*



Giá mỗi cuốn: 15 mỹ-kim

Trọn bộ: 60 mỹ-kim

HỎI TẠI NHÀ SÁCH GẦN NHẤT, HOẶC LIÊN-LẠC:

LÀNG VĂN

P.O. Box 310 Station "W", Toronto, Ontario M6M 5B9, Canada